

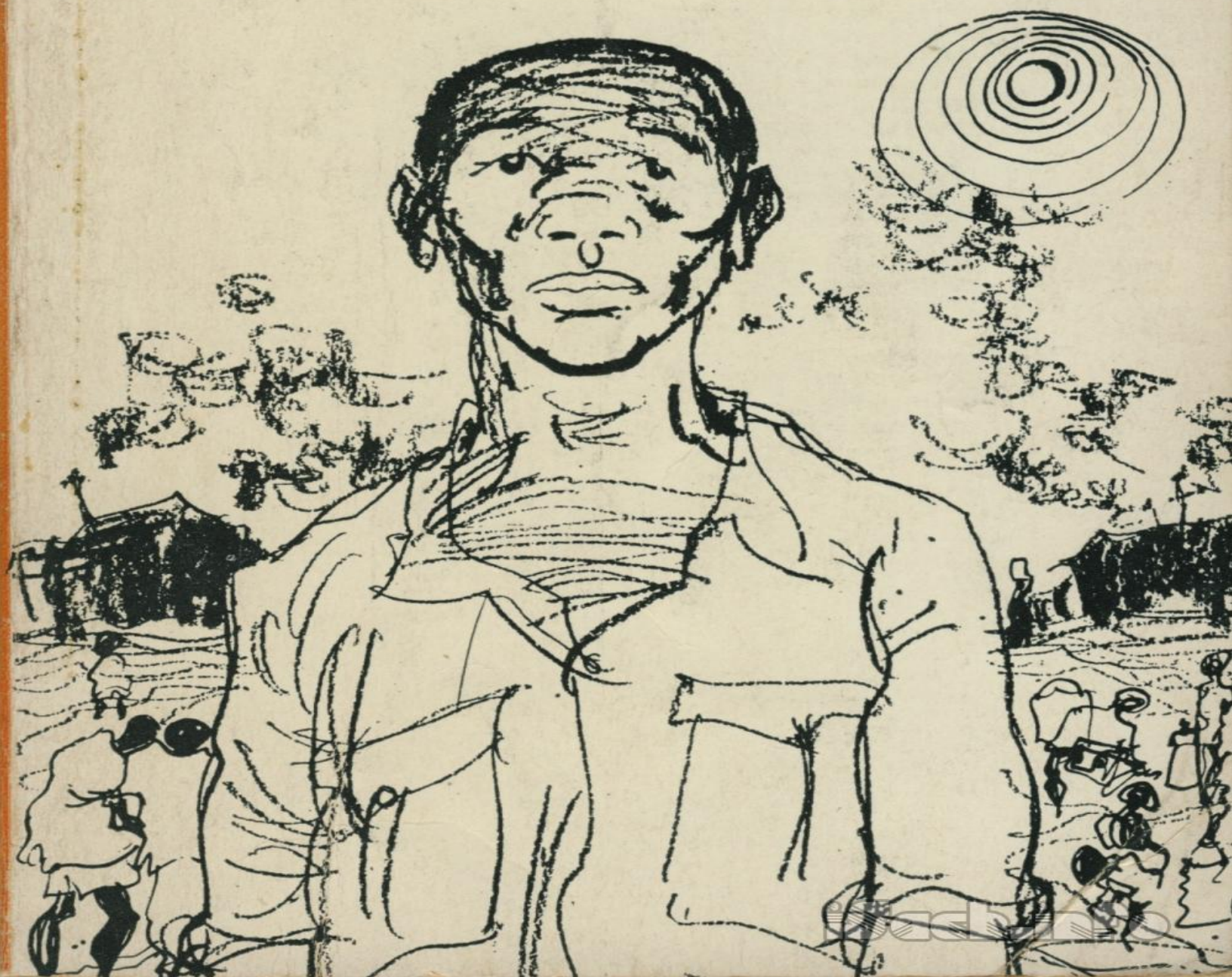


a Penguin Book

65c

Cry, The Beloved Country

Alan Paton



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

[TỰA](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Cuốn Hai - Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[CUỐN BA - Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU!

Quê hương yêu dấu, đây là xứ Nam Phi của các dân tộc Bantu, Soxa...đã trên ba thế kỷ nay sống điêu đứng, tủi nhục, căm thù và sợ sệt dưới sự đàn áp dã man kinh khủng của bọn thực dân Hòa Lan và Anh, đã man tới chính một người Âu, ông W.W. Howitt, trong cuốn ***Colonisation and Christianity*** (Londres 1838) đã phải phẫn uất thốt lên rằng: “ Trên khắp thế giới, từ cổ tới kim không có một dân tộc nào đối xử với một dân tộc bị chinh phục lại mọi rợ, thô bạo, tàn nhẫn và đáng phỉ hổ như những dân tộc tự cho là theo Ki Tô giáo đó ”(1)

Bắt đầu là năm 1652. Ba chiếc tàu của công ty Đông Ấn Hòa Lan chở chừng hai trăm người Hoà Lan ghé Table Bay ở Hảo vọng giác (mỏm cực nam của Phi Châu), để dựng ở đó một căn cứ nghỉ ngơi và tiếp tế thức ăn nước uống cho các tàu buôn hương liệu trên con đường từ Amsterdam qua Viễn Đông.

Đất cát phì nhiêu, khí hậu mát mẻ, bọn định cư đó làm ăn phát đạt, không chịu sự chi phối của công ty nữa, tách ra khỏi mẫu quốc, chế tạo lấy những thứ cần thiết và chỉ dùng mỗi cuốn Thánh Kinh để dạy con cháu. Người ta gọi họ là bọn Boer. Ngôn ngữ của họ lần lần biến đổi gồm thâu nhiều tiếng Nam Phi, chỉ còn lơ lơ cái giọng Hòa Lan, tới thế kỷ XIX, thành một ngôn

ngữ riêng, tiếng Afrikaans, và người ta không gọi họ là người Boer nữa, mà gọi là người Afrikaner.

Từ Hảo vọng giác, họ chiếm lần đất đai, ăn sâu vào nội địa như tầm ăn dâu, đàn áp, tàn sát các thổ dân Hottentot, Bushmen.

Một nhóm người mà muốn làm chúa tể một khu đất mênh mông xa mầu quốc, ở chân trời góc bể như vậy, tất nhiên phải đoàn kết với nhau, bảo tồn truyền thống, phong tục, sống tách biệt với người bản xứ, và tinh thần kỳ thị chủng tộc phát sinh từ đó: họ coi người bản xứ là dã man, chỉ đáng làm nô lệ cho họ thôi. Để biện hộ cho thái độ kỳ thị đó, họ cho rằng Thượng Đế đã sinh ra giống người da trắng, và giống người da đen thì dĩ nhiên là Ngài tán thành những hành động nào, có mục đích ngăn cản bước tiến của người da đen. Thậm chí (họ) còn qui cho Ngài cái ý tạo ra người da đen để cưa củi và xách nước cho người da trắng nữa.

Nhưng tới năm 1814, Hòa Lan nhường thuộc địa Hảo Vọng giác (Cape Colony) cho Anh, thời vàng son của họ kết thúc. Họ phải bỏ phía Nam tiến lên phương Bắc, tính lập một quốc gia khác, sau khi đàn áp được thổ dân Bantu. Dĩ nhiên người Anh theo bèn gót họ, nhất là khi tìm được mỏ vàng và kim cương, gây ra một cuộc chiến tranh tàn khốc, trong sử gọi là chiến tranh Boer (1899 – 1902). Người Anh thắng và Liên bang Nam Phi được thành lập năm 1910, gồm cả người Anh và người Boer, lúc này gọi là người Afrikaner; hai ngôn ngữ được cho là chính thức: tiếng Anh và tiếng Afrikaans. Năm 1961 liên bang đó thành một nước Cộng hòa gồm bốn xứ: Transvaal, Natal, Cap, Orange. Diện tích được 1.220.000 cây số vuông, kinh đô là Pretoria; châu thành lớn nhất là Johannesburg. Dân số năm 1966 được 18 triệu gồm:

3,4 triệu người da trắng (non 19%)

12,3 triệu người da đen (non 68%)

0,6 triệu người châu Á (non 3%)

1,7 triệu người lai (non 10%)

Vậy người da trắng chiếm không đầy một phần năm tổng số dân. Trong số người da trắng, người Afrikaner chiếm non 6 phần 10 (còn 4 phần 10 kia là người Anh và các kiều dân Âu), nghĩa là so với tổng số dân thì họ chiếm khoảng 3 phần 100. Nhưng vì đông hơn người Anh, nên họ đóng vai trò quan trọng trong chính sách của Nam Phi.

Chính sách đó là chính sách kỳ thị chủng tộc, mà kế hoạch là kế hoạch phân cách (Apartheid)

Từ hồi thành lập đảng Quốc Gia năm 1912 (quốc gia của người da trắng dĩ nhiên, vì người da đen không có một địa vị gì cả trên quê hương của mình) chủ trương tách xa khỏi mầu quốc Anh, rồi tổ chức một giáo hội mới năm 1933, giáo hội cải cách Hòa Lan, giải thích Thánh kinh

theo một lối mới hợp với chính sách của họ, thì phong trào kỳ thị chủng tộc cho tới nay chỉ mỗi ngày mỗi tăng chứ không giảm, bất chấp những lời cảnh báo của Liên Hiệp Quốc, bất chấp sự phỉ hổ của nhân loại.

Liên tiếp trong mấy nội các của Malan (1948 – 1954), Strijdom (1954 – 1958), Verwoerd (1958 – 1966) ông này bị ám sát năm 1966. Vorster (1966 -), sự phân cách chủng tộc đã thành một quốc sách được thi hành triệt để.

Người kỳ thị da đen hăng nhất là thủ tướng Malan. Ông ta vốn là một mục sư Tin Lành, có hồi học ở Đức, được thấy Hitler lên cầm quyền và coi cuốn Mein Kampf (Cuộc chiến đấu của tôi) của Hitler là sách gối đầu, rồi sau áp dụng chính sách của Đức Quốc Xã cả về lý thuyết lẫn thực hành.

Về lý thuyết ông ta và đảng Quốc Gia tức hầu hết là người Afrikaaner hoàn toàn tin rằng bạch chủng cao quý hơn hắc chủng. Chỉ có một số rất ít mà họ gọi là “ hạng bất lương ” mới nghi ngờ chân lý khách quan đó, luật tự nhiên của trời đó mà bọn đó không đáng kể. “ Vậy bạch chủng là giống người mà Thượng Đế phú cho những đức cao quý, phải lãnh cái thiên chức truyền bá văn minh châu Âu và đạo Ki Tô để dìu dắt người da đen trên con đường thịnh vượng và hạnh phúc. Vì chỉ có người da trắng mới làm tròn được thiên chức đó, mà muốn làm tròn thì phải đừng lai giống, nên họ giữ gìn cho khỏi bị lai tỏ ra nghiêm khắc, không có tình huynh đệ gì với người da đen cả. Giữ nước da trắng của mình chẳng những là bổn phận đối với chính họ, mà còn là bổn phận đối với người da đen nữa ” (2)

Đúng là giọng điệu của Hitler. Chỉ khác Hitler là Malan không cất những lò thiêu Dachau, Auschwitz mà để cho người da đen được sống tui nhục điều đứng trên quê hương của họ. Có thể nói cả Nam Phi là một cái *ghetto* khu tập trung vĩ đại cho người da đen, và trong *ghetto* ấy họ thỉnh thoảng bị cảnh *pogrom* (hành hung), y như người Do Thái ở Ba Lan, Nga ngày trước.

Muốn gìn giữ cho khỏi bị lai, mà lại không thể diệt hết giống da đen được thì chỉ có cách dựng lên hàng rào màu da (Colour bar), nghĩa là dùng kế hoạch phân cách (Apartheid). Họ lý luận như vậy: đã không thể sống chung với nhau được, như vậy lần lần sẽ bình đẳng mất, sẽ lai giống mất, thôi thì sống tách biệt nhau ra: cách biệt về lãnh thổ và cách biệt về chính trị. Người da trắng sẽ sống trên khu vực người da trắng, người da đen trên khu vực người da đen; người da trắng sẽ nắm hết quyền hành về chính trị, tuyệt nhiên không cho người da đen dự vào, đại diện cho người da đen ở Quốc Hội phải là người da trắng. Có như vậy người da trắng mới thực hiện được sứ mạng cao quý của mình; mới duy trì được màu da bảo vệ và phát huy được nền

văn minh da trắng “ nền văn minh Ki – Tô giáo ”. Họ tự hào về kế hoạch phân cách đó thực là vẻ vang (Honorable apartheid) đáng được cả thế giới tôn trọng.

Để thực hiện kế hoạch đó họ:

Chia đất, chiếm hết 88% đất đai, dĩ nhiên là những miền phì nhiêu nhất. Chỉ để lại cho người da đen và người lai 12%, mà dân số của họ chỉ có 10%, còn dân số của người da đen và người lai tới 78%.

Tất cả những tài nguyên về mỏ: mỏ than, mỏ sắt nhất là mỏ kim cương ở Kimberley, mỏ vàng ở Witwatersrand, dĩ nhiên cũng về họ nữa.

Đặt ra không biết bao nhiêu luật lệ cực kỳ phiền toái để đàn áp, kiểm soát người da đen, in thành một cuốn sách dày tới ba trăm trang, mục đích là để bất kỳ lúc nào muốn bắt giam bất kỳ một người da đen nào cũng được. Người ta đã làm thống kê, chỉ nội trong một năm, có 968.000 vụ bắt bớ và 891.800 vụ xử phạt người da đen riêng về phạm luật thông hành trên tổng số dân da đen hồi đó là 5.000.000, nghĩa là cứ ba người da đen thì có một người bị phạt hoặc bắt giam. Đại cương luật đó mà họ gọi là *Pass Law* như sau: người da đen phải luôn luôn đem theo mình giấy thuế thân (y như chúng ta hồi Pháp thuộc), giấy chứng nhận có công ăn việc làm, giấy chứng nhận có nhà ở, giấy được chủ sở cho phép ra khỏi trại (nếu làm trong các mỏ), giấy cho phép cư trú....Nếu thiếu một tờ giấy nào thì sẽ bị coi là phạm tội nặng.(3)

Tôi xin kể thêm một vài luật nữa

Luật về khu vực của các nhóm người (Group Areas Act). Theo luật này, bộ trưởng bộ Nội Vụ có thể bất kỳ lúc nào bắt cả một cộng đồng da đen dỡ nhà cửa, đất cát của tổ tiên đã cấy cày từ cả chục đời trước, mà di cư lại một miền khác do chính phủ chỉ định. Luật đó cực kỳ tàn nhẫn, làm cho mười mấy triệu người da đen lúc nào cũng lo ngay ngáy phải bỏ hết của cải, đất đai công việc làm ăn mà cuốn gói ra đi. Nhất là hàng vạn người da đen và người lai Á (vì luật áp dụng vào hết cả các người không phải gốc Âu) đã có một nghề sinh sống ở châu thành, có thể nhất đán bị đưa tới một nơi không có cách nào sinh nhai được.

Luật bảo hiểm thất nghiệp (Unemployment Insurance act) năm 1946. Chỉ do một chữ ký của nhà cầm quyền, nhất đán tất cả những công nhân bản xứ nào mà tiền công hằng năm không đầy 182 bảng (họ là đa số), sẽ phải nghỉ việc, không được làm việc nữa, vì người da trắng cho rằng họ không đủ tiền đóng bảo hiểm chẳng? Như vậy là họ cấm thợ dờ làm việc, nhưng một mặt khác, do luật về các thợ xây cất bản xứ (Native Building worker act) họ lại cấm những thợ da đen giỏi làm những công việc xây cất có tính cách mỹ thuật. Tóm lại là họ chỉ muốn cho

người da đen làm cái hạng tôi tớ tạm dùng được cho họ thôi.

Ngoài ra còn có những luật lệ về hàng rào màu da nữa. Đâu đâu cũng có sự phân cách, từ chỗ ở, tới công viên, xe cộ chở chuyên, đường, giáo đường, trường học, khách sạn cửa hàng, phòng giấy, nghĩa địa. Người da đen không được vào những công viên, ngồi trên những cái ghế dành cho người Âu (Europeans only), không được dùng thang máy sợ làm nhơ nhuốc người da trắng, nhưng nực cười thay người ta vẫn dùng họ để điều khiển thang máy. Trên máy bay của công ty Hàng không Nam phi, những áo gối và mền cho hành khách không phải là người Âu đều phải đánh dấu bằng một miếng thẻ đỏ để khỏi lẫn lộn khi đem giặt. Mà giặt thì phải dùng một cách riêng để “tẩy ố”. Các nhà thể thao da màu ở nơi khác không được so tài ở Nam Phi. Ngay bọn người lai cũng bị cự tuyệt hẳn, không được sống chung với người da trắng, người da trắng không còn được cưới một thiếu nữ lai nữa. Thành thử 1,7 triệu người lai sống chơi vơi không biết dựa vào đâu, bị cả người da trắng lẫn da đen hắt hủi, khinh bỉ.

Chính sách kỳ thị và kế hoạch phân cách đó làm cho người bản xứ mất đất đai, mất những quyền căn bản của con người, không được học hành nhất là học nghề, bộ lạc mỗi ngày một tan rã, con người mỗi ngày một trụy lạc. Họ bị nô lệ hóa theo lối mới chỉ có cách làm đầy tớ mãi kiếp cho người da trắng.

Bốn phần năm dân chúng mà chỉ chiếm được một phần mười đất đai, những đất bỏ đi, không được dạy dỗ cách canh tác, không được hưởng một kế hoạch cải thiện nông nghiệp nào cả (ít nhất trước năm 1950), cho nên mỗi ngày họ một nghèo đói, vì đất đai mỗi ngày một cằn cỗi, bị mưa xối hết đất màu mỡ, bị bò gặm hết cây cỏ, chỉ còn trơ lại đá dưới ánh nắng cây cỏ.

Người da trắng cố tình bỏ đói họ như vậy để buộc họ phải bỏ nhà cửa, làng xóm vào làm cu li trong các đồn điền hoặc các mỏ.

Nhiều thung lũng trước kia mơn mớn, nay hóa trụi khô, chỉ còn các ông già bà cả, đàn bà và con nít sống lây lất để chờ chết. Ở khu Umata, trên 2.000 trẻ em mà chỉ có 4% được biết mùi thịt, 50% được ăn rau còn thì toàn ăn bắp, mà 80% trẻ em đi học chỉ được ăn có một bữa một ngày. Chính sách diệt chủng một cách từ từ thực tàn nhẫn không kém chính sách lò thiêu của Hitler. Vì vậy bao nhiêu thanh niên cường tráng đều làm cu li hết. Năm 1949, 2.250.000 người da đen làm cu li trong các trại ruộng; họ được nuôi cơm và mỗi tuần được lãnh 10 si linh. Trại nào thiếu nhân công, chính quyền cung cấp cho một số người da đen tội nhẹ, chủ đồn điền cứ việc đem xe lại, lừa họ lên xe, chở về đồn điền, bắt làm quần quật và cuối tháng trả tiền lương cho chính phủ (9 pe-ni một ngày), chứ không phải cho họ.

Mặc dù dùng tới biện pháp đó mà có nơi nhân công vẫn không đủ, chính quyền Nam Phi nghĩ

ra cách đánh thuế thật nặng, không phải để có tiền chi tiêu, mà để dân da đen muốn có tiền đóng thuế thì phải làm cu li cho người da trắng, mà đời sống gia đình, đời sống bộ lạc họ bị tan rã.

Lạ lùng nhất là thuế đánh vào chó. Bộ lạc Bondel ở miền tây nam Nam Phi sống về nghề chăn nuôi và săn sơn dương, vì vậy họ phải luyện tập một giống chó rất khôn. Muốn bắt họ làm cu li trong các đồn điền da trắng để lãnh số tiền chết đói là 10 si-linh một tháng, năm 1921 chính quyền đặt ra thứ thuế chó: một con chó mỗi năm đóng một bảng (nghĩa là bằng hai tháng tiền lương của họ), hai con chó, mỗi năm phải đóng 2 bảng 10 si-linh: bốn con chó, mỗi năm đóng 7 bảng; năm con chó, mười bảng...cứ như vậy mà lũy tiến. Nghĩa là một người Bondel làm quần quật suốt năm không đủ đóng thuế cho con chó! Thực là khắp cổ kim đông tây, không có một chính sách nào tàn nhẫn bằng (4)

Vô làm cu li trong các mỏ vàng, mỏ kim cương, dân bản xứ còn tủi nhục hơn nữa, hơn bọn phu đồn điền cao su của ta thời Pháp thuộc. Họ phải ký giao kèo làm 12 hoặc 14 tháng, nếu chưa hết hạn mà trốn đi thì bị tội rất nặng. Họ phải từ biệt vợ con mà một mình vô sống trong trại dưới sự giám thị của một tên cặp răn da trắng tàn nhẫn. Vô trại rồi thì cũng như vô khám, hoàn toàn tách biệt với thế giới, muốn ra ngoài phải có giấy phép của giám đốc sở mỏ. Họ phải nằm trên nệm rơm trải trên nền xi măng. Họ được nuôi nấng và mỗi tháng lãnh hai bảng, nhưng tiền xe từ quê hương họ lại mỏ, tiền giày, mền, người ta bắt họ chịu, trừ lần vào tiền lương của họ và đa số mãi giao kèo, không để dành một đồng nào dành cho vợ con. Tại nhiều mỏ người ta nghi ngờ phu mỏ nuốt vàng hoặc kim cương, nên bắt họ phải uống thuốc xổ trước khi ra ngoài phố nửa ngày hay một ngày. Dĩ nhiên họ còn bị lục soát tỉ mỉ rồi mới được rời trại.

Chính sách dã man tàn khốc đó, làm cho Nam Phi thành một nhà khám mênh mông nhất hơn 12 triệu dân da đen thành cái xứ của tù đầy, phạm pháp và sợ hãi. Từ da trắng tới da đen mọi người đều ngày đêm lo lắng hồi hộp. Người da đen thì lo không có đủ tiền đóng thuế, lo thất nghiệp, lo bị nhốt khám, bị bắt buộc di cư qua một miền khác; còn người da trắng thì lo bị bọn da đen hành hung, ám sát. Đói quá, bị áp bức quá, bộ lạc và gia đình tan rã, người ta có lúc phẫn uất lên, nổi điên lên còn nghĩ gì tới sinh mạng của mình và của người. Cho nên rất nhiều người da trắng vừa sấm tối là đóng cửa cài then, không dám ra khỏi nhà. Họ sợ cho hiện tại không bằng sợ cho tương lai, họ là thiểu số, một ngày kia tất cả người da đen biết đoàn kết với nhau nổi dậy đuổi họ, tàn sát họ thì họ chống cự thế nào? Bọn người Anh thì có thể trở về mẫu quốc được, còn bọn người Afrikaner, đã không còn mẫu quốc, tiếng Hòa Lan, cả chục thế hệ rồi không còn nói nữa, thì mới biết đi đâu? Mà cái ngày đó sớm muộn rồi cũng tới, vì cả Châu Phi

lúc này đương ngừng đầu lên rồi, ở phía bắc sông Limpopo, tức là từ Nam Phi trở lên, cả trăm triệu người da đen đã đòi quyền sống hiên ngang trên đất đai tổ tiên họ rồi đấy.

Một số ít người da trắng ở Nam Phi một phần vì có lòng trắc ẩn đối với người da đen, một phần vì biết nhìn xa, nhận định được tương lai ghê gớm đó, nên chống lại chính sách kỳ thị của đảng Quốc Gia, như thống chế Smuts, người thua Malan năm 1948, các nghị sĩ quốc hội Friedman, Kentrige, Barlow...một số đại diện cho dân bản xứ (người da đen được bầu đại diện nhưng đại diện của họ phải là người da trắng) ở lưỡng viện như Ballinger, Brookes. Hết thấy họ đều ở trong đảng Thống Nhất, đảng đối lập với đảng Quốc Gia luôn luôn nắm chính quyền trong hai chục năm nay. Nổi nhất trong bọn họ là cặp bạn thân thiết Jan F. Hofmeyr và Alan Paton tác giả cuốn *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* này.

Alan Paton sanh năm 1903 ở Pietermaritzburg trong xứ Natal (Nam Phi). Thân phụ ông là người Tô Cách Lan tới Nam Phi làm công chức hồi chiến tranh Boer sắp phát; thân mẫu ông gốc gác Anh, nhưng tổ tiên bà đã lập nghiệp ở Nam Phi. Alan Paton học ở trường đại học Pietermaritzburg, chuyên về khoa học nhưng được di truyền của cha, thỉnh thoảng cũng làm thơ. Năm hai mươi một tuổi mới về thăm nước Anh.

Ở đại học ra, ông viết hai tiểu thuyết rồi xé bỏ, và làm thơ, viết tiểu luận đăng báo; nghề chính của ông là dạy học trong những trường cho những trẻ em nhà giàu da trắng. Có lần ông dạy ở Ixopo (xứ Natal) “ một miền đồi núi nhấp nhô, cỏ xanh biếc, đẹp không sao tả xiết, lúc nào cũng véo von tiếng kêu khắc khoải của con chim titihoga ” mà sau này ông dùng làm bối cảnh cho tiểu thuyết *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* của ông. Tại đó, ông gặp cô Dorrie Francis và kết hôn với cô. Kể đó ông dạy ở Pietermaritzburg, và hồi ba mươi tuổi ông bị bệnh trường nhiệt, phải dưỡng bệnh khá lâu. Chính trong lúc đó ông mới có dịp suy nghĩ về đời ông, thấy cái đời chuyên dạy cho bọn trẻ con nhà giàu là vô vị.

Năm đó, 1934, Nam Phi đang có một cuộc biến chuyển. Chính phủ có một cuộc cải cách nhỏ: những trại giam thiếu nhi và thanh niên phạm pháp dưới hai mươi một tuổi không thuộc bộ Tư pháp nữa mà giao cho bộ Giáo dục mà bộ trưởng là tiến sĩ Jan Hofmeyr, một người Afrikaner có tinh thần tấn bộ, cam đảm bênh vực người da đen và hô hào người da trắng phải bỏ cái lối đàn áp đổ máu đi mà tôn trọng nhân phẩm con người bất kỳ màu da nào, phải thay lòng oán thù sợ sệt bằng tình thương yêu, tin tưởng. Paton hồi nhỏ đã có lần cắm trại với ông, lúc này coi ông như một bức đàn anh đáng cho mình noi gương. Lòng yêu quý ngưỡng mộ đó không bao giờ giảm: khi Hofmeyr chết, Paton làm một bài thơ để khóc bạn, rồi đề tặng cuốn *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu*, lần tái bản ở Nam Phi.

Khi hết bệnh trường nhiệt, bình phục rồi, tư tưởng Paton thay đổi hẳn: ông muốn sống một

cuộc đời có ý nghĩa hơn, hy sinh cho người da đen. Hofmeyr bổ ông làm giám đốc trại cải huấn Diepkloof ở Johannesburg. Trong mười năm, nhờ sự hướng dẫn của Hofmeyr, ông biến đổi hẳn trại đó: hàng rào dây kẽm gai hạ xuống, vườn hoa thay vào, trại không còn cái vẻ u ám, bi thảm của nhà khám nữa. Ông đối xử nhân đạo với các thiếu niên da đen phạm pháp, dạy dỗ, dắt dẫn, giúp đỡ họ nhưng phương tiện để cải tà quy chính. Một số nhờ ông mà thành con người lương thiện, một số khác thì không như Absalom trong *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu*.

Trong mười năm đó, Paton vẫn không bỏ công việc văn chương, nhưng không làm thơ, không viết tiểu thuyết nữa, mà viết những bài luận thuyết nghiêm trang. Ông bảo thời gian đó là thời gian “ khô khan ” trong đời cầm bút của ông. Nhờ tiếp xúc với 650 thiếu niên phạm pháp từ 10 đến 21 tuổi, ông hiểu được tâm trạng của họ, hiểu được những nguyên nhân đưa họ tới sự phạm pháp; nguyên nhân chính là sự tan rã của gia đình và bộ lạc bản xứ mà người da trắng phải chịu trách nhiệm; sự tàn nhẫn của một chính sách kỳ thị, phân cách màu da, làm cho người da đen không có cách nào ngóc đầu lên nổi, nên sinh ra uất hận, căm thù, trụy lạc, hung dữ, chứ bản tính của họ vốn hiền lành và trung thực.

Những bài tiểu luận đó tuy thừa thốt nhưng giọng nồng nàn, chân thành được mọi giới chú ý tới và ông trở thành một người có uy tín về những vấn đề xã hội ở Nam Phi.

Thế chiến thứ nhì bùng nổ, kế hoạch cải huấn ở trại Diepkloof phải bãi bỏ vì thiếu tiền. Khi chiến tranh chấm dứt, ông muốn đi nghiên cứu những trại giam thiếu niên ở Na Uy, Thụy Điển, Anh và Mỹ. Ông phải bán các phiếu bảo hiểm nhân mạng của ông để có tiền lộ phí. Bà vợ khuyến khích ông và ở lại Nam Phi với hai người con.

Ở Thụy Điển, ông xúc động khi đọc tiểu thuyết: *Men uất hận* (*Grapes of Wrath*) của John Stienbeck và nảy ý định viết một tiểu thuyết tương tự, tả nỗi uất hận của dân da đen Nam Phi. Vì không quen thuộc ai ở Trondheim mà lại không biết nói tiếng Thụy Điển, ông sống cô lập trong một phòng ở khách sạn, và một hôm, nguồn hứng dào dạt, ông viết một hơi từ năm giờ tới bảy giờ chiều trong chương đầu của quyển tiểu thuyết. Lúc đó ông chưa bố cục, chưa biết tình tiết sẽ biến chuyển ra sao, nhưng đề tài thì đã rõ ràng: ông sẽ chép lại những kinh nghiệm sống của ông.

Từ Trondheim, ông lại Oslo rồi London rồi Huê Kỳ. Tới khách sạn nào, ông cũng tiếp tục viết và tới San Francisco thì truyện đã hoàn thành (1947).

Và khi ông trở lại Nam Phi thì trong hành lý của ông có thêm một bản thảo nó làm cho đời sống của ông thay đổi một lần nữa. Tác phẩm *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* xuất bản lần đầu tiên ở Huê Kỳ (Scribner, 1948) khi được hoan nghênh, khi tái bản ở Nam Phi thì bán chạy hơn bất cứ cuốn nào khác chỉ trừ Thánh kinh. Một năm sau, được dịch ra tiếng Pháp (nhan đề: ***Pleure, pays bien aimé*** – nhà Albin Michel), và tới nay được dịch ra trên hai mươi ngôn ngữ, và quay

thành phim.

Ông nổi danh, từ bỏ chức giám đốc Trại cải huấn Diepkloof sau mười ba năm phục vụ, chuyên tâm sáng tác, làm các công việc xã hội và hoạt động cho đảng Tự Do thành lập năm 1953 để bênh vực công lý và dân chủ cho người da đen, đả phá hàng rào màu da của đảng Quốc Gia. Ông làm Phó chủ tịch rồi Chủ tịch đảng, cất một bệnh viện để săn sóc người da đen bị lao phổi, mở một trường học đầu tiên dạy công nghệ cho trẻ em da đen.

Trong thời gian đó ông sáng tác thêm một truyện nữa: ***The land and the people of Africa*** (Non sông và dân tộc Nam Phi).

Năm 1954 ông qua Huê Kỳ một lần nữa, viết một loạt bài cho tạp chí *Colliers* và được đại học đường Yale tặng bằng tiến sĩ danh dự vì công phụng sự nhân loại của ông.

Cơ hồ càng được nhân loại chú ý tới thì chính quyền Nam Phi càng tỏ ra gay gắt trong chính sách kỳ thị, để phản ứng lại.

Mùa thu năm 1955 một ngàn người chống luật phân cách chủng tộc bị bắt giam; năm sau 156 trí thức da trắng gồm: giáo sư, luật sư, khoa học gia, dân biểu Quốc hội cũng bị nhốt khám Johannesburg. Paton tổ chức ngay một cuộc mít tinh để phản đối, kêu gọi cả thế giới ủng hộ phong trào đảng Tự Do của ông đã gây nên, phong trào giải thoát người da đen:

“ Chúng tôi, những người Nam Phi, tuyên ngôn cho toàn thể đất nước chúng tôi và thế giới biết: Nước Nam Phi thuộc về tất cả những người sống trên đó, da đen và da trắng, và không chánh phủ nào có thể đòi quyền thống trị nó 6 trừ khi chánh phủ đó dựa vào ý chí toàn dân.”

Như vậy người da đen phải được bình quyền với người da trắng, mà họ đông gấp năm người da trắng, thì người da trắng sẽ vô phương làm mưa làm gió gì ở Nam Phi. Danh tiếng ông lớn quá, người ta gọi ông là : “ người bảo vệ ý thức Nam Phi ”, ông được mọi người trọng vọng vì ông rất nhân từ giản dị - mà cả bà cũng vậy – nên chính quyền thực dân Nam Phi không dám động tới ông, cứ dùng chính sách ỳ ra và làm thỉnh để đối phó lại: “ hắn nói thì cứ nói, chúng ta kỳ thị thì cứ kỳ thị ”.

Cho nên E . S . Sachs, một chiến sĩ da trắng tích cực chiến đấu cho người da đen, sanh ở Johannesburg trong cuốn ***The choice before South Africa*** (London 1952) - bản dịch ra tiếng Pháp, nhan đề là ***L’Afrique du Sud au carrefour*** (Nam Phi ở ngã ba đường) Ed.du Seuil 1954 – chê ông rằng không thể thay đổi được tình thế chính trị ở Nam Phi, nhiều lắm là chỉ tuyên truyền thôi.

Đúng, đường lối của Paton có vẻ ôn hòa quá. Đọc cuốn *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* này, độc giả sẽ thấy ông dùng những lời nhân ái của chúa Ki Tô để khuyên người da trắng bỏ chính sách kỳ thị, đàn áp đi, lo công việc giáo hoá dân bản xứ và cải thiện phương pháp canh tác để mức sống của họ khá lên, tổ chức lại đời sống cho họ, để gia đình bộ lạc họ khỏi bị tan rã.

Đường lối đó không gây căm thù và đổ máu, nhất định là chậm - phải chịu nạn thực dân đàn áp bóc lột như chúng ta mới thấy được cái lòng lang dạ thú của bọn đó không dễ gì lay chuyển được, cải hoá được; nhưng bảo rằng tác phẩm của Paton chỉ có cái công cụ tuyên truyền thôi thì cũng hơi quá: từ hồi Verwoerd lên cầm quyền Thủ tướng (1958) mặc dầu sự kỳ thị còn gay gắt hơn trước nhưng đời sống của người da đen đã cải thiện được khá - trường học đã được mở nhiều, công tác khuếch trương nông nghiệp đã tăng tiến - như vậy thì biết đâu chẳng là do công lao tuyên truyền của Alan Paton? Vả lại trong một cuộc cách mạng công việc tuyên truyền nào mà chẳng cần thiết.

Có người lại trách Paton rằng vì đưa giải pháp ôn hoà mà làm cho dân da đen quên lãng việc chiến đấu. Xét như vậy là hẹp hòi. Trong việc dành lại cho người da đen cái quyền được sống cho ra con người trên quê hương của họ, người ta phải chia nhau công tác tuỳ khả năng và tính khí cá nhân. Không phải chỉ có mỗi một con đường là đưa tới La Mã.

Ở trên tôi đã nói *Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu* ghi lại những kinh nghiệm sống của tác giả. Nó là tiểu thuyết mà hơi có tính cách tự truyện.

Bối cảnh, miền thung lũng và đồi núi Ixopo, là nơi Paton đã dạy học. Johannesburg là nơi ông đã sống trên mười năm, khi làm Giám đốc trại Cải huấn Diepkloof; mà trại cải huấn này chính là trại cải huấn ông tả trong truyện.

Trừ hai nhân vật có thực, giáo sư Hoernle và Ernest Oppenheimer tác giả chỉ nhắc qua, còn các nhân vật khác đều do ông xây dựng cả, nhưng xây dựng trên sự thật. Ta có thể chắc chắn rằng viên công chức Anh trẻ tuổi ở trại cải huấn là ông, vợ chồng Arthur Jarvis là ông và vợ ông, và đoạn “ Tâm sự của một người Nam Phi ” (chương 24) chính là ghi tâm sự của ông:

“Tôi sinh ra trong một trại ruộng, trong một gia đình nền nếp, được cha mẹ chiều chuộng, cung cấp cho đủ, không thiếu thốn thèm khát gì cả. Cha mẹ tôi là những người ngay thẳng, hiền từ... Các người đã dạy cho tôi tất cả những điều cần biết về danh dự, nhân ái, bao dung. Nhưng về Nam Phi tôi chẳng học được chút gì cả (nghĩa là chẳng biết được chút gì về bi kịch của Nam Phi, về tình trạng thê thảm của người da đen cả). Cho nên, tôi sẽ hy sinh đời tôi, thì giờ của tôi, sức lực của tôi, tài năng của tôi để phụng sự Nam Phi....”

Ông tưởng tượng câu chuyện bi đát của gia đình mục sư da đen Stephen Kumalo, tan nát vì chính sách tàn nhẫn của người da trắng; em gái thì thành một gái điếm, còn đứa con trai duy nhất thì thành một kẻ sát nhân, bị xử giảo. Ông tả đời sống của người da đen trong những căn nhà ổ chuột (hai phòng chứa trên mười người nhà trẻ, trai gái) ở tại một châu thành xây dựng nhờ vàng của đất đai Nam Phi: châu thành Johannesburg. Châu thành đó, năm 1946, hồi chuyện xảy ra, chỉ có 700.000 người - hiện nay gần hai triệu người (1968) - mà đã là một ổ trộm cướp, cờ bạc, rượu chè, đĩ điếm và mọi người sống nơm nớp trong cảnh sợ sệt:

người da đen thì sợ thất nghiệp, sợ bị nhốt khám; người da trắng thì sợ bị cướp bóc, hành hung.

Trong lời giới thiệu bản dịch ra tiếng Pháp, tác giả lớn tiếng vạch tội của người đồng chủng: *“Người da trắng không phải chỉ xây dựng các châu thành, xưởng máy mà còn đem lại (cho người da đen) các thứ rượu mới, các món hàng cá mồi, súng ống, các bệnh mới lạ nữa....”*

Bọn thực dân đó đi tới đâu gây trụy lạc, đổ vỡ cầm hờn tới đó. Giọng ông nồng nàn nhất khi đã kích nền văn minh Ki Tô giáo:

“Sự thực là nền văn minh Ki Tô giáo của chúng ta đầy những mâu thuẫn nan giải. Chúng ta tin ở tình huynh đệ của con người, mà ở Nam Phi này, chúng ta lại không muốn có cái tình huynh đệ đó....Chúng ta tin rằng phải giúp đỡ các huynh đệ hạ đẳng mà chúng ta lại muốn họ ở hoàn toàn trạng hạ đẳng....Sự thực là nền văn minh của chúng ta chẳng có gì là Ki Tô giáo cả, nó là một sự hỗn hợp bi đát gồm một lý tưởng cao cả lẫn lộn với sự thực hành nhút nhát....một tình nhân ái bao la lẫn lộn với lòng tham lam chụp giật mà sợ sệt...” (chương 21)

Nhiều đoạn cảm động như đoạn tả cảnh dân da đen sống chui rúc ở Johannesburg kiếm cả năm không ra một căn nhà, sau phải rủ nhau cất chòi ở bên cạnh đường xe lửa trong một đêm cho xong; đoạn tả tâm trạng của mục sư Kumalo vì đau xót bức tức mà dẫn vật đưa con trai khi vô thăm nó trong khám, dẫn vật thiếu nữ thơ ngây có mang với con trai ông; đoạn Kumalo nói dối để gây nổi hoang mang sợ sệt trong lòng con trai ông cho bỏ ghét....Những đoạn đó lời văn, nhất là văn đối thoại cực kỳ bình dị, mộc mạc làm cho truyện càng thêm bi đát và Gabriel Marcel phải khen là tiểu thuyết đạt được cái mức trác tuyệt, đáng làm kiểu mẫu, vì không tô chuốt, che dấu một chút gì để làm vừa lòng ai cả.

Nhưng chúng ta còn nhận thấy tác giả còn là một thi sĩ. Chương đầu tả cảnh đồi núi và thung lũng ở Ixopo, và chương cuối tả tâm trạng của mục sư Kumalo vô núi thức một đêm để cầu nguyện, chờ lúc mặt trời mọc, tức lúc mà con trai ông bị xử tử, hai chương đó đáng được coi là những bài thơ bằng văn xuôi, rất đẹp mà cũng rất buồn. Rõ ràng là tác giả tha thiết yêu Nam Phi, quê hương của người da đen mà cũng là quê hương của ông.

Để giữ màu sắc của Nam Phi, chúng tôi chỉ phiên âm và chú thích chứ không dịch một số tiếng Nam Phi như *Umfundisi, Umnumzana, Tixo....* và trong những đoạn đối thoại, chúng tôi rán theo sát cái giọng chất phác của các nhân vật da đen.

Chúng tôi mong rằng sẽ có dịp giới thiệu với độc giả một tiểu thuyết nữa cũng về Nam Phi, cũng rất cảm động “ viết bằng máu ” cuốn ***Tell Freedom*** của Peter Abrahams, một văn sĩ lai cũng có hồn thơ như Alan Paton.

Saigon ngày 25-11-1968.

Chú thích:

1. Do René Dumont dẫn trong *L'Afrique noire est mal partie...Ed du Seuil. 1962.*
2. Những vấn đề chủng tộc của Pierre Gouron và Georges Balandier trong *Eyclopédie francaise. La Vi Internationale-Conflits-Larousse.*
3. Peter Abrahams, trong tiểu thuyết **Tell Freedom** đã kể ra tất cả chín thứ giấy tờ:
 - Một người da đen hoặc lai từ làng muốn ra châu thành (chẳng hạn Johannesburg) để làm ăn thì trước hết phải xin một tờ giấy phép đi đường. Tới châu thành rồi phải xin ngay một tờ giấy “ căn cước thông hành ”. Mỗi tháng sẽ xin đổi giấy và phải đóng một số tiền bằng 100 quan hồi 1956. Nếu hết sáu ngày cư trú đặc biệt rồi, không kiếm được việc làm mà không lại Phòng thông hành, xin đổi giấy phép khác, thì sẽ bị nhốt về tội lêu lổng.
 - Nếu kiếm được việc làm, thì sẽ được cấp cho một tờ thông hành hàng tháng, sự thực giấy này là tờ giao kèo làm việc. Trong những ngày làm việc thì phải ở trong trại của sở muốn mình tại ngoại ô; cuối tuần được nghỉ, muốn ra châu thành chơi, thì phải xin giấy phép du lịch và chỉ được đi chơi một lát thôi rồi về trại.
 - Nếu quen ai ở châu thành, muốn ra thăm cả ngày chủ nhật thì phải có một giấy thông hành đặc biệt cho suốt cả ngày. Người quen đó dĩ nhiên là người da đen hoặc người lai, ở trong một cái “ lỏm đất ” (enclave) trên địa phận của một người da trắng; muốn vô cái lỏm đó thì phải xin một tờ thông hành cho vô thăm.
 - Làm việc một thời gian, được chủ tin cậy, muốn xin ra ở ngoài trại thì phải xin chủ giới thiệu với Sở thông hành, để sở phát cho một giấy phép cư trú. Ra ở ngoài trại rồi, mà tối, muốn đi đâu chơi sau chín giờ, thì phải có một giấy phép thông hành đặc biệt đi đêm, vô phúc mà thiếu thì bị bắt nhốt khảm.
4. Theo cụ Nguyễn Thượng Hiền trong bài “ Tang thương lệ ngữ ” thì trước thế chiến thứ nhất, thực dân Pháp cũng đánh thuế chó trong các châu thành Việt Nam: một đồng một năm. Một đồng hồi đó đủ nuôi một người bình dân trong một năm.
5. Ta thường gọi sai là thương hàn: Enteric Fever – Fievre typhoide.
6. Hoài Khanh, Văn hào Alan Paton và nạn kỳ thị chủng tộc ở Nam Phi – Bút hoa số 19, năm 1965

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 1

CUỐN MỘT

Một con đường cái đẹp đẽ từ Ixopo vào miền đồi núi. Đồi miền này nhấp nhô, cỏ xanh mướt, đẹp không sao tả xiết. Con đường tiến vào đó, leo mười hai cây số tới Carisbrooke; và ở đây, khi nào không có sương mù, nhìn xuống dưới chân người ta có thể thấy một trong những thung lũng đẹp nhất của Châu Phi. Bốn bề là cỏ và phượng vĩ (1), văng vẳng tiếng kêu khắc khoải của con titihoya (2), một con chim ở miền đồng cỏ. Ở dưới chân là dòng sông Umzimkulu bắt nguồn từ Drakensberg và chảy ra biển; phía bên kia sông, trùng trùng điệp điệp, hết đồi này tới đồi khác, và sau những đồi đó là dãy núi Ingeli và Đông Griqualand (3). Cỏ tốt và rậm, phủ kín mặt đất. Nó giữ nước mưa và sương, nhờ vậy mà nước mưa và sương thấm xuống đất, thành những dòng suối chảy ra các khe. Cỏ được giữ gìn kỹ lưỡng: ít bò lại ăn mà cũng ít có đám cháy tàn phá nó làm cho nó chết dụi. Bạn nên cởi giày mà đi vì đất đó thiêng liêng, từ hồi khai thiên lập địa nó ra sao thì nay nó vẫn vậy. Bạn nên duy trì nó, bảo vệ nó, nuôi dưỡng nó vì nó duy trì con người, bảo vệ con người, nuôi dưỡng con người. Diệt nó thì con người sẽ bị diệt.

Chung quanh chỗ bạn đứng đây cỏ tốt và rậm phủ kín mặt đất. Những dãy đồi xanh tốt phì nhiêu này đứt quãng. Nó tiến xuống phía thung lũng và càng xuống nó càng thay đổi. Nó hóa ra đỏ hoe và trụi; nó không còn giữ nước mưa và sương được nữa, mà các dòng suối cạn khô ở dưới khe. Nhiều bò lại ăn cỏ quá và nhiều đám cháy tàn phá nó. Ở đó, bạn nên đi giày vào, vì đất nhám và cứng, đá nhọn, sẽ cắt gan bàn chân bạn đấy. Cỏ ở đây không được duy trì, bảo vệ, nuôi dưỡng, nó cũng không duy trì con người, bảo vệ con người, nuôi dưỡng con người nữa. Đã từ lâu lắm, không còn nghe thấy tiếng kêu khắc khoải của con titihoya.

Những ngọn đồi lớn đỏ hoe vươn lên tiêu điều, và đất rớt ra từng mảng như da thịt ở cơ thể rã ra vậy. Chớp loé lên sáng rực, mưa trên trời trút xuống, các dòng sông đã cạn khô lại hồi sinh, đầy nước đỏ như máu của đất. Dưới thung lũng, bọn đàn bà rón vùn cào chút đất còn lại để trồng bắp, và bắp may lắm cao được tới đầu người. Chỗ đó là thung lũng của các ông già bà cả, của đàn bà và trẻ con. Bọn đàn ông đi hết rồi, bọn thanh niên, trai gái đi hết rồi. Đất không thể

nuôi họ được nữa.

- Chú thích:** 1.Còn gọi là cây tiểu dương xỉ, hoặc cây đuôi chồn. Đừng lầm với cây phương tới mùa thì trở hoa đỏ.
- 2.Nghe tiếng hát người ta đặt tên cho nó như vậy: ti-ti-ho-a.
- 3.Vì còn có Tây Griqualand.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 2

Một em gái chạy lại ngôi giáo đường vách ván lợp tôn, tay cầm bức thư ra vẻ quan trọng lắm. Em rụt rè gõ cửa một ngôi nhà ở bên cạnh giáo đường. Mục sư Stephen Kumalo đang ngồi viết ở bàn, ngừng đầu lên, bảo: “ Vô đi ”.

Em nhỏ nhè nhẹ đẩy cánh cửa, như sợ sệt không dám đẩy mạnh vì ngôi nhà uy nghiêm quá, rồi rón rén bước vô.

- Thưa Umfundisi (1) con mang lại một bức thư đây.

- Một bức thư ư? Ở đâu vậy con?

- Thưa Umfundisi, ở thương điểm ạ. Ông da trắng ông ấy bảo con đem lại cho Umfundisi.

- Ngoan lắm. Thôi con về mạnh giỏi.

Nhưng em nhỏ không đi ra ngay mà còn đứng lại, chân này cọ vào chân kia, ngón tay rờ rờ mép bàn của mục sư.

- Có lẽ con đói hả?

- Thưa Umfundisi, con không đói lắm.

- Vậy chắc con hơi đói?

- Dạ, con hơi đói.

- Thế thì vô kiếm mẹ (2) đi. Có lẽ có cái gì cho con ăn đấy.

- Con cảm ơn Umfundisi.

Em nhỏ rón rén bước, như ngại chân mình có thể làm hư một ngôi nhà to lớn đẹp đẽ như vậy, có bàn có ghế, có đồng hồ quả lắc, có một cây trồng trong chậu kiếng, và rất nhiều sách, nhiều sách hơn cả ở trường học nữa.

Kumalo ngó bức thư. Nó lem luốc, nhất là ở chung quanh con tem. Chắc chắn nó chuyển qua tay nhiều người. Thư gửi từ Johannesburg. Ông cũng có nhiều bà con ở Johannesburg. Người em của ông tên là John làm thợ mộc, ra đó làm ăn và làm chủ một cửa tiệm ở Sophiatown. Em gái ông tên là Gertrude, nhỏ hơn ông hai mươi lăm tuổi, sanh hồi cha mẹ ông đã già, cũng dắt

con trai nhỏ ra đó tìm chồng làm thợ mỏ đã bao lâu không về thăm nhà. Sau cùng người con trai độc nhất của ông cũng ra đó tìm cô là Gretrude và cũng không trở về. Rồi còn nhiều bà con xa cũng làm ăn ở ngoài đó nữa, thành thử khó mà đoán được bức thư đó của ai, vì đã lâu lắm rồi, có ai viết thư từ gì cho ông đâu, làm sao ông nhớ rõ được từng chữ.

Ông lật đi lật lại bức thư, không có một dấu hiệu gì cho biết thư của ai. Ông ngại mở bức thư vì mở rồi thì không dán lại được nữa.

Ông gọi vợ ra hỏi.

- Em nhỏ đó đi chưa?

- Nó đương ăn, mình à.

- Để yên cho nó ăn. Nó đem lại một bức thư nè. Có chuyện gì vậy mình có biết không?

- Làm sao em biết được?

- Anh cũng không biết. Đây, coi đi.

Bà vợ cầm bức thư lên, rờ nắn. Nhưng rờ nắn bao thư thì làm sao biết được là của ai gửi tới. Bà lớn tiếng, chậm rãi, đọc từng chữ trên địa chỉ:

Mục sư Stenphen Kumalo.

Giáo đường Thánh Mark.

Ndotsheni.

NATAL.

Bà thu hết can đảm lại, bảo:

- Không phải của con mình đâu.

Ông mục sư đáp:

- Không phải của nó. - Rồi ông thở dài.

Bà bảo:

- Nhưng có thể là có tin về nó.

- Ừ, có thể như vậy.

Bà nói:

- Không phải là thư của cô Gretrude.

- Có thể là của chú John?

- Không phải của chú John đâu.

Cả hai đều im lặng, rồi bà vợ nói:

- Chúng mình mong thư biết bao, mà khi thư tới thì sợ không dám mở.

- Ai mà sợ? Mình bóc đi.

Bà chậm chạp, cẩn thận bóc bức thư, vì ít khi bà nhận được thư lắm. Bà mở rộng bức thư, để trước mặt rồi chậm chạp, cẩn thận đọc nho nhỏ tới nỗi ông không nghe rõ được. Ông bảo:

- Mình đọc lớn lên đi.

Bà đọc lớn tiếng, từng từng chữ như các em Zulu đánh vần tiếng Anh vậy.

Hội truyền giáo, Sophiatown.

Johannesburg 25 - 09 - 49.

Thưa Đạo huynh.

Tôi có dịp được gặp một thiếu phụ ở đây, tại Johannesburg. Thiếu phụ đó tên là Gertrude Kumalo ở giáo đường Thánh Mark Ndotsheni. Thiếu phụ đó đau nặng nên tôi xin Đạo huynh lại ngay Johannesburg. Đạo huynh lại nhà Mục sư Theophilus Msimangu, ở hội truyền giáo Sophiatown và tối đó tôi sẽ chỉ dẫn Đạo huynh. Tôi cũng sẽ tìm một chỗ ở không tốn tiền lắm cho Đạo huynh.

Thân ái chào Đạo huynh.

Theophilus Msimangu.

Hai ông bà im lặng hồi lâu. Sau cùng bà hỏi:

- Sao, mình?

- Mình hỏi cái gì?

- Bức thư đó. Mình đã nghe kỹ rồi chứ?

- Ủ, anh đã nghe kỹ. Rầy rà thật.

- Ủ, rầy rà thật. Mình tính sao bây giờ?

- Em nhỏ đó đã ăn xong chưa?

Bà vô bếp và dắt đứa nhỏ trở ra.

- Con ăn xong chưa?

- Thưa, xong rồi ạ.

- Thôi con về mạnh giỏi nhé. Cảm ơn con mang lại bức thư nhé. Con nhớ dùm cho nhé.

- Dạ. Thưa Umfundisi ở lại mạnh giỏi. Thưa mẹ ở lại mạnh giỏi.

- Ủ, con về mạnh giỏi.

Em nhỏ rón rén bước ra, khe khẽ khép cửa lại, quay quả nắn thật chậm như sợ thả nó ra thành linh quá.

Khi đứa bé ra rồi, bà vợ hỏi:

- Sao, mình tính sao?

- Về chuyện gì hả mình?

Bà kiên nhẫn đáp:

- Về chuyện bức thư đó.

Ông thở dài bảo:

- Mình đem số tiền Thánh Chad ra cho anh.

Bà bước ra một lát rồi trở vô nhà cho ông một hộp thiếc, hộp thiếc đựng cà phê hay ca cao. Ông cầm cái hộp trong tay, ngắm nghía nó một hồi như thể tìm một giải pháp gì ở trong hộp, cho tới khi bà bảo:

- Mình ạ, phải đi chứ.

Ông nói:

- Tiêu số tiền này ư? Sao đành? Để dành cho thằng Absalom lại học ở Thánh Chad mà.

- Thằng Absalom sẽ thôi không lại học ở Thánh Chad.

Ông gắt lên:

- Sao mà mình ăn nói như vậy được? Sao mà thốt ra một lời như vậy được?

Bà chán nản đáp:

- Nó ở Johannesburg. Có ai ra Johannesburg mà trở về nhà bao giờ đâu?

- Chính mình nói vậy đấy nhé. Đã nói rồi thì thôi. Số tiền này để dành để dùng việc đó, nhưng thôi, sẽ không bao giờ dùng về việc đó nữa. Mình đã mở cửa ra rồi, và cửa đã mở rồi thì phải bước ra. Và chỉ có *Tixo* (3) là biết được rồi việc này sẽ đi đến đâu.

Thấy chồng đổ lỗi cho mình, bà đáp:

- Đâu phải em mở. Nó đã mở từ lâu rồi mà mình không muốn thấy đấy thôi.

Ông Mục sư có giọng gay gắt:

- Chúng mình có một thằng con trai. Người Zulu thường có nhiều con, mà chúng mình có mỗi một con trai. Nó ra Johannesburg, và như mình nói: có ai ra Johannesburg mà trở về nhà bao giờ đâu. Họ cũng không viết thư về nhà nữa. Họ không lại họ ở Thánh Chad những điều tối cần cho đời sống một người da đen. Họ ra Johannesburg và ở đó họ biệt tăm, không ai có tin tức gì về họ nữa. Và số tiền này....

Thấy vợ làm thinh ông nói tiếp:

- Số tiền này ở trong tay tôi.

Bà vẫn làm thinh ông lặp lại:

- Nó ở trong tay tôi, nè.

Bà vợ bảo:

- Mình cứ làm khổ mình.

- Anh làm khổ anh ư? Anh làm khổ anh ư? Không anh không làm khổ anh, mà chính họ làm khổ anh. Chính con trai anh, chính em gái anh, chính em trai anh làm khổ anh. Họ bỏ nhà ra đi và không viết thư về nữa. Có lẽ họ không biết rằng chúng mình đau khổ. Có lẽ mình đau khổ họ chẳng quan tâm gì tới.

Ông giận dữ lớn tiếng:

- Mình lại hỏi ông da trắng đó đi. Có lẽ còn nhiều bức thư nữa. Có thể rút đầu dưới quầy hoặc vương đầu ở đồng bao thực phẩm mà không thấy. Rồi nhìn lên ngọn cây xem, chưa biết chừng gió thổi nó bay lên trên đó.

Bà vợ gào lên:

- Mình cũng lại làm khổ tâm em nữa.

Ông bình tĩnh lại, nhỏ nhẹ như xin lỗi:

- Đáng lẽ anh không nên nói vậy.

Ông chìa hộp thiếc bảo vợ:

- Mình mở nó ra.

Hai tay bà run run đỡ lấy hộp thiếc, mở ra, dốc hết lên trên mặt bàn vài tấm giấy bạc cũ lem luốc và một mớ tiền bạc và tiền đồng.

- Mình đếm được xem bao nhiêu.

Bà chăm chỉ đếm, lật cá tấm giấy bạc và các đồng tiền để coi cho chắc xem mỗi tấm, mỗi đồng là bao nhiêu tiền.

- Mười hai bảng, năm si-ling và bảy pen-ni.

Ông Mục sư bảo:

- Anh sẽ lấy đi tám bảng, và hết chỗ tiền lẻ.

- Mình cứ cầm hết đi. Có lẽ phải trả tiền bác sĩ, tiền dưỡng đường và tiêu vào chuyện khác nữa.

Mình cầm hết đi. Và mang theo cuốn sổ chương mục bưu điện. Mình còn mười bảng gởi ở đó.

Đem theo hết mà tiêu.

- Số tiền đó anh để dành mua lò cho mình.

- Làm sao được. Còn số tiền kia, tuy để dành cho con nó đi học ở Thánh Chad, nhưng em cũng có ý muốn cho mình dùng một phần để may một bộ đồ đen mới, mua một cái nón đen mới và mấy cái cổ cồn trắng mới.

- Cái đó nữa, cũng đành phải dẹp thôi. Thử tính coi, anh sẽ đi...

- Đi ngày mai. Từ Carisbrooke.

- Vậy anh phải viết thư ngay báo cho đức Giám mục hay anh sẽ đi vắng không biết bao giờ mới về được.

Ông Mục sư nặng nề đứng lên, đi lại đứng trước mặt vợ, bảo:

- Anh ân hận đã làm phiền lòng mình. Anh qua bên giáo đường cầu nguyện đây.

Ông bước ra ngoài và bà nhìn qua chiếc cửa sổ nhỏ, thấy ông chậm chạp tiến lại cửa giáo đường. Rồi bà lại ngồi ở bàn, queo đầu xuống bàn, im lặng, nhấm nạy đau khổ như mọi phụ nữ da đen, như loài bò, như các sinh vật không nói được.

Con đường nào cũng đưa tới Johannesburg. Suốt các đêm dài, các chuyến xe lửa chạy về

Johannesburg. Ánh đèn trong các toa lắc lư chiếu xuống hai bên đường rầy, lên những đám cỏ và tảng đá trên cánh đồng thềm thiếp. Sung sướng thay những cặp mắt nào chợp được.

Chú thích: 1 - *Tiếng của dân tộc Zulu (một dân tộc ở Nam Phi) có nghĩa là mục sư, mà cũng trở người đáng trọng, tựa như tiếng “ thầy ” của ta. Đọc là Um-fun-di-s (chữ i cuối cùng đọc rất nhẹ). Chúng tôi để nguyên cho có màu sắc địa phương. Miền này theo đạo giáo phái Anglican của Anh. Cũng thờ chúa Ki tô, nhưng không chịu hệ thống của giáo hội La Mã.*

2 - *Các mục sư giáo phái Anglican được lập gia đình. Mẹ đây là vợ mục sư. Tín đồ gọi mục sư là cha, nên gọi vợ mục sư là mẹ.*

3 - *Một tiếng của thổ ngữ Xosa, tựa như tiếng Trời của ta. Đọc là Tích-xo, hoặc Tích-co*

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 3

Chiếc xe lửa như một đồ chơi con nít leo con đường sắt hẹp tẻo, từ dưới thung lũng Umzimkulu lên miền đồi. Nó leo lên tới tận Carisbrooke rồi ngưng lại một chút, hành khách có thể xuống xe nhìn xuống thung lũng rộng từ đó họ khởi hành. Đừng lo xe chạy mà bỏ mình lại vì hành khách thừa thốt lắm, biết mặt nhau hết. Mà dù xe có chạy, bỏ bạn lại thì chẳng sao vì trừ phi tàn tật hoặc già nua, còn thì ai cũng có thể chạy theo mà đuổi kịp nó được.

Nếu trời có sương mù thì nhìn xuống thung lũng đó không thấy gì đâu. Sương mù như vấn vương chung quanh bạn và ở dưới chân bạn; chiếc xe lửa và hành khách hợp thành một thế giới riêng biệt. Có người không thích sương mù, cho nó là lạnh lẽo, ảm đạm. Nhưng có người lại thích, thấy nó có cái gì bí mật, huyền ảo, hấp dẫn như mở đầu cho một cuộc phiêu lưu, như tiếng gọi của cảnh xa lạ. Chiếc xe đi qua một thế giới hư ảo và nhìn qua những cửa kính đóng sương bạn có thể thấy lơ mờ những đám cỏ và phượng vĩ ở hai bên đường rầy. Ở đây, cứ tới mùa thì trở đầy hoa lan quan tử xanh, loài đẳng rừng, loài từ bi đỏ như lửa, và đôi khi người ta nhìn thấy cả một hai cây ráy ở dưới thung lũng nhỏ. Và luôn luôn sau những đám hoa, hiện lên những bụi miên liễu như những bức tường mù mù, có vẻ những hình ma trong sương.

Đứng đợi xe ở Carisbrooke trong khi nó từ dưới thung lũng lớn leo lên, là một việc thú vị. Những người đã quen biết rồi, có thể nghe mỗi tiếng còi mà cho bạn biết đích xác xe lửa đã tới đâu, nó đương chạy ngang qua con đường nào. Nhưng Stephen Kumalo thì mặc dù tới đây sớm cả giờ đồng hồ mà cũng không để ý nghe những câu chuyện đó. Chuyển đi này xa quá, và cũng tốn tiền quá. Không biết người em gái của ông đau nặng ra sao, tốn bao nhiêu tiền chạy chữa đây? Và nếu phải đưa em gái về quê nhà thì tốn kém thêm bao nhiêu nữa? Và Johannesburg là một đô thị lớn cơ man nào là đường phố tới nỗi người ta bảo đi suốt đời cũng chưa hết một lượt. Lại thêm cái nổng nổi phải đi xe buýt nữa, mà không phải như ở đây, chỉ có một chiếc xe buýt nên không thể lăm xe được. Ở đó có vô số xe buýt; mười chiếc, có lẽ hai chục chiếc chạy qua mới có một chiếc đúng đường của mình. Nếu lên lăm xe thì nó có thể đưa mình tuốt tới

một chỗ khác. Và người ta còn bảo đi bằng qua đường nguy hiểm lắm, mà làm sao không bằng qua đường được? Chị Mpanza ở Ndotsheni ra ngoài đó thăm chồng, lúc chồng hấp hối, trông thấy xe cán chết đứa con trai của chị. Thằng nhỏ mười hai tuổi, thấy cái gì cũng lạ, thích lắm, đâm bổ vào chiếc xe còn chị rụt rè đứng ở bờ lề. Và chiếc xe cam nhông bụi đã đè bẹp con chị ngay trước mắt chị.

Còn thêm nỗi lo ngại lớn này nữa - nỗi lo ngại lớn nhất vì rất ít khi thổ lộ ra – là đứa con trai của ông bà ở đâu? Tại sao nó chẳng cho biết tin tức gì cả?

Sau cùng một hồi còi vang lên và chiếc xe tiến lại. Ông Muc sư quay lại nói với người thân tín đi tiễn:

- Cảm ơn em, em đã sẵn lòng giúp đỡ tôi.
- Thưa Umfundisi, giúp được Umfundisi là cái vui của tôi. Cái tay nải này nặng lắm. Một mình Umfundisi xách không nổi đâu.

Chiếc xe đã tới gần. Nó sắp vô ga.

- Thưa Umfundisi.
- Cái gì vậy em?
- Thưa Umfundisi, tôi muốn nhờ Umfundisi một việc.
- Cứ nói đi.
- Umfundisi biết anh Sibeko chứ?
- Biết.

- Đứa con gái của Sibeko hồi trước đi làm ở đây cho người da trắng uSmith (1) ở Ixopo. Rồi khi cô con gái của uSmith lấy chồng, ra ở Johannesburg thì con gái của Sibeko cũng theo họ ra ngoài đó làm cho họ. Địa chỉ đây, có ghi tên mới của thiếu phụ đó. Có đến mười, mười hai tháng nay Sibeko không được tin tức gì của con gái. Anh ấy nhờ Umfundisi hỏi thăm giùm. Kumalo cầm miếng giấy lem luốt và nhàu nát, ngó rồi bảo:

- Springs à? Tôi có nghe nói chỗ đó. Không phải ở Johannesburg nhưng người ta bảo gần đâu đấy. Xe tới rồi kìa. Để tôi rán hỏi thăm cho.

Ông ta nhét chiếc giấy vào trong chiếc túi nhỏ (2) rồi cả hai đứng nhìn chiếc xe tiến tới. Như mọi chuyến xe miền quê Nam Phi, chuyến này chở đầy người da đen. Trên xe thực ra không có hạng người nào khác, vì trong miền này, người Âu nào cũng có xe nhà, gần như không đi xe lửa nữa.

Kumalo lên toa dành cho hạng người – không phải người Âu, và đầy những người nghèo nhất cùng giống với ông, có người bận những bộ đồ tây lố lằng, có người khoác thêm lên bộ đồ tây lố lằng đó một chiếc mền, có kẻ ở trong bận sơ sài hở hang theo lối bản xứ, ngoài khoác chiếc mền, họ là đàn bà vì đàn ông ra ngoài không còn ăn bận theo lối bản xứ nữa.

Trời hôm đó nóng, trong toa hơi người nùng nặc. Nhưng Kumalo vốn thuộc hạng bình dân, quen rồi không để ý tới. Hành khách thấy cái cổ cồng thầy tu của ông đứng dậy nhường chỗ ông ngồi. Ông ngó chung quanh nhìn xem có người nào để nói chuyện, nhưng không thấy ai trong giới của mình cả. Ông lại phía cửa xe, từ biệt người đi tiễn ông. Ông hỏi:

- Tại sao Sibeko không đích thân lại nói với tôi?

- Thưa Umfundisi, anh ấy sợ. Anh ấy không ở trong giáo phái chúng mình.

- Thì cũng là ở trong làng trong xóm với nhau. Hễ có chuyện khó khăn thì chỉ được lại nhờ vả người cùng giáo phái với mình sao?

- Thưa Umfundisi, tôi sẽ cho anh ấy hay.

Kumalo hơi cất tiếng như một em nhỏ hoặc một người lớn khi muốn cho những người ở chung quanh nghe.

- Về nói với anh ấy rằng tới Johannesburg, tôi sẽ lại Springs kiếm nhà đó – Ông vỗ vỗ vào cái túi áo, có miếng giấy đã nhét kỹ vào trong chiếc túi nhỏ của ông - Bảo anh ấy rằng tôi sẽ hỏi thăm tin tức đứa con gái đó cho. Nhưng cũng nói thêm rằng tôi bận việc lắm đấy. Có nhiều công việc ở Johannesburg lắm.

Ông quay mặt đi chỗ khác, có vẻ như nói một mình, mà thực sự là để cho mọi người nghe:

- Luôn luôn như vậy.

- Thưa Umfundisi, tôi xin thay lời anh ấy cảm ơn Umfundisi.

Còi vang lên, chiếc xe lắc mạnh. Kumalo lão đảo xuýt té. Ông nghĩ nên ngồi xuống cho vững hơn và đànghoàng hơn.

- Em ở lại mạnh giỏi nhé.

- Xin chúc Umfundisi đi đường mạnh giỏi.

Mục sư trở về chỗ ngồi cũ và mọi hành khách chăm chú ngó ông, kính trọng con người đi Johannesburg như đi chợ đó. Chiếc xe lửa lấy đà leo lên sườn các trái đồi cheo leo ở sát bờ các thung lũng, băng qua các bụi phượng vĩ và hoa cỏ, chui vô các đồn điền trồng miêuliều âm u, chạy ngang qua Staiton rồi xuống Ixopo.

Cuộc hành trình đã bắt đầu. Nỗi sợ hãi trỗi dậy trong lòng Kumalo, sợ không biết rồi ra sao, sợ các đô thị lớn, tại đó trẻ con băng qua đường bị xe cán, sợ cho bệnh tình của Gertrude, sợ cho đứa con trai của ông, nỗi sợ này sâu kín nhất trong lòng ông. Nỗi sợ sâu kín của một người, sống trong một thế giới lạc lõng không hợp với mình, còn chính cái thế giới của mình thì trốn đâu mất, chết đi, biến mất đi không bao giờ trở lại nữa.

Mới lúc nãy ông còn hơi khỏe khoắn, nói dối chút xíu trước đám người kính phục ông, mà bây giờ đầu gối ông bủn rủn rồi...

Con người khúm núm đó rút trong túi ra cuốn Thánh kinh và bắt đầu đọc. Chỉ có cái thế giới

trong đó là không có gì bất trắc.

Chú thích:

1. Chính là Smith, người da đen thêm âm “u” ở trước.
2. Thường bằng da, để chìa khoá và giấy tờ lật vật.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 4

Từ Ixopo, chiếc xe lửa như con nít đỏ leo các ngọn đồi khác, những ngọn đồi xanh nhấp nhô ở Lufala, Eastwolds, Donnybrook. Từ Donnybrook, một đường sắt rộng đưa tới thung lũng lớn ở Umkomaas. Đây là miền của các bộ lạc, đất khô cằn như bị bệnh, cơ hồ không có cách nào chữa được. Chiếc xe leo lên bờ bên kia thung lũng, đi ngang qua Hemu-hemu, tới Elandskop. Nó chạy dọc theo thung lũng dài Umsindusi, qua Edendale và các chòi đen của thành phố xinh đẹp Pietermaritzburg. Tới đây hành khách sang chiếc xe lớn nhất, chiếc xe đi Johannesburg. Chiếc xe này là một phép màu nữa của người da trắng: không có đầu máy, chỉ có cái gì như cái lồng bằng sắt ở trên nóc, và năng lực từ những dây sắt dăng ở trên cao truyền xuống lồng sắt làm cho xe chạy.(1)

Xe leo tới Hilton và tới sông Sur tử, tới Balgowan, Rosetta, sông Mooi, chạy ngang qua một khu đồi đẹp không sao tả nổi. Nó gầm lên ban đêm khi lăn trên khu chiến trường thời xưa. Nó leo lên Drakensberg rồi trở lại xuống cánh đồng.

Khi trời tờ mờ sáng, hành khách tỉnh dậy trong toa xe lắc lư và rung chuyển. Lại có một chiếc đầu máy phun khói lên và không còn những sợi dây bằng sắt dăng ở không trung nữa. Miền này mới lạ, kỳ dị, trải ra ngút ngàn. Nhưng tên cũng lạ tai và khó đọc cho một người Zulu đã học tiếng Anh. Những tên đó thuộc về một ngôn ngữ, người ta gọi là Afrikaans (2) mà người Zulu chưa bao giờ được nghe.

Có người la:

- Mỏ kìa, mỏ kìa.

Vì trong số hành khách có nhiều người lại miền mỏ này kiếm việc.

Những cánh đồi trắng, lè tè ở đằng xa kia mà lại mỏ ư? Kumalo có thể hỏi câu đó mà không sợ xấu hổ, vì trong toa không còn những người đã nghe ông nói chuyện hôm qua nữa.

- Thừa Umfundisi, đó là những tảng đá đào từ mỏ lên. Vàng lấy ở trong đó ra.

- Làm cách nào đào tảng đá lên được?

- Thừa Umfundisi, người ta xuống hầm rồi đào. Nếu đá cứng quá, không thể đục thì người ta bỏ đi, để cho người da trắng lại dùng những cái gậy lửa (3) làm cho nổ tung lên. Lúc đó người ta trở lại lượm, chất vào xe, đưa nó lên một cái lồng, lồng rút lên theo một ống như ống lò nhưng dài, cao không kể xiết.

- Làm sao nó lên được?

- Nhờ có một bánh xe lớn nó quay. Đợi chút nữa tôi sẽ chỉ cho Umfundisi thấy.

Kumalo làm thỉnh, tim ông đập nhanh hơn một chút, vì kích thích và vì sợ.

- Đây bánh xe đây, thưa Umfundisi. Bánh xe đây nè.

Một cái giàn lớn, bằng sắt đưa vút lên trời, trên ngọn có một bánh xe bự quay tít, đi nhanh tới nỗi loá mắt không thấy cãm của nó nữa. Chung quanh là những ngôi nhà lớn, những ống tua tua phun khói, và người ta lẳng xăng qua lại. Một đoàn xe tải dài vô tận leo lên một ngọn đồi lớn trắng, lên tít trên không.

Ở dưới chân đồi, lộn xộn đủ các xe hơi, xe cam nhông, xe buýt.

Kumalo hỏi:

- Phải Johannesburg đấy không?

Bọn hành khách cười, vẻ tự tin lắm. Có vài người lui tới miền này rất thường.

Họ bảo:

- Đã nhầm gì đâu. Ở Johannesburg, còn có những ngôi nhà cao, cao như...

Nhưng họ không biết phải nói: cao như cái gì cho đúng. Một người hành khách nói với một người bạn:

- Này anh, anh biết ngọn đồi dựng đứng sau khoảng đất rào kín của ba tôi không? Cao như ngọn đồi đó.

Người bạn kia gật đầu, nhưng Kumalo không biết ngọn đồi đó ra sao.

Bây giờ đây nhà cửa nối tiếp nhau không ngừng, nào nhà, nào đồi trắng, rồi những bánh xe hơi lớn, những đường phố nhiều vô kể, rồi xe hơi, xe cam nhông, xe buýt.

Kumalo bảo:

- Chắc đây là Johannesburg rồi?

Hành khách lại cười nữa. Họ đã cảm thấy hơi mệt. Họ bảo:

- Đã nhầm gì đâu.

Đường rầy đâu mà nhiều thế. Bên trái, bên phải, đếm không xuể. Một chuyến xe lửa bỗng chạy vụt qua phía trước, tiếng vang ầm ầm làm cho Mục sư giật mình đánh thót một cái. Ở phía bên kia một chuyến xe khác đuổi theo chiếc xe của họ rồi giảm tốc lực, ở lại phía sau. Hết ga này tới ga khác, không tưởng tượng nổi sao mà nhiều ga thế. Mấy trăm hành khách đứng đợi mà xe cứ chạy vụt qua làm mọi người thất vọng.

Nhà cửa mỗi lúc một cao hơn, đường phố mỗi lúc một nhiều hơn. Cứ chẳng chịt thế này làm sao cho khỏi lạc được? Hoàng hôn đã xuống, đèn phố bắt đầu cháy.

Một hành khách đưa tay chỉ:

- Johannesburg đấy, Umfundisi.

Kumalo thấy những ngôi nhà cao thật cao, trên đó có những ánh đèn xanh đỏ, cao cũng gần bằng ngôi nhà. Ánh đèn chớp chớp. Nước từ một cái chai lớn chảy ra, tới khi đầy một cái ly thì ánh đèn tắt. Khi ánh đèn sáng lại thì lạ không, cái chai đã đầy lại rồi, dựng đứng lên còn cái ly thì cạn. Rồi cái chai lại nghiêng xuống. Có hàng chữ đen và trắng. Nhưng đâu phải đen và trắng; xanh và đỏ đấy chứ. Thực chẳng còn hiểu gì hết.

Ông làm thình, ông nhúc đầu, ông hoảng sợ. Vô ga rồi này, một chỗ rộng mênh mông có vô số đường hầm. Chiếc xe lửa ngừng ở dưới một mái lớn, mấy ngàn người đứng ở đó. Có những bậc thang đưa xuống lòng đất, đường hầm đây rồi. Người da đen, người da trắng chen chúc nhau chật đường hầm, kẻ đi tới người đi lui. Kumalo thận trọng bước để khỏi đụng nhằm ai, ôm chặt chiếc tay nải. Ở đầu đường hầm, ông vô một phòng rộng. Ông theo dòng thác người, leo một cầu thang, ra khỏi hầm, tới đường rồi này. Tiếng ồn ào điếc cả tai. Xe hơi, xe buýt chạy nối đuôi nhau, sao mà nhiều thế không biết. Dòng thác người băng qua đường, nhưng ông dám theo họ, vì nhớ lại cái chết của đứa con trai anh Mpanza. Đèn xanh tắt, đèn đỏ bật, rồi đèn xanh lại cháy. Ông có nghe người ta nói, hễ đèn xanh bật thì qua đường được. Nhưng vừa tính qua thì một chiếc xe buýt bụi chạy qua mặt ông. Chắc có luật lệ gì đây mà ông không hiểu, ông bước trở lên lề đường. Ông lại dựa lưng vào một bức tường, làm ra vẻ như đợi ai. Tim ông đập thình thịch như tim một em nhỏ, không làm cách nào, suy nghĩ gì cho nó bớt đập được. Ông lẩm bẩm:

- Xin *Tixo* che chở cho con. Xin *Tixo* che chở cho con.

Một gã thanh niên lại gần ông, nói một câu gì bằng một ngôn ngữ mà ông không biết. Ông bảo:

- Nói gì tôi không hiểu.

- Vậy ra Umfundisi là người Xosa?

- Người Zulu.

- Umfundisi tính đi đâu?

- Lại Sophiatown, chú em.

- Vậy Umfundisi đi theo tôi, tôi dẫn đường cho.

Ông mang ơn gã đó, nhưng lòng hơi ngại ngại và mừng rằng gã không xin xách giùm chiếc tay nải. Gã ăn nói lễ phép nhưng thứ tiếng Zulu của gã hơi kỳ cục.

Đèn xanh bật và gã bước xuống đường. Một chiếc xe tiến tới, nhưng gã tiếp tục băng qua đường và chiếc xe ngừng lại. Như vậy ông mới vững bụng.

Họ đi quanh quẹo dưới chân mấy ngôi nhà cao, ông không nhớ hết được, nhưng khi cánh tay

ông rã rời vì cái tay nải nặng trĩu thì họ tới một chỗ có nhiều xe buýt đậu.

- Umfundisi phải đứng nổi đuôi người ta. Umfundisi có tiền mua giấy xe đấy không?

Kumalo vội vàng đặt chiếc tay nải xuống mở túi tiền ra, như muốn tỏ cho gã đó thấy rằng, ông quý tấm lòng sốt sắng của gã lắm. Ông không dám hỏi giấy xe bao nhiêu và lấy ra một bản.

- Umfundisi muốn để tôi mua giấy xe giùm không? Như vậy Umfundisi giữ được chỗ trong hàng, trong khi tôi lại chỗ bán giấy.

- Ừ, cảm ơn chú em.

Gã cầm đồng bản rồi đi một quãng ngắn tới một góc đường. Khi hấn queo mất hút rồi, Kumalo hơi lo ngại. Hàng người nhích tới và ông ôm chặt chiếc tay nải nhích theo. Nhích tới nữa, tới nữa, sắp phải lên xe buýt rồi mà giấy vẫn chưa có. Rồi như bỗng nhớ ra điều gì, ông bước ra ngoài hàng, lại chỗ góc đường mà gã thanh niên đã queo rồi mất hút. Không thấy bóng dáng gã đâu cả. Ông thu hết can đảm lại để kiểm người hỏi thăm, và bước lại gần một ông cao tuổi ăn bận đàng hoàng sạch sẽ.

- Xin ông chỉ giúp tôi chỗ bán giấy xe ở đâu?

- Chỗ bán giấy xe nào Umfundisi?

- Bán giấy xe buýt.

- Lên xe buýt rồi mới mua giấy. Không có chỗ bán giấy.

Người đó có vẻ lương thiện, và mục sư nói giọng khiêm tốn:

- Tôi đã đưa một đồng bản cho một thanh niên, cậu ấy bảo lại chỗ bán giấy mua giấy cho tôi.

- Hấn lừa gạt Umfundisi rồi. Có nhớ mặt gã không? Không à, mà Umfundisi không bao giờ còn gặp mặt lại hấn đâu. Thôi, đi theo tôi, Umfundisi đi đâu, lại Sophiatown?

- Vâng, lại Sophiatown. Lại hội Truyền Giáo.

- Vậy ư? Tôi cũng theo đạo Anglican. Tôi đứng đây chờ một người, nhưng lâu quá rồi, tôi không chờ được nữa. Để tôi dắt đường Umfundisi. Umfundisi quen mục sư Msimangu?

- Quen chứ, tôi có bức thư của mục sư đây.

Họ lại đứng nổi đuôi và một lát sau bước lên xe buýt. Chiếc xe ra khỏi bến, len lỏi vô các con đường đầy xe cộ. Người tài xế thản nhiên hút thuốc, can đảm thật đáng phục. Xe chạy hết đường này tới đường khác, hết đèn xanh đèn đỏ này tới đèn xanh đèn đỏ khác, cơ hồ như bất tận, có lúc chạy nhanh tới nỗi xe lắc lư và máy rồ ù cả tai.

Họ xuống xe, vô một con đường nhỏ mà cũng có cả ngàn người qua lại. Họ đi một quãng xa, đường nào cũng chật ních người. Người bạn mới quen xách giúp tay nải cho Kumalo, nhưng lần này ông không ngại nữa. Sau cùng họ ngừng ở trước một ngôi nhà có đèn sáng rồi gõ cửa. Cửa mở ra, một thanh niên cao lớn bận áo thầy tu mời họ vô.

- Ông Msimangu, tôi dắt lại cho ông bạn đây, mục sư Kumalo ở Ndotsheni.

- Mời các ông vô. Xin chào ông, ông Kumalo, tôi hân hạnh được gặp ông. Lần này là lần đầu tiên ông lại Johannesburg?

Kumalo hân diện vô cùng: đã được dắt dẫn tới nơi tới chốn, lại được tiếp đón niềm nở. Ông khiêm tốn đáp:

- Tôi lấy làm thẹn lắm. Tôi mang ơn ông bạn của ông nhiều lắm.

- Thật may mà gặp được ông ấy đấy. Ông Mafolo là một đại thương gia ở đây mà cũng là một tín đồ ngoan đạo nữa.

Mafolo nói:

- Nhưng trước khi gặp tôi, ông ấy đã bị chúng lừa gạt.

Thế là phải kể lại việc đã xảy ra, và hai người kia tỏ vẻ thương hại Kumalo, dặn ông đủ điều.

- Nhưng chắc là ông đói rồi, ông Kumalo. Ông Mafolo ở lại cùng ăn cho vui nhé?

Ông Mafolo có việc phải đi. Cánh cửa khép lại rồi, Kumalo ngồi vào một chiếc ghế bành lớn và mặc dầu không quen hút, nhưng cũng nhận một điếu thuốc. Phòng sáng sủa, phía sau cửa ngoài kia, là đô thị lớn náo nhiệt quay cuồng. Ông phì phào điếu thuốc, phà khói ra như một em nhỏ, trong lòng cảm bội, hân hoan. Thế là xong cuộc hành trình dài tới Johannesburg và ông đã mẩn ngay vị mục sư trẻ tuổi đáng tin cậy này. Đợi lát nữa chắc hẳn họ sẽ nói vì lý do cuộc hành trình may mà tới nơi tới chốn này. Bây giờ ông hãy hưởng cái vui được yên ổn và được tiếp đón niềm nở đã.

Chú thích:

1. Túc xe điện.

2. Ngôn ngữ của những người Afrikaaner, tức người Hoà Lan sinh trưởng ở Nam Phi. Ngôn ngữ đó là một thứ tiếng Hoà Lan giản dị, tuy đẹp, nhưng bị người Anh ở Nam Phi và cả một số người Hoà Lan nữa khinh bỉ. Tiếng Anh và Afrikaans là hai ngôn ngữ chính thức ở Nam Phi.

3. Túc dùng mìn.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIẾN LÊ

Chương 5

Tôi đã giữ cho huynh một phòng trong nhà một bà già, bà Lithebe, một người hiền lương trong giáo khu. Bà ta là người Msutu, nhưng nói thạo tiếng Zulu. Bà ta sẽ lấy làm hân hạnh có một mục sư trong nhà. Tiền phòng rẻ, có ba si-ling một tuần thôi, còn ăn uống thì huynh qua đây ăn với anh em trong hội Truyền Giáo. Ủa, chuông đánh báo tới bữa ăn rồi này. Mời huynh đi rửa tay.

Họ rửa tay trong một phòng rất tân thời, có một la-va-bô trắng tinh, đủ nước nóng nước lạnh, mấy chiếc khăn mặt tuy đã cũ nhưng rất trắng, cầu tiêu cũng tân thời. Xong rồi chỉ cần ấn một cái nút nhỏ là nước ồ ồ chảy ra như có cái gì bể vậy, không biết trước thì giật mình.

Họ vô một căn phòng bàn ăn đã dọn sẵn và Kumalo gắp mấy mục sư nữa cả da trắng lẫn da đen; họ đọc kinh tạ ơn rồi bắt đầu ăn. Kumalo nhìn thấy có nhiều đĩa, dao và nĩa, hơi hoang mang, nhưng rồi để ý ngó các người khác làm ra sao và cũng làm vậy.

Ông ngồi bên một mục sư trẻ tuổi, cặp má hồng hào từ Anh qua; mục sư này hỏi ông từ đâu tới và miền ông ở ra sao. Một mục sư khác, da đen la lên:

- Quê tôi cũng ở Ixopo. Song thân tôi còn sống ở đó, trong thung lũng Lufafa. Miền đó lúc này ra sao?

Và Kumalo nói chuyện về những miền đó cho họ nghe, tả những đồi cao và thung lũng của xứ xa xôi mà ông yêu quý đó. Giọng ông chắc nòng nàn vì mọi người đều làm thính, chăm chú nghe ông. Ông cũng tả bệnh căn cỗi của đất đai, cây cỏ chết lụi, khe suối khô cạn; cảnh tiêu điều trong miền chỉ còn các ông già bà cả, đàn bà và con nít; bắp thì cao không tới đầu người mà bộ lạc thì tan tác, nhà cửa hoang tàn, con người thất vọng; mà khi họ bỏ nhà ra đi rồi thì nhiều kẻ không khi nào trở về nữa, nhiều kẻ không viết một bức thư nào về nữa. Ông bảo rằng tình cảnh đó không chỉ riêng ở Ndotsheni, mà chung cho cả các thung lũng Lufafa, Imhlavini, Umkomaas và Umzimkulu. Nhưng về Gertrude và Absalom thì ông không nói gì cả.

Thế là mọi người cùng bàn bạc về bệnh căn cỗi của đất đai, về những bộ lạc tan tác, nhà cửa hoang tàn, những trai gái bỏ quê hương ra đi, quên cả tục lệ và sống một đời phóng túng, biếng

nhắc. Họ nói đến bọn thiếu nhi phạm pháp, bọn phạm pháp lớn tuổi hơn và nguy hiểm hơn nữa. Họ bảo rằng người da trắng sống trong cảnh sợ hãi vì bọn bất lương da đen. Một người đi kiếm một tờ nhật báo, tờ *Johannesburg Mail*, chỉ cho Kumalo một tí in chữ lớn: MỘT CẶP VỢ CHỒNG GIÀ, BỊ ĐÁNH ĐẬP CƯỚP BỐC TRONG NGÔI NHÀ HÉO LÁNH, BỐN THỔ DÂN BỊ BẮT, và bảo:

- Những chuyện như vậy xảy ra gần như hằng ngày. Mà không phải chỉ riêng người Âu sợ hãi đâu. Chúng tôi cũng sợ nữa, ngay ở Sophiatown này. Mới cách đây không lâu, bọn thanh niên đó cướp giật một thiếu nữ Phi, lấy xác và tiền nong, và nếu người ta không chạy tới kịp thì chắc là thiếu nữ đó đã bị chúng hiếp rồi.

Ông mục sư mặt hồng hào bảo:

- Ở Johannesburg này ông sẽ biết được nhiều chuyện nữa. Không phải chỉ riêng miền của ông bị tàn phá đâu. Chúng ta còn phải nói chuyện với nhau nhiều nữa. tôi muốn được nghe ông nói tiếp về xứ sở của ông, nhưng bây giờ tôi có việc phải cáo biệt.

Câu chuyện tới đó ngừng lại và Msimangu muốn dắt Kumalo về phòng riêng của mình. Ông ta bảo:

- Chúng tôi có nhiều chuyện phải nói với nhau.

Hai người trở lại phòng riêng của Msimangu. Khi cửa khép lại rồi, họ cùng ngồi xuống rồi, Kumalo bảo:

- Xin huynh thứ lỗi cho, tôi nóng ruột muốn biết tin tức về em gái tôi.

- Vâng, vâng, tôi biết chắc rằng huynh nóng ruột lắm, và chắc huynh cho tôi là có vẻ thản nhiên. Nhưng xin lỗi, trước hết tôi muốn biết cô ấy tới Johannesburg này làm gì vậy?

Câu hỏi đó làm Kumalo bối rối, nhưng ông không dám giấu, phải nói thẳng rằng em gái ông ra đây tìm chồng. Chồng đã đăng phu mả, hết hạn rồi mà không về, cũng không cho biết tin tức gì cả. Em gái ông không biết chồng còn sống hay chết, đành dắt đứa con nhỏ ra đây tìm chồng.

Thấy Msimangu làm thinh ông lo lắng hỏi:

- Cô ấy đau nặng lắm không?

Msimangu nghiêm nghị đáp:

- Vâng, đau nặng lắm. Nhưng không phải thứ bệnh đó mà là một thứ bệnh khác; tệ hơn nhiều. Tôi đã nhả huynh ra đây vì thiếu phụ đó cô độc mà lại là em ruột một mục sư. Tôi không biết cô ấy có tìm được chồng không, nhưng hiện nay cô ấy không có chồng.

Ông ta ngó Kumalo, nói thêm:

- Nói cho đúng hơn cô ta có rất nhiều chồng.

Kumalo khẽ kêu lên:

- *Tixo! Tixo!*

- Hiện nay cô ấy ở Charemont, cũng gần đây. Khu đó là một trong những khu tồi tệ nhất ở Johannesburg. Sau các cuộc bố ráp của cảnh sát, rượu chảy ra cùng đường. Vô cái khu đó là ngửi thấy nồng nặc mùi rượu, không có mùi gì khác hơn là mùi rượu.

Ông ta nghiêng mình về phía Kumalo, bảo:

- Hồi xưa tôi cũng thường uống rượu, nhưng đó là thứ rượu tốt như rượu của ông cha chúng mình cất. Bây giờ tôi đã thề rồi, không đụng tới một giọt rượu nữa. Thứ rượu ở đây xấu, người ta bỏ thêm vô những cái quái gì đó cho nó thêm nồng mà trước kia người mình có bao giờ dùng đâu. Đó, cái nghề lúc này của cô ấy là chế tạo thứ rượu đó rồi bán. Nói ra thì đau lòng nhưng tôi cũng phải nói hết. Bọn đàn bà đó ngủ với bất kỳ người đàn ông nào để kiếm tiền. Một người đàn ông bị giết ở nhà cô ấy. Họ đùa giỡn, nhậu nhẹt và đâm chém nhau. Cô ấy đã bị nhốt khám mấy lần rồi.

Ông ta ngả lưng vào chiếc ghế bành, đẩy một cuốn sách ở trên bàn ra xa rồi lại kéo nó về, bảo:

- Những tin đó đau xót cho huynh lắm.

Kumalo gật đầu và làm thinh. Msimangu lấy gói thuốc lá mời:

- Huynh hút một điếu.

Kumalo lắc đầu

- Tôi có biết hút thuốc đâu.

- Đôi khi hút thuốc làm cho thần kinh dịu được. Trong con người chắc còn có một thứ an tĩnh nào khác, lúc đó cứ để cho người ta hút để hưởng cái an tĩnh ấy. Nhưng ở Johannesburg, nhiều khi khó mà tìm được cái thứ an tĩnh ấy.

- Tại sao lại ở Johannesburg? Ở đâu mà chẳng vậy? Sự an tĩnh của Thượng Đế rồi bỏ chúng ta rồi?

Cả hai lại im lặng, như thể một lời nào đó đã thốt ra rồi thì có nói gì thêm nữa cũng hoá ra vô nghĩa. Sau cùng Kumalo hỏi:

- Đứa nhỏ hiện ở đâu?

- Cùng ở đó với má nó. Nhưng nơi đó không phải là chỗ cho trẻ ở, và đó cũng là lý do tôi đã mời huynh ra đây. Nếu huynh không thể cứu được người mẹ thì may ra có thể cứu được đứa con.

- Nơi đó ở đâu?

- Cách đây không xa. Ngày mai tôi sẽ dắt huynh tới.

- Tôi còn một nỗi rầu rĩ nữa.

- Huynh cứ nói tôi nghe.

- Tôi sung sướng được thổ lộ với huynh.

Nhưng rồi Kumalo làm thinh, ran nói mà không thốt nên lời.

Msimangu bảo:

- Chẳng có gì gấp, huynh ạ...
- Khó nói quá. Đó là nỗi rầu rĩ nhất của chúng tôi.
- Chuyện cậu con trai chẳng? Hay là cô con gái?
- Con trai.
- Cứ nói tôi nghe.
- Tên cháu là Absalom. Nó cũng ra đây để tìm cô nó, nhưng đi rồi không về và đã lâu rồi nó không thư từ gì về nhà nữa. Má nó và tôi gửi cho nó mấy bức thư, bức nào cũng gửi trả lại. Bây giờ nghe những lời huynh kể, tôi lại càng lo sợ.
- Chúng mình sẽ rán tìm kiếm nó. Có lẽ cô em đó biết nó ở đâu. Huynh mệt rồi, để tôi đưa huynh lại căn phòng tôi đã giữ cho huynh.
- Vâng, tôi cũng cần phải nghỉ ngơi.

Họ đứng dậy, Kumalo bảo:

- Tôi có thói quen, hễ cầu nguyện thì lại giáo đường. Huynh làm ơn chỉ lối cho tôi.
- Chúng mình đang đi về phía đó đây.

Kumalo có giọng khiêm cung:

- Ước gì huynh cầu nguyện cho tôi.
- Tôi sẵn lòng lắm. Huynh ạ, tôi cũng có nhiều công việc lắm, nhưng huynh còn ở đây ngày nào thì công việc của huynh là công việc của tôi.
- Huynh tốt bụng quá.

Giọng nói của Kumalo có cái gì khúm núm làm cho Msimangu cảm động. Msimangu đáp:

- Tôi không tốt bụng đâu. Tôi là một người ích kỷ và nhiều tội lỗi, nhưng được Thượng Đế ra tay cứu vớt thế thôi.

Ông xách giùm cái tay nải cho Kumalo nhưng trước khi tới cửa, Kumalo níu tay ông lại, bảo:

- Tôi có một điều muốn nói nữa.
- Cái gì vậy?
- Tôi cũng có một người em cũng ở Johannesburg. Chú ấy không bao giờ viết thư cho tôi cả.

Tên là John Kumalo, làm thợ mộc.

Msimangu mỉm cười:

- Tôi biết ông ta. Còn thì giờ đâu nữa mà viết thư. Một đại chính trị gia ở Johannesburg đấy.
- Chính trị gia? Chú ấy mà là chính trị gia?
- Phải, có uy thế về chính trị đấy.

Msimangu ngừng một chút rồi nói tiếp:

- Tôi mong rằng điều tôi nói đây sẽ không làm cho huynh đau lòng thêm nữa. Ông em của huynh từ bỏ giáo hội rồi. Ông ta bảo cái gì mà Thượng Đế không làm cho Nam Phi, thì con

người phải làm. Nói vậy đó.

- Chuyển đi này của tôi thật chua chát quá.

- Đúng vậy.

- Đôi khi tôi lo sợ....Đức Giám mục mà hay thì không biết ngài sẽ nói sao? Một mục sư của ngài...

- Một đức Giám mục thì nói gì được? Một cái gì đó đã xảy ra mà không đức Giám mục nào có thể ngăn nổi? Ai có thể ngăn nổi những cái đó xảy ra? Nó đã xảy ra thì nó phải tiếp tục như vậy.

- Sao huynh có thể nói như vậy được? Làm sao huynh có thể nói được rằng những cái đó phải tiếp tục?

Msimangu nghiêm nghị lặp lại:

- Nhưng cái đó phải tiếp tục. Không ai có thể ngăn cản được thế giới tiến tới. Tôi là người theo đạo Ki Tô. Trong thâm tâm tôi không oán người da trắng. Chính người da trắng đã kéo thân phụ tôi ra khỏi cảnh tối tăm. Nhưng xin lỗi bạn cho tôi nói thẳng. Cái bi kịch không phải là có những cái đã đổ vỡ. Bi kịch là đổ vỡ mà không sửa chữa lại được nữa. Người da trắng đã làm cho bộ lạc tan rã. Và tôi tin chắc rằng – tôi xin lỗi bạn lần nữa – tôi tin chắc là không sao sửa chữa được nữa. Nhà cửa tan tành, con người phiêu tán, những cái đó mới là bi thảm. mà hậu quả là trẻ ngày nay bất chấp pháp luật mà các người da trắng già thì bị đánh đập, cướp bóc.

Ông đưa tay lên trán, nghiêm nghị nói tiếp:

- Người da trắng cho rằng làm cho bộ lạc tan rã là điều có lợi. Nhưng họ không thấy cần phải xây dựng cái gì để thay thế. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về vấn đề đó, và tôi cần phải nói ra vì tôi cho là điều tôi nói đây là sự thực. Không phải mọi người da trắng đều như vậy. Cũng có vài người da trắng hy sinh để rán xây dựng lại cái gì đã đổ vỡ. Nhưng số người đó ít lắm – ông nói tiếp - Họ sợ, sự thực như vậy. Chính sự sợ hãi chi phối, thống trị xứ này.

Ông ngừng lại ở giữa lề đường, nghiêm trang và bình tĩnh nói với bạn:

- Vì người da trắng nắm quyền hành mà chúng ta cũng muốn có quyền hành. Nhưng khi người da đen có được quyền hành, khi họ có nhiều tiền thì sẽ thành một vĩ nhân nếu không tham những. Tôi đã thường thấy như vậy. Họ muốn có quyền hành và tiền bạc để sửa đổi những bất công trong xã hội và khi họ có được cái đó rồi thì họ chỉ lo lợi dụng và hưởng thụ thôi. Lúc đó họ có thể mua vui, có thể tìm cách mua được rượu của người da trắng. Có thể nói với cả ngàn người và nghe người ta vỗ tay hoan nghênh mình.

- Trong bọn chúng ta có vài người nghĩ rằng khi chúng ta có quyền hành thì có thể trả thù những người da trắng trước kia đã có quyền hành, và cái ý muốn đó xấu xa, vì chúng ta xấu xa nên quyền hành của chúng ta không có sức mạnh. Nhưng đa số người da trắng không hiểu sự thực đó về quyền hành và họ sợ chúng ta có quyền hành.

Ông đứng yên như suy nghĩ về những điều mới nói:

- Phải, đúng là quyền hành như vậy đó, nếu nó đòi bại thì không có sức mạnh. Chỉ có mỗi một cái là quyền hành tuyệt đối, tức tình thương. Vì khi có tình thương thì người ta không cần có quyền hành, mà vì không cần có quyền hành thì tự nhiên có quyền hành. Tôi chỉ thấy có mỗi một niềm hy vọng cho quê hương chúng ta, là người da trắng và người da đen không cần có quyền hành và tiền bạc, chỉ mưu cái ích lợi cho xứ này và cùng hợp lực với nhau để thực hiện việc đó.

Ông ngừng nói, vẻ trầm tư, rồi rầu rĩ nói tiếp:

- Tôi sợ nhất một điều là tới khi họ biết có tình thương thì họ thấy chúng mình đã hoá ra thù ghét họ.

Và Kumalo lặng lẽ theo ông ta, lòng thấy trầm uất vì những lời nghiêm nghị và buồn bực đó.

o o o

Họ tới Doorfontein mà cũng chẳng được việc gì mặc dầu người da trắng ở đó nể nang họ. Msimangu biết cách cư xử với người da trắng và họ chịu khó tìm hỏi, sau cùng hay rằng Absalom Kumalo đã thôi không làm ở xưởng đó một năm rồi. Một người nhớ rằng Absalom chơi thân với một người thợ trong xưởng tên là Dhlamini, và cho gọi anh thợ này lại. Anh ta bảo tin tức cuối cùng anh ta được biết là Absalom ở trọ nhà một bà tên là Ndlela ở đường End, con đường phân cách Sophiatown và khu Westdene của người Âu. Anh ta nhớ mãi mại số nhà là 105, nhưng không chắc chắn lắm.

Kumalo và Msimangu lại trở về Sophiatown, quả nhiên gặp được bà Ndlela ở số 106, đường End. Bà nhã nhặn tiếp họ, trong khi mấy đứa con của bà núp sau váy mẹ mà ngó trộm khách. Bà ta bảo Absalom không còn ở đó nữa, nhưng yêu cầu họ đợi một chút, vì bà ta nhớ Absalom có viết cho bà một bức thư để xin lại những đồ vật để lại nhà bà. Và trong khi Kumalo chơi với mấy đứa nhỏ, Msimangu nói chuyện với chồng bà ta thì bà ta lấy ra một hộp lớn chứa đầy giấy má và đồ lặt vặt rồi lục lọi, tìm kiếm bức thư của Absalom. Msimangu nhận xét nét mặt hiền từ mệt mỏi của bà, thấy bà ngừng tay một chút, nhìn Kumalo có vẻ vừa tò mò vừa thương hại. Sau cùng bà ta kiểm được bức thư, chỉ cho họ địa chỉ: 79 đại lộ 23, Alexandra, nhờ bà Mkige giao lại giùm.

Chủ nhân pha trà, họ phải uống một chén, khi họ đứng dậy ra về thì trời đã tối. Ông chồng tiễn Kumalo ra tới tận ngoài đường.

Msimangu ở lại phía sau, hỏi bà vợ:

- Tại sao bà ngó ông bạn tôi mà có vẻ thương hại?

Bà ta nhìn xuống rồi lại ngược mắt lên đáp:

- Ông ấy là một Umfundisi?

- Phải!

- Tôi không ưa bọn bạn bè của con trai ông ấy. Nhà tôi cũng vậy. Vì vậy mà cậu ấy bỏ đi nơi khác.

- Tôi hiểu bà. Nhưng ngoài ra còn có gì nghiêm trọng hơn nữa không?

- Không, tôi không thấy gì khác nhưng tôi không ưa bạn bè của cậu ấy.

Về mặt bà ta chân thành cởi mở, bà không nhìn xuống nữa.

- Xin chào bà.

- Xin chào Umfundisi.

Ra tới đường, Msimangu và Kumalo từ biệt người chồng rồi đi về phía hội Truyền giáo.

Msimangu bảo:

- Ngày mai chúng ta lại Alexandra.

Kumalo đặt bàn tay lên cánh tay bạn:

- Tôi lại Johannesburg này toàn là vì những chuyện không vui, nhưng được quen biết huynh, thật là niềm vui sướng cho tôi.

- Thôi chúng mình mau lên, kéo trễ bữa tối rồi.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 6

Sáng hôm sau, ăn điểm tâm ở hội Truyền giáo rồi, Msimangu và Kumalo đi qua một con đường lớn rất rộng có nhiều xe buýt qua lại.

Msimangu bảo:

- Ở đây đón thì chuyển xe nào cũng tới chỗ.

Kumalo mỉm cười vì bạn muốn giải nỗi sợ đón nhầm xe của mình.

Msimangu bảo:

- Tất cả xe buýt ở đây đều đi Johannesburg. Vậy khỏi phải sợ nhầm xe.

Họ đón ngay chiếc xe buýt đang chạy tới, và chiếc xe đưa họ tới chỗ mà mấy hôm trước Kumalo đã bị mất một bản. Từ đó họ đi ngang qua nhiều con đường đầy xe hơi, xe buýt, kẻ qua người lại và sau cùng tới bến xe buýt đi Alexandra. Nhưng họ bị ngăn cản bất ngờ, vì một người tiến lại họ, hỏi Msimangu:

- Umfundisi muốn đi Alexandra?

- Phải!

- Chúng tôi đứng đây để cản Umfundisi. Không phải bằng sức mạnh đâu - người đó đưa tay chỉ - cảnh sát đứng sẵn kia rồi. Chúng tôi dùng lời lẽ để thuyết phục. Đi xe buýt đó là Umfundisi làm hại quyền lợi của người da đen. Chúng tôi đã quyết định tẩy chay những xe buýt đó cho đến khi nào họ phải trở lại giá cũ là 4 pen-ni thì mới thôi.

- À! Phải, tôi có nghe nói về chuyện đó.

Msimangu quay lại nói với Kumalo:

- Tôi điên rồi huynh ạ. Tôi quên rằng không có xe buýt, quên rằng đang có cuộc tẩy chay xe buýt.

Kumalo nói nhỏ nhẹ, như năn nỉ:

- Chúng tôi có việc khẩn cấp.

Người đó lễ phép đáp:

- Vụ tẩy chay này cũng cấp thiết. Họ đòi chúng tôi phải trả 6 pen-ni, như vậy là mỗi ngày mất 1 si-ling, một tuần 6 si-ling, mà anh em chúng tôi có người chỉ kiếm được mỗi tuần 35 hay 40 si-ling.

Kumalo hỏi:

- Đi bộ có xa không?

- Thưa xa Umfundisi. Mười bảy cây số.

- Xa quá, đối với một người già.

- Thưa, có những người già như Umfundisi mà ngày nào cũng phải đi đấy. Rồi đàn bà nữa, có người đau, có người tàn tật, cả con nít cũng phải đi đấy. Họ ra đi từ bốn giờ sáng và tám giờ tối mới về tới nhà. Nuốt vội một miếng, vừa mới ngả đầu trên gối chợp mắt được một chút thì phải dậy rồi để ra đi, có khi bụng rỗng không, chỉ uống có hớp nước nóng. Tôi không thể ngăn cấm Umfundisi đi xe buýt được, nhưng tôi nghĩ nó là một quyền lợi đáng cho chúng ta tranh đấu. Nếu chúng ta thua phen này thì những người khác ở Sophiatown, Claremont, Kliptoonn, Pimville cũng phải trả tiền xe tăng lên.

- Tôi hiểu lắm bạn. Chúng tôi sẽ không đi xe buýt đâu.

Người đó cảm ơn họ, rồi tiến lại gần một người khác có vẻ muốn đi xe buýt.

Kumalo bảo:

- Người đó có tài thuyết phục thật.

Msimangu nói, giọng dịu dàng:

- Ông ta là Dubula, con người nổi tiếng, bạn của ông John lệnh đệ đấy. Người ta bảo – huynh thứ lỗi cho nhé. Tomlinson có đầu óc, lệnh đệ có được cái giọng nói, còn ông này thì có nhiệt tâm. Chính quyền sợ ông ta nhất, vì chính ông ta không sợ gì cả. Ông ta không mưu tính cái gì riêng cho mình cả. Người ta bảo ông ta đã bỏ chỗ làm của mình để đứng gác ở đây cản người ta đi xe buýt, và vợ cũng đứng gác ở bến xe buýt Alexandra như chồng.

- Hai vợ chồng như vậy thật hãnh diện. Johannesburg là một nơi có nhiều cái đáng kỳ dị.

Msimangu nói, giọng có vẻ tiếc hận:

- Trước họ ở trong giáo phái của mình đấy, nhưng rồi bỏ ra ngoài. Cũng như ông em của huynh, họ bảo rằng giáo hội nói thì hay mà không hành động. Sao bây, bây giờ chúng mình tính sao?

- Tôi tính đi bộ.

- Đi mười bảy cây số, về mười bảy cây nữa. Xa lắm đấy huynh hiểu cho chứ, Johannesburg này không phải là chỗ hợp với một người con trai ở một thân một mình.

- Vậy thì đi.

Họ đi bộ mấy cây số qua khu của người Âu, lên con đường Twist tới Clarenton Cricle rồi xuống con đường Louis Botha tới Vườn cam. Xe hơi, xe cam nhông qua lại không ngớt, chiếc đi lên,

chiếc đi xuống. Họ đi một lúc lâu, thì một chiếc xe hơi thắng lại ở bên cạnh họ, và một người da trắng lộ đầu ra hỏi:

- Hai ông đi đâu đấy?

Msimangu cất nón chào, và nói:

-Thưa ngài, chúng tôi đi Alexandra.

- Tôi đoán không sai, lên xe tôi đưa đi.

Thật là may mắn cho họ; tới chỗ quẹo vào Alexandra, họ xuống xe ngỏ lời cảm ơn.

Người da trắng bảo:

- Đường xa quá, mà tôi biết rằng không có xe buýt....

Họ đứng nhìn chiếc xe chạy đi. Nhưng chiếc xe không chạy tới mà quay trở lại, đi ngược về Johannesburg.

Msimangu bảo:

- Thật là một chuyện lạ.

Từ chỗ đó tới đại lộ Hai mươi ba, đường còn xa, và trong khi họ đi hết đại lộ này tới đại lộ khác, Msimangu giảng cho bạn hiểu rằng Alexandra nằm ở ngoài ranh giới thành phố Johannesburg là một khu mà người da đen có quyền mua đất cất nhà. Nhưng đường phố tệ quá, lại không có đèn và nạn khan nhà trầm trọng tới nỗi, ai có phương tiện thì cũng cất thêm một vài cái chòi trong sân để cho mượn lại. Nhiều chòi là những ổ trộm cướp, gái điếm, chỗ nấu rượu lậu.

Msimangu bảo:

- Tình trạng thảm hại quá đến nỗi bọn người da trắng ở Vườn cam, ở Norwood và Highlands North cùng đứng đơn yêu cầu nhà cầm quyền san phẳng khu đó đi. Một thanh niên mình đã giết cái xác của một bà già da trắng, bà ta té xuống, xúc động sợ quá mà chết tại chỗ. Rồi còn một chuyện ghê rợn này nữa: một người đàn bà da trắng ở một mình trong một căn nhà cách đây không xa, một bọn thanh niên mình xông vô cướp, bà ta chống cự lại mà bị chúng giết. Cũng có đôi khi đàn ông và đàn bà da trắng ban đêm ngừng xe hơi lại dưới tàn cây trên đường Oretoria; và bọn thanh niên mình có đưa lại cướp giết của họ, đánh đập họ, hiếp dâm đàn bà của họ nữa. Đành rằng hạng đàn bà đó thường là xấu xa, nhưng dù sao cũng là một trọng tội ghê gớm quá.

Msimangu ngừng lại một chút rồi nói tiếp:

- Tôi còn nhớ một vụ nữa ở phía bên kia Johannesburg. Một ông bạn của tôi ở một ngôi nhà cô lập trên con đường Potchefstroom. Giữa một đêm đông lạnh lẽo, còn lâu trời mới sáng mà ông ta nghe thấy có người gõ cửa. Ra coi thì là một người đàn bà da trắng gần như lóa lồ. Y phục bà ta đã bị xé toạc, còn mấy mảnh bà ta thu thu lại để che thân, mà da thì tím đi vì lạnh. Một người đàn ông da trắng đã hiếp bà ta, ép bà ta lên xe hơi của hắn, và sau khi đã thoả mãn rồi - thoả

mãn hay không thực ra tôi không biết rõ, vì tôi không có ở đó - hẳn tổng bà ta ra ngoài trời lạnh với mảnh áo tả tơi trên mình đó, rồi lái xe về Johannesburg. Hai vợ chồng ông bạn tôi kiếm cho bà ta được một chiếc áo dài cũ và một chiếc áo khoác cũ, nấu nước pha trà và quần mền cho bà ta. Trẻ trong nhà thức dậy hỏi có chuyện gì vậy, nhưng vợ chồng ông bạn bảo chúng ngủ đi và không cho chúng vô phòng để coi bà nọ. Rồi đương đêm, ông bạn tôi lại nhà một chủ trại da trắng ở gần đó. Chó nhà này dữ quá, ông ta sợ nhưng cứ bước vô và khi người da trắng bước ra, ông ta kể chuyện đã xảy ra, bảo việc này nên làm kín đáo, không cho ai hay. Người da trắng bảo: “Được tôi sẽ lại ngay bây giờ” rồi đánh xe ra, cả hai người trở về nhà ông bạn tôi. Bà da trắng muốn đưa một số tiền để trả ơn vợ chồng ông bạn tôi, nhưng không có tiền. Vợ chồng ông bạn tôi đều bảo bà ta rằng không nên đưa tiền. Người đàn ông da trắng bảo ông bạn tôi: “*Jy is’n goeie Kaffer*” (chú là một tên Cafre (1) tốt), và lặp câu đó tới hai lần... Ông ta cảm động, và bập bẹ mấy tiếng Bantu đó.

- Nghe chuyện, tôi cũng cảm động.

- Lúc này tôi nói về đơn thỉnh nguyện xin san phẳng khu này. Các bạn da trắng của chúng ta phản đối, bảo rằng ở Alexandra cái tốt vẫn nhiều hơn cái xấu, và để cho người dân ở đây có một miếng đất, một căn nhà của riêng mình để nuôi con, một nơi họ có quyền ăn nói, cảm thấy rằng mình được ở trên nơi chôn nhau cắt rốn của mình, cái đó là điều đáng kể chứ. Giáo sư Hoernle – ông ta đã mất rồi, xin Thượng Đế độ trì hương hồn ông – là người chiến đấu hăng nhất cho chúng ta. Thực đáng tiếc là huynh không được nghe ông ấy diễn thuyết. Vì một mình ông ấy có đủ đầu óc của Tomlinson, cái giọng nói của ông John và cái nhiệt tâm của Dubula. Khi ông ta nói thì không một người da trắng nào tranh biện nổi. Bây giờ tôi còn nhớ. Ông ta thường nói rằng cái này ở đây, cái kia ở kia và cái đằng kia nữa ở đằng kia và cái nào ông đã đặt ở đâu thì ở đó, không ai có thể dời chỗ nó đi được dù chỉ là một vài phân. Dù là Anh hay Afrikaaner (2) thì cũng không ai dời chỗ những cái đó được cả.

Msimangu rút khăn mùi xoa ra chùi mồ hôi trên mặt.

- Tôi đã nói nhiều quá, đã tới căn nhà mà chúng ta kiếm rồi đây.

Họ gõ cửa, một người đàn bà ra mở cửa, không chào hỏi họ và khi họ cho biết mục đích của họ thì thím ta miễn cưỡng để họ vô.

- Thím Mkize, thím nói thanh niên đó đã dọn đi chỗ khác rồi ư?

- Phải, và tôi không biết đi đâu.

- Đi hồi nào vậy?

- Cách đây nhiều tháng rồi. Có lẽ tới một năm rồi.

- Cậu ấy có ở chung với một người bạn nào không?

- Có, một cậu nữa cùng họ Kumalo, một người em con chú. Họ dắt nhau đi.

- Và thím không biết họ đi đâu?

- Họ có nói tới mấy chỗ. Nhưng bọn thanh niên ấy nói, thì ông còn lạ gì.

Kumalo hỏi:

- Thanh niên tên là Absalom đó hạnh kiểm ra sao?

Rõ ràng là trong mắt thím ta có vẻ sợ hãi. Và rõ ràng là thấy vậy, Kumalo cũng đâm ra sợ hãi.

Trong nhà này có không khí sợ hãi.

Thím ta đáp:

- Tôi không thấy có gì bậy.

- Nhưng thím ngờ rằng có cái gì bậy chứ?

- Không có gì bậy cả.

- Thế thì tại sao thím lại sợ?

- Tôi sợ gì đâu?

- Thế thì tại sao thím lại run?

- Vì lạnh.

Thím ta nhìn hai người lạ, vẻ cau có, giữ ý.

Msimangu cáo từ:

- Chúng tôi cảm ơn thím. Thím ở lại mạnh giỏi.

- Hai ông đi mạnh giỏi.

Ra tới đường, Kumalo bảo:

- Có cái gì không hay rồi đây.

- Tôi cũng thấy vậy. Huynh ạ, cả hai chúng ta tới thì đông quá. Huynh queo tay trái ở góc con đường lớn đi, rồi lên dốc, sẽ thấy một quán giải khát. Huynh ngồi đó đợi tôi.

Kumalo nghe lời, bước đi, trong lòng ưu tư rầu rĩ; Msimangu chậm chạp bước theo, tới khi bạn queo ở góc đường rồi mới quay trở lại, gõ cửa căn nhà lúc nãy.

Thím ta lại ra mở cửa, cũng cau có như trước, bây giờ thím đã bình tĩnh lại rồi, cau có nhiều hơn là sợ.

Msimangu bảo:

- Tôi không phải ở ty cảnh sát đâu, không liên can gì tới ty đó cả. Và tôi mong rằng không có chuyện gì liên can tới họ. Nhưng có một ông già đau khổ không tìm ra được người con trai.

Thím ta đáp một cách xã giao:

- Tội nghiệp.

- Tội nghiệp lắm, và tôi sẽ không chịu đi đâu, nếu thím không cho tôi biết những điều mà lúc nãy thím không muốn nói.

- Có gì đâu mà nói.

- Thím không có gì để nói vì thím sợ. Và thím run không phải vì lạnh.
- Thế thì tại sao tôi lại run?
- Điều đó tôi không biết. Nhưng tôi sẽ không chịu đi đâu nếu không kiếm ra được tại sao. Và nếu cần thì sẽ phải tới ty cảnh sát vì còn có cách nào nữa đâu.

Thím ta có giọng oán hận:

- Đàn bà mà ở một mình thì thật khổ quá.
- Một ông già đi tìm con cũng đau khổ vậy.
- Tôi sợ.
- Ông ấy cũng sợ. Thím không thấy ông ấy có vẻ sợ sao?
- Có, tôi có thấy, Umfundisi.
- Vậy thím làm ơn cho tôi hay hồi ở đây, đời sống của hai thanh niên đó ra sao?

Nhưng thím ta vẫn làm thinh, vẻ sợ hãi hiện trong cặp mắt đã muốn rung rung, Msimangu thấy khó mà thuyết phục thím ta được.

- Tôi là mục sư, thím không tin tôi ư?

Thím ta vẫn làm thinh.

- Thím có một cuốn Kinh Thánh không?
- Có .

- Vậy tôi sẽ cầm Kinh Thánh mà thề.

Thím ta vẫn không đáp, Msimangu lập lại:

- Tôi cầm Kinh Thánh mà thề

Thấy vị mục sư quyết tâm không để cho mình yên, thím ta do dự đứng dậy, bước vào một phòng ở phía sau, rồi một lát trở ra với cuốn Kinh Thánh.

Msimangu bảo:

- Tôi là mục sư. Hễ nói có là có, nói không là không, không bao giờ sai. Nhưng vì thím đã muốn và vì ông bạn già của tôi lo sợ, nên tôi xin thề trên cuốn Kinh Thánh này rằng thím sẽ không bị lôi thôi gì về chuyện này cả, vì chúng tôi chỉ muốn tìm một thanh niên thôi. Cầu xin *Tixo* phù hộ tôi.

Rồi ông ta hỏi tiếp:

- Đời sống của họ ra sao?
- Thừa Umfundisi, tới lúc thật khuya khoắt, họ đem về nhà này nhiều thứ lắm. Quần áo, đồng hồ, tiền bạc này, thức ăn đựng trong bao này, và nhiều thứ khác nữa.
- Có thấy máu me gì trên người họ không?
- Thừa Umfundisi, không bao giờ tôi thấy máu me trên người họ cả.
- Được. Tuy chưa biết gì nhiều, nhưng bây nhiêu cũng được...Và tại sao họ lại đi nơi khác?

- Tôi không biết, Umfundisi. Nhưng tôi ngờ rằng công việc của họ sắp bị lộ.

- Họ đi hồi nào?

- Đã được gần một năm rồi, Umfundisi. Như tôi đã nói lúc nãy.

- Và thím có thể thề trên cuốn Kinh Thánh này, rằng thím không biết họ đi đâu chứ?

Thím ta đưa tay về cuốn Kinh Thánh. Msimangu bảo:

- Thôi được rồi.

Ông chào thím ta, rồi hấp tấp bước ra để tìm bạn. Thím ta gọi giật lại, bảo:

- Họ chơi thân với một người lái tắc-xi là Hlabeni. Người này ở gần bến xe buýt. Tới đó ai cũng biết.

- Cảm ơn thím cho tôi biết chi tiết đó. Chúc thím ở lại mạnh giỏi.

Ông ta thấy bạn ngồi trong quán giải khát. Ông già này vội vàng hỏi ngay:

- Biết thêm được điều gì không?

- Tôi biết thêm được điều này: họ chơi thân với một người lái tắc-xi tên là Hlabeni. Để tôi ăn vài miếng đã rồi chúng mình đi tìm.

Ăn xong rồi, Msimangu đi kiếm một người hỏi thăm xem làm sao tìm được chú Hlabeni, lái xe tắc-xi. Người đó đáp:

- Chú ấy ngồi trong xe tắc-xi, ở góc đường kia kìa.

Msimangu tiến lại phía xe tắc-xi, chào người ngồi trong xe.

- Chào chú.

- Kính chào Umfundisi.

- Tôi kiếm xe tắc-xi đây. Từ đây về Johannesburg, chú tính bao nhiêu? Tôi đi với một ông bạn nữa.

- Umfundisi đi thì tôi xin mười một si-linh.

- Đắt thế.

- Chiếc xe khác sẽ đòi Umfundisi mười lăm hay hai chục si-linh.

- Ông bạn tôi già và mệt. Tôi sẽ trả giá đó.

Chú ta tính cho rờ máy thì Msimangu bảo khoan đã:

- Người ta bảo tôi chú có thể chỉ chỗ cho tôi kiếm một thanh niên tên là Absalom.

Lần này cũng vậy, chú ta có vẻ sợ hãi rõ rệt. Nhưng Msimangu vội vàng nói cho chú ta yên tâm:

- Tôi kiếm chú không phải để gây chuyện lời thôi cho chú đâu. Tôi hứa với chú rằng tôi không làm chuyện gì lời thôi cho chú hoặc cho tôi đâu. Nhưng ông bạn tôi, già và mệt rồi, chính là thân phụ của thanh niên đó và từ Natal lại đây tìm con. Chúng tôi đi hỏi thăm nơi nào người ta cũng bảo, thanh niên đó đã đi chỗ khác rồi và ông bạn già của tôi lo lắng lắm.

- Vâng, tôi biết thanh niên đó.

- Bây giờ cậu đó ở đâu, hử chú?

Tôi nghe nói anh ấy đã đi Orlando và sống ở đó với bọn vô gia cư tại Shanty Town (3). Tôi chỉ biết vậy thôi.

Msimangu bảo:

- Khu Orlando rộng lớn mà.

- Nhưng xóm bọn vô gia cư thì không lớn lắm, Umfundisi. Có những nhân viên ở toà thị chính làm việc với họ và biết mặt họ hết. Umfundisi có thể hỏi thăm các nhân viên ấy.

- Lời khuyên của chú giúp tôi được nhiều đấy. Tôi có quen vài nhân viên trong số đó. Bây giờ chú chở chúng tôi đi nào.

Ông ta gọi Kumalo lại, bảo đi về bằng tắc-xi. Họ leo lên xe và chiếc xe lạch cạch chạy ra khỏi Alexandra, tới con đường cái rộng đưa từ Pretoria về Johannesburg. Lúc đó đã xế chiều, con đường chật xe cộ vì là giờ người ta đổ về Johannesburg hoặc ở Johannesburg đổ ra ngoại ô.

- Huynh nhìn xem những chiếc xe đạp kìa. Có mấy ngàn người ở Alexandra tan sở về nhà, và chúng ta sắp thấy mấy ngàn người nữa đi bộ vì tấy chay xe buýt.

Quả nhiên, một lát sau thấy hai bên lề đường người đi bộ chen chúc nhau. Họ đông tới nỗi lấn xuống cả mặt đường và xe cộ phải chạy chậm chậm lại. Có những người già cả, có những người mệt mỏi và có cả những người tàn tật nữa như người ta đã để cho nghe, nhưng hầu hết đều kiên nghị bước và họ chịu cực như vậy tới nay đã được mấy tuần rồi. Nhiều người da trắng ngưng xe lại, đón họ cho đi nhờ về Alexandra.

Khi xe ngừng lại ở một chỗ đèn đỏ, hai vị mục sư thấy một cảnh sát công lộ hỏi một người da trắng có giấy phép chở người da đen không.

Người da trắng đáp:

- Tôi chở giùm họ, không lấy tiền.

- Nhưng ông vẫn là chở khách trên một lộ trình của xe buýt.

- Vậy thì cứ đưa tôi ra toà.

Đèn xanh bật lên, chiếc tắc-xi tiếp tục chạy và hai vị mục sư không được nghe nốt.

Msimangu bảo:

- Tôi đã nghe nói. Nghe người ta bảo rằng họ kiếm cách ngăn cản người da trắng chở giúp chúng ta và họ còn định đưa những người da trắng này ra toà nữa.

Trời đã tối, nhưng con đường vẫn còn chật những người trở về nhà ở Alexandra. Và vẫn còn nhiều chiếc xe ngừng lại cho họ lên, nhất là các người già cả, các phụ nữ và các người tàn tật. Kumalo nở một nụ cười, một nụ cười kỳ dị, khắp thế giới không đâu có, nụ cười của một người da đen khi thấy một người đồng chủng được một người da trắng giúp đỡ ở chỗ công cộng, vì việc đó đâu phải dễ dàng. Ông ta mãi trầm tư cho nên giật mình khi Msimangu thành linh nói

lớn tiếng:

- Thật quá sức tưởng tượng, huynh ạ.
- Cái gì quá sức tưởng tượng?
- Không, nói thực ra tôi không ngờ được chuyện đó.

Msimangu ngồi thẳng người lên, dầm mạnh vào ngực, nói:

- Cứ, đưa tôi ra toà đi.

Kumalo ngạc nhiên ngó bạn. Msimangu bảo:

- Cái đó quá sức tưởng tượng của tôi.

Chú thích:

- 1. Cũng gọi là Bantu, một bộ lạc ở Phi châu.*
- 2. Một số người Afrikaaner muốn dùng tiếng đó theo nghĩa rộng, trỏ tất cả những người da trắng ở Nam Phi nhưng nghĩa này chưa được mọi người chấp nhận.*
- 3. Shanty Town là ấp nhà lá.*

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 7

Con đường nào cũng đưa tới Johannesburg. Dù bạn là da trắng hay da đen thì nó cũng đưa bạn tới Johannesburg. Thất mùa thì lại Johannesburg kiếm việc. Thuế má nặng quá thì lại Johannesburg kiếm việc. Vườn ruộng nhỏ quá, không thể chia manh mún ra được nữa thì một người trong nhà phải lại Johannesburg kiếm việc. Sắp tới ngày sanh mà muốn giấu giếm thì có thể lại sanh lén ở Johannesburg.

Người da đen lại Alexandra, Sophiatown hoặc Orlando rán mướn một căn phòng hoặc mua lại một phần một căn nhà.

- Bà có phòng nào cho mướn không?

- Không, tôi không có phòng cho mướn.

- Bà có phòng nào cho mướn không?

- Đã có người mướn rồi.

- Bà có phòng nào cho mướn không?

- Có, tôi có một phòng có thể cho mướn được, nhưng tôi lại không muốn cho mướn. Tôi chỉ có hai phòng mà trong nhà có cả thầy sáu người mà trẻ lại sắp lớn hết cả rồi. Nhưng sách học đắt quá mà nhà tôi lại đau, ngay khi khoẻ mạnh, nhà tôi cũng chỉ kiếm được ba mươi lăm si-linh mỗi tuần. Phải trả sáu si-linh tiền mướn nhà, mất ba si-linh tiền đi xe buýt, đóng một si-linh để khi chết người ta chôn cất cho đàng hoàng, rồi một si-linh tiền sách cho trẻ, ba si-linh tiền may mặc, hà tiện lắm đấy, rồi một si-linh cho nhà tôi uống bia, một si-linh nữa cho nhà tôi mua thuốc hút, thứ tiêu pha này không thể bớt xén được, vì nhà tôi là một người đứng đắn không cò bạc, không đem tiền nuôi gái. Rồi thêm một si-linh cúng vào giáo đường, một si-linh nữa tiền thuốc thang. Vậy chỉ còn mười si-linh nữa cho sáu người ăn, cho nên nhà lúc nào cũng đói. Có, tôi có một phòng nhưng không muốn cho mướn. Bà trả tôi bao nhiêu?

- Tôi có thể trả ba si-linh mỗi tuần.

- Tôi không ham.

- Ba si-linh rươi đấy.

- Ba si-linh rươi. Muốn ở cho thông thả không chen chúc nhau quá thì bao tử lép kẹp. Khi trẻ bắt đầu lớn rồi thì cần ở đừng chen chúc nhau quá nhưng như vậy thì bao tử lép xẹp. Được, ba si-linh rươi thì tôi cho mượn được.

Nhà ở chật quá thì nó không nứt ra, nhưng nó tràn ra. Mười người trong hai phòng, mà có mỗi một cửa vô, và khi bạn ngủ thì người ta phải bước qua bạn để đi. Nhưng trẻ sẽ được thêm miếng ăn và có thể mỗi tháng một lần, được đi coi hát bóng.

Tôi không ưa mụ đàn bà đó và cái vẻ mụ ngó chồng tôi. Tôi không ưa đứa con trai đó và cái vẻ nó ngó con gái tôi. Tôi không ưa gã đàn ông đó, tôi không ưa cái vẻ hăn ngó tôi, tôi không ưa cái vẻ hăn ngó con gái tôi.

- Tôi ân hận lắm, nhưng xin ông bà dọn đi nơi khác cho.

- Tôi có chỗ nào đâu mà dọn đi.

- Tôi ân hận lắm, nhưng nhà chật quá, làm sao chứa được bấy nhiêu người.

- Chúng tôi đã ghi tên để xin mượn nhà rồi. Bà chịu phiền đợi khi chúng tôi kiếm được nhà đã.

- Ở Orlando có người đợi đã năm năm vẫn chưa kiếm được nhà.

- Tôi có ông bạn chỉ một tháng kiếm được nhà.

- Tôi nghe nói có trường hợp như vậy. Người ta bảo là hãy dứt lốt.

- Chúng tôi không có tiền dứt lốt.

- Tôi rất ân hận, nhưng nhà chật quá.

- Thực vậy, căn nhà này chật quá, và căn nhà kia cũng chật quá. Vì ai cũng đổ tới Johannesburg. Từ Transkei và từ Free State, từ Zululand và từ Sekukuniland. Người Zulu, người Swazi, người Shangaan và người Barendra, người Bapedi và người Basuto, người Xosa và người Tembu, người Pondo và người Fingo, hết thảy đều đổ lại Johannesburg.

Tôi không ưa mụ đàn bà đó. Tôi không ưa đứa con trai đó. Tôi không ưa gã đàn ông đó. Tôi ân hận lắm, nhưng xin ông bà dọn đi nơi khác cho.

- Tôi xin bà cho tôi một tuần nữa thôi.

- Được, một tuần nữa thì được.

- Bà có phòng nào cho mượn không?

- Không, tôi không có phòng cho mượn.

- Bà có phòng nào cho mượn không?

- Đã có người mượn rồi.

- Bà có phòng nào cho mượn không?

- Có, tôi có một phòng có thể cho mượn được, nhưng tôi không muốn cho mượn. Vì tôi đã thấy nhiều người chồng đã bị đàn bà quyến rũ, và nhiều người vợ bị đàn ông quyến rũ. Tôi đã thấy

nhiều đứa con gái bị con trai làm cho hư đốn. Nhưng nhà tôi chỉ kiếm được có ba mươi bốn si-
linh mỗi tuần.

- Không kiếm được nhà mới thì làm sao bây giờ?
- Bạn có thể đợi năm năm, mà vẫn không có hy vọng gì hơn ngày đầu.
- Người ta bảo chỉ riêng ở Orlando có tới một vạn người phải ở chung chạ như chúng mình.
- Anh có nghe Dubula nói đấy không? Rằng chúng ta phải tự cất nhà lấy ở Orlando này thôi.
- Cất ở chỗ nào?
- Dubula bảo cất ở khu đất trống hai bên đường rầy xe lửa.
- Cất bằng cái gì?
- Bất kỳ cái gì. Bao bố, ván, cỏ tranh, cọc ở trong các sở trồng cây, kiếm được cái gì thì dùng cái đó.
- Thế khi trời mưa thì sao?
- *Siyafa* (1). Thì chết chứ sao.
- Không, khi trời mưa thì họ phải cất nhà cho chúng ta.
- Nói bậy. Rồi tới mùa đông thì sao?

Đợi sáu năm để có một căn nhà. Và nhà nào nhà nấy đã chật cứng rồi mà vẫn phải chứa thêm người nữa, vì thiên hạ vẫn tiếp tục đổ tới Johannesburg. Một cuộc đại chiến mới tàn phá dữ dội Châu Âu và Bắc Phi và không ai cất nhà cả.

- Đã có căn nhà nào cho tôi chưa?
- Vẫn chưa có.
- Ông chắc rằng tên tôi có ghi trong sổ đấy chứ?
- Ghi rồi.
- Số tôi trong sổ là số mấy?

Số sáu ngàn ở trong sổ. Như vậy nghĩa là không bao giờ tôi kiếm được một căn nhà, mà không thể ở chỗ tôi đương ở được nữa. Chúng tôi đã gây lộn về cái lò, chúng tôi đã gây lộn về bày trẻ, và tôi không ưa cái vẻ gã đàn ông đó nói tôi. Có một khu đất trống hai bên đường rầy xe lửa, nhưng khi trời mưa và tới mùa đông thì sao? Người ta bảo mười bốn bữa nữa phải lại đó, rửa nhau lại cả đó. Người ta bảo phải thu nhập các tấm ván, bao bố, những miếng tôn, cây cọc rồi cùng nhau lại đó. Người ta bảo phải trả mỗi si-linh mỗi tuần cho Ủy ban để Ủy ban chở các đồ đạc của chúng ta lại và cất cầu tiêu cho hợp vệ sinh. khỏi sinh bệnh. Nhưng trời mưa và tới mùa đông thì làm sao?

- Đã có căn nhà nào cho tôi chưa?
- Vẫn chưa có.
- Tôi đã ghi tên trong sổ hai năm nay rồi.

- Hai năm còn là mới đấy.

- Người ta bảo nếu biết phải chăng...

Ông ta không nghe tôi nói và lo tiếp tới người sau. Nhưng một ông khác ở đâu không biết, tiến lại gần tôi và nói một câu làm tôi rất đỗi ngạc nhiên..

- Bà Seme, tôi rất ân hận rằng họ không kiếm được nhà cho bà. Nhân tiện đây, nhà tôi muốn được bàn bạc với bà về công việc của Uỷ ban. Nhà tôi bảo bảy giờ tối nay. Bà biết địa chỉ tôi đấy chứ, số 17852, gần giáo đường Hoà Lan cải cách. Đây, để tôi ghi số nhà lại cho bà. Thôi, xin chào bà.

Tôi định đáp ông ta, thì ông ta đã quay đi rồi.

- Ông ta làm cho tôi ngạc nhiên hết sức. Vợ ông ta là ai, tôi có quen biết gì đâu. Còn cái Uỷ ban đó là Uỷ ban nào? Tôi có biết uỷ ban uỷ biếc nào đâu.

- Bà thực thà quá, bà ơi. Họ muốn biết bà chịu đưa cho họ bao nhiêu tiền để có một căn nhà đấy.

- À, nếu vậy tôi sẽ lại nhà ông ta. Tôi mong rằng ông ta đừng đòi tôi một số tiền lớn quá, chỉ có ba mươi bảy si-ling mỗi tuần thì tiền đâu mà đưa nhiều được. Nhưng thế nào cũng phải kiếm cho được một căn nhà. Tôi sợ cái chỗ tôi đang ở đây quá chùng rồi. Tối giờ ngủ của những người đứng đắn thì họ đi tới đi lui nhộn quá. Có nhiều thanh niên ra vô quá, cơ hồ như họ không bao giờ ngủ và cũng không bao giờ làm việc. Họ ăn bận sang quá, nhiều quần áo quá, như người da trắng. Một ngày kia họ sẽ bị tra hỏi, lôi thôi, mà vợ chồng tôi chưa bao giờ bị chuyện lôi thôi cả. Thế nào cũng phải kiếm cho được một căn nhà.

- Năm bảng, nhiều quá. Tôi không có đủ.

- Có được căn nhà, năm bảng đâu phải là nhiều, bà Seme.

- Sao? Chỉ để cho tên tôi được đưa lên chỗ cao hơn trong sổ ư?

- Việc đó đâu có dễ, nguy hiểm lắm. Ông giám đốc người Âu đã bảo sẽ trừng trị nghiêm khắc kẻ nào ghi gian trong sổ.

- Tôi rất tiếc, không thể đưa bấy nhiêu tiền được.

Tôi chưa kịp ra về thì vợ ông ta và một người đàn bà nữa bước vô.

- Mình ạ, chắc mình lầm rồi. Em đâu có quen bà này. Bà không ở trong Uỷ ban mà.

- Vậy ư, anh xin lỗi em. Xin bà Seme thứ lỗi cho. Tôi cứ tưởng bà trong Uỷ ban chứ. Chúc bà về mạnh giỏi.

Tôi không đáp lại: “ Ông bà về mạnh giỏi ”. Họ có mạnh giỏi hay không thì tôi cần quái gì. Về phần tôi, chẳng có cái gì ưng ý cả. Tôi mệt mỏi, cô độc. Ôi, mình ơi, tại sao chúng mình lại bỏ quê hương xứ sở mà ra đây? Ở quê hương xứ sở, kiếm chẳng được bao nhiêu nhưng còn hơn là ở đây. Thức ăn thiếu thốn đấy, nhưng mọi người chia sẻ với nhau. Và khi mọi người đều nghèo

cả thì cảnh nghèo không đến nỗi bi thảm lắm. Mà cảnh bờ sông đẹp làm sao, trong khi giặt dũ, gió thổi hây hây bên tai, nước chảy róc rách trên đá. Hai tuần nữa là ngày dọn nhà. Lại đây, mình ơi, hai đứa mình đi kiếm ván, tôn, bao bố và cọc đi nào. Em ngán cái chỗ mình đang ở đây quá.

Ở đường Baragwanath, thợ xây cất xong rồi để lại nhiều tấm ván dấy. Đêm nay tụi mình lại đó khiêng về đi. Ở trại cải huấn có tôn uốn dấy, người ta dùng để che các ống gạch. Đêm nay mình lại lấy ít tấm. Có bao bố ở ga Nancefield, cột thành từng bó kỹ lưỡng. Đêm nay mình lại lấy ít bó. Trong mỏ Crown Mines có nhiều cây cối. Đêm nay mình lại đó cửa lén lấy ít cành làm cọc.

Đêm nay ở Orlando, người nào cũng bận rộn. Nhà nào cũng đốt đèn. Anh khiêng tôn, còn mình, mình bồng em bé nhé. Thăng Hai, con vác hai cây cọc này, còn con bé Ba, xách bao bố, rón xách cho được thật nhiều đi con, đem lại bên cạnh đường rầy xe lửa ấy. Nhiều người đang dọn lại đó, đã nghe thấy tiếng thuổng và tiếng búa. May quá, đêm nay ẩm áp không mưa. Cảm ơn, ông Dubula, miếng đất này vừa ý chúng tôi lắm. Cảm ơn ông Dubula, đây chúng tôi đóng một đồng cho Ủy ban.

Shanty Town dựng lên trong nội một đêm. Sáng hôm sau, bừng con mắt dậy, ai nấy đều ngạc nhiên. Khói từ vài ống bay lên và một vài nhà đã có ống khói. Có một ống khói xinh xinh nằm ở gần bót cảnh sát Kliptown, nhưng tôi không đại gì mà lợm.

Shanty Town dựng lên trong nội một đêm. Nhật báo đăng đầy tin tức của chúng tôi. Có những hàng tit lớn và nhiều hình ảnh.

- Coi này, có hình nhà tôi đây này, đứng bên cạnh căn nhà nè. Uống quá, tôi lại trễ không được các ông nhà báo chụp ảnh. Các ông ấy gọi chúng tôi là bọn vô gia cư. Chúng tôi là bọn vô gia cư. Trong cái làng lớn dựng bằng ván, tôn, bao bố, khỏi phải trả tiền nhà, chỉ phải đóng một si-linh cho Ủy ban.

Shanty Town dựng lên nội trong một đêm. Đứa con gái nhỏ ho quá và trán nó nóng như lửa. Tôi ngại không muốn cho nó ra ngoài, nhưng đêm đó dọn nhà. Gió lạnh thổi qua vài ống. Rồi khi trời mưa, khi mùa đông tới mới biết làm sao? Nín đi con, má ở bên cạnh con đây nè. Nín đi con, đừng ho quá như vậy con, má ở bên cạnh con đây nè.

Đứa nhỏ ho quá dữ, trán nó nóng hơn lửa. Nín đi con, má ở bên cạnh con đây nè. Ở ngoài kia có tiếng cười, tiếng giỡn, tiếng thuổng, tiếng búa, tiếng gọi nhau ơi ới, có nhiều ngôn ngữ mà tôi không hiểu Nín đi con ơi, có một thung lũng đẹp nơi đó con ra đời. Nước chảy róc rách trên đá, gió thổi hây hây bên tai. Đàn bò xuống uống nước ở bờ sông, dưới tàn cây. Nín đi con, xin Trời làm con tôi nín đi. Xin Trời thương chúng con. Xin chúa Ki Tô thương chúng con. Hỡi người da trắng thương chúng tôi với.

- Ông Dubula ơi, bác sĩ ở đâu?
- Sáng mai bác sĩ sẽ tới, thím đừng ngại gì cả, Ủy ban sẽ trả tiền bác sĩ cho.
- Nhưng cháu nó gần chết rồi. Ông coi máu me này.
- Đợi một chút, trời sắp sáng rồi.
- Khi trẻ hấp hối, khi lòng người ta sợ hãi, sao thời gian lâu quá. Ông Dubula ơi, ông có thể đi mời bác sĩ ngay bây giờ có được không?
- Tôi rán xem. Tôi đi ngay bây giờ đây.
- Đợi ơn ông, ông Dubula.

Phía ngoài có tiếng hát, hát chung quanh một đồng lửa. Họ hát khúc *Nksi sikelel'i Africa* (2). Xin Thượng Đế che chở Châu Phi. Cầu xin Thượng Đế che chở đứa con nhỏ của Châu Phi này, nó là của con, mà con đã mang nặng đẻ đau, cho bú mớm, hết lòng yêu thương vì bản tính của đàn bà như vậy.

- Nằm yên đi con ơi. Ông bác sĩ ơi, ông không tới được hay sao?
- Tôi đã cho đi mời bác sĩ rồi, thím ạ. Ủy ban đã cho người lái xe đi mời bác sĩ. Một bác sĩ da đen, trong bọn chúng mình.
- Đợi ơn ông Dubula.
- Thím có muốn tôi yêu cầu họ đừng làm ồn không?
- Không cần, cháu nó không nghe thấy gì đâu.

Giá mời một bác sĩ da trắng có lẽ hơn, nhưng thôi, bác sĩ nào cũng được, miễn là ông ấy tới. Những tiếng ồn ào của những người xứ lạ kia, dù không im đi thì cũng không sao. Mình ơi em sợ quá. Con nó nóng hừng hực như lửa trong bàn tay em đây nè.

Thôi không cần bác sĩ nữa. Dù bác sĩ da trắng hay da đen thì cũng không cứu được nó nữa rồi. Ôi, đứa con tôi mang nặng đẻ đau, trước kia ôm cặp má nhỏ của nó trong lòng bàn tay, thấy những ngón tay nó nín chặt lấy mình, thấy cái miệng xinh xinh của nó nút vú mình, thích làm sao. Bản tính đàn bà như vậy. Số phận của đàn bà là mang nặng, chịu đựng, giữ gìn rồi mất hết.

Những người da trắng lại Shanty Town. Họ chụp hình chúng tôi và quay phim để đưa lên màn ảnh. Họ tới và tự hỏi họ sẽ làm được cái gì vì chúng tôi đông quá. Khi trời mưa thì bọn khốn nạn đó sẽ ra sao? Một bọn người tới, đem máy móc tới và họ bắt đầu cất nhà cho chúng tôi. Ông Dubula thông minh tài giỏi thật, ông ấy đã bảo rằng họ sẽ cất nhà cho chúng ta. Và họ mới bắt đầu cất nhà cho chúng ta, thì ban đêm đã có nhiều người da đen khác từ Pimville, từ Alexandra, từ Sophiatown lại dựng chòi bằng tôn, bằng cọc, bằng bao bố, bằng cỏ tranh. Rồi bọn người da trắng trở lại, lần này không có vẻ thương hại chúng ta nữa mà có vẻ giận dữ. Cảnh

sát tới và đuổi chúng tôi đi. Trong số những người họ đuổi đi đó, có cả những người ở tại Orlando nữa. Bọn này phải trở về chỗ ở cũ của họ, nhưng có kẻ phòng cũ đã có người khác ở rồi, có kẻ trở về thì chủ nhà không chịu cho ở nữa.

Không nên xấu hổ rằng phải ở Shanty Town. Báo chí đã đăng tin đăng ảnh rồi và có hình nhà tôi đứng bên cạnh căn nhà đấy. Một ông ở đây có một số báo ở Durban và trên mặt báo này cũng có hình nhà tôi đứng bên cạnh căn nhà. Ở đây cũng có thể cho địa chỉ được, chỉ cần đề Shanty Town. Ai cũng biết Shanty Town ở đâu; rồi ghi thêm số mà Ủy ban cấp cho bạn.

Khi trời mưa, chúng ta sẽ ra sao? Rồi tới mùa đông nữa. Đã có vài người bảo: ngó những căn nhà trên đồi kia, chưa cất xong nhưng mái đã lợp rồi kia. Một đêm nào đó chúng ta sẽ dọn lại đó ở, khỏi lo mưa và lạnh.

Chú thích: 1. Đọc là Si-da-fa. Tiếng thổ dân có nghĩa là: Chúng ta chết.

2. Khúc hát này đã thành bài Quốc ca của người da đen. Nkosi phát âm gần như Inkosi; sikelel: chữ k phát âm gần như g, e phát âm gần như ê.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 8

Trong khi đợi Msimangu lại đón và dắt tới Shanty Town. Kumalo ngồi chơi với Gertrude, và đứa cháu. Nhưng quay về phía đứa cháu nhỏ có vẻ nghiêm trang mà chơi với nó nhiều hơn vì ông đã ngoài hai mươi rồi cô Gertrude mới ra đời, nên tình anh em không thân mật lắm. Với lại ông là mục sư, điềm đạm, có lẽ buồn tẻ nữa, tóc ông đã bạc nhiều mà Gertrude còn là một thiếu phụ. Ông không nong gì nàng kể cho ông nghe những nỗi trầm trọng xảy ra ở Johannesburg này, vì chính nàng đã tìm cuộc sống và công việc trong những nỗi nó làm cho ông buồn rầu và hoang mang đó.

Những nỗi đó thật là nghiêm trọng, quá đối nghiêm trọng đối với một thiếu phụ học mới hết lớp nhì trường làng. Nàng kính trọng anh, theo cái lễ đối với một người anh cả và một mục sư, và hai anh em chỉ nói chuyện với nhau theo nghi thức, chứ không bao giờ nhắc lại những nỗi đã làm cho nàng té xuống gào khóc trên đất.

Cũng may có bà Lithebe hiền hậu ở bên cạnh; bà và Gertrude kể lể dài dòng về tâm sự của đàn bà, và họ cùng hát với nhau trong khi làm những công việc hằng ngày trong nhà.

Phải, ông Kumalo quay về phía đứa cháu gái có vẻ nghiêm trang và chơi với nó. Ông đã mua cho nó một bộ gồm nhiều khúc cây nhỏ rẻ tiền và nó ngồi sắp xếp hoài, chăm chú lắm, như dự tính một việc gì người lớn không hiểu được mà nó lấy làm say mê. Kumalo bồng nó lên, luồn tay vào trong áo sơ-mi của nó, rờ cái lưng nhỏ ấm áp của nó, vuốt ve nó, cù nó, cho tới khi vẻ mặt nghiêm trang của nó, nở một nụ cười rồi nụ cười thành tiếng cười sảng sặc. Hoặc ông nói về thung lũng lớn nơi nó sanh, kể cho nó tên những ngọn đồi, những dòng sông, tả cho nó ngôi trường nó sẽ tới học, tả những đám sương mù bao phủ những ngọn núi ở phía trên Ndotsheni. Đứa nhỏ không hiểu gì về những cái đó cả; nhưng chắc có một cái gì đó làm nó cảm thích vì cặp mắt nghiêm trang của nó mở tròn ra ngó ông bác, trong khi nó chăm chú nghe những tên thanh âm trầm trầm và du dương. Những lúc đó bác nó thích lắm vì ở giữa châu thành lớn này ông động lòng nhớ quê; trong thâm tâm ông rất thích thú được nhắc lại những tên ở quê

hương ông. Đôi khi Gertrude nghe tiếng ông, bèn tiến lại, e lệ đứng ở cửa phòng, nghe ông tả những cảnh đẹp nơi chôn nhau cắt rốn của nàng. Lúc đó, Kumalo lại càng vui, và thỉnh thoảng ông lại hỏi em:

- Em còn nhớ không?

Và nàng đáp:

- Dạ, em còn nhớ – Nàng mừng rằng anh mình đã hỏi han mình.

Nhưng cũng có những lúc, đương vui thì ông sực nhớ đến đứa con trai của ông. Những lúc đó, trong một thoáng, ông thấy những ngọn đồi tên trầm trầm và du dương kia hiện lên, hoang tàn dưới ánh nắng như thiêu như đốt, thấy dòng suối cạn khô, đàn bò gầy ốm, uể oải, lang thang trên mặt đất đỏ không có lấy một cọng rế. Chỉ còn là một xứ của các ông già bà cả, các bà mẹ và trẻ thơ, nhà nào cũng có một vài người bỏ ra đi rồi, cũng mất một cái gì rồi. Giọng ông ngập ngừng, run run rồi tắt, ông im bật, vẻ trầm ngâm.

Có thể là vì ông không kể chuyện nữa, cũng có thể là vì ông thành linh ghì chặt đứa nhỏ, nên nó mất vui, vùng vẫy để tụt xuống đất và chơi với mấy khúc cây của nó. Và như kiếm một cái gì để chấm dứt cái nỗi đau lòng tự nhiên nó tới đó, ông bèn nghĩ tới bà vợ, tới các bạn thân, tới những đứa trẻ từ trên đồi xuống, lần lần ló ra khỏi đám sương mù để tới trường. Những hình ảnh đó thân thiết với ông quá, ông thấy hết đau khổ và lặng lẽ gần như bình tĩnh ngấm nó trong tưởng tượng.

Ai biết được cái bí mật của kiếp sống gởi trên cõi trần này. Ai biết được tại sao trên cái thế giới sầu khổ này, con người thỉnh thoảng gặp được một niềm an ủi? Xin cảm ơn Thượng Đế, trên cõi trần khổ ải này có được một người yêu làm cho lòng ta bớt chua xót, được một đứa trẻ để chơi với nó. Xin cảm ơn Thượng Đế vì cái tên du dương như nhạc của một ngọn đồi, vì cái tên của một dòng sông làm cho tâm hồn ta nhẹ nhàng, dù là tên một con sông đã khô cạn không còn chảy nữa.

Ai biết được cái bí mật của kiếp sống gởi trên cõi trần này? Ai biết được tại sao chúng ta sống, chiến đấu rồi chết? Ai biết được có cái sức gì làm cho chúng ta vẫn sống và chiến đấu trong khi mọi cái sụp đổ chung quanh ta. Ai biết được tại sao da thịt của một đứa trẻ lại làm ấm lòng ta như vậy khi chính đứa con của ta lưu lạc đâu mất, không tìm được? Các nhà thông thái viết biết bao nhiêu sách, dùng những tiếng khó hiểu quá. Nhưng còn cái đó, cái mục đích của đời sống, cái cứu cánh của tất cả các cuộc chiến đấu của ta, thì con người không sao hiểu nổi. Ôi, Thượng Đế, xin Thượng Đế đừng bỏ con. Vâng, mặc dầu con tiến vào cái cõi u minh của sự chết, con cũng không sợ một tai nạn gì cả nếu có Thượng Đế ở bên cạnh con...

Kumalo đứng dậy. Có tiếng Msimangu ở ngoài cửa tới đón để đi tìm Absalom.

- Shanty Town đây, huynh ạ.

Ngay ở nơi đây, mà trẻ con cũng cười giỡn trong những đường hẻm ngăn cách những dãy nhà thô thảm làm bằng một miếng tôn, mấy miếng ván, vải bố, cỏ tranh, và một cánh cửa cũ nát ở một căn nhà đã phá nào đó. Có làn khói cuồn cuồn toả lên từ những lỗ đục rất khéo có mùi thức ăn, có tiếng nói, không phải tiếng giận dữ đau khổ, mà là tiếng chuyện trò hằng ngày về một đứa trẻ mới sanh, một đứa khác đã chết, một đứa nữa siêng năng học hành, và một đứa hiện nay trong khám. Miền này bị hạn hán và mặt trời chói lọi chang chang trên từng không xanh ngắt, không vẩn một đám mây. Nhưng khi trời mưa thì họ làm sao? Và khi mùa đông tới thì họ làm sao?

- Thấy cảnh này tôi buồn quá.

- Huynh ngó, người ta đang xây cất trên kia kìa. Đã mấy năm nay người ta không xây cất nữa. Bây giờ xây cất như vậy chắc là sẽ có cái gì tốt đây. Mà đó cũng là công trình của Dubula nữa.

- Cơ hồ như ở đâu cũng có ông ta.

- Coi kìa, có một nữ y tá người mình nữa kìa. Đội cái nón đỏ, bận áo đỏ và trắng đỏ, coi được đấy nhỉ.

- Phải coi được lắm.

- Người da trắng đào tạo thêm mỗi ngày mỗi nhiều nữ y tá. Lạ thật, chúng ta tiến bộ về một phương diện nào đó, ngừng lại ở một phương diện khác và thụt lùi ở phương diện khác nữa. Về vấn đề đào tạo các nữ y tá đó, chúng ta được nhiều bạn da trắng giúp đỡ. Khi chính quyền quyết định cho một số thanh niên của ta theo học y khoa ở trường đại học Witwaterstrand thành lập cho người da trắng, thì tiếng phản đối mạnh mẽ nổi lên. Nhưng các bạn của chúng ta cương quyết và tiếp tục dạy dỗ họ cho tới khi chúng ta có một chỗ đứng riêng của chúng ta. Chào cô y tá.

- Kính chào Umfundisi.

- Cô làm việc nơi đây có lâu chưa?

- Từ hồi nơi này mới thành lập.

- Và cô có biết một thanh niên tên là Absalom Kumalo không?

- Thừa biết. Nhưng anh ta không còn ở đây nữa. Tôi biết chỗ cũ của anh ta. Hồi đó anh ta ở với gia đình Hlatshways và những người này hãy còn ở đây. Umfundisi thấy cái khoảng đất có nhiều đá quá, không xây cất gì được kia không? Có một em trai đang đứng đó.

- Có, tôi thấy rồi.

- Phía sau chỗ đó, Umfundisi thấy một căn nhà, có khói toả từ một ống khói lên đó không?

- Có tôi thấy rồi.

- Umfundisi đi xuống con đường này, sẽ thấy gia đình Hlatshways ở căn nhà thứ ba hay thứ tư,

bên tay Umfundisi lấy thức ăn.

- Cảm ơn cô, chúng tôi lại đói ngay bây giờ.

Lời chỉ dẫn rõ ràng quá, nên họ kiếm ngay được căn nhà.

- Chào thím.

Người đàn bà này ăn bận sạch sẽ có vẻ dễ thương. Thím ta thân mật mỉm cười.

- Chào Umfundisi.

- Chúng tôi kiếm một thanh niên tên là Absalom Kumalo.

- Thừa Umfundisi anh ấy trước kia ở nhà tôi. Chúng tôi thương hại anh ta vì anh ta không có chỗ nào ở nhờ được. Nhưng tôi ân hận cho Umfundisi hay rằng, họ đã lại bắt anh ta đi rồi và nghe nói quan Toà đã cho anh ta vào trại cải huấn.

- Trại cải huấn?

- Vâng, ngôi trường lớn ở đằng kia kia, sau đường quân y đó. Không xa lắm, đi bộ lại được.

- Xin cảm ơn thím. Thím ở lại mạnh giỏi. Huynh ơi lại đây.

Hai vị mục sư lặng lẽ đi vì họ không có gì để nói với nhau cả. Kumalo vấp mặc dầu con đường thẳng bằng, không gồ ghề và Msimangu phải nắm lấy cánh tay bạn.

- Can đảm lên huynh ạ.

Ông liếc mình bạn, nhưng Kumalo cúi gầm mặt xuống nên ông không nhìn thấy gì cả, chỉ thấy một giọt nước mắt nhỏ xuống đất, và ông xiết chặt cánh tay bạn.

- Can đảm lên huynh ạ.

- Có lúc tôi thấy không còn chút cam đảm nào nữa.

- Tôi có nghe nói về trại cải huấn đó. Ông bạn mục sư Anh khen nó lắm. Ông ấy bảo thanh niên thực tâm muốn cải hoá thì trong trại người ta giúp cho. Vậy huynh nên cam đảm lên.

- Trước kia tôi vẫn ngại ngại việc đó xảy ra.

- Tôi cũng vậy.

- Vâng, tôi còn nhớ lần đầu huynh bắt đầu ngại ngại như vậy. Hôm đó ở Alexandra huynh bảo tôi cứ đi trước đi, còn huynh thì trở lại hỏi thăm bà chủ nhà đó nữa.

- Tôi thấy tôi không giấu huynh được điều gì cả.

- Không phải vì tôi lạng lách, chỉ vì nó là con tôi.

Họ ra khỏi Shanty Town, vô Orlando rồi theo con đường tráng nhựa nó đưa ra con đường cái đi Johannesburg, tới chỗ có mấy cây xăng lớn của người da trắng ở cửa châu thành, vì người da đen không được phép xây dựng cây xăng ở Orlando.

- Thím đó nói với huynh những gì vậy?

- Thím ấy bảo rằng bọn thanh niên đó làm vài việc bậy bạ lén lút. Họ đem về nhà nhiều hàng

hoá, hàng hoá của người da trắng.

- Trong trại cải huấn đó, người ta cải hoá họ được không?

- Tôi không biết rõ. Người nói thế này, kẻ nói thế khác. Nhưng ông bạn mục sư người Anh khen trại đó lắm.

Họ im lặng một lúc lâu, Msimangu vớ vẫn nghĩ chuyện khác. Rồi Kumalo lại nói tiếp:

- Tôi chỉ mong sao người ta cải hoá được họ.

- Tôi cũng mong vậy.

Họ đi gần một giờ thì tới con đường đưa lên trại cải huấn. Họ tới nơi thì đã giữa trưa, và trẻ từ mọi phía, xếp hàng tiến vô trại cải huấn. Chúng từ khắp nơi đổ tới, thành hàng dài cơ hồ như bất tuyệt.

- Chúng đông quá huynh nhỉ?

- Phải, tôi không rằng ngờ chúng đông như vậy.

Một người da đen như họ, tính tình vui vẻ, nét mặt tươi cười, lại gần họ hỏi họ có việc gì không.

Họ đáp rằng muốn kiếm một thanh niên tên Absalom Kumalo. Người đó bèn dắt họ vô một phòng giấy có một người da trắng trẻ tuổi, người này dùng tiếng Afrikaans hỏi họ muốn gì.

Msimangu cũng đáp lại bằng tiếng Afrikaans:

- Thưa ngài, chúng tôi muốn tìm đứa con trai của ông bạn tôi đây, tên nó là Absalom Kumalo.

- Absalom Kumalo. Có, tôi biết nó lắm. Lạ lùng không, nó bảo tôi không có bà con họ hàng gì cả.

Msimangu dịch ra tiếng Zulu cho Kumalo hiểu:

- Cháu nó thừa với ông ấy rằng không có bà con họ hàng gì cả.

Kumalo nói:

- Chắc nó lấy làm xấu hổ - Ông nói tiếp bằng tiếng Zulu - Tôi tiếc rằng không nói được tiếng Afrikaans.

Vì ông nghe nói rằng có một số người Anh không ưa những người da đen không nói được tiếng Afrikaans.

Người da trắng trẻ tuổi đó bảo:

- Ông muốn nói tiếng gì tùy ý. Con trai ông hồi ở đây có hạnh kiểm tốt. Nó đã thành một học sinh tốt trong hạng lớn tuổi, và tôi hy vọng nhiều cho tương lai của nó.

- Thưa ngài, như vậy là nó không còn ở đây nữa?

- Phải, nó đã được thả cách đây không đầy một tháng. Chúng tôi đã gia ơn đặc biệt cho nó, một phần vì hạnh kiểm nó tốt, một phần vì tuổi của nó, nhưng thứ nhất là vì nó có một người vợ trẻ đương có mang. Vợ nó thường lại đây thăm nó, nó có vẻ yêu vợ nó lắm và lo lắng cho đứa con sắp sanh. Mà thiếu nữ đó cũng có vẻ yêu nó lắm, vì vậy và cũng vì nó long trọng hứa với tôi sẽ làm lụng nuôi vợ con nên chúng tôi đã đề nghị với ngài bộ trưởng cho nó ra. Dĩ nhiên, trong

những trường hợp như vậy, không phải luôn luôn chúng tôi thành công, nhưng khi thấy họ có vẻ thành thực yêu nhau thì chúng tôi cứ thử, may mà nó cải hoá được. Có một điều chắc chắn là nếu có sa ngã nữa thì không có cách gì cứu nó cả.

- Thừa ngài, như vậy nó đã làm hôn thú rồi sao?

- Chưa đâu, Umfundisi. Nhưng đã thu xếp mọi việc cả rồi. Thiếu nữ đó không có bà con họ hàng gì, mà con trai ông cũng bảo là không có bà con họ hàng gì cả, và chính tôi với người phụ tá bản xứ của tôi đứng ra thu xếp chuyện đó.

- Ngài thật là người phúc đức. Tôi xin thay mặt chúng cảm ơn ngài.

- Đó là phận sự của chúng tôi. Ông đừng nên quan tâm tới điều đó mà cũng đừng lo ngại về chuyện chúng không có hôn thú.

Viên công chức trẻ tuổi có vẻ từ tâm nói với Kumalo như vậy. Điểm quan trọng là nó có sẵn sóc vợ con không và có sống cuộc đời lương thiện không.

- Vâng tôi hiểu vậy, nhưng cái đó làm tôi xúc động.

- Dĩ nhiên, tôi có thể giúp ông được. Mời ông ra ngồi chơi ở ngoài một chút đợi tôi làm xong công việc rồi đưa ông lại Pimville để kiểm Absalom và thiếu nữ đó. Lúc này không gặp nó đâu vì tôi đã kiểm được việc cho nó trong châu thành và tôi nhận được những lời báo cáo tốt về nó. Tôi đã thuyết phục nó mở một trương mục gửi tiền ở sở bưu điện và nó đã gửi vô đó được đầu ba bốn bảng.

- Ngài tốt bụng quá, thật tôi không biết cảm ơn ngài ra sao.

- Đó là phận sự của tôi mà. Thôi bây giờ ông để cho tôi làm nốt công việc rồi tôi sẽ đưa ông lại Pimville.

Họ ra tới ngoài thì người da đen vẻ mặt dễ thương lại hỏi chuyện họ, biết dự định của họ rồi bèn mời họ vô nhà ngồi nghỉ. Hai vợ chồng ông ta cho một số con trai ở đậu, chúng đã được trại cải huấn cho ra ngoài sống tự do. Chủ nhà mời họ uống trà, ăn vài miếng và cũng bảo rằng Absalom ở trong trại là họ sinh giỏi, hạnh kiểm rất tốt. Rồi họ nói chuyện về trại cải huấn, về tình trạng những trẻ sống lang thang ở Johannesburg, không gia đình, không đi học, không ai nâng đỡ che chở; về bộ lạc tan rã phiêu tán, về đất đai khô cằn. Sau cùng một người vô cho hay người da trắng trẻ tuổi đã rảnh việc, sửa soạn đi được rồi.

Xe hơi chạy một lát thì tới Pimville, một làng mà nhà cất tạm bằng những bi-đông từ mấy năm trước mà tới bây giờ vẫn chưa cất lại được. Vì lúc nào cũng không đủ nhà cho những người tứ xứ lại Johannesburg. Tới cổng rào, người Anh trẻ tuổi phải xin phép vô, vì đã có lệnh cấm người da trắng vô làng nếu không được phép.

Họ dừng lại trước một căn nhà làm bằng thùng sắt đỏ và người da trắng dắt họ vô. Một thiếu nữ còn có vẻ con nít đứng dậy chào hỏi họ.

Người da trắng trẻ tuổi bảo:

- Chúng tôi lại hỏi tin tức về anh Absalom đây. Umfundisi này là thân phụ của anh ta.

Thiếu nữ ấy đáp:

- Anh ấy đi Springs từ thứ bảy vẫn chưa về.

Người Anh cau mày, làm thình một lát, vẽ bực mình hoặc ngần ngừ không biết tính sao.

- Hôm nay là thứ ba rồi, mà vẫn không có tin tức gì ư?

- Không.

- Bao giờ anh ấy về?

- Tôi không biết được.

Người da trắng có vẻ thản nhiên, hỏi lơ lửng:

- Rồi có về hay không đây?

- Tôi không biết được.

Thiếu nữ có cái giọng thờ ơ không hy vọng như một người đã quen chờ đợi, quen bị người khác bỏ rơi rồi. Nàng như một người không còn trông mong gì ở cái kiếp người bảy chục năm trên cõi trần này. Không có chút phản kháng, chẳng đòi hỏi điều gì và cũng chẳng giận dữ. Lòng nàng không biểu lộ một cái gì cả. Nàng thản nhiên sanh những đứa con của những kẻ đàn ông gạt nàng rồi bỏ nàng, quên nàng.

Tuổi nàng nhỏ, thân hình nàng bé bỏng tới nỗi Kumalo mặc dầu đau sót trong lòng mà cũng thương hại nàng.

Ông hỏi lai:

- Cháu tính sao?

- Cháu không biết tính sao.

Msimangu chưa chát bảo:

- Có lẽ rồi lại kiếm một người đàn ông khác.

Kumalo chưa kịp nói một câu gì để gột cái ý nghĩ chưa chát đó đi, không cho nàng thấy, thì nàng đã lặp lại:

- Cháu không biết tính sao.

Một lần nữa, Kumalo chưa kịp nói gì thì Msimangu đã quay lưng lại thiếu nữ, nói nhỏ nhỏ với bạn.

- Ở đây chẳng làm được gì đâu. Thôi chúng mình đi đi.

- Huynh ạ...

- Tôi bảo rằng ở đây chẳng làm được gì đâu. Huynh lo lắng cho bản thân chưa đủ sao? Huynh nghe tôi này, ở Johannesburg này có cả mấy ngàn ả như vậy. Dù cái lưng của huynh rộng bằng cả vòng trời, túi huynh đầy nhóc vàng, và lòng trắc ẩn của huynh trải mênh mông từ cõi trần

này xuống tới địa ngục đi nữa, thì huynh cũng chẳng làm gì được đâu.

Họ lặng lẽ rút lui. Mọi người đều lặng thinh; mỗi người một tâm sự: người da trắng trẻ tuổi thì chán nản vì thất vọng, Kumalo thì rầu rĩ vì đứa con, còn Msimangu vẫn còn chua chát vì những lời nói của mình. Hai người kia đã lên ngồi trong xe rồi mà Kumalo còn đứng ở ngoài. Ông bảo:

- Huynh không hiểu. Đứa con trong bụng thiếu nữ đó sẽ là cháu nội tôi.

Msimangu quạu quọ, vẫn chưa nén được nổi chua chát.

- Ngay cái đó nữa, huynh cũng không biết chắc được. Mà dù có đúng vậy chẳng nữa thì huynh cũng còn biết bao cháu nội nữa, chúng ta sẽ đi tìm chúng ngày này qua ngày khác sao? Biết bao giờ cho xong.

Kumalo vẫn đứng trên đám đất cát, trơ trơ như bị sét đánh. Rồi không nói thêm gì cả, ông leo lên xe.

Chiếc xe ngừng lại ở cổng rào. Người da trắng lại xuống xe, vô phòng giấy của viên giám thị người Âu. Khi trở về xe, mặt ông ta lạnh lùng, đau khổ. Ông ta bảo:

- Tôi đã kêu điện thoại lại xưởng. Đúng rồi, tuần lễ này nó không đi làm.

Tới cửa châu thành Orlando, họ lại ngừng xe gần cây xăng lớn. Người da trắng trẻ tuổi bảo họ:

- Hai ông xuống đây thôi.

Hai người xuống xe và người da trắng nói với Kumalo:

- Tôi rầu chuyện đó quá.

- Vâng, thực là khổ tâm.

Rồi như không tìm được tiếng Anh để diễn tả, ông nói bằng tiếng Zulu với Msimangu:

- Tôi cũng rầu rĩ vì ông ấy đã hết lòng mà kết quả như vậy.

Msimangu dịch ra tiếng Afrikaans:

- Ông ấy bảo ông ấy rất rầu rĩ vì ngài đã tổn công toi.

- Đó là phận sự của tôi, còn nó là con ông ấy.

Rồi ông ta quay về phía Kumalo, nói tiếng Anh:

- Chúng ta đừng nên tuyệt vọng. Đôi khi có trường hợp một thanh niên bị bắt giam hoặc bị thương vì tai nạn, rồi người ta chở vô dưỡng đường, chúng ta không biết thực sự xảy ra sao. Tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm nó.

Chiếc xe chạy đi. Hai người đứng nhìn theo.

Kumalo bảo:

- Ông ấy tốt bụng. Tôi chúng ta đi thôi.

Nhưng Msimangu vẫn đứng yên, bảo:

- Tôi xấu hổ với huynh.

Mặt ông ta nhăn nhó, có vẻ khổ não lắm.

Kumalo ngạc nhiên ngó ông ta. Ông ta nói:

- Tôi đã thốt những lời đê tiện quá. Huynh tha thứ cho.
 - Huynh muốn nói về việc đi tìm cháu nội tôi ấy ư?
 - Vậy ra huynh đã hiểu rồi ư?
 - Vâng, tôi hiểu rồi.
 - Huynh may hiểu thật.
 - Tôi già rồi, đã từng trải ít nhiều. Thôi chuyện đó nhắc tới làm chi.
 - Đôi khi tôi thấy tôi không đáng làm mục sư. Tôi muốn nói với huynh...
 - Không sao. Có lần huynh đã bảo rằng huynh nhu nhược và ích kỷ, nhưng Thượng Đế đã ra tay cứu vớt. Cơ hồ như lời đó đúng đấy.
 - Huynh an ủi tôi đấy.
 - Nhưng tôi muốn xin huynh một việc.
- Msimangu chăm chú ngó bạn, rồi đáp:
- Sẵn sàng.
 - Sẵn sàng cái gì?
 - Sẵn sàng dắt huynh trở lại gặp thiếu nữ đó nữa.
 - Huynh cũng mau hiểu đấy chứ.
 - Phải cho người khác cũng mau hiểu như mình với chứ.

Nhưng tâm trạng họ lúc đó chưa cho họ nói đùa được. Họ đi dọc theo con đường nóng như lửa đốt tới Orlando, không ai nói với ai câu nào, người nào người nấy tâm sự bồi hồi.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 9

Ngồi trên xe về Sophiatown, Msimangu bảo:

- Tôi nghĩ huynh hãy nên nghỉ ngơi ít bữa.

Kumalo ngó bạn đáp:

- Làm sao tôi có thể nghỉ ngơi bây giờ?

- Tôi hiểu huynh muốn nói gì rồi. Tôi biết rằng huynh đang lo lắng, nhưng người Anh trong trại cải huấn tìm kiếm có kết quả hơn chúng ta nhiều. Hôm nay thứ ba; ngày mốt tôi lại phải làm lễ ở Ezenzeneli, nơi có trại nuôi người mù xong rồi tôi lại phải săn sóc tín đồ nữa. Tôi phải nghỉ đêm tại đó, hôm sau mới về được. Tôi sẽ kêu điện thoại hỏi viên Giám đốc trại xem tôi có thể dắt huynh theo được không. Trong khi tôi làm việc huynh có thể nghỉ ngơi. Nơi đó phong cảnh đẹp; có một tiểu giáo đường, đất thoải thoải đưa xuống thung lũng ở dưới sâu. Nhìn thấy công trình của người da trắng xây cất cho những người mù của chúng ta, lòng huynh sẽ thấy phần khởi. Rồi chúng ta sẽ trở về, đủ sức mạnh tinh thần để làm một công việc của chúng ta.

- Thế còn công việc của huynh?

- Tôi đã thừa với bề trên rồi. Bề trên đã cho phép tôi và tôi phải giúp huynh cho tới khi nào tìm được cậu đó mới thôi.

- Các vị bề trên quả là nhân từ. Vâng, tôi sẽ đi cùng với huynh.

Ở hội Truyền giáo, không khí buổi tối đó rất vui vẻ. Cha Vincent, vị mục sư má hồng hào như trẻ em đó, hôm đó cũng có mặt và người ta chuyện trò về miền Kumalo sinh trưởng và làm việc. Rồi người da trắng đó kể chuyện về quê hương của mình cho mọi người nghe, tả các hàng rào cây, các cánh đồng, tu viện Wesminter và các giáo đường danh tiếng rải rác khắp nơi. Nhưng nỗi vui đó cũng không hoàn toàn vì một mục sư da trắng ở châu thành lại, chìa tờ *Evening Star*, chỉ cho họ một hàng tít lớn: GIẾT NGƯỜI Ở PARKWOLD, MỘT KỸ SƯ RẤT CÓ DANH VỌNG Ở CHÂU THÀNH CHÚNG TA BỊ BẮN CHẾT TRONG NHÀ, NGỜ RẰNG KẺ SÁT NHÂN LÀ NGƯỜI BẢN XỨ.

Vị mục sư da trắng nói:

- Thật là một sự thiệt hại lớn cho Nam Phi. Vì ông Arthur Jarvis đó là một thanh niên rất can đảm, hăng hái chiến đấu cho công lý. Mà cũng là một cái tang lớn cho Giáo hội nữa vì ông ta một trong những thanh niên đáng quý nhất trong số những người không theo đạo (1)

Msimangu bảo:

- Ông Jarvis ư? Quả thực tin này ghê gớm quá. Ông ấy làm hội trưởng câu lạc bộ Thanh niên Phi, ngay ở Claremont này, tại đường Gladiolus.

Cha Vincent nói với Kumalo:

- Có lẽ ông không biết ông ta? Trong báo bảo rằng ông ta là người con trai duy nhất của ông James Jarvis, ở High Place, Carisbrooke.

Kumalo rầu rĩ đáp:

- Tôi biết người cha. Còn người con, tôi biết tên, biết mặt nhưng chưa nói chuyện với nhau lần nào. Trại ông ta ở trên đồi, phía trên Ndotsheni và đôi khi ông ta cưỡi ngựa đi qua giáo đường. Hồi đó tôi nhớ là một cậu bé đẹp trai, nhưng không nhớ rõ lắm.

Nói xong, Kumalo lại im lặng vì làm sao không im lặng được khi hay tin một người mới chết, mà người đó trước kia làm một cậu bé rực rỡ đẹp trai.

Cha Vincent bảo:

Tôi đọc tin đó cho ông nghe nhé?

“ Hồi một giờ rưỡi trưa hôm nay ông Arthur Jarvis ở đường Plantation, Parkwold, bị một kẻ xông vào nhà bắn chết, người ta ngờ rằng kẻ sát nhân là một kẻ bản xứ. Bà Jarvis với hai người con đi vắng, nghỉ ngơi ít bữa, và ông Jarvis đã kêu điện thoại cho các hội viên hay rằng sẽ ở nhà vì bị cảm nhẹ. Người ta đoán rằng một người bản xứ chắc cùng với hai kẻ đồng lõa, từ phía sau bếp mà lên nhà, tưởng trong nhà không có ai. Người đầy tớ bản xứ ở trong bếp bị đánh thành linh té bất tỉnh; và ông Jarvis chắc là nghe thấy tiếng động bất thường, xuống coi xem có chuyện gì. Ông ta bị bắn ngay một phát trong hành lang đưa từ cầu thang xuống bếp, hình như súng dí gần sát người ông. Không thấy một dấu vết gì tỏ ra có sự chiến đấu.

“ Người ta thấy ba thanh niên bản xứ đi dọc theo con đường Plantation vài phút trước khi án mạng đó xảy ra, và người ta đã phái ngay một đội thám tử hùng hậu lại tại chỗ. Cuộc điều tra rất kỹ lưỡng đương tiến hành và các đồn điền ở Parkwold Ridge đương được lục soát. Người đầy tớ bản xứ Richard Mpiring còn nằm bất tỉnh ở dưỡng đường cho những người không phải Âu, và người ta hy vọng rằng khi chú ta tỉnh lại rồi sẽ có thể cho Ty cảnh sát biết được nhiều điều quan trọng. Nhưng hiện thời tình trạng của chú ta nghiêm trọng.

“ Một ông hàng xóm, ông Michael Clarke nghe thấy tiếng súng nổ vội vã chạy sang và thấy cảnh bi thảm đó. Chỉ sau vài phút cảnh sát tới liền. Trên chiếc bàn kê ở đầu giường nạn nhân người

ta thấy một bản thảo viết dở nhan đề là: *Sự thật về tình trạng phạm pháp của người bản xứ* và hình như ông đương viết thì đứng dậy đi tới chỗ chết. Cảnh sát thấy ống điều của ông đặt trên bàn còn nóng.

“ Ông Jarvis để lại một bà vợ goá, một cậu con trai chín tuổi, và một cô con gái năm tuổi. Ông là con trai duy nhất của ông James Jarvis ở trại High Place, Carisbrooke; Natal, và là hội viên của hãng chế tạo máy móc Davis, van der Walt và Jarvis. Nhiều người biết tiếng ông, vì ông quan tâm tới các vấn đề xã hội, gắng sức cải thiện đời sống của những giới không phải gốc Âu trong châu thành ”.

Mọi người đều lặng thinh. Phòng im phăng phắc. Không phải là lúc nói về hàng rào cây, cánh đồng, về cảnh đẹp của mỗi xứ nữa. Buồn rầu, sợ hãi, oán hận, những nỗi niềm đó nổi lên trong lòng và trong óc ta mỗi khi ta mở những trang tin tức về chết chóc. Khóc than đi cho cảnh bộ lạc bị tan rã, cho những luật pháp tục lệ bị bỏ quên. Ôi! Khóc lớn lên đi, vì người chồng đã chết, vì người vợ goá và lũ con cô. Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu, những chuyện như vậy chưa hết đâu. Ánh mặt trời tuôn xuống mặt đất, lên trên cái xứ đẹp đẽ này mà con người không biết hưởng. Trong lòng con người chỉ còn có nỗi sợ hãi thôi.

Kumalo đứng dậy, bảo:

- Tôi xin cáo biệt và chúc các ông yên giấc.

- Tôi cùng đi với huynh.

Họ đi tới cái cổng căn nhà nho nhỏ của bà Lithebe. Kumalo ngừng lên nhìn bạn và Msimangu thấy vẻ rất đau khổ trên mặt ông ta. Ông ta bảo:

- Cái đó. Cái đó. Trong tim tôi đây nè, chỉ có niềm sợ hãi, không có gì khác. Sợ, sợ, sợ....

- Tôi hiểu. Tuy nhiên, thật là điên mà sợ rằng chính cái điều đó xảy ra trong châu thành lớn có cả ngàn, cả ngàn người này.

- Không phải là chuyện sáng suốt hay điên khùng. Chỉ là chuyện sợ thôi.

- Ngày một chúng ta sẽ lại Ezenzeleni. Có thể lại đó huynh sẽ tìm được cái gì nó làm cho huynh bình tĩnh lại.

- Chắc vậy, chắc vậy. Nhưng điều tôi mong mỗi nhất thì tôi sẽ không tìm thấy được ở đó.

- Huynh đi cầu nguyện đi.

- Trong lòng tôi không còn lời cầu nguyện nào nữa. Thâm tâm tôi như câm rồi. Tôi không còn tiếng nào để cầu nguyện.

- Chúc an giấc.

- Chúc an giấc.

Msimangu nhìn Kumalo lên con đường dốc nho nhỏ. Ông ta có vẻ già sọm. Msimangu quay trở lại hội Truyền giáo. Phải, có những lúc mà Thượng Đế như không còn ở trên trái đất này nữa.

1. Đọc những chương sau chúng ta thấy song thân Arthur Jarvis theo đạo và làm lễ táng cho Arthur ở giáo đường. Bản tiếng Pháp dịch là “ theo đạo ”.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 10

Rõ ràng là niềm sợ hãi xâm chiếm xứ này rồi, vì con người có thể làm gì được khi mà có biết bao kẻ lớn lên mà bất chấp cả luật pháp. Làm sao có thể ngắm cảnh đẹp, làm sao có thể hưởng bảy mươi tuổi trời và hưởng nắng rực rỡ đổ xuống mặt đất khi mà lòng người ta sợ hãi? Làm sao có thể thông dong dạo dưới bóng những cây Tử Uy (1) khi mà vẻ đẹp của nó là một nỗi đe dọa? Làm sao có thể nghỉ ngơi trên giường được khi mà trong bóng tối có cái gì bí mật, bất trắc. Làm sao mà trai gái yêu nhau có thể êm đềm nằm dưới ánh sao được khi mà càng ở chỗ vắng thì nỗi hiểm nguy càng tăng?

Có cả trăm tiếng, ngàn tiếng thét lên, cảnh cáo, đưa ý kiến. Nhưng tiếng nói đó chẳng giúp gì được cho những kẻ phân vân cả, vì người khuyên thế này, người thì khuyên thế kia, có người lại khuyên một cách khác nữa, không phải thế này không phải thế kia.

- Thừa các ông các bà, thật tệ hại quá đỗi, ty cảnh sát của chúng ta bất lực, thiếu nhân viên. Khu ngoại ô này đóng thuế nhiều hơn đa số các ngoại ô khác của Johannesburg. Vậy mà người ta đã làm gì cho chúng ta? Người ta đã thành lập một tiểu chi cảnh sát hạng ba, chỉ có mỗi nhân viên đi tuần với một nhân viên giữ điện thoại. Vụ hành hung đó là vụ thứ nhì xảy ra trong vòng sáu tháng và chúng ta buộc chính quyền bảo vệ chúng ta hơn nữa.

(Vỗ tay)

- Ông Mc Laren, ông làm ơn đọc cho chúng tôi nghe quyết nghị của ông.

- Tôi bảo rằng hễ người bản xứ ở đây mà vẫn chưa có một mục đích, những mục tiêu đáng cho họ thực hiện thì sự phạm pháp của họ vẫn chưa giảm. Nguyên do chỉ vì họ không nhìn thấy một mục đích, một mục tiêu nào cả, nên họ mới đâm ra uống rượu, phạm pháp, mại dâm, trộm cắp. Chúng ta muốn gì? Muốn rằng dân bản xứ trọng pháp luật, siêng năng, theo đuổi một mục đích, hay là muốn cho họ chẳng coi pháp luật ra gì cả, biếng nhác, không có mục đích? Sự thực là chúng ta không biết chúng ta muốn gì cả, vì chúng ta sợ cả hai cái đó. Và chúng ta còn do dự

thì còn phải trả đất cái an tâm rất giả tạo là khỏi phải quyết định. Và giải pháp không phải là tăng cường lực lượng cảnh sát để bảo vệ chúng ta mà đủ đâu: giải pháp đó chỉ là tạm thời thôi. (*Vỗ tay*).

- Ông De Villiers, vậy ông cho rằng mở thêm trường học thì số thiếu nhi phạm pháp sẽ giảm trong đám trẻ em bản xứ ư?
- Thưa ngài chủ tịch, tôi tin chắc như vậy.
- Ông De Villiers, ông có biết tỉ số trẻ em được đi học là bao nhiêu không?
- Thưa ngài chủ tịch, ở Johannesburg, không đầy bốn phần mười trẻ em được đi học, mà trong số bốn em đó không có được một em học hết ban tiểu học. Còn sáu em kia thì chỉ được hưởng sự giáo dục ở đầu đường xó chợ.
- Thưa ngài chủ tịch, ngài cho phép tôi hỏi ông De Villiers một câu.
- Ông cứ hỏi, ông Scott.
- Ông De Villiers, theo ông thì ai phải gánh những phí tổn về giáo dục đó?
- Chúng ta phải gánh lấy. Nếu chúng ta đợi cho phụ huynh bản xứ đủ sức gánh những phí tổn đó, thì chúng ta sẽ phải trả đất hơn nữa bằng một cách khác.
- Ông De Villiers, ông có nghĩ rằng cho chúng học thêm thì chỉ làm cho chúng thành những kẻ phạm pháp thông minh hơn, tài khéo hơn không?
- Tôi tin chắc không phải vậy.
- Tôi xin kể một thí dụ. Tôi nuôi một đứa đầy tớ có bằng cấp tiểu học. Ra về dân thầy đảng hoàng lăm, cổ đeo cà vạt, mũ đội chéch trên đầu, chân đi giày kiểu mới nhất. Tôi đối đãi với nó tử tế, trả công nó hậu hĩnh. Vậy mà, ông De Villiers, ông biết không, cái quân vô lại đó...
- Ông Jackson, phải sửa luật thông hành (2) cho gắt thêm.
- Tôi đã bảo rằng luật thông hành không công hiệu gì hết mà.
- Công hiệu chứ, nếu kiểm soát chặt chẽ.
- Nhưng tôi đã bảo rằng vô phương kiểm soát chặt chẽ được mà. Ông có biết không, mỗi năm chúng ta nhốt khám cả trăm ngàn dân bản xứ và ở trong khám chúng sống lẫn lộn với bọn thực sự phạm tội.
- Ông Jackson, điều đó không hoàn toàn đúng. Tôi biết rằng người ta đưa họ lại những trại sửa đường, hoặc tới các trại ruộng...
- Có thể rằng điều ông nói đúng. Nhưng lý lẽ của tôi cũng vẫn vững, không thể nào kiểm soát chặt chẽ giấy thông hành được. Ông có thể đưa họ lại trại sửa đường hoặc trại ruộng hoặc một nơi quái nào đó tùy ý ông, nhưng xin ông đừng nói với tôi rằng mỗi năm bắt cả trăm ngàn

người làm khổ dịch là một giải pháp tốt.

- Vậy ông đề nghị cái gì đây?

- Ông hỏi tôi điều đó ư? Tôi cũng không biết phải làm gì nữa, tôi chỉ biết rằng giấy thông hành hoàn toàn vô dụng.

- Chúng tôi lại hồ ở sở Thú, bạn ạ. Nhưng thực là chịu không nổi. Tôi không hiểu tại sao người ta không dành riêng vài ngày cho người bản xứ.

- Tôi thì tôi không lại đó ngày Chủ nhật nữa. Chúng tôi dắt hai cháu John và Penelope lại đó những ngày thường. Nhưng chúng ta cũng nên công bằng một chút, bọn bản xứ tội nghiệp đó không tới đó thì biết đi đâu bây giờ?

- Tại sao người ta không lập những nơi giải trí riêng cho họ?

- Khi chính phủ tính lấy một khu ở bãi chơi gôn tại Hillside, lập một trung tâm giải trí cho họ thì thiên hạ nhao nhao lên phản đối và rốt cuộc chương trình đó phải bỏ.

- Nhưng bạn ạ lập trung tâm giải trí ở đó thì chịu sao nổi. Sẽ ồn ào không tưởng tượng được.

- Vì vậy họ mới tụ tập ở trên lề đường và các góc đường. Và ở những nơi ấy ồn ào cũng không tưởng tượng nổi. Nhưng tại khu bạn ở, người ta đâu có nghe thấy tiếng ồn.

- Đừng nên cay độc, bạn ạ. Tại sao người ta không lập những trung tâm giải trí rộng rãi ở một vài nơi rồi cho xe buýt chở họ lại đó mà không lấy tiền?

- Ở chỗ nào chẳng hạn?

- Bạn cứ vậy hoài! Thì ngay trong châu thành không được ư?

- Họ sẽ phải mất bao nhiêu thì giờ để tới trung tâm giải trí, rồi mất bao nhiêu thì giờ để về nhà? Mà ngày Chủ nhật, bạn cho đầy tớ nghỉ được mấy giờ?

- Trời nóng nực quá, không thảo luận gì được. Lấy chiếc vợt đi, người ta gọi chúng mình kìa. Có bà Harvey và Thelma kìa, phải chơi cho hăng mới được.

Có người đòi phải cấp tốc chia Nam Phi thành hai khu vực riêng biệt, một khu chỉ có người da trắng mà không có người da đen, một khu chỉ có người da đen mà không có người da trắng, để cho người da đen có thể cày ruộng của họ, khai thác mỏ của họ, áp dụng luật pháp của họ. Lại có kẻ đòi phải bãi bỏ chính sách bắt phu sống trong trại, nó làm phu mỏ phải xa vợ con, làm cho bộ lạc tan rã, gia đình ly tán, con người hư hỏng; họ đòi thành lập những làng cho thợ mỏ và thợ kỹ nghệ có thể sống với gia đình được.

Và các giáo hội cũng lên tiếng nữa. Các giáo hội dùng tiếng Anh thì đòi mở thêm trường học, tăng gia phương tiện cải tiến cho dân bản xứ, bãi bỏ các hạn chế về lao động và kinh doanh cho dân bản xứ. Còn các giáo hội dùng tiếng Afrikaans (3) muốn rằng người ta cho dân bản xứ có

nhiều cơ hội phát triển theo bản tính của họ, và nhắc nhở tín đồ rằng sự suy vi của tôn giáo gia đình, của tục lệ cho đầy tớ dự vào các cuộc lễ bái của gia đình, đã một phần nào làm cho luân lý của dân bản xứ đồi trụy. Nhưng ở trong giáo đường và trong Quốc Gia thì không có chuyện bình đẳng.

Vâng, có cả trăm, cả ngàn tiếng nổi lên phản đối, đề nghị. Những kẻ nói thế này, người nói thế khác thì biết làm gì bây giờ? Khi mà số người da đen nhiều gấp mấy số người da trắng, thì ai chỉ cho ta được cách làm sao cho xứ này được yên ổn? Có người bảo đất đai sản xuất đủ nuôi mọi người, rằng tài sản của người nay tăng lên thì không nhất định là tài sản của người khác phải giảm đi, rằng người này phát đạt không nhất định là người khác phải suy bại. Họ bảo rằng nhân công mà trả hạ quá thì Quốc Gia sẽ nghèo, thợ thuyền có được trả công cao thì chẳng những họ tiêu xài nhiều hơn mà còn đọc sách báo nhiều hơn, suy nghĩ nhiều hơn, đòi hỏi nhiều hơn, không chịu nín tiếng hoài, không chịu ở hoài địa vị thấp kém...

Ai chỉ cho ta được cách phải tổ chức xứ này ra sao? Vì không những chúng ta sợ mất tài sản, mà còn sợ mất cả ưu thế, mất cả màu da trắng của ta? Có người bảo sự phạm pháp là điều nguy hiểm thật đấy, nhưng tổ chức lại còn nguy hại hơn nữa. Cứ duy trì quyền lợi của chúng ta dù phải trả cái giá là sợ hãi, chẳng hơn ư? Có người lại bảo cảnh sợ hãi đó có thể kéo dài hoài không? Vì chẳng phải là chính vì sợ mà người ta phải suy nghĩ kỹ về tất cả các điều đó sao?

Chúng ta đành chịu, không biết giải quyết cách nào cả. Chúng ta sẽ tiếp tục sống được ngày nào hay ngày đó, chúng ta sẽ đặt thêm chốt cửa, khi con chó cái đẹp và dữ ở nhà bên cạnh đẻ lứa sau thì chúng ta sẽ mua một con chó đẹp và dữ, và sẽ ôm chặt cái xách tay của ta hơn nữa. Và thôi đừng nghĩ tới chuyện ngắm cảnh của cây cối ban đêm, hưởng những phút mê ly của các cặp tình nhân, dưới ánh sao nữa. Nửa đêm say sưa đừng đi qua các đường phố vắng vẻ mà về nhà nữa, và tối tối đừng dạo mát trên bãi cỏ dưới ánh sao nữa. Chúng ta sẽ phải thận trọng gạt bỏ tất cả những thú vui đó, phải tự giam mình, đề phòng thật chắc chắn, kỹ lưỡng. Như vậy đời sống chúng ta sẽ thu hẹp lại nhưng sẽ là đời sống của giống người thượng đẳng; chúng ta sẽ sống trong sự sợ hãi nhưng ít nhất chúng ta cũng biết được là chúng ta sợ cái gì. Và lương tâm của chúng ta sẽ như ngọn đèn chong khêu nhỏ; ánh sáng của đời sống sẽ không tắt mà được che đậy đi để cho một thế hệ khác sẽ có ngày dùng nó; ngày đó sẽ tới cách nào và bao giờ thì tới, thì đừng nên nghĩ tới là hơn.

Tối nay họ tổ chức một cuộc mít tinh ở Parkwold, cũng như đã tổ chức tối qua ở Turffontein và sẽ tổ chức tối mai ở Mayfair. Và người ta sẽ đòi phải tăng cường lực lượng cảnh sát, nghiêm trị

tội trộm cướp bản xứ hơn nữa, phải xử tử tất cả bọn trộm cướp mang khí giới. Và một số người sẽ đòi thành lập một lực lượng cảnh sát bản xứ để dân bản xứ biết được ai làm chủ ở đây; và đòi đàn áp các hoạt động của bọn Kafferboetie (4) và bọn Cộng sản.

Các câu lạc bộ Tả phái cũng tổ chức một cuộc hội họp bàn về “ Một chính sách dài hạn để giải quyết vấn đề phạm pháp của dân bản xứ ” họ đã mời tất cả các diễn giả Âu và không phải Âu tới cùng thảo luận. Hội nghị giáo đường cũng tổ chức một cuộc họp bàn về “ Các nguyên nhân đích thực của sự phạm pháp của dân bản xứ ”, nhưng không khí của buổi họp này sẽ có màu tang tóc, vì người định diễn thuyết ông Arthur Jarvis, mới bị ám sát trong tư gia của ông ở Parkwold.

Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu, khóc cho đứa trẻ chưa sanh mà sẽ phải chịu cái di truyền sợ sệt của chúng ta. Cầu cho nó đừng yêu xứ này thân thiết quá. Cầu cho nó đừng cười ròn rã quá khi nước mắt chảy qua kẽ tay của nó; cầu cho nó đừng trầm lặng quá khi ánh hoàng hôn nhuộm đỏ cánh đồng cỏ. Cầu cho nó đừng xúc động quá khi chim chóc quê hương nó ríu rít; cầu cho nó đừng quyến luyến quá với đồi núi, thung lũng. Vì nếu nó phân phát lòng của nó quá thì nỗi sợ hãi sẽ lấy hết của nó thôi.

- Ông Msimangu?

- À, bàNdela ở đường End!

- Thưa ông Msimangu cảnh sát lại nhà tôi.

- Cảnh sát?

- Vâng, họ muốn điều tra về người con trai của Umfundisi già. Họ đang kiếm anh ấy đấy.

- Kiếm làm gì vậy?

- Họ không cho hay thưa ông Msimangu.

- Có chuyện chẳng lành ư?

- Tôi ngại như vậy.

- Rồi làm sao nữa.

- Thưa Umfundisi, tôi sợ quá. Tôi đã cho họ địa chỉ của bà Mkige, số 79, đại lộ hai mươi ba ở Alexandra. Và một người cảnh sát bảo đúng rồi, người đàn bà có tiếng là làm nhiều điều ám muội.

- Bà đã cho họ địa chỉ ư?

Msimangu đứng yên ở cửa

- Như vậy là vậy sao, Umfundisi?

- Không đâu.

- Tôi sợ quá.

- Luật pháp mà. Chúng ta phải giúp đỡ cơ quan hành pháp.

- Umfundisi, nói vậy là tôi yên tâm.

Msimangu cảm ơn người đàn bà chất phác đó và chúc bà ta ra về mạnh giỏi. Khi bà ta đi rồi, ông còn đứng một chút ở cửa rồi quay ngoắt lại, trở về phòng. Ông lấy một bao thư ở trong ngăn kéo rút ra vài tấm giấy bạc. Ông rầu rĩ nhìn những tấm giấy bạc đó rồi quả quyết đút vào túi, lấy chiếc nón. Thay quần áo rồi, ông lưỡng lự ngó qua cửa sổ về phía nhà bà Lithebe và lắc đầu. Nhưng đã trễ quá, vì ông mới mở cửa thì Kumalo đã đứng trước mặt ông rồi.

- Huynh sắp đi đấy ư?

Msimangu lặng thinh một chút rồi mới đáp:

- Vâng, tôi tính đi chút có chút việc.

- Nhưng huynh bảo hôm nay huynh ở nhà làm việc mà.

Msimangu hơi cáu, đã muốn đáp: “ Tôi có quyền muốn làm gì thì làm chứ ”, nhưng có cái gì ngăn ông ta lại, và ông mời bạn vô.

Kumalo bảo:

- Tôi không muốn làm phiền huynh.

Msimangu lặp lại: “ Huynh vô đi ” rồi khép cửa lại bảo:

- Bà Ndela mới lại thăm tôi. Bà ta ở đường End, tại Sophiatown này mà có lần chúng mình đã lại.

Kumalo nhận thấy giọng của bạn nghiêm trọng, bèn hỏi:

- Có tin tức ư?

Kumalo có vẻ sợ hãi chứ không phải là nóng nảy, muốn biết.

Msimangu đáp:

- Chỉ có vậy: cảnh sát đã tới nhà bà ấy tìm cậu con của huynh, và bà ấy đã cho địa chỉ ở số 79, đại lộ Hai mươi ba, tại Alexandra.

Kumalo hỏi nhỏ nhỏ, giọng run run:

- Họ kiếm nó làm gì?

- Điều đó chúng ta không biết được. Tôi tính lại đó thì huynh tới.

Kumalo ngó Msimangu và Msimangu thấy vẻ nhìn của bạn rầu rĩ và biết ơn, nên hết bực mình.

Kumalo hỏi bạn:

- Huynh tính đi một mình ư?

- Phải, tôi tính đi một mình. Nhưng bây giờ huynh đã hay rồi thì cùng đi với tôi cũng được.

- Huynh tính đi cách nào? Không có xe buýt.

- Thì đi tắc xi. Tôi có tiền đây.

- Tôi cũng có tiền đây. Tôi phải trả chứ.

- Tốn tiền lắm đấy?

Kumalo vạch chiếc áo ngoài ra, lạnh lẽ rút túi tiền ra:

- Tiền đây này.

- Được, để rồi sẽ tiêu tới. Thôi đi kiếm tắc xi.

- Thím Mkige!

Nghe kêu tên, thím lùi lại một bước, vẽ bực mình.

- Cảnh sát có lại đây không?

- Có, họ mới lại đây.

- Họ muốn gì?

- Muốn tìm cậu đó.

- Và thím họ trả lời họ ra sao?

- Tôi bảo cậu ấy đã dọn đi chỗ khác các đây một năm rồi.

- Rồi họ đi đâu?

- Lại Shanty Town.

Thím ta lùi lại một bước nữa, nhớ lại lần trước, ông lạnh lùng hỏi:

- Lại một địa chỉ mà thím không biết?

Thím ta cau có nhìn mục sư, rồi đáp:

- Tôi làm cách nào được? Cảnh sát hỏi mà.

- Không sao. Địa chỉ đó ra sao?

- Tôi đâu có biết. Tôi bảo họ lại Shanty Town.

Thím ta nổi quạu, lớn tiếng:

-Tôi đã bảo tôi không biết địa chỉ mà.

- Thím Hlatshways!

Người đàn bà vẽ mặt dễ thương, mỉm cười rồi né qua một bên, mời họ vô nhà.

- Chúng tôi đứng đây cũng được, hỏi thăm thím một chút thôi. Cảnh sát có tới đây không?

- Thưa Umfundisi có.

- Họ muốn gì?

- Muốn tìm cậu đó, thưa Umfundisi.

- Để làm gì, thím?

- Tôi không biết, Umfundisi.

- Rồi họ đi đâu?

- Lại trường học (5) , Umfundisi.

Ông ta hỏi nhỏ thím ta:

- Này thím có vẻ nghiêm trọng không?
- Tôi không biết được, Umfundisi.
- Thím ở lại mạnh giỏi.
- Umfundisi đi mạnh giỏi.

- Chào bạn!

Người phụ tá bản xứ chào lại

- Chào Umfundisi.
- Ông người da trắng trẻ tuổi ở đâu?
- Ông ấy ra châu thành. Mới đi tức thì đây.
- Cảnh sát có tới đây không?
- Có mới tới tức thì đây, rồi đi rồi.
- Họ muốn gì?
- Muốn tìm thanh niên Absalom Kumalo, con trai ông già ngồi trong tắc xi ngoài kia.
- Họ tìm người thanh niên đó làm gì?
- Tôi không biết. Lúc đó tôi có công việc khác, nên bước ra trong khi họ bước vô với ông da trắng.
- Và bạn không biết họ muốn gì sao?
- Thực tình tôi không biết, Umfundisi.

Msimangu làm thình một lát rồi hỏi:

- Có vẻ nghiêm trọng không?
- Tôi không biết. Thực tình tôi không thể đáp được.
- Còn ông da trắng có vẻ...bạn trí lăm không?
- Có.
- Làm sao bạn biết được?

Người phụ tá cười

- Tôi biết chứ sao không biết.
- Rồi họ đi đâu?
- Lại Pimville, Umfundisi. Lại nhà thiếu nữ đó.
- Bạn bảo mới đi tức thì hả?
- Phải, mới đi tức thì.
- Chúng tôi cũng lại đó ngay bây giờ. Bạn ở lại mạnh giỏi. Và nói với ông da trắng rằng chúng tôi có lại thăm ông nhé.

- Vâng, tôi sẽ nói lại với ông ấy. Umfundisi, đi mạnh giỏi.

- Này con!

- Thưa Umfundisi.

- Cảnh sát có tới đây không?

- Thưa, mới tức thì đây.

- Họ muốn gì?

- Muốn tìm anh Absalom, thưa umfundisi.

- Thế con trả lời họ ra sao?

- Con bảo con không gặp anh từ hôm thứ bảy, Umfundisi.

Kumalo khổ não, la lên:

- Họ tìm nó để làm gì đây?

Thiếu nữ sợ hãi lùi lại.

Kumalo lại la lên:

- Thế sao con không hỏi họ?

Thiếu nữ rung rung nước mắt.

- Con sợ.

- Không có người nào hỏi họ sao?

- Có mấy bà hàng xóm đứng đó. Có thể một bà nào đó đã hỏi họ.

Msimangu hỏi:

- Bà nào đâu? Chỉ cho tôi.

Thiếu nữ chỉ vài người đàn bà, nhưng mấy người này cũng không biết gì hết.

Một người bảo:

- Họ không muốn cho hay.

Msimangu kéo người đó tới một chỗ hỏi nhỏ:

- Thím thấy có vẻ nghiêm trọng không?

- Thưa Umfundisi, có vẻ nghiêm trọng. Mà chuyện chi vậy?

- Chúng tôi không biết.

Người đàn bà đó nói:

- Đời bây giờ nhiều chuyện lo lắng quá.

Ông trở ra tắc xi và Kumalo đi theo. Thiếu nữ lết bệt chạy theo vì đương có mang:

- Họ bảo con rằng, nếu anh về thì báo cho họ hay.

Vẻ lo lắng hiện trong cặp mắt nàng. Nàng hỏi:

- Con phải làm sao?

Msimangu bảo:

- Thì phải báo cho họ hay. Và cũng phải báo cho bọn tôi hay nữa. Dặn cháu này, cháu lại phòng giấy ông giám thị xin phép ông ấy kêu điện thoại về hội truyền giáo ở Sophiatown. Tôi ghi số điện thoại cho: 49-3041.

- Vâng, con sẽ làm theo lời Umfundisi dặn.

- Này, các thầy cảnh sát có nói rồi sẽ đi đâu nữa không?

- Thưa không, Umfundisi. Nhưng con có nghe họ nói chỗ *Die spoor loop loop*, tới đây là mất dấu.

- Cháu ở lại mạnh giỏi.

- Umfundisi đi mạnh giỏi.

Nàng quay lại để chào vị mục sư kia nữa, nhưng ông ta đã ngồi trong xe tắc xi gục đầu trên cây gậy.

Msimangu hỏi:

- Bao nhiêu tiền đó?

- Hai bảng và mười si-ling, Umfundisi.

Kumalo tay run run móc tiền

Msimangu bảo:

- Để tôi trả cho. Tôi lấy làm vui được giúp huynh.

Kumalo đáp giọng run run:

- Huynh tốt bụng quá. Nhưng tôi phải trả chứ.

Ông ta rút mấy tấm ở xấp giấy bạc, nó nhẹ lần đi.

- Huynh run kìa.

- Tôi lạnh, lạnh quá.

Msimangu nhìn lên vòm trời không gợn mây; mặt trời Phi Châu gội ánh nắng xuống mặt đất.

Ông bảo:

- Huynh vô phòng tôi. Tôi đốt lửa để huynh sưởi.

Chú thích:

1. *Jacaranda*.

2. *Pass law*: coi bài tựa.

3. *Chủ trương kỳ thị*.

4. Đọc là *Cáp phơ bu ti*. Một tiếng có nghĩa khinh bỉ mới đầu trở những người da trắng thân thiết với người bản xứ da đen, sau trở tất cả những người hoạt động cho quyền lợi của những người không phải Âu.

5. Trại cải huấn

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 11

Trên đường đi Ezenzeleni, họ làm thỉnh, và mặc dầu đi bộ từ nhà ga tới trại người mù, Msimangu rán gọi chuyện, nhưng Kumalo có vẻ không muốn nói mà cũng không để ý tới những cái ở chung quanh.

Msimangu hỏi:

- Trong khi tôi mắc việc, huynh tính làm cái gì?
- Tôi muốn lại ngồi một trong những chỗ mà huynh đã nói với tôi đó, và khi huynh xong công việc rồi thì có lẽ tôi xin huynh dắt tôi đi coi Ezenzeleni.
- Đồng ý.
- Tôi mong rằng, tôi không làm cho huynh phiền lòng chứ?
- Tôi hiểu hết rồi. Thôi đừng nhắc lại chuyện đó nữa.

Msimangu giới thiệu Kumalo với ông giám đốc người Âu và ông này trân trọng khác thường gọi Kumalo bằng ông. Chắc Msimangu đã nói riêng gì với ông giám đốc, nên ông này không mời Kumalo đi theo họ, mà dắt Kumalo lại cái chỗ đất đồi thoai thoải đưa xuống cánh đồng và bảo tới bữa ăn họ sẽ lại gọi về.

Trong mấy giờ, Kumalo ngồi ở đó dưới ánh nắng, thấy tâm hồn nhẹ nhàng, phần khởi lên, không hiểu là tại không khí ấp áp, hay tại cảnh cánh đồng mênh mông trải ở dưới chân tuốt tới dãy núi xanh lam ở chân trời, hay là tại Thượng Đế chí nhân an ủi các tâm hồn khổ não.

Phải, Msimangu đã nói đúng. Tại sao lại lo sợ chính cái điều đó xảy ra trong một châu thành có cả ngàn người này? Con trai ông đã lầm lạc trong châu thành lớn này cũng như bao nhiêu người trước, và bao nhiêu người khác nữa sau nó, cho tới khi nào người ta tìm được một bí quyết mà hiện nay chưa ai biết được. Nhưng còn cái việc giết người, giết một người da trắng! Không ông nhớ lại các việc đã qua thì không thấy một cái gì, một chút gì làm cho ông ngờ rằng việc đó có thể xảy ra được.

Ông nghĩ tới thiếu nữ và tới đứa nhỏ chưa sanh, nó sẽ là cháu nội ông. Đáng tiếc rằng ông, một

vị mục sư mà lại có một đứa cháu nội ra đời như vậy. Nhưng cái đó có thể cứu vãn được. Nếu hai đứa làm lễ cưới rồi, thì ông, ông sẽ rán xây dựng lại cái gì đó đã đổ vỡ. Có thể con trai ông và thiếu nữ đó sẽ cùng về Ndotsheni với ông, có thể vợ chồng ông sẽ nuôi nấng dạy dỗ đứa nhỏ đó kỹ hơn là nuôi nấng con mình. Nhưng vợ chồng đã thất bại ở chỗ nào? Đã làm cái gì hoặc không làm cái gì để tới nỗi con trai thành một tên ăn trộm, đổi chỗ ở hoài như một tên du đảng sống với một con điếm còn con nít, làm cha một đứa con hoang. Ông tự an ủi, nhủ thầm rằng tại châu thành Johannesburg làm hư hỏng nó. Nhưng rồi - nỗi sợ lại xâm chiếm ghê gớm hơn bao giờ hết - nhưng rồi con trai ông đã bỏ thiếu nữ đó với đứa con chưa sanh, bỏ công ăn việc làm mà người da trắng trẻ tuổi đã tìm cho nó mà trở lại cuộc đời du đảng. Mà bọn du đảng làm cái gì? Chúng sống chẳng theo một luật pháp tục lệ gì cả, không có lòng tin tưởng, không có mục đích, thế thì chúng đánh đập một người khác, hạ sát bất kỳ người nào cản trở chúng kiếm cái lợi đề tiện của chúng, điều đó có gì là lạ?

Có cái gì làm tan rã trong tâm hồn để đến nỗi một kẻ đang tâm giết người đồng loại? Có cái gì đã tan rã để đến nỗi hắn đang tâm đâm lưỡi dao vào da thịt nóng ấm của người khác, hạ lưỡi rìu lên đầu một người, bửa cái sọ làm hai ở khoảng giữa cặp mắt đương ngó, bắn một phát vào một trái tim đương đập.

Ông rùng mình, cố xua đuổi những hình ảnh kinh khủng đó đi. Vậy mà chính những hình ảnh ấy đã làm ông vững lòng lại. Vì không có cái gì, tuyệt nhiên không có cái gì trong những năm ở Ndotsheni, trong cả các tuổi thơ của con ông, có thể làm cho con ông có một hành động rùng rợn như vậy được. Phải, ông Msimangu có lý. Chỉ là cái tâm trạng còn ngờ ngợ, nó làm cho Kumalo lo sợ chính là cái điều đó xảy ra trong châu thành có cả ngàn người, cả ngàn người này. Ông thấy khuây khoả trong lòng mà nghĩ tới chuyện xây dựng lại, tưởng tượng cảnh nhà cửa mà ông và vợ ông, lúc về già, xây cất cho Gertrude và đứa con của nàng, cho chính con trai của ông bà, cho con dâu và cháu nội. Đã thấy Johannesburg rồi, ông sẽ hiểu biết sâu sắc hơn khi trở về Ndotsheni. Phải, và ông sẽ khiêm tốn tự hạ mình hơn nữa vì chính em gái ông đã chẳng là một gái điếm đấy ư? Và con trai ông đã chẳng là tên ăn trộm đấy ư? Còn chính ông, ông sẽ chẳng là ông nội một đứa con hoang đấy ư? Ông đau khổ nghĩ tới điều đó, nhưng không chua xót trong lòng.

Người ta có thể trở về quê hương được khi người ta biết rõ những cái mình phải trừ diệt và những cái mình phải xây dựng. Ông sẽ trở về quê hương mà sẽ quan tâm hơn tới trường học, nó không phải chỉ là nơi dạy trẻ tập đọc, tập viết, tập đếm, mà còn phải là nơi chuẩn bị cho trẻ ra đời sau này, bất kỳ là chúng sẽ có số phận ra sao. Người ta phải giáo dục dân tộc ông, mở trường khắp nơi để xây dựng một cái gì sau này có thể giúp trẻ khi chúng ra châu thành lớn, một cái gì có thể thay luật pháp và tục lệ của bộ lạc.

Trong lúc ông miên man và tưởng tượng cảnh đó, như hầu hết mọi người khi ngồi trên một đồng tro tàn, đổ nát.

Phải, thì ra điều đó đúng. Ông đã tự thú rằng bộ lạc đã tan rã và không thể thành lập lại được nữa. Ông cúi gằm đầu xuống. Y như một người bay bổng trên không, thỉnh thoảng thấy cặp cánh màu nhiệm rời ra, rớt xuống, mà lo ngại hoảng hốt nhìn xuống dưới đất. Bộ lạc đã tan rã và không thành lập lại được nữa. Bộ lạc đã nuôi nấng dạy dỗ ông, thân phụ ông và thân phụ của thân phụ ông, bộ lạc đó đã tan rã. Vì đàn ông đã bỏ đi nơi khác, thanh niên đã bỏ đi nơi khác, mà bắp thì không cao hơn đầu người.

- Bữa ăn đã dọn sẵn cho chúng mình rồi.
 - Đã tới bữa rồi ư?
 - Huynh ngồi ở đây đã lâu rồi mà.
 - Vậy mà tôi không hay đấy.
 - Huynh thấy cái gì không?
 - Không.
 - Không ư?
 - Không thấy gì cả. Chỉ thấy sợ hãi hơn nữa, đau khổ hơn nữa. Trên cõi trần này chỉ còn toàn sợ hãi và đau khổ.
 - Huynh a...
 - Cái gì vậy?
 - Tôi ngần ngại không muốn nói với huynh.
 - Huynh có quyền được nói mà. Có quyền hơn ai hết.
 - Vậy thì nghe tôi: tới lúc nên về thôi. Lời huynh mới nói điên khùng và xấu xa đấy. Mà cũng là một tội lỗi, cái đó mới nặng nhất, tôi lấy tư cách một mục sư mà nói với huynh đấy.
- Kumalo cúi đầu:
- Huynh nói có lý. Tôi không nên ngồi một mình ở đây lâu nữa.

Ezenzeleni là một nơi lạ lùng. Vì những người mù kéo dài kiếp sống của mình trong một thế giới họ không thấy được gì hết, những người đó ở đây có được cặp mắt. Ở đây họ làm những việc mà Kumalo, mắt tỏ như vậy mà cũng không thể làm được. Họ đan những cái rổ chắc chắn bằng một thứ miên liễu có đủ màu, và những nan miên liễu đó bắt chéo vào với nhau như do một phép màu, thành những hình đẹp dễ, nan đỏ ghép với nan đỏ, nan xanh ghép với nan xanh, trong những bàn tay không có mắt thấy được. Kumalo nói chuyện với họ, và con người mù loài của họ long lanh, chiếu ra một ánh sáng nó chỉ có thể là ánh sáng của nội tâm. Chính những

người da trắng làm việc từ thiện đó, người thì nói tiếng Anh, người thì nói tiếng Afrikaans đó đã hợp lực với nhau, để mở mắt cho những người da đen mù loà này.

Bạn ông ta, mục sư Msimangu chiều đó phải thuyết giáo trong tiểu giáo đường. Vì ở đây không phải mọi người cùng theo một giáo phái, nên không có bàn thờ và một cây thánh giá trên đó, mà thánh giá là hai lỗ hổng để lại trong tường không dùng gạch bít lại. Và Msimangu cũng không bận y phục giáo phẩm mà ông bận ở Sophiatown, và sáng sớm hôm sau ông sẽ bận để làm lễ cho những người theo giáo phái của ông.

Msimangu mở thánh kinh và bắt đầu đọc một đoạn cho họ nghe. Kumalo không ngờ bạn mình có cái giọng như vậy. Vì giọng đó là giọng vàng, đọc tiếng nào cũng ra vẻ âu yếm. Giọng đó rung động, ngân nga, run rẩy không như giọng rung động, ngân nga, run rẩy của một ông già, cũng không như âm thanh rung động, ngân nga, run rẩy của cành lá, mà như tiếng chuông trầm trầm, thánh thót. Vì nó không phải chỉ là tiếng vàng, mà còn là tiếng của một người mà trái tim là vàng, đọc một cuốn sách lời lẽ là vàng ngọc. Mọi người im lặng, Kumalo cũng im lặng, vì có bao giờ hội được đủ ba cái đó đâu.

Ta là đức Chúa, ta đã gọi con về đường đạo đức.

Và ta sẽ nắm tay con, sẽ giữ con.

Sẽ cho con một thánh ước.

Như một ánh sáng cho các người dị giáo.

Để làm sáng tỏ cho những cặp mắt đui.

Để giải thoát tù nhân ra khỏi ngục.

Và giải thoát cho những kẻ ngồi trong bóng tối.

Ra khỏi nhà giam.

Giọng đưa bổng lên mà ngôi ngữ Zulu như được nâng cao lên, biến đổi đi, và người nói cũng cao thượng lên, biến đổi đi như đạt được một cái gì to lớn hơn hết thảy chúng ta. Và mọi người im lặng nghe, vì chẳng phải họ là những người được nói trong Thánh Kinh đó ư? Kumalo cũng im lặng nghe vì đã nhận được con người đui mù mà Msimangu đọc họ nghe những câu này:

Ta sẽ dắt những người đui qua một con đường họ không biết.

Ta sẽ dẫn họ trên những nẻo mà họ không hay.

Ta sẽ làm cho bóng tối hoá ra ánh sáng trước mắt họ.

Ta sẽ uốn thẳng lại những vật cong.

Ta sẽ làm những việc đó cho họ.

Và ta không bao giờ bỏ quên họ.

Phải rồi, chính bạn ấy nói với mình đây, không còn ngờ gì nữa. Bạn ấy bảo rằng chúng ta không bao giờ bị bỏ quên. Vì trong khi mình tự hỏi chúng ta sống, chiến đấu rồi chết để làm gì, trong khi mình có cái gì giữ cho mình sống và chiến đấu như vậy? Thì có những người lại đây sẵn sóc những người đui, người da trắng lại đây sẵn sóc những người đui da đen. Đúng lúc này đây, ai đã phái một bạn thân làm cho bóng tối hoá ra ánh sáng trước mặt mình? Đúng cái lúc này đây, ai đã làm cho một người trẻ như vậy hoá ra mình triết thế kia, để an ủi một người già như mình vậy? Ai làm cho mình động lòng trắc ẩn đối với một thiếu nữ mà con trai mình đã bỏ? Phải, rồi chính bạn ấy nói về mình đây bằng những lời bình tĩnh, giản dị mức đó. Bạn ấy bảo: Chúng ta mang ơn những vị thánh đã làm cho lòng ta phấn khởi lên những ngày khổ não. Lẽ nào chúng ta không làm hết sức ta? Vì nếu không làm hết sức ta thì sẽ không còn một vị thánh nào, để làm cho lòng chúng ta phấn khởi nữa. Bạn ấy bảo: Đức Ki Tô đã là chúa Ki Tô, đức chúa chân chính trên trời, đức Chúa chân chính của loài người, thì ở đời này có cái gì mà chúng ta từ nan, mặc dầu chúng ta phải chịu mọi nỗi đau khổ?

Tôi nghe bạn rồi, bạn ơi. Không có một lời nào mà tôi bỏ qua.

Bạn ấy sắp ngưng rồi đây. Nghe giọng nói cũng đoán được như vậy. Người ta thấy bạn ấy nói hết rồi và lời nào đã nói cũng tròn trịa, tô chuốt thực là hoàn hảo. Bạn ấy mở Thánh kinh để đọc nữa này. Bạn ấy đọc cho mình nghe đây:

Con có biết không, có nghe thấy rằng.

Thượng Đế, đức Chúa.

Đức sáng tạo vũ trụ.

Không khi nào nản chí, không khi nào mệt mỏi?

Và giọng lại đưa bổng lên, mà ngôn ngữ Zulu như được nâng cao lên, biến đổi đi mà người nói cũng cao thượng lên...

Dù bạn trẻ nản chí, mệt mỏi.

Dù những người ít tuổi hoàn toàn sa ngã.

Những kẻ nào còn thời Chúa.

Thì nghị lực sẽ hồi sinh.

Họ sẽ bay bổng lên bằng cặp cánh đại bàng.

Họ sẽ chạy mà không biết mệt.

Và họ sẽ đi mà không té xỉu.

Mọi người thở dài, Kumalo thở dài vì đã được nghe một lời cao cả. Quả vậy, Msimangu là một nhà thuyết giáo danh tiếng ở Johannesburg; người ta bảo thật là may mắn cho chính quyền vì Msimangu thuyết giáo về một thế giới không do tay người tạo ra, vì ông ta làm cảm động lòng

người vì dắt người nghe lên cỏi Thiên đường chứ không phải dắt họ tới Pretoria. Và có nhiều người da trắng kinh ngạc bảo rằng:

- Một con dân của một dân tộc dã man mới cách đây không lâu, khi ở dưới quyền một chúa tể tàn ác chưa từng thấy, còn cướp bóc, chém giết cả ngàn, cả vạn người, mà bây giờ thốt ra được những lời cao đẹp làm sao.

Phải, có vài kẻ khinh ông ta không dùng cái giọng vàng có thể lôi cuốn cả một dân tộc đó vào một việc gì khác cái việc thuyết giáo đó, nhưng ông ta cho rằng cái cỏi khổ ải này mà một ngày kia con người có thể thoát ra khỏi được nếu có tiếng nói nào như vậy đoàn kết họ lại được, cỏi đó không phải là một cỏi liên tục (1). Người ta chê ông chỉ nói về một thế giới không do tay người tạo ra, trong khi trên các đường phố chung quanh ông có biết bao người đau khổ, chiến đấu và chết. Người ta tự hỏi con người đó mắc chứng điên gì và biết bao kẻ cùng giống với họ mắc chứng điên gì mà làm cho những kẻ đó nhần nhục chịu cảnh đói, những kẻ đau khổ nhần nhục chịu cảnh đau khổ, và những kẻ hấp hối bình tĩnh đón cái chết?

Và những kẻ im lặng hân hoan nghe ông, và thở dài khi ông thuyết giáo xong, thật là điên mới nhồi vào bụng lép kẹp của mình những lời rỗng tuếch đó được.

Kumalo tiến lại gần bạn.

- Huynh ạ, tinh thần tôi lành mạnh lại rồi.

Khuôn mặt Msimangu rạng rỡ lên, nhưng ông ta không tự cao, cũng không giả nhũn, mà đáp một cách khiêm tốn.

- Tôi rần sức lại sát các bạn, nhưng tôi không tới gần được. Chúng ta nên đội ơn trên và lấy làm sung sướng.

Chú thích:

1. Có lẽ ý nghĩa cũng như tiếng “ chỉ là một cỏi tạm ” của ta?

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIẾN LÊ

Chương 12

Ngày ở Ezenzeleni về, Kumalo ăn bữa trưa ở hội Truyền giáo rồi trở về nhà bà Lithebe để chơi với đứa con của Gertrude, trong nhà đương có việc trả giá vì bà Lithebe đã kiếm được một người muốn mua những bàn ghế, đồ làm bếp của Gertrude. Bán tất cả được ba bảng, kể ra cũng được giá rồi vì cái bàn đã hư, mất màu và bị rạch bằng cái gì, Kumalo cũng chẳng buồn hỏi; còn mấy cái ghế thì lung lay tới nỗi ngồi xuống phải coi chừng kéo té. Thực ra, được giá đó là nhờ những đồ làm bếp bằng nhôm. Người da đen ít ai mua những đồ đó, nhưng Gertrude bảo của một người bạn cho, và Kumalo cũng chẳng hỏi là ai.

Nàng tính dùng số tiền đó để mua giày và áo đi mưa vì bắt đầu mùa mưa rồi; Kumalo tán thành vì chiếc áo và đôi giày cũ của nàng không hợp với chiếc áo dài đỏ và chiếc khăn trắng mà ông đã mua cho.

Khi mọi vật đã đưa lên xe, tiền đã giao và chiếc xe cam nhông đã đi rồi, ông muốn chơi với đứa cháu thì bỗng hoảng sợ tới nỗi đau nhói trong lòng, vì thấy Msimangu và người da trắng trẻ tuổi đương đi ngược con đường, lại phía nhà ông. Vốn có lễ độ, ông rón tiến ra tới cổng để đón họ và lo lắng nhận thấy họ có vẻ mặt lạnh lùng, nghiêm nghị, nói chuyện nho nhỏ với nhau.

Người da trắng hỏi:

- Chào Umfundisi. Có chỗ nào nói chuyện được không?

Kumalo đáp, giọng hơi run run:

- Vô phòng tôi.

Vô phòng rồi, ông khép cửa lại rồi đứng đó mà không nhìn họ.

Người da trắng nói:

- Tôi được biết điều ông lo ngại rồi. Đúng đấy.

Kumalo vẫn đứng, lưng lom khom, không dám nhìn họ. Rồi ông ngồi xuống ghế, mắt đăm đăm nhìn xuống đất.

Biết nói gì bây giờ? Có nên ôm vai ông ta, xiết tay ông ta không? Msimangu và người da trắng

không biết nên làm sao, nên nói với nhau nho nhỏ như thể trong phòng có người chết.

Người da trắng trẻ tuổi nhún vai, nói lớn hơn một chút gần như thản nhiên:

- Cái đó có hại cho tiếng tăm trại cải huấn.

Kumalo gật đầu, không phải một mà hai, ba bốn lần như biểu đồng tình: Phải, cái đó có hại cho tiếng tăm trại cải huấn.

Người trẻ tuổi nói:

- Phải, có hại cho chúng tôi. Người ta trách chúng tôi cho nó ra sớm quá - Ông ta nói thêm - được điều này là hai đứa kia không phải ở trại chúng tôi ra. Nhưng chính nó đã nổ súng.

Msimangu rán làm ra cái giọng tự nhiên, bảo:

- Huynh ạ, một trong hai đứa kia là con ông em của huynh đấy.

Kumalo lại gật đầu một, hai, ba, bốn lần rồi lại gật đầu nữa như cũng để nói rằng một trong hai đứa kia là con người em trai của ông.

Rồi ông đứng dậy ngó chung quanh, hai người khách nhìn theo ông. Ông gỡ chiếc áo bành tô treo ở móc xuống, bận vào mình, đội nón rồi cầm cây gậy. Xong rồi ông quay về phía họ, lại gật đầu lần nữa. Nhưng lần này họ không hiểu ông nói gì.

- Huynh đi đấy ư?

- Umfundisi muốn lại nhà khám hả? Tôi đã thu xếp việc đó cho ông rồi.

Và Kumalo gật đầu. Ông quay lại ngó quanh căn phòng lần nữa và thấy mình đã bận áo để đi ra ngoài này; ông rờ cái áo, cái nón, ngó cây gậy cầm ở tay. Ông bảo:

- Tôi muốn lại thăm em tôi trước hết, chỉ xin huynh làm ơn dẫn đường cho tôi thôi.

- Tôi sẽ dẫn đường cho huynh.

Người trẻ tuổi bảo:

- Còn tôi, tôi sẽ ngồi đợi hai ông ở hội Truyền giáo.

Msimangu vừa đặt tay vào quả nắm ở cửa, thì Kumalo ngăn lại bảo:

- Tôi sẽ rón rén ra trước, rồi huynh sẽ ra sau. Huynh nên cho họ hay....

Ông trở căn phòng bên cạnh.

- Phải, tôi sẽ vô cho họ hay...

Msimangu vô cho họ hay rồi đi ra, khép cửa lại; trong phòng vang lên tiếng gào khóc của đàn bà, vì họ có tục như vậy. Msimangu chậm chạp bước theo ông lão khòm lưng lên dốc, thấy bạn vừa đi vừa gục gặc cái đầu làm cho người qua đường quay lại ngó. Ông tự hỏi không biết bạn mình lúc này có bỗng già sọm đi không? Không biết bạn mình có gục gặc cái đầu như vậy từ nay cho tới suốt đời không? Đến nỗi người khác phải nói lớn trước mặt bạn: “ Có gì đâu, ông ấy già rồi, quên lẫn hết rồi ”. Và không biết nghe vậy, bạn mình có gục gặc cái đầu, cơ hồ như cũng muốn nói: “ Có gì đâu, tôi già rồi, quên lẫn hết rồi ”. Nhưng họ biết đâu rằng bạn mình chỉ

muốn nói: “ Tôi nhớ lại chuyện cũ, chứ có khác gì đâu ”.

Tới đầu dốc, Msimangu đuổi kịp bạn, nắm cánh tay bạn. Ông có cảm tưởng đi cùng với một em bé hoặc một người bệnh. Họ tới tiệm thợ mộc. Tới trước cửa tiệm, Kumalo quay lại, nhắm mắt, mấp má môi. Rồi mở mắt ra, nói với Msimangu:

- Thôi huynh ở lại đây. Để mình tôi làm cái việc đó.

Rồi ông bước vô tiệm.

Phải, cái giọng bò mộng vẫn vang lên mạnh mẽ, tự tín. John, người em ông, ngồi trên chiếc ghế bệ vệ như một ông sếp, đương nói gì với hai người nữa. Vì Kumalo quay lưng ra ánh sáng ngoài đường nên John không nhận ra.

- Chào chú.

- Chào ông.

- Chào chú, anh ruột chú đây mà.

- A, anh đấy ư? Em mừng quá. Anh vô đây cùng nói chuyện.

Kumalo ngó hai người khách, bảo:

- Xin lỗi chú, tôi lại lần này có chút việc rất quan trọng.

- Em chắc các ông bạn của em sẽ thứ lỗi cho em. Xin các bạn thứ lỗi cho chúng tôi.

Rồi mọi người chào nhau: “Ông ở lại mạnh giỏi ”; “ Ông đi mạnh giỏi ”. Khách ra rồi, hai anh em ngồi lại một mình với nhau.

- Được gặp anh, em mừng lắm. Sao công việc tìm kiếm của anh tới đâu rồi? Anh đã tìm thấy đứa con đi hoang đó không? Anh thấy em chưa quên hết giáo lý cương yếu đấy nhé (1)

Nói rồi cười oang oang, như tiếng bò mộng.

- Nhưng phải uống trà đã chứ.

Rồi đứng lại tiến lại cửa trong nói gì với một người ở phía sau cửa hàng.

Khi trở ra John bảo:

- Vẫn người đàn bà lần trước. Anh thấy không, em vẫn có những ý nghĩ...người Anh gọi là gì nhỉ

- Rồi lại cười, cười oang oang chỉ để trêu anh – À, chung thủy, kiếm ra rồi! Cái tiếng ấy đẹp quá, em sẽ không quên nó đâu. Cái ông Msimangu của anh thông minh đấy. Rồi sao, có kiếm được cậu con đi hoang đó không?

- Kiếm được rồi chú. Nhưng không như trong sách giáo lý cương yếu đâu. Nó hiện nằm trong khám, bị buộc tội là giết một người da trắng.

- Giết người?

Con người đó không còn nói giỡn nữa. Chuyện giết người mà ai còn nói giỡn cho được, nhất là giết một người da trắng.

- Phải, giết người. Nó bẻ khoá vào một ngôi nhà ở một nơi gọi là Parkwold, và giết người da

trắng chạy ra cản nó lại.

- Ủa, em nhớ rồi. Chuyện đó mới xảy ra một hai ngày nay phải không? Hôm thứ ba?

- Phải.

- Em nhớ ra rồi.

Phải, ông ta nhớ ra rồi. Ông ta cũng nhớ rằng con ông ta với con anh ông ta thân thiết với nhau lắm. Mấy đường gân nổi lên trên cẳng cổ bò mọng của ông ta, mồ hôi đóng giọt trên trán. Vẻ sợ hãi hiện trong cặp mắt ông ta, không còn ngờ gì nữa. Ông ta rút chiếc khăn mùi xoa chặm mồ hôi trên trán. Đáng lẽ ông ta còn có thể hỏi nhiều câu nữa rồi mới tới cái nông nổi đó chứ (2).

Nhưng ông ta chỉ nói:

- Phải, đúng rồi, em nhớ ra rồi.

Kumalo thấy thương em vô hạn, rán lựa lời kể lại cho em hay.

- Thật là đau khổ anh ạ.

Biết nói gì bây giờ? Có nên nói: “ Dĩ nhiên là anh đau khổ lắm ”. Hay là nói: “ Dĩ nhiên, thằng con của anh đấy ”. Làm sao có thể nói như vậy được khi người ta hiểu những lời đó có ý nghĩa gì rồi? Vậy thì nên im đi, nhưng cặp mắt kia cứ nhìn trừng trừng mình đây này. Mình hiểu rồi, cặp mắt đó muốn xin mình điều gì rồi.

- Anh muốn nói...

- Phải, con của chú cũng ở đó nữa.

John thở dài:

- *Tixo, Tixo.*

Rồi lại thở dài nữa:

- *Tixo, Tixo.*

Kumalo lại gần, đặt tay lên vai em.

- Có nhiều điều anh có thể nói...

- Nhưng anh không nói. Anh chỉ nói rằng, anh chỉ biết chú đau khổ vì cái gì rồi.

- Dạ phải, ai có thể biết rõ cái đó hơn anh?

- Phải, đó là một trong những điều anh có thể nói với chú. Có một người da trắng trẻ tuổi hiện đương đợi anh ở hội Truyền giáo, để dắt anh vô khám. Có lẽ ông ta cũng cho chú đi theo được.

- Anh cho em khoác cái áo và lấy cái nón.

Họ không đợi người nhà bùng trà ra mà vội đi về hội Truyền giáo. Msimangu lo lắng đứng đợi họ, thấy họ tiến lại. Ông lão bây giờ bước vững hơn, còn người kia có vẻ khòm lưng đau khổ lắm.

Tới hội Truyền giáo, cha Vincent, vị mục sư Anh có cặp má hồng hào, nắm lấy bàn tay Kumalo, bảo:

- Tôi sẽ tận lực, tận lực. Ông muốn gì, xin cứ cho hay. Bất kỳ việc gì, giúp được, tôi sẽ giúp.

Họ bước qua cửa rào sắt nặng nề, đục trong bức tường cao màu ảm đạm. Người trẻ tuổi, nói thay họ và công việc không gặp gì trở ngại. Người ta dắt John Kumalo vô một căn phòng, còn người trẻ tuổi với Stephen Kumalo vô một phòng khác, rồi dẫn đứa con của Stephen vô đó. Hai cha con xiết tay nhau, đúng là ông lão đưa hai tay ra nắm lấy tay của con, và những giọt nước mắt nóng nóng rớt trên tay. Đứa con đứng yên, không sung sướng, mừng rỡ. Nó quay cái đầu qua phía này, rồi qua phía kia như thể chiếc áo của nó cài chặt quá, mà thực sự là lỏng chứ không chặt.

- Con ơi, con.

- Dạ.

- Bây giờ mới tìm được con.

- Dạ.

- Thì trễ quá rồi, con ơi.

Đứa con không đáp gì cả. Thấy nó làm thinh, người cha cơ hồ như hy vọng một chút, lại gắng hỏi:

- Có trễ quá không con?

Nhưng nó cũng không trả lời. Người cha lại gắng hỏi nữa, gần như cố hỏi cho được: có trễ quá không? Nó quay đầu phía này rồi qua phía kia, nó bắt gặp ánh mắt của người trẻ tuổi da trắng, vội vàng ngó đi chỗ khác. Nó đáp:

- Thừa ba, như ba nói đó.

- Ba đã kiếm con khắp nơi.

Nghe cha nói vậy mà cũng vẫn làm thinh. Ông lão buông bàn tay con ra, và bàn tay đứa con rơi thõng xuống như không còn sinh khí. Ở đây có một bức rào, một bức tường, có cái gì ngăn cách hai cha con.

- Tại sao con lại làm cái điều khủng khiếp đó hả con?

Người trẻ tuổi da trắng hơi dao động, còn người coi khám da trắng không nhúc nhích, có lẽ không hiểu ngôn ngữ Zulu. Đứa con dờ dẫm nước mắt, nó quay đầu qua phía bên này rồi phía bên kia mà không đáp.

- Trả lời ba đi con.

- Con không biết.

- Tại sao con lại cầm khẩu súng lục?

Lần này thì người coi khám cũng dao động vì tiếng “súng lục”, trong ngôn ngữ Zulu, Anh và Afrikaans cũng phát âm như nhau. Đứa con cũng có vẻ xúc động. Nó đáp:

- Để đề phòng. Johannesburg là một nơi nguy hiểm. Ai cũng có thể hành hung bất ngờ.

- Nhưng tại sao con lại cầm khẩu súng mà vào nhà đó?

Câu hỏi này, nó không trả lời được.

- Họ bị hả?

- Vâng.

- Người ta biết chắc là con chứ?

- Thưa ba, con có nói với người ta như vậy.

- Con nói với người ta ra sao?

- Con nói rằng khi thấy người da trắng vô tội, con hoảng hốt. Nên con nổ súng. Con không có ý giết ông ta.

- Thế còn em con? Và đứa kia nữa?

- Dạ, con có khai rằng hai người đó đi với con, và chính con bắn người da trắng.

- Bọn con tới đó phải để ăn trộm không?

Câu hỏi này nó cũng không trả lời được.

- Con đã ở trong trại cải huấn phải không?

Đưa con ngó chiếc giày, và đưa chân ra cà cà trên mặt đất.

- Vâng, con có ở trong trại.

- Trong trại người ta đối đãi với con có tốt không?

Đôi mắt nó lại dơ dóm, nó quay đầu qua bên này, rồi qua bên kia, cúi xuống nhìn chiếc giày cà cà trên mặt đất.

- Người ta đối đãi với con tử tế.

- Và con trả ơn như vậy hả?

Câu hỏi này nó cũng không đáp được. Người trẻ tuổi da trắng bước tới vì biết rằng việc hỏi han đó không ích lợi gì, không đưa tới đâu. Có lẽ ông ta không muốn hai cha con đó làm khổ lẫn nhau.

- Sao, Absalom?

- Thưa ngài hỏi chi?

- Tại sao anh bỏ việc làm, tôi đã kiếm cho anh?

Ông da trắng ời, nó cũng không trả lời ông đâu. Không thể trả lời những cái đó được.

- Tại sao anh lại bỏ việc làm đó, Absalom?

Không thể trả lời những cái đó được.

- Thế còn người bạn gái của anh. Thiếu nữ đã làm cho anh lo lắng tới nỗi chúng tôi thương hại anh, và đã cho anh ra khỏi trại để săn sóc chị ta.

Nó lại rung rung nước mắt. Nào ai biết được nó khóc vì gì? Vì thiếu nữ đã bị nó bỏ? Vì một lời

hứa mà nó đã không giữ? Hay khóc cho một con người khác của nó, một Absalom khác muốn làm việc nuôi vợ, đóng thuế, dành dụm ít tiền, tôn trọng pháp luật, yêu con, nhưng không được vì luôn luôn không làm chủ được mình? Hay là nó chỉ khóc cho cái cảnh của nó lúc đó, để mong người ta để yên cho nó một mình đừng tra hỏi nó nữa, đừng bắt nó đáp tại sao thế này, tại sao thế nọ, tại sao, tại sao, nó có biết tại sao tại siếc gì đâu. Người ta không chuyện trò với nó, không nói đùa với nó, không ngồi xuống và cho nó ngồi xuống thông thả, mà cứ tàn nhẫn hỏi hoài hỏi huỷ, tại sao, tại sao, tại sao... Từ cha nó, ông da trắng, tới các nhân viên trong khám, các cảnh sát, các thẩm phán - tại sao, tại sao, tại sao...

Người trẻ tuổi da trắng, nhún vai, mỉm cười có vẻ thản nhiên. Nhưng thực ra ông ta không thản nhiên và ông ta cau mày đau khổ. Ông ta bảo:

- Thế giới như vậy đó.
- Trả lời ba một câu, con. Con chịu trả lời không?
- Con xin trả lời.
- Con không viết một bức thư nào cả, không có tin tức gì cả. Con giao du với những bạn xấu. Con đã ăn cắp, ăn trộm, ừ con đã làm tất cả những cái đó. Tại sao vậy con?

Đưa con vin ngay lấy lời của cha:

- Tại các bạn xấu.

Kumalo bảo:

- Con biết dư rằng như vậy, không phải là trả lời.

Nhưng ông hiểu rằng cứ dùng cách đó thì nó không đáp gì khác, nên ông nói thêm:

- Phải, ba hiểu, tại các bạn xấu. Phải ba hiểu. Nhưng còn con, chính con thì cái gì làm cho con có những hành động đó?

Thật là hai cha con cứ làm khổ lẫn nhau? Đưa con bị làm tình làm tội, lại linh động thêm một chút.

- Tại quý nó xúi.

Ôi! Gã kia, sao mà không nói đã chiến đấu với quý, vật lộn với nó, chống cự với nó suốt đêm suốt ngày tới nổi mồ hôi đổ ra đầu mình và kiệt lực? Sao mà không nói đã khóc lóc vì tội lỗi, đã thề sẽ tu tỉnh, đã đứng thẳng lên, rồi lại vấp, lại té? Mà nói như vậy có phải là an ủi con người đau khổ kia không, để ông ấy hỏi hoài một cách tuyệt vọng rằng, tại sao mà không chống cự với quý?

Và đưa con lại ngó xuống chân và đáp:

- Con không biết.

Ông già kiệt sức, đưa con cũng kiệt sức mà sắp hết giờ thăm nhau rồi. Người trẻ tuổi da trắng trở lại gần họ, hỏi Kumalo:

- Nó còn muốn cưới thiếu nữ đó không?
- Con còn muốn cưới thiếu nữ đó không, con?
- Thừa ba, còn.

Người trẻ tuổi bảo:

- Để tôi coi xem có thể làm được cái gì. Thôi hết giờ rồi, chúng mình phải ra thôi?
- Chúng ta còn trở lại được nữa không?
- Được. Ra cửa chúng ta sẽ hỏi giờ nào được vào thăm.
- Ở lại mạnh giỏi con.
- Ba về mạnh giỏi.
- Nay con, ba nghĩ ở đây con có thể gửi thư được. Nhưng đừng viết thư cho má con vội, đợi ba vô thăm con lần nữa đã. Để ba viết cho má con trước.
- Dạ.

Họ đi ra, khỏi cửa rào thì gặp John Kumalo. Con người to lớn như bò mộng này đã tươi tỉnh hơn. Ông ta bảo:

- Nào, phải đi kiếm ngay một luật sư mới được.
- Một luật sư ư, chú? Làm chi cho tốn tiền như vậy? Sự kiện minh bạch rồi, còn ngờ gì nữa đâu.

John Kumalo bảo:

- Sự kiện nào?
- Sự kiện nào ư? Ba đưa đó vô một ngôi nhà chúng tưởng là vắng người. Chúng đập người đầy tớ làm cho người này té bất tỉnh. Người da trắng nghe thấy tiếng động, xuống xem có chuyện gì. Rồi thì...rồi thì... con tôi...con tôi chứ không phải con chú...bắn chết ông ta. Nó bảo nó sợ nên nó mới bắn.

John Kumalo bảo:

- Phải, phải, đúng như vậy – Ông ta có vẻ vững bụng, lặp lại - Phải, phải, đúng vậy. Và nó nói vậy với anh trước mặt các ông ấy chứ?
- Tại sao không, vì thực sự như vậy mà.

John Kumalo có vẻ vững bụng.

- Có lẽ anh không cần nhờ luật sư chứ? Nếu quả thực nó bắn người da trắng, thì có lẽ chẳng còn cách nào bênh vực được nữa.
- Thế con chú, chú có nhờ luật sư không?

John Kumalo mỉm cười nói:

- Có lẽ em cần mượn luật sư. Trước hết vì luật sư có quyền được nói chuyện riêng với con tôi. Ông ta có vẻ suy nghĩ, rồi nói tiếp:
- Nay anh, anh thấy không, có chứng cứ gì tỏ rằng con tôi và thằng thanh niên kia có mặt lúc đó

đầu.

John Kumalo nghĩ vậy, mỉm cười, có vẻ hoàn toàn an tâm.

- Không có mặt lúc đó? Nhưng con tôi...

John Kumalo mỉm cười ngắt lời

- Phải, phải. Nhưng ai tin lời con anh chứ?

Ông ta nói câu đó có ý nghĩa lắm, một ý nghĩa độc ác, tàn nhẫn. Kumalo đứng sững lại, và người trẻ tuổi da trắng bước lên xe. Kumalo nhìn ông ta như để chờ đợi một lời khuyên bảo, nhưng ông ta chỉ nhún vai, rồi lạnh lùng đáp:

- Ông muốn làm gì thì tùy ý. Cái nghề của tôi không phải là đi kiếm luật sư. Nhưng nếu ông muốn về Sophiatown thì lên đây, tôi chở.

Thái độ lạnh lùng đó làm cho Kumalo càng bức tức, do dự, không bước lên xe. Thấy ông ta do dự, người da trắng trẻ tuổi giận dữ, thò đầu ra ngoài xe, lớn tiếng bảo:

- Cái nghề của tôi không phải là đi kiếm luật sư. Nghề của tôi là huấn cải con người, giúp đỡ, nâng cao tâm hồn.

Ông ta giận dữ, đưa tay lên tỏ cái ý nâng cao rồi thụt đầu vô trong xe, định cho xe chạy. Nhưng rồi lại đổi ý, lại thò đầu ra ngoài.

- Nghề đó rất đẹp đẽ, rất đẹp đẽ cao thượng.

Ông ta lại thụt đầu vô, rồi lại thò đầu ra một lần nữa, nói với Kumalo:

- Xin ông đừng nghĩ rằng, nghề mục sư cao thượng hơn đâu.

Có lẽ ông ta thấy mình nói lớn tiếng quá, nên mím môi lại hạ giọng xuống:

- Ông cứu rồi linh hồn - thốt mấy tiếng này ông ta có cái giọng như cho sự cứu rồi linh hồn là một chuyện đùa chua chát – Nhưng tôi, tôi cũng cứu rồi linh hồn vậy. Ông thấy thiên hạ chào đời rồi là đời. Tôi cũng vậy. Tôi đã thấy thằng Absalom đó tái sinh bước vào một cuộc đời mới, và giờ tôi thấy nó rời bỏ cuộc đời mới đó.

Ông ta hằm hằm nhìn Kumalo, nói tiếp:

- Chúng ta sẽ thấy nó rời bỏ cuộc đời mới đó.

Ông ta lại thụt đầu vô, nắm chặt tay lái như muốn bẻ gãy nó, hỏi:

- Sao, ông có về Sophiatown không?

Nhưng Kumalo lắc đầu. Làm sao có thể ngồi cùng xe với người lạ đó được? Người trẻ tuổi lại thò đầu ra bảo:

- Ông là một người thông minh, nhưng nhờ trời, ông không phải là anh tôi.

Ông ta mở máy, chiếc xe chạy vụt đi, ông ta vẫn giận dữ lắm bấm câu gì đó.

Kumalo ngó em, nhưng John bước đi mà không nhìn ông. Chán ngán, mệt mỏi ông bước ra khỏi cổng rào, tiến ra ngoài đường.

- *Tixo*, xin *Tixo* đừng bỏ con.

Ông nhớ lại lời cha Vincent: “ Tôi sẽ tận lực, tận lực, ông muốn gì, xin cứ cho hay. Bất kỳ việc gì, giúp được, tôi sẽ giúp ”. Vậy, phải đi tìm cha Vincent.

Chú thích: *1. Trong Thánh kinh (Thánh Luc – XV), có chép một chuyện ngụ ngôn về một đứa con hoang tàn, bỏ nhà ra đi, hoá ra nghèo khổ, phải nuôi heo. Sau trở về nhà, được cha mẹ tha thứ và đón tiếp niềm nở. Truyện ngụ ý khuyên đừng nên sa đoạ theo thị dục của mình.*

2. Nghĩa là: hỏi vụ đó đã xảy ra sao, con ông ta có dính líu gì vào không, nếu có thì mới đáng sợ.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 13

Kumalo về nhà bà Lithebe, một nhóc và chán nản. Hai người đàn bà làm thỉnh, ông không muốn nói chuyện với họ mà cũng không muốn chơi với đứa cháu. Ông rút vô phòng, lặng lẽ ngồi ở đó, đợi lấy lại đủ sức để qua hội Truyền giáo. Nhưng ông đang ngồi thì có tiếng gõ cửa và bà Lithebe với người trẻ tuổi da trắng bước vô. Nỗi đau khổ vì cuộc tiếp xúc vừa rồi chưa dịu nên Kumalo bắt giắc thụt lại. Thấy vậy người trẻ tuổi cau mày, nói với bà Lithebe bằng tiếng Sesuto và bà này rút lui.

Kumalo đứng dậy, vẻ già nua lồm khồm. Ông muốn khúm núm xin lỗi, nhưng không thốt được lời nào cả. Và vì ông không thể nhìn mặt người trẻ tuổi được nên cúi gầm mặt xuống sàn.

- Umfundisi.

- Thừa ngài!

Người trẻ tuổi có vẻ giận dữ hơn bao giờ nữa.

- Umfundisi, tôi ân hận rằng đã thốt những lời bức tức đó. Tôi lại để bàn với Umfundisi về cái chuyện kiểm luật sư đây.

- Thừa ngài!

Thực khó mà nói được gì với một người đứng khúm núm như vậy trước mặt mình.

- Umfundisi, có muốn chúng mình bàn về chuyện đó không?

Kumalo phải rán tự chủ. Vì đã có những tình thế khó xử cho một người da đen, đã quen có thái độ khúm núm, mà lại muốn có vẻ tự trọng.

Ông lặp lại:

- Thừa ngài!

Người trẻ tuổi kiên nhẫn nói nữa:

- Umfundisi, tôi hiểu tâm sự của ông. Sao ông không ngồi xuống?

Kumalo ngồi xuống và người trẻ tuổi vẫn còn bức tức, đứng nói với ông ta:

- Lúc nãy tôi nói như vậy vì tôi rầu rĩ, và vì tôi có tánh tận lực làm công việc của tôi. Khi tôi thấy

công việc của tôi hỏng, thì tôi tự dẫn vật tôi và dẫn vật những người khác nữa. Nhưng sau đó tôi nghĩ lại mà xấu hổ, nên tôi lại đây.

Thấy Kumalo vẫn làm thinh. Ông ta bèn hỏi:

- Umfundisi, hiểu tôi không?

Kumalo đáp:

- Vâng, tôi hiểu. Tôi hiểu lắm.

Ông quay mặt lại, và người trẻ tuổi thấy rằng vết thương lòng của ông đã dịu.

Người trẻ tuổi không cau mày nữa, nói:

- Về chuyện kiểm luật sư tôi nghĩ rằng nên đấy. Không phải nhờ luật sư che dấu sự thực, nhưng vì tôi không mấy tin người em của ông. Ông thấy em ông trù tính cái gì đấy chứ. Ông ta muốn chối rằng con ông ta với người thứ ba không cùng đi với Absalom. Ông và tôi, chúng ta đều không biết như vậy có hại thêm cho con ông không, nhưng một luật sư thì biết được. Lại còn điều này nữa: Absalom bảo vì sợ mà nổ súng chứ không có ý giết người da trắng. Cần nhờ một luật sư thuyết phục quan toà rằng điều đó là sự thực.

- Vâng, tôi hiểu.

- Ông có quen một luật sư nào không? Một người trong giáo phái của ông chẳng hạn?

- Thừa ngài không. Nhưng tôi có ý qua nhờ cha Vincent ở hội Truyền giáo, sau khi nghỉ ngơi một chút cho bớt mệt.

- Bây giờ ông hết mệt rồi chứ?

- Thừa ngài, ông lại thăm tôi, làm cho lòng tôi phấn khởi lên rồi. Tôi cảm thấy....

- Tôi hiểu rồi.

Người trẻ tuổi cau mày và tự nói với mình.

- Tôi đã lầm lẫn. Mình đi bây giờ được không?

Họ qua hội Truyền giáo, người ta dắt họ vô phòng cha Vincent, và họ nói chuyện một hồi lâu với vị mục sư Anh mặt hồng hào này. Cha Vincent bảo:

- Tôi quen một người đảng hoàng có thể lãnh vụ đó được. Tôi chắc chúng ta đều đồng ý rằng phải nói sự thực và chỉ được nói sự thực thôi, và nhờ luật sư biện hộ cho rằng vì sợ mà nó nổ súng chứ không có ý muốn giết người. Luật sư của chúng ta sẽ cho chúng ta biết cần phải làm gì về điểm thứ nhì, tức là trường hợp đứa cháu của bạn và đứa kia nữa chối không có ở đó. Vì hình như chỉ có một mình con bạn là khai rằng có bọn họ ở đó. Về phần chúng ta, chúng ta chỉ nói sự thực và chỉ nói sự thực; với lại, nếu không vậy luật sư mà tôi sẽ nhờ cậy sẽ không khi nào chịu biện hộ cho đâu.

Người trẻ tuổi hỏi:

- Thế còn cái việc làm lễ cưới?

- Tôi cũng sẽ nói với ông ta nữa. Tôi không biết có thể làm lúc này được không, nhưng nếu được thì tôi sẽ sung sướng được làm lễ cho họ.

Hai người đứng dậy cáo biệt và cha Vincent đặt tay lên trên cánh tay ông già, bảo:

- Bạn can đảm lên. Dù sao thì con bạn cũng bị nghiêm trị đấy, nhưng lời biện hộ được chấp nhận thì sẽ không bị tử hình đâu. Hễ còn sống thì còn hy vọng cải thiện đời sống được.

Kumalo đáp:

- Tôi luôn tự nhủ như vậy, nhưng ít hy vọng lắm.

Cha Vincent bảo:

- Bạn ở lại đây nói chuyện với tôi.

Người trẻ tuổi da trắng nói:

- Còn tôi phải đi. Nhưng nếu tôi giúp Umfundisi được việc gì thì tôi sẵn sàng giúp.

Khi người trẻ tuổi đi rồi, Kumalo và vị mục sư Anh ngồi uống và Kumalo bảo:

- Bạn hiểu rằng chuyến đi này của tôi rầu rĩ quá.

-Tôi hiểu bạn.

- Trước hết là cuộc tìm kiếm. Mới đầu tôi lo ngại rồi khi cuộc tìm kiếm tiến hành, từng bước một thì nỗi lo ngại biến thành sợ hãi, và nỗi sợ hãi này cứ mỗi bước được tăng lên. Lần đầu tiên tôi thấy sợ là hôm ở Alexandra, nhưng chính ở đây, trong hội Truyền giáo này, buổi tối hay tin vụ giết người đó mà nỗi sợ của tôi tăng lên tới cái mức chịu không nổi.

Ông già ngưng lại, mắt đăm đăm nhìn xuống, hoàn toàn chìm đắm trong mớ hồi ức. Một lúc lâu như vậy rồi mới nói tiếp:

- Ông Msimangu bảo tôi, tại sao lại sợ chính cái điều đó xảy ra, trong châu thành có cả ngàn, cả ngàn người này. Lời đó làm cho tôi yên tâm.

Giọng ông ta nói câu: “ Lời đó làm cho tôi yên tâm ” sao mà đau đớn thế, đến nỗi cha Vincent sững người ra, gần như nín thở mong rằng câu chuyện sắp chấm dứt. Nhưng Kumalo nói tiếp:

- Lời đó làm cho tôi yên tâm, mà lại không làm cho tôi yên tâm. Và ngay bây giờ đây tôi vẫn khó tin được rằng cái điều một ngàn lần mới xảy ra một lần đó lại xảy ra cho chính tôi. Phải, đôi khi trong một hoặc hai giây tôi bỗng tin rằng cái việc đó không xảy ra thật, chỉ là một giấc chiêm bao và mình sắp tỉnh dậy, thấy quả nhiên nó không xảy ra thật. Nhưng chỉ tin như vậy trong một hai giây thôi.

Kumalo nói tiếp:

- Nghĩ rằng hai vợ chồng tôi sống một đời lương thiện, ở quê nhà Ndotsheni mà không hay rằng cái việc đó đương tiến lại từng bước, từng bước một.

- Ờ, nếu có ai báo cho chúng tôi rằng: Cái bước đó đã vượt qua rồi đấy, sắp vượt qua rồi đấy; phải nếu có ai báo cho chúng tôi như vậy nhỉ.

- Nhưng không có ai báo cho chúng tôi cả. Bây giờ chúng tôi thấy rồi, nhưng hồi đó chúng tôi có thấy gì được đâu. Vậy mà có nhiều người thấy việc đó đương xảy ra chứ. Những người không liên can gì tới việc đó thì lại được biết. Họ thấy nó xảy ra từng bước, từng bước một. Họ bảo: Johannesburg đấy, có một thanh niên đổ đốn như nhiều thanh niên khác ở Johannesburg. Nhưng việc đó là việc sinh tử đối với chúng tôi mà chúng tôi lại chẳng biết gì cả.

Cha Vincent đưa tay lên che mắt để khỏi loá vì ánh sáng và cũng để không thấy người đương nói. Ông ta cũng muốn nói để phá tan cái đau khổ, nó như một tà thuật đương bủa vây ông nhưng có cái gì ngăn ông lại. Vả chăng, ông biết nói gì bây giờ?

Kumalo bảo:

- Có một người đương ngủ trên bãi cỏ. Ở trên trời cơn dông lớn nhất trong đời người đó đương nổi lên. Những sấm chớp kinh khủng chưa từng thấy sắp hiện ra, gieo chết chóc và tàn phá. Mọi người vội vàng chạy về nhà, đi ngang qua chỗ người đó nằm để kiểm chỗ núp. Và hoặc vì nhìn không thấy người đó nằm trong cỏ, hoặc thấy mà sợ mất công ngừng lại dù chỉ một chút xíu, nên họ không đánh thức người đó dậy, cứ để người đó nằm yên.

Kumalo ngồi yên lặng một hồi lâu có vẻ như trút hết nỗi lòng rồi. Cha Vincent suy nghĩ cả chục câu, chưa thấy câu nào thích hợp. Sau cùng ông ta nói:

- Bạn ạ!

Rồi thôi, không nói gì thêm nữa, mong rằng Kumalo cho hai tiếng đó là một dấu hiệu mở đầu cho nhiều tiếng khác nữa, nhưng Kumalo vẫn làm thinh.

Ông ta bèn nói:

- Bạn ạ!

- Cha nói gì?

- Bạn ạ, nỗi lo lắng của bạn đã biến thành sợ hãi, rồi sợ hãi biến thành âu sầu. Âu sầu vẫn hơn là sợ hãi, vì sợ hãi luôn luôn làm cho tâm hồn ta nghèo nàn đi, chứ âu sầu có thể làm cho nó phong phú lên.

Kumalo dăm dăm ngó ông ta; thật là lạ. Một con người khúm núm, khó dò như vậy mà sao lại có vẻ nhìn đó.

- Tôi không hiểu, tâm hồn tôi phong phú lên được ở chỗ nào?

Cha Vincent vẫn khẳng khái lặp lại:

- Âu sầu vẫn hơn là sợ hãi. Sợ hãi là một cuộc hành trình, một hành trình rừng rợn. Còn âu sầu ít gì cũng tới chốn rồi.

Kumalo hỏi:

- Tới chốn nào kia?

Cha Vincent dùng một ngôn ngữ bóng bẩy, giống với ngôn ngữ Zulu:

- Khi cơn dông nổi lên, người ta lo sợ cho ngôi nhà của mình. Nhưng khi ngôi nhà bị tàn phá rồi thì người ta có công việc để làm. Không ngăn được cơn dông, nhưng có thể xây lại căn nhà.

Kumalo hỏi:

- Ở cái tuổi này của tôi mà xây dựng lại căn nhà ư? Căn nhà tôi xây dựng hồi còn trẻ mạnh, bây giờ như vậy đó. Tôi xây dựng lại căn nhà ra sao bây giờ?

Cha Vincent tỏ vẻ thất vọng:

- Không ai có thể hiểu được con đường của Thượng Đế.

Kumalo nhìn ông ta, không chua xót cũng không trách cứ.

- Tôi có cảm tưởng rằng Thượng Đế đã bỏ tôi.

- Đôi khi thấy cơ hồ như vậy, nhưng điều đó không bao giờ xảy ra cả, không bao giờ, không bao giờ...

Kumalo từ tốn đáp:

- Được nghe cha nói vậy tôi mừng lắm.

Ông mục sư da trắng bảo:

- Chúng ta đã nói về sự cải thiện đời sống, về sự cải thiện đời sống của con ông. Và vì ông là mục sư, ông phải cho việc đó là quan trọng hơn hết thảy, hơn cả nỗi âu sầu của ông và của bà nhà.

- Phải, nhưng tôi không biết một cuộc đời như vậy sẽ cải thiện cách nào được?

- Bạn không được nghi ngờ điều đó. Bạn thờ Chúa Ki Tô. Hồi xưa có một tên ăn trộm bị đóng đinh trên cây thập ác....

Kumalo có giọng gay gắt:

- Con trai tôi không phải chỉ ăn trộm mà thôi. Có một người da trắng, một người tốt, yêu vợ yêu con. Hơn nữa, người đó còn yêu cả dân tộc chúng tôi. Và người vợ đó, những đứa con đó hoá ra goá bụa cô cút chỉ vì thằng con tôi. Tôi không tưởng tượng nổi có tội ác nào lớn hơn vậy nữa.

- Bất kỳ mắc tội nào, người ta cũng có thể ăn năn được.

Kumalo chua chát đáp:

- Nó sẽ ăn năn. Nếu tôi hỏi nó: “ Con có ăn năn không con? ”, thì nó đáp: “ Như ba nói đó ”.

Phải, như vậy có xấu không? ”, thì nó đáp: “ Dạ xấu ”. Nhưng nếu tôi đổi cách nói, không mớm lời cho nó như vậy, chẳng hạn nếu tôi hỏi nó: “ Bây giờ con tính sao? ”, thì nó sẽ đáp: “ Con không biết ” hoặc “ Ba tính sao con cũng chịu ”

Giọng Kumalo cao lên có vẻ lo lắng:

- Nó như một kẻ xa lạ. Tôi không đụng chạm được nó, lại sát nó được (1). Tôi không thấy nó xấu hổ, không thấy nó có lòng trắc ẩn đối với những nạn nhân của nó. Nó rung rung nước mắt

đấy, nhưng chỉ là khóc cho nó thôi, khóc vì nó sẽ bị tội thôi, chứ không khóc vì tội ác của nó.

Ông hét lên:

- Một con người có thể mất hết ý thức về cái ác chẳng? Một đứa đã được dạy dỗ như nó? Nó làm cho hai đứa trẻ hoá ra côi cút mà tôi chỉ thấy nó thương hại cái thân nó thôi. Tôi thưa với cha rằng, kẻ nào mà làm cái gì hại cho một trong hai đứa trẻ đó thôi, thì là....

Cha vIncent cũng lớn tiếng:

- Thôi đừng nói nữa. Ông mất trí rồi. ông đi cầu nguyện đi, đi nghỉ đi. Và đừng vội vã phán xét con ông như vậy. Biết đâu chừng nó cũng chẳng vì xúc động quá mà làm thình. Vì vậy nó mới bảo: “ Như ba muốn đó ”, và: “ Vâng, như vậy đó ”, và: “ Con cũng không biết ”.

Kumalo đứng dậy:

- Tôi cũng nghĩ vậy, nhưng tôi không còn chút hy vọng gì cả. Cha mới bảo tôi phải làm gì đấy nhỉ? À, phải cầu nguyện và đi nghỉ.

Giọng ông ta không có chút gì trào lộng và cha Vincent biết rằng ông ta bẩm sinh không biết trào lộng. Nhưng trong lời nói của ông ta có cái gì trào lộng tới nỗi cha Vincent phải nắm lấy cánh tay ông ta mà ra lệnh:

- Ông ngồi xuống, Tôi phải lấy tư cách mục sư mà nói với ông.

Kumalo ngồi xuống, cha Vincent bảo:

- Phải, vừa lúc này tôi bảo ông phải cầu nguyện và đi nghỉ. Dù chỉ là cầu nguyện ở ngoài môi, và chỉ nằm dài trên giường để nghỉ. Và đừng cầu nguyện cho bản thân ông, đừng cầu nguyện để hiểu được con đường của Thượng Đế, vì những con đường đó bí ẩn lắm. Không ai hiểu được đời sống đó ra sao vì nó là một bí mật. Tại sao ông lại có lòng thương hại một thiếu nữ mà không thương hại cho chính ông, đó là một bí mật. Và tại sao ông vốn sống khi mà chết đi có phần lại hơn, đó cũng là một bí mật nữa. Lúc này đây ông đừng cầu nguyện, đừng trầm tư về những điều đó vội, để sau này sẽ hay. Bây giờ ông hãy cầu nguyện cho cô Gertrude, cho đứa con của cô ấy, cho thiếu nữ sắp thành con dâu của ông, cho đứa nhỏ sẽ ra đời và sẽ thành cháu nội của ông. Ông cầu nguyện cho bà nhà, cho hết thảy những người ở Ndotsheni. Cầu nguyện cho người vợ góa và hai đứa con côi. Cầu nguyện cho linh hồn của người bị giết. Cầu nguyện cho hết thảy chúng tôi ở hội Truyền giáo, cho những người ở Ezenzeleni đang rón xây dựng lại trên khu đổ nát. Cầu nguyện cho sự phục hồi của chính ông. Cầu nguyện cho tất cả những người da trắng, cho những người làm những điều công bằng, và những người nếu không sợ hãi thì cũng sẽ làm những việc công bằng. Và đừng ngại cầu nguyện cho con của ông, cho nó được cải hoá.

Kumalo khúm núm đáp:

- Tôi sẽ nghe lời cha.

- Và ông thấy muốn cảm ơn thì cứ cảm ơn. Không có gì tốt hơn cái đó. Chẳng hạn cảm ơn bà nhà, bà Lithebe, ông Msimangu và ông trẻ tuổi ở trại cải huấn. Còn về đứa con trai của ông, về sự cải hoá nó, thì ông cứ để mặc ông Msimangu và tôi, vì ông hiện đương hoang mang dữ dội, không nhận ra được ý chí của Thượng Đế đâu. Và bây giờ đây, đi cầu nguyện, đi nghỉ đi. Ông đỡ ông lão đứng dậy, đưa cho cái nón. Kumalo ngỏ lời muốn cảm ơn thì ông bảo:

- Chúng ta làm theo cái tiếng nói ở trong lòng chúng ta và tại sao nó ở trong lòng chúng ta, thì cũng là một bí mật nữa. Chính đức Ki Tô ở trong lòng chúng ta bảo rằng, phải cứu giúp tha thứ cho mọi người mà Ngài thì lại bị bỏ rơi.

Ông tiễn ông lão ra tới cửa hội Truyền giáo, rồi họ chia tay nhau.

- Tôi sẽ cầu nguyện cho ông đây, cầu nguyện suốt ngày suốt đêm. Và đừng bao giờ quên rằng, bất kỳ việc gì ông muốn cậy tôi, tôi cũng sẽ hết lòng giúp đỡ.

Chú thích:

1. Cũng có thể hiểu là: Tôi không làm cho nó cảm động được.

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Chương 14

Kumalo lúc này đã bắt đầu quen đường trong châu thành lớn này rồi, hôm sau một mình đi xe lửa lại Pimville để thăm thiếu nữ có mang với con trai ông. Ông lựa lúc Msimangu mắc việc không đi theo ông được, không phải vì giận Msimangu mà vì nghĩ rằng ông hành động một mình có phần hơn. Ông suy nghĩ chậm chạp, hành động chậm chạp, có lẽ vì quen sống theo cái tiết điệu chậm chạp của bộ lạc; ông nhận thấy rằng đôi khi người chung quanh bức mình, nhưng ông cũng thường cảm thấy rằng làm một mình ông thường đạt được mục đích một cách chắc chắn hơn.

Ông tìm thấy ngay căn nhà, gõ cửa. Thiếu nữ ra mở cửa. Nàng mỉm cười như hơi ngượng, vì nửa lo sợ, nhưng nụ cười có cái gì ngây thơ niềm nở.

- Mạnh giỏi không con?

- Cảm ơn Umfundisi, con vẫn được mạnh.

Trong nhà có mỗi một chiếc ghế dựa, ông thận trọng ngồi xuống, lấy khăn lau trán.

- Con có được tin tức gì về anh con không?

Ông không dùng tiếng “ chồng ”.

Nụ cười tắt trên môi thiếu nữ. Nàng đáp:

- Con không có tin tức gì cả.

- Điều ta nói với con đây thật là nghiêm trọng đấy. Nó bị nhốt khám rồi.

- Nhốt khám?

- Nó bị nhốt khám vì một hành động ghê tởm nhất đời.

Thiếu nữ không hiểu, kiên nhẫn đợi ông nói tiếp. Rõ ràng là còn con nít.

- Nó đã giết một người da trắng.

- Ôi chao!

Nàng kêu lên như vậy và đưa tay che mặt. Kumalo không nói thêm gì được nữa, vì mỗi tiếng

như một nhát dao ngoáy vào một vết thương chưa lành. Nàng ngồi lên một chiếc thang, ngó xuống đất, giọt lệ lăn từ từ trên má.

- Con, ta không muốn kể lại chuyện đó. Con biết đọc không? Đọc báo của người da trắng?

- Con biết đọc chút đỉnh.

- Vậy ta để lại số báo cho con. Nhưng đừng đưa cho ai coi nhé.

- Con sẽ không đưa ai coi cả, thưa Umfundisi

- Ta không muốn kể lại chuyện đó. Hôm nay ta lại đây để nói về chuyện khác. Con muốn làm dâu ta không?

- Con xin theo ý Umfundisi.

- Ta hỏi ý con kìa.

- Thưa con muốn?

- Tại sao con lại muốn?

Nàng ngó ông lão vì không hiểu câu hỏi của ông. Ông gặng hỏi nữa:

- Tại sao con lại muốn kết hôn với nó?

Nàng lượm mấy cái giũa ở trên mặt thùng, mỉm cười, không biết đáp sao.

- Ảnh là anh con.

Nàng cũng không dùng tiếng “ chồng ”.

- Nhưng trước kia con không muốn kết hôn với nó thì phải.

Những câu hỏi đó làm cho nàng lúng túng; nàng đứng dậy, nhưng không biết làm gì, lại ngồi xuống, lại lượm lên mấy cái giũa nhỏ trên cái thùng.

- Nói đi con.

- Thưa Umfundisi, con không biết nói sao.

- Thực tình con có muốn kết hôn với nó không?

- Thực tình con muốn vậy, thưa Umfundisi.

- Ta phải biết chắc mới được. Ta không thể nhận con làm dâu, nếu con không muốn về làm dâu nhà ta.

Nghe nói vậy, nàng dăm dăm nhìn ông lão đáp:

- Thưa con muốn.

- Gia đình ta ở một nơi hẻo lánh xa xôi, không có đường phố, đèn điện, xe buýt. Trong nhà chỉ có hai vợ chồng ta và nơi đó rất tĩnh mịch. Con là người Zulu hả?

- Thưa vâng.

- Con sanh trưởng ở đâu?

- Ở Alexandra.

- Còn cha mẹ con?

- Thừa Umfundisi, cha con đã bỏ má con. Con bất hoà với dượng con.
- Tại sao ba con lại bỏ má con?
- Hai người gây lộn nhau, thừa Umfundisi. Vì má con say rượu hoài.
- Vậy nên ba con bỏ má con và bỏ luôn cả con hả?
- Dạ, bỏ con và hai đứa em trai con.
- Hai em con bây giờ ở đâu?
- Thừa Umfundisi, một đứa ở trường, cái trường mà người ta gọi anh Absalom vô đó. Còn một đứa ở Alexandra . Nhưng thằng này ngỗ nghịch và con nghe nói người ta cũng sẽ gọi nó vô trường đó.
- Nhưng tại sao cha con lại có thể bỏ các con như vậy được.

Nàng nhìn ông lão, vẻ ngây thơ kỳ dị, rồi đáp:

- Con không biết.
- Con bất hoà với dượng con hả? Rồi con làm gì?
- Rồi con bỏ nhà ra đi.
 - Và con làm gì?
 - Con lại ở Sophiatown.
 - Một mình ư?
 - Không, không phải một mình.

Kumalo lạnh lùng hỏi:

- Sống với người chồng thứ nhất của con hả?

Thiếu nữ không nhận thấy vẻ lạnh lùng đáp:

- Vâng, với người chồng thứ nhất của con.
- Đã có hết thảy mấy người chồng rồi?

Nàng cười sảng sặc, nhìn xuống bàn tay đang vật vất cái giăm ở cái thùng. Rồi nàng ngừng lên, thấy ông lão đang nhìn mình, đâm ra thẹn thùng.

- Chỉ có ba thôi ạ.
- Có gì xảy ra cho người chồng thứ nhất?
- Thừa ảnh bị bắt.
- Người thứ nhì?
- Ảnh cũng bị bắt nữa.
- Và bây giờ thằng thứ ba cũng bị bắt nữa rồi.

Ông đứng dậy, trong lòng nảy ra cái ý muốn lắng nhục nàng. Mặc dù biết như vậy là không nên, mà ông cũng không nén được lòng và bảo:

- Phải, thằng chồng thứ ba cũng bị bắt nữa mà lần này vì tội giết người. Mấy thằng chồng trước

có thằng nào giết người không?

Ông tiến một bước lại phía nàng, nàng hoảng, ngồi thụt lại trên cái thùng, la lớn:

- Không, không.

Và ông sợ người ở phía ngoài nghe thấy, nên hạ giọng bảo đừng có sợ, và lùi lại một bước.

Nhưng nàng vừa mới hoàn hồn thì ông lại muốn lãng nhục nàng nữa, bảo:

- Bây giờ đây sắp kiểm thằng chồng thứ tư chứ?

Nàng đáp giọng chán chường:

- Không, không, con không muốn có chồng nữa.

Đương trong cơn giận tàn nhẫn, dã man, ông nảy một ý nghĩ dã man:

- Nếu tao muốn mày, thì mày cũng không chịu ư?

Con bé lại sợ hãi, thụt lại.

- Ông?

- Ừ! Tao.

Con bé ngó chung quanh như một con vật bị đuổi bắt, cùng đường.

- Không, không, như vậy là bậy.

- Thế trước kia là phải hay sao?

Không, trước kia cũng bậy nữa.

Vậy có chịu không?

Con bé cười sằng sặc, vừa ngó chung quanh vừa bẻ những cái giũa ở thùng gỗ. Nhưng nó cảm thấy ông già đương nhìn nó, nó đáp nho nhỏ:

- Chịu.

Ông ngồi xuống, hai tay bưng mặt; và con bé thấy vậy khóc oà lên, xấu hổ, khổ não. Và ông già nhìn nó, thấy thân thể yếu ớt, mảnh khảnh của nó, cũng xấu hổ, không xấu hổ về sự ượng chịu của nó, mà vì sự tàn nhẫn của mình.

Ông tiến lại gần nó, hỏi:

- Con mấy tuổi.

Nó nức nở:

- Con không nhớ rõ, chừng mười sáu tuổi.

Một nỗi thương hại thâm thiết tràn ngập lòng ông, ông đặt tay lên đầu nó. Và không hiểu vì có bàn tay của một mục sư đặt lên đầu hay vì niềm thương hại thâm thiết từ trong lòng tuôn ra bàn tay và đầu ngón tay ông già, hay vì một nguyên do gì khác, mà thiếu nữ đó nín khóc, và ông cảm thấy đầu của nó yên dịu xuống dưới lòng bàn tay mình. Ông đưa tay kia ra, nắm bàn tay của nó, thấy những chỗ chai nhám vì phải làm những việc lật vật trong căn nhà tồi tàn này. Ông bảo:

- Ta rất ân hận. Ta xấu hổ vì đã hỏi con câu đó.

Nó đáp:

- Con cũng không biết phải trả lời ra sao.

- Ta cũng biết rằng, con không biết phải đáp ra sao. Vì vậy mà ta xấu hổ. Sao, con thực tình muốn kết hôn với con trai không?

Nó nắm chặt lấy hai bàn tay của ông.

- Thưa muốn.

- Rồi về một nơi tĩnh mịch, xa xôi hẻo lánh làm dâu con nhà ta.

- Thưa muốn.

Giọng của nó rõ ràng có vẻ vui mừng.

- Muốn nhiều không?

- Thưa nhiều.

- Này con.

- Thưa Umfundisi.

- Ta phải cho con biết một điều khó khăn nữa.

- Xin Umfundisi cứ nói.

- Ở cái nơi yên tĩnh đó, lúc nào con thấy thèm muốn thì làm sao? Ta là mục sư, ta ở ngay sát giáo đường, đời sống của ta yên tĩnh và có ngăn nắp. Ta không muốn đòi hỏi điều quá sức con.

- Thưa Umfundisi, con hiểu rồi. Con hiểu rõ rồi.

Cặp mắt nó rưng rưng nhìn ông già.

- Umfundisi sẽ không xấu hổ vì con đâu. Xin đừng lo ngại gì về con cả. Xin đừng ngại rằng chỗ đó yên tĩnh quá, con chỉ ước ao được chỗ yên tĩnh thôi.

Khi nói tiếng “ước ao ” mắt nó sáng lên; nó hớn hờ nói tiếp, làm cho Kumalo ngạc nhiên:

- Đó là điều con ước ao, lòng con chỉ ước ao được như vậy thôi.

Ông lão nói:

- Ta hiểu con. Con thông minh hơn ta tưởng.

Nó nhanh nhẩu khoe:

- Hồi đi học, con thông minh.

Ông bật cười, và ngạc nhiên thấy giọng cười của mình lạ tai.

- Con theo giáo phái nào?

- Thưa Umfundisi, giáo phái Anglican.

Câu đó nó cũng nhanh nhẩu đáp.

Ông lại cười về tính chất phác của nó, rồi bỗng có giọng long trọng:

- Ta muốn con hứa với ta một điều, một điều nghiêm trọng.

Nó cũng có vẻ long trọng hỏi lại:

- Thừa Umfundisi, hứa điều chi?

- Nếu sau này, dù con ở đây hay đã về nhà ta, mà con thấy ân hận về quyết định đó của con, thì không được giữ kín nỗi ân hận trong lòng hoặc trốn đi như hồi trước đã trốn khỏi nhà má con. Con phải hứa với ta rằng lúc đó con sẽ lại kể nỗi ân hận cho ta hay.

Nó nghiêm trang đáp:

- Con xin hứa - rồi hăng hái nói tiếp - con sẽ không bao giờ ân hận đâu.

Ông lại cười, buông hai bàn tay nó ra, cầm chiếc nón lên.

- Khi mọi sự đã thu xếp xong xuôi, ta sẽ lại đón con đi làm lễ cưới. Con có đủ y phục không?

- Con có được vài cái. Con sẽ vá nó lại.

- Và không được ở nơi này nữa. Con muốn ta kiếm cho một nơi ở gần ta không.

- Con muốn lắm Umfundisi.

Nó vỗ tay reo như một đứa con nít.

- Làm sao cho sớm sớm lên để con rời bỏ được căn phòng này.

- Thôi con ở lại mạnh giỏi.

- Umfundisi, về mạnh giỏi.

Ông bước ra về, và thiếu nữ tiễn ông tới cái cửa rào nhỏ. Khi ông quay lại nhìn nó thì nó mỉm cười với ông. Ông bước đi, có vẻ như trút được nỗi khổ, không trút được hết, trút được một phần thôi. Ông cũng nhớ rằng mình đã cười, và khi cười thì đau đớn thể xác, như một người bệnh vì cười thấy nhói lên vậy. Và ông cũng thành linh xúc động một cách đau xót mà nhớ lại lời của cha Vincent: “ Tôi sẽ cầu nguyện suốt đêm ngày ”. Tới góc đường, ông quay lại nhìn về phía sau: thiếu nữ vẫn còn nhìn theo ông.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 15

Rất ít người có phòng dư mà không cho mượn, bà Lithebe vào hạng người đó. Chồng bà hồi xưa làm thợ nề, hiền từ, lương thiện, mà ông trời không cho ông bà một mụn con nào. Chính tay ông đã cất ngôi nhà xinh xắn rộng rãi này, gồm một phòng ăn và ngồi chơi nói chuyện với ba phòng ngủ. Bà giữ một phòng cho bà, vui vẻ cho mục sư mượn một phòng nữa. Vì trong nhà có một mục sư, có tiếng cầu nguyện Chúa thì được phước lành. Phòng thứ ba, bà cho mẹ con Gertrude ở vì họ chẳng phải là người nhà của mục sư đấy ư? Nhưng người lạ thì bà nhất định không chứa, bà không cần tiền.

Cảnh của mục sư thật là buồn, cảnh hai mẹ con Gertrude cũng vậy, buồn nhất là cảnh đứa con trai của mục sư. Bà rất kính mộ con người thánh đức đó. Ông ta nhân từ, hiền hậu, đối đãi với bà nhã nhặn, lễ độ, coi nhà bà như nhà mình. Bà phục các hành vi của ông: cứu vớt hai mẹ con Gertrude, sắm cho em gái chiếc áo mới, chiếc khăn trắng đội đầu, cho cháu chiếc sơ mi, chiếc áo nịt dài tay, chiếc quần. Theo tục người bản xứ, chính bà cũng cảm ơn mục sư đã sắm cho em và cháu các thứ đó.

Có Gertrude và đứa nhỏ, cũng vui nhà. Gertrude vui vẻ giúp đỡ bà, tính ưa sạch sẽ, mặc dầu hơi lười thôi và dễ bắt chuyện với người lạ quá, đặc biệt là với đàn ông. Bà Lithebe biết rằng nàg đã có chồng và Gertrude biết rằng bà già đó nghiêm khắc về việc nhà việc cửa, nên nàg hiểu bà và nghe lời bà.

Buồn nhất là chuyện đứa con trai của mục sư. Theo tục lệ, họ đã khóc lóc, rên rỉ cho tình cảnh của nó. Bà Lithebe và Gertrude nói chuyện hoài về chuyện đó, sự thực bây giờ họ chỉ nói về mỗi một đề tài đó. Ông mục sư làm thỉnh và mặt có những nét đau khổ. Nhưng bà Lithebe nghe thấy ông trong lần cầu nguyện nào cũng không quên vụ đó và bà rất thương hại mục sư. Mặc dầu ông ngồi hàng giờ trên chiếc ghế bành, cặp mắt bi thảm đăm đăm ngó phía trước, nhưng hễ bà Lithebe nói với ông thì ông hơi tươi tỉnh lên, nụ cười xoá được nét đau khổ và bao giờ ông cũng tỏ vẻ lễ độ, nhã nhặn với bà. Khi ông chơi với đứa cháu ông cũng trút được nỗi lòng

và nét mặt ông thay đổi. Nhưng cả những lúc đó, đôi khi ông cũng im lặng, và bà Lithebe nghe đứa nhỏ hỏi đi hỏi lại mà mục sư không đáp, bèn nhìn qua cửa thì thấy ông ngồi trầm ngâm, lặng lẽ, vẻ mặt thật đau khổ.

- Bà Lithebe.

- Umfundisi hỏi chi?

- Bà Lithebe ạ, bà đối đã với tôi tử tế quá. Và tôi muốn xin bà giúp tôi một việc nữa.

- May ra tôi giúp được chăng.

- Bà ạ, bà có nghe nói về thiếu nữ có mang với con trai tôi không?

- Có, tôi có nghe nói.

- Hiện nó ở Pimville, mượn một cái phòng trong nhà người ta. Nó muốn kết hôn với con trai tôi và tôi nghĩ có nên thu xếp việc đó được. Vậy – dù có xảy ra chuyện gì đi nữa – thì nó cũng sẽ theo tôi về Ndotsheni, sanh ở trong một căn nhà sạch sẽ, đàng hoàng. Nhưng tôi rất muốn nó rời khỏi chỗ nó đang ở, và tôi tự hỏi... Tôi ngại làm phiền bà quá.

- Umfundisi muốn cho nó ở lại đây ư?

- Được vậy thì quý hoá quá.

- Umfundisi cứ cho nó lại. Nó có thể ngủ trong phòng ăn. Nhưng không có giường.

- Không sao. Ngủ dưới đất trong một nhà lương thiện còn hơn là....

- Phải, phải.

-Tôi mang ơn bà quá.Tôi coi bà như má tôi.

- Ở đời thì phải giúp đỡ lẫn nhau, chứ có gì đâu.

Thế là ông ta hớn hở, kêu đứa nhỏ lại, đặt nó ngồi trên đùi rồi xốc cho nó nhồm nhồm lên như chơi trò cưỡi ngựa. Nhưng trò đó không hợp, vì ông già mau mệt hơn đứa nhỏ; hai bác cháu bèn lấy những khúc gỗ nhỏ ra cất những ngôi nhà cao như nhà ở Johannesburg, rồi gặt cho nó đổ rầm xuống mà cười ha hả.

Kumalo bảo:

- Thôi bây giờ bác phải đi. Bác sẽ dắt về cho cháu một người chị nữa.

Ông lấy tiền ra đếm. Chỉ còn vài tấm giấy bạc. Sắp phải dùng tới số tiền trong trương mục bưu điện rồi. Ông khẽ thở dài, bận áo, đội nón rồi cầm lấy chiếc gậy. Bà vợ phải đành đợi lúc khác mới có chiếc lò, còn ông thì hãy khoan sắm y phục và cổ cồn thầy tu vậy.

Thiếu nữ đó không giống Gertrude. Nàng vui vẻ ra mặt khi vô ở nhà này. Nàng có ít áo nhưng

chiếc nào cũng sạch sẽ, vá lại cẩn thận, ngoài ra chẳng có đồ đạc gì cả. Nàng mở các cánh cửa, ngó vô các phòng, vui thích lắm vì từ trước chưa bao giờ được ở một ngôi nhà như vậy. Nàng gọi bà Lithebe bằng má và bà ta lấy vậy làm thích; bà cũng thích vì thiếu nữ bập bẹ nói được tiếng Sesuto. Gertrude cũng vui vì có thêm thiếu nữ đó, trong nhà thấy đỡ ảm đạm. Rồi đây tha hồ chuyện trò với nhau.

Quả nhiên, bà Lithebe bắt gặp họ đương cười giỡn với nhau. Họ liền im bật, Gertrude thì khoé mắt còn vẻ đùa cợt, còn thiếu nữ nọ thì thẹn thùng. Bà Lithebe không ưa cái giọng cười vô tâm đó. Bà bảo thiếu nữ vô bếp tiếp tay bà và bảo cho nàng biết bà ghét giọng cười đó.

- Nay con, nhà này là một nhà có phép tắc đàng hoàng.

Thiếu nữ cúi mặt xuống, đáp:

- Dạ.

- Con được một người nhân từ hiền hậu dắt lại đây, nhân từ không kể sao cho xiết.

Thiếu nữ tươi tỉnh ngừng lên ngó bà:

- Dạ con biết.

Vậy nếu con mừng rằng, được ông dắt lại đây thì đừng cười một cách vô tâm như vậy, nghe.

- Con hãy còn là con nít và con nít thì nên cười. Nhưng có nhiều cách cười.

- Thừa má dạ.

- Con hiểu ta muốn nói gì không?

- Thừa, con hiểu rồi ạ.

- Ông lão đã tử nhục nhiều rồi. Con hiểu ta muốn nói gì không?

- Con hiểu rõ rồi ạ.

- Vậy đừng để cho ông bị tử nhục ở đây, trong nhà ta này, nghe.

- Con hiểu má.

- Thôi con đi ra, nhưng giữ kín những điều chúng ta mới nói với nhau đó nghe.

- Dạ.

- Được dắt lại đây con có mừng không?

Thiếu nữ nhìn thẳng vào mặt bà già, đưa tay ra muốn diễn ý nghĩ của mình bằng một cử động nào đó cho thích hợp:

- Thừa con mừng lắm. Con không muốn ở chỗ nào khác cả. Con không muốn một người cha nào khác Umfundisi. Con không muốn một cái gì khác mà không phải ở trong nhà này.

- Ừ, ta thấy nổi mừng của con. Còn điều này nữa con. Khi con chơi với đứa nhỏ, đừng để cho nó ghì chặt con như vậy, nghe. Tới lúc con phải giữ ý rồi đấy.

- Con hiểu má.

- Thôi con đi ra. Con cứ coi nhà này như nhà của con.

Từ đó không còn những tiếng cười vô tâm nữa. Thiếu nữ tỏ ra ít nói, vâng lời, còn Gertrude thấy nàng còn con nít cũng không rủ rê nữa, thản nhiên mà vui vui.

Ông già bước qua cửa rào lớn trong bức tường cao ảm đạm một lần nữa, và người ta dắt đứa con trai của ông ra. Ông lại nắm bàn tay không có sinh khí của nó, cũng cảm động tới sa lệ, nhưng lần này vì sự tuyệt vọng, rầu rĩ của đứa con.

- Con mạnh giỏi không con?

Đứa con đứng yên, quay đầu qua bên này ngó qua cửa sổ một lát, rồi quay đầu qua bên kia, mà không nhìn cha.

- Con vẫn mạnh giỏi.

- Ba có chuyện muốn nói với con. Con có chắc chắn rằng con muốn cưới thiếu nữ đó không?

- Con có thể cưới nó được ư?

- Cha có một ông bạn, một mục sư da trắng, ông ấy sẽ coi xem phải thu xếp ra sao, và sẽ lại thăm đức Giám mục hỏi xem có thể thu xếp cho mau được không. Và ông ấy sẽ tìm một luật sư cho con.

Mắt đứa con toả ra một tia sinh khí, có lẽ là một tia hy vọng.

- Con muốn có một luật sư biện hộ cho không?

- Người ta bảo luật sư giúp đỡ mình được.

- Con đã khai với cảnh sát rằng, hai đứa kia cùng đi với con?

- Vâng, và con đã lại khai như vậy mới tức thì đây.

- Thế rồi sao?

- Người ta cho đi gọi chúng, dắt chúng từ phòng giam ra.

- Thế rồi sao?

- Rồi chúng nổi quạu lên với con, chửi rửa con trước mặt các thầy cảnh sát, và bảo rằng con muốn hại chúng.

- Thế rồi sao?

- Thế rồi chúng hỏi con có chứng cứ gì không. Con chỉ có mỗi chứng cứ này là điều con khai đó đúng: chính hai đứa đó chứ không phải người nào khác, chúng cũng cùng đứng ở trong nhà đó với con, con đứng đây này, còn tụi nó đứng chỗ kia kia.

Nó đưa ngón trỏ chỗ đứng của tụi nó và nó rưng rưng nước mắt bảo:

- Rồi chúng lại chửi rửa con nữa, chúng hằm hằm nhìn con, đứa này bảo đứa kia: “ Làm sao nó có thể vu oan, cho chúng mình như vậy được kia ”.

- Chúng là bạn thân của con?

- Vâng, bạn thân.
- Và chúng tính bỏ con một mình chịu đau khổ?
- Con thấy rõ vậy.
- Từ trước cho tới bây giờ, chúng là những bạn thân mà con tin cậy được chứ?
- Vâng, trước kia con tin cậy được.
- Ba hiểu con muốn nói gì. Phải con muốn nói rằng chúng là hạng bạn bè mà một người lương thiện có thể lựa để giao du, hạng bạn bè ngay thẳng, siêng năng và tôn trọng pháp luật, phải vậy không?
- Thôi ông già ơi, ông để yên nó. Ông dắt nó tới xa như vậy rồi thỉnh thoảng ông nhẩy bổ vào nó, đập nó. Nó đương bực tức ngó ông kìa, rồi nó sẽ không thèm trả lời ông cho mà coi.
- Nói đi con, chúng phải là hạng bạn bè như vậy không?
- Đưa con làm thỉnh.
- Và bây giờ chúng bỏ mặc một mình con hả?
- Làm thỉnh một chút rồi đưa con đáp:
- Bây giờ con thấy vậy.
- Và trước kia không thấy?
- Nó miễn cưỡng đáp:
- Trước kia con đã thấy.
- Ông già muốn hỏi nó: “ Thế tại sao con vẫn giao du với nó? ” nhưng thấy nó rung rung nước mắt, ông thương hại nó và nén được, không hỏi nó nữa. Ông nắm lấy bàn tay của con, và lần này bàn tay nó không hoàn toàn vô sinh khí nữa, nên ông vui vẻ nắm chặt.
- Can đảm lên con. Đừng quên rằng có luật sư biện hộ cho con. Nhưng con chỉ được kể với luật sư đúng sự thực thôi.
- Thừa cha, con sẽ chỉ kể đúng sự thực thôi.
- Nó mở miệng muốn nói thêm câu gì, rồi lại thôi không nói.
- Con đừng sợ, muốn nói gì muốn nói.
- Ba, ông ấy phải tới sớm sớm mới được.
- Nó ngó ra cửa sổ và nước mắt nó lại rung rung. Nó rón làm bộ thản nhiên nói:
- Nếu không thì quá trễ.
- Con đừng lo. Ông ấy sẽ tới ngay. Con muốn ba đi hỏi ngay bây giờ xem bao giờ thì ông ấy tới không?
- Vâng, ba đi ngay đi ngay bây giờ đi.
- Và cha Vincent sẽ tới đây thăm con để con thú tội, xá tội cho con và cải hoá con.
- Dạ.

- Còn hôn lễ, nếu có thể làm được thì sẽ làm. Và thiếu nữ đó ba quên chưa nói - hiện ở với ba, tại Sophiatown. Ba sẽ đưa nó về Ndotsheni cho nó sanh đẻ ở quê nhà.

- Dạ.

- Bây giờ con có thể viết thư cho má con được.

- Thưa ba con sẽ viết.

- Và chùi nước mắt đi.

Đưa con đứng dậy, đỡ chiếc khăn ba nó đưa cho nó và chùi nước mắt. Hai cha con xiết tay nhau và bây giờ đã có chút sinh khí trong tay đứa con. Người coi khám bảo nó:

- Anh ở lại đây, có một vị luật sư vô thăm anh. Còn ông già thì ông phải ra.

Kumalo bước ra, tới cửa gặp một người da trắng đứng đó, muốn vô. Ông này cao lớn, nghiêm nghị, có vẻ như một người quen biện hộ cho những vụ quan trọng; người coi khám biết ông ta, tỏ vẻ kính trọng ông ta lắm. Ông ta có vẻ quen biện hộ cho những vụ quan trọng, quan trọng gấp mấy lần cái vụ một thanh niên da đen giết người này; ông ta chứng chạc bước vô phòng, điệu bộ như một ông chủ.

Kumalo trở về hội Truyền giáo uống trà với cha Vincent. Vừa xong buổi trà thì có người gõ cửa và ông cao lớn nghiêm nghị lúc nãy bước vô. Cha Vincent cũng kính trọng ông ta, gọi ông ta là ngài hoặc ông Carmichael. Cha Vincent giới thiệu Kumalo với ông ta và ông Carmichael bắt tay Kumalo, gọi là ông Kumalo, khác lệ thường (1). Họ lại uống trà nữa và bàn bạc về vụ đó.

Ông Carmichael bảo:

- Ông Kumalo, tôi sẽ lo vụ đó cho ông. Tôi sẽ lo vụ đó *Pro deo* như người ta nói. Vụ đó giản dị vì thanh niên đó ngay thẳng, khai rằng đã nổ súng vì sợ chứ không có ý muốn giết người. Và cái đó sẽ hoàn toàn tùy thuộc ông chánh thẩm và các ông phụ thẩm, vì tôi nghĩ chúng ta chỉ nên để các vị ấy quyết đoán chứ không đòi có thêm phụ thẩm nhân dân (2). Còn về hai đứa kia thì tôi không biết nói sao. Ông Kumalo, tôi hay tin rằng em ông đã mượn một luật sư khác cho họ, mà quả thực, tôi không thể biện hộ cho họ được vì theo chỗ tôi biết, họ sẽ cãi rằng họ không có mặt lúc đó và con trai ông vì những lý do riêng, kiếm cách làm cho họ liên lụy vào vụ đó. Điều đó Pháp viện sẽ phán đoán là đúng hay sai, nhưng ý kiến của tôi là con trai ông nói đúng sự thực, nó có lý do gì để làm hại hai đứa kia đâu. Nhiệm vụ của tôi là thuyết phục cho Pháp viện tin rằng con ông đã nói tất cả sự thật, cả khi nó khai rằng vì sợ nên nổ súng thì nó cũng nói tất cả sự thực nữa. Như vậy, dĩ nhiên là tôi không thể hiện biện hộ cho hai đứa kia, đã bảo rằng con ông nói dối. Như vậy minh bạch chưa ông Kumalo.

- Dạ, minh bạch.

- Bây giờ tôi cần biết tất cả các chi tiết về con ông, ông Kumalo; nó sanh năm nào, ở đâu, hồi nhỏ tình nết nó ra sao, có dễ bảo, thành thật không? Nó rời gia đình hồi nào và tại sao, từ hồi lại Johannesburg này nó làm gì? Ông hiểu tôi chứ?
- Thưa ngài, hiểu.
- Tôi muốn có những chi tiết càng sớm càng tốt, ông Kumalo, vì có thể phiên toà sau sẽ đem ra xử. Ông phải điều tra cho đúng nó đã làm gì, không phải chỉ hỏi nó mà thôi, cần phải hỏi thêm các người khác nữa. ông phải dùng lời người này để kiểm soát lời người khác, ông hiểu chứ, và nếu có những chỗ khác nhau thì cứ kể hết cả ra. Về phía tôi, tôi cũng sẽ điều tra như vậy.
- Thưa hiểu.
- Và bây giờ, cha Vincent, chúng ta có thể cùng nhau bàn về việc trường học ấy chứ?
- Tôi xin sẵn sàng. Ông Kumalo ông thứ lỗi cho chúng tôi nhé.
- Ông ta tiễn Kumalo ra khỏi cửa, khép cửa lại rồi nói:
- Ông nên cảm ơn Thượng Đế vì đã được ông ấy giúp cho. Ông ấy là một người rất có danh vọng, một trong mấy vị luật sư nổi tiếng nhất ở Nam Phi, và là một trong số các bạn quý nhất của dân tộc ông đấy.
- Tôi cảm ơn Thượng Đế và cảm ơn cả cha nữa. Nhưng này, tôi ngại quá thưa cha. Phí tổn bao nhiêu đây? Vì số tiền nhỏ của tôi gần cạn rồi.
- Vậy ông không nghe ông ấy bảo rằng, ông ấy sẽ lo vụ đó *Pro deo* sao? À, phải ông không hiểu tiếng đó. Nó là tiếng La tinh có nghĩa là vì Thượng Đế. Vậy sẽ chẳng phí tổn gì đâu, hoặc có thì rất ít.
- Ông ấy lo vụ đó vì Thượng Đế ư?
- Ở thời cổ, tín ngưỡng còn mạnh, tiếng đó có ý nghĩa như vậy, bây giờ ý nghĩa đó đã mất nhiều rồi, nhưng nó vẫn có ý nghĩa rằng ông ấy sẽ không lấy tiền công.
- Kumalo lấp bắp:
- Tôi chưa thấy ai nhân từ tới mức đó.
- Ông quay mặt đi, vì mấy bữa nay ông mau nước mắt lắm. Cha Vincent mỉm cười bảo:
- Thôi ông về mạnh giỏi, tôi trở vô với vị luật sư đã nhận lo cái vụ đó vì Thượng Đế.

Chú thích: 1. Vì người da trắng vào hạng luật sư thường coi rẻ người da đen, mặc dầu người da đen là một mục sư.

2. Ở Anh, trong các vụ án đại hình, có thêm đoàn phụ thẩm này, gồm 12 người được tuyển lựa và tuyên thệ. Nếu bị cáo nhận tội thì đoàn đó không phải họp.

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 16

Một con đường cái đẹp để đưa từ Ixopo vào miền đồi núi. Đồi miền này nhấp nhô, cỏ xanh mượt, đẹp không sao tả xiết. Con đường tiến vào đó, leo mười hai cây số tới Carisbrooke; và ở đây khi nào không có sương mù, nhìn xuống dưới chân người ta có thể thấy một trong những thung lũng đẹp nhất của châu Phi. Bốn bề là cỏ và phượng vĩ, văng vẳng tiếng kêu khắc khoải của con titihoya, một loài chim của miền đồng cỏ. Ở dưới chân là dòng sông Umzimkulu bắt nguồn từ Drakensberg và chảy ra biển; phía bên kia sông, trùng trùng điệp điệp hết đồi này tới đồi khác; và sau những đồi đó là dãy núi Ingdi và Đông Griqualand.

Cỏ tốt và rậm phủ kín mặt đất. Nó giữ nước mưa và sương, nhờ vậy nước mưa và sương thấm xuống đất, thành những dòng suối chảy ra các khe. Cỏ được giữ gìn kỹ lưỡng; ít bò lại ăn và cũng ít có những đám cháy tàn phá nó, làm cho nó chết dụi.

Tại đây ở trên cao, có một thung lũng nhỏ xinh xắn, núp giữa hai ngọn đồi. Có một ngôi nhà, một khu đất cày bằng phẳng; ai cũng khen là một trong những trại đẹp nhất trong miền. Trại đó là trại High Place của ông James Jarvis, ông ta ở tại đó. Nó ngó xuống Ndotsheni và thung lũng lớn Umzimkulu.

Jarvis rầu rĩ nhìn theo lưỡi cày. Mặt trời trưa tháng mười đổ ánh nắng gay gắt xuống thửa ruộng, trên trời không có một đám mây. Mưa, mưa, trông hoài mà không mưa. Những cục đất cày lật lên, chắc nịch, không vỡ và có chỗ lưỡi cày trượt trên mặt đất cứng như sắt. Tới cuối thửa ruộng, nông phu ngừng lại, bò đứng dưới ánh nắng, đổ mồ hôi và thở phì phì.

- Thưa Ummunzana (1) chẳng ích lợi gì đâu.

- Cứ tiếp tục đi, Thomas. Tôi lên ngọn đồi xem ra sao.

- Không thấy gì đâu, Ummunzana. Vì tôi đã lên đó coi rồi.

Jarvis lằm bằm, gọi con chó, rồi đi theo con đường mòn của thổ dân Cafre (2) lên tới đỉnh đồi. Ở trên đó đất không khô cháy vì cỏ được hưởng sương mù, và gió hiu hiu thổi, mặt mày đầm mồ hôi của ông thấy dễ chịu. Nhưng xuống thấp một chút là cánh đồng cỏ khô cháy, cảnh đồi Ndotsheni đỏ và trơ trụi. Chủ trại ở trên cao bắt đầu lo ngại cảnh hoang tàn đó sẽ gặm lăn đất đai từ năm này qua năm khác, hết cây số này tới cây số khác, rồi lên tới đất của họ. Họ thường bàn tán với nhau vì khi lại thăm nhau, ngồi dưới những mái hiên dài và mát mẻ để uống trà, bắt buộc họ phải nhìn xuống thung lũng và đồi trọi ở dưới chân họ. Một số thợ cấy thợ gặt của họ ở Ndotsheni lên và họ hỏi thăm, biết rằng ở dưới đó thực phẩm mỗi năm mỗi khan dần. Có nhiều đàn bò quá mà đất bị xoi lở, trơ ra! Đất cày lần lần biến thành đất hoang. Có thể cứu vãn được một chút, nếu dân chúng biết cách ngăn cho đất khỏi bị xoi mòn: xây những bức tường thấp để giữ cho đất khỏi bị nước mưa xối đi, cày theo đường ngang vòng vòng thân đồi. Nhưng đồi dựng đứng và vài ngọn không hợp với việc cày bừa. Mà bò lại yếu, thành thử cày dọc theo sườn đồi dễ hơn nhiều. Và dân lại thiếu học, không biết chút gì về phương pháp canh tác. Quả thực vấn đề đó nan giải. Có người bảo phải giáo dục thêm cho dân chúng, nhưng một thanh niên có học thì không muốn làm ruộng nữa, mà ra tỉnh kiếm một công việc hợp với sở thích hơn. Thành thử công việc đồng áng để lại cho người già và đàn bà, và khi bọn trai tráng ở mỏ hoặc châu thành về chơi, thì họ chỉ ngồi dưới ánh nắng, uống rượu và chuyện trò không ngớt miệng. Có kẻ bảo dù sao thì cũng không đủ đất đai, có áp dụng những phương pháp canh tác tối tân thì đất cũng không nuôi nổi thổ dân. Nhưng vấn đề đó có nhiều khía cạnh. Vì nếu có nhiều đất hơn mà vẫn không biết giữ gìn, canh tác như hiện nay thì chẳng bao lâu miền này cũng thành đất hoang hết. Với lại đất ở đâu mà có thêm được, mà có thì ai bỏ tiền ra mua? Có người lại đưa ra luận điệu này nữa: nếu họ có thêm đất đai mà nhờ một phép màu nào đó, họ có thể sống nhờ đất đai được, thì còn ai chịu làm trong các trại của người da trắng nữa? Người ta đã cho phép một người bản xứ có thể về Ndotsheni và lại làm công cho các trại kế cận, tùy ý. Lại có một quy ước khác cho phép một người bản xứ nhận một thửa đất của một chủ điền, cất nhà, dắt vợ con lại ở, cấy cày để sinh sống, miễn là người đó và vợ con người đó, mỗi năm phải làm một số công việc nào đó cho chủ điền. Nhưng giải pháp đó cũng không ổn vì một số người đó có con trai con gái bỏ ra tỉnh ở, không bao giờ trở về nữa để giữ đúng hợp đồng, có kẻ làm hư miếng đất cấp cho họ; có kẻ ăn cắp bò hay cừu để mổ thịt; có kẻ biếng nhác chẳng làm gì cả, chủ điền phải đuổi đi, lấy đất đai cho người khác ở mà không biết người mới có hơn người cũ không?.

Jarvis vừa leo lên đồi vừa suy nghĩ về những vấn đề cũ kỹ đó; lên tới đỉnh, ông ngồi xuống một tảng đá, dõn nón để hưởng gió mát. Cảnh thung lũng lớn Umzimkulu này thật là nhìn không chán mắt. Jarvis ngắm những ngọn đồi xanh, phì nhiêu ở chung quanh của cha để lại, và thung

lũng cũng phì nhiều ở dưới chân, nơi ông cất nhà ở và khai phá. Ông ước ao rằng người con trai duy nhất của ông sẽ nối nghiệp ông. Nhưng con trai ông lại nghĩ khác, muốn thành kỹ sư kia. Ừ, muốn sao tùy ý. Con ông cưới một thiếu nữ xinh đẹp, và sanh được hai đứa cháu ngoan mà ngộ. Ông rất đổi thất vọng khi con ông quyết định rời High Place, nhưng đời nó là của nó, không ai có quyền xen vào đời một người khác.

Từ dưới thung lũng, một chiếc xe hơi leo dốc lên nhà ông. Ông nhận ra là xe của ty cảnh sát Ixopo. Chắc là Binnendyk đi tuần đây, một người Afrikaaner mà như chú ta thì đáng gọi là đàn ông hoàng lắm. Ixopo bây giờ đầy người Afrikaaner, hồi xưa không có được một người. Tất cả các cảnh sát đều là người Afrikaaner, rồi các nhân viên bưu điện và nhà ga nữa. Dân trong làng hơi mến họ. Nhiều người Afrikaaner cưới các thiếu nữ nói tiếng Anh, khắp trong xứ nơi nào cũng vậy. Hồi xưa chính thân phụ ông đã thề rằng đứa con nào mà cưới người Afrikaaner thì sẽ bị truất phần gia tài, nhưng thời buổi đã khác rồi. Chiến tranh đã làm cho tình trạng thụt lùi một chút. Vì có một số người Afrikaaner tình nguyện nhập ngũ thì có một số khác tuy tán thành chiến tranh chống Đức nhưng nằm nhà, một số nữa trung lập, có nỗi bất bình gì cũng giấu, và có một số có thiện cảm với Đức, nhưng không đại gì mà để lộ ra.

Bà Jarvis ở trong nhà ra đón khách và hai người cảnh sát từ trên xe bước xuống. Một người có vẻ là viên đại úy, tên Van Jaarsveld, rất được dân làng quý mến hồi trẻ chơi Rugby có hạng, cựu chiến binh trong thế chiến thứ nhất, Jarvis cho rằng nhà cầm quyền phải lựa rất kỹ các sĩ quan cảnh sát, để phái tới một miền nói tiếng Anh như miền Ixopo này. Hai người cảnh sát có vẻ như lại kiếm ông vì bà vợ đưa tay chỉ lên ngọn đồi. Ông tính trở xuống nhưng còn ngó thung lũng lớn một chút đã. Không một nơi nào mưa cả, mà cũng không có dấu hiệu gì sắp mưa. Ông gọi con chó rồi đi theo con đường dốc đổ xuống một trong sườn đá. Xuống được nửa chừng dốc, tới một bình nguyên nhỏ, ông thấy Van Jaarsveld và Binnendyk đang leo dốc lên kiếm ông, còn chiếc xe thì họ lái trên con đường mòn lỏm chỏm, rồi cho ngừng lại ở mép khu ruộng đương cày. Họ cũng nhìn thấy ông, ông đưa tay vẫy, rồi ngồi xuống một phiến đá để đợi họ. Binnendyk ở lại sau, để một mình viên đại úy tiến lên phía ông.

- Sao, đại úy có đem mưa lại cho chúng tôi không?

Viên đại úy ngừng lại, quay lại ngó về phía thung lũng và dãy núi ở xa.

- Thưa ông, tôi không thấy có đám mây nào cả.

- Tôi cũng vậy. Hôm nay có việc gì mà ông lại kiếm tôi đây?

Hai người bắt tay nhau, viên đại úy nhìn ông.

- Ông Jarvis à!

- Chi vậy?

- Tôi báo tin buồn cho ông.

- Tin buồn?

Jarvis ngồi xuống tim đập mạnh.

- Tin về con tôi hả?

- Dạ.

- Nó chết rồi ư?

- Dạ.

Viên đại úy ngưng một chút rồi nói tiếp:

- Bị một phát súng lục, mất hồi một giờ rưỡi trưa hôm nay ở Johannesburg.

Jarvis đứng dậy, miệng run run hỏi:

- Bị một phát súng lục? Ai bắn?

- Ngờ là một tên trộm bản xứ. Ông biết rằng mợ ấy đi vắng chứ?

- Tôi biết.

- Cậu ấy hơi mệt, nên ngủ ở nhà. Tôi đoán rằng tên bản xứ đó tưởng trong nhà không có ai.

Hình như cậu ấy nghe thấy tiếng động, xuống coi xem có cái gì. Tên bản xứ bắn một phát, chết liền. Không thấy có dấu vết gì chứng tỏ có cuộc vật lộn.

- Trời ơi!

- Thưa ông, tôi thật đau lòng. Đau lòng rằng lại phải báo tin đó cho ông.

Viên đại úy đưa tay ra, nhưng Jarvis lại ngồi xuống phẫn đá, nên không thấy đại úy đưa tay.

- Trời ơi!

Van Jaarsveld đứng yên, trong khi ông già rán nén nỗi khổ tâm.

- Đại úy không cho nhà tôi hay đấy chứ?

- Thưa không.

Jarvis cau mày, nghĩ tới cái việc phải cho vợ hay đó nữa. Ông bảo:

- Nhà tôi không được mạnh. Tôi không biết rồi làm sao chịu nổi tin đó.

- Thưa ông, tôi được lệnh trên bảo phải tận lực giúp đỡ ông mọi việc. Bynnendyk sẽ lái xe đưa ông lại Pietermaritzburg nếu ông muốn. Ông có thể đón chiếc xe tốc hành chạy chín giờ tối và mười một giờ trưa mai tới Johannesburg. Có một toa dành riêng cho ông bà.

- Đại úy thật tốt bụng.

- Thưa ông, ông muốn gì tôi cũng xin tuân ý.

- Mấy giờ rồi.

- Ba giờ rưỡi.

- Cách đây hai giờ.

- Dạ.

- Cách đây hai giờ thì nó vẫn còn sống.

- Dạ.

- Trời ơi.

- Nếu ông muốn đi xe lửa, thì phải đi từ sáu giờ. Hoặc nếu ông muốn thì có thể đi máy bay. Hiện có một chiếc máy bay đợi ông ở Pietermaritzburg. Nhưng phải báo trước cho họ hồi bốn giờ. Đi máy bay thì nửa đêm ông sẽ tới Johannesburg.

- Phải, phải. Lúc này tôi không suy nghĩ gì được cả.

- Dạ, tôi hiểu ạ.

- Đi cách nào hơn?

- Thưa ông, theo ý tôi, đi máy bay hơn.

- Được, vậy chúng tôi sẽ đi máy bay. Ông bảo phải báo trước cho họ ư?

- Khi chúng ta trở xuống nhà ông tôi sẽ báo liền cho họ. Tôi có thể nào kêu điện thoại mà bà nhà không nghe được không? Phải làm gấp đi.

- Được, được. Ông có thể kêu điện thoại mà nhà tôi không nghe thấy được.

- Thôi, chúng mình phải đi về ngay thôi.

Nhưng ông Jarvis vẫn ngồi yên không nhúc nhích.

- Ông Jarvis, ông đứng dậy được không? Tôi muốn đỡ ông dậy. Bà nhà đương ngó chúng ta.

- Đại uý, nhà tôi chắc đương tự hỏi có chuyện gì đây. Dù ở xa như vậy, nhà tôi cũng cảm thấy có cái gì bất thường.

- Có thể như vậy lắm. Chắc bà nhà đã nhận thấy có cái gì trên nét mặt tôi, mặc dầu tôi đã ráng không để lộ ra.

Jarvis đứng dậy.

- Trời, lại có cái việc đó nữa.

Họ xuống con đường dốc, Binnendyk đi trước. Jarvis đi như một người ngây dại, mất hồn. Bầu trời không gợn mây thế kia, mà những việc như vậy xảy ra....

Ông ta hỏi:

- Bắn chết?

- Dạ.

- Bắt được tên bản xứ đó không?

- Thưa chưa.

Nước mắt ông rung rung, Răng ông cắn môi. Ông nói:

- Cấn quá gì.

Họ xuống tới chân đồi, gần tới thửa ruộng. Dù mắt mờ vì lệ, ông cũng thấy lưỡi cày lật các cục đất lên, rồi trượt trên mặt đất cứng như sắt. Ông bảo:

- Thôi Thomas. Đại uý à, vợ chồng tôi chỉ có một mình nó.

- Thừa ông, tôi biết ạ.

Họ leo lên xe, và vài phút sau về tới nhà.

- Anh James, có chuyện chi đó.

- Chuyện buồn mình. Vô phòng giấy với anh. Đại uý kêu điện thoại đi. Biết chỗ đấy chứ?

- Thừa biết.

Viên đại uý đi lại chỗ đặt điện thoại. Đường điện thoại này không tự động; ông nghe thấy hai người hàng xóm đương nói chuyện với nhau. Ông bảo:

- Xin các ông móc lại đi. Ty cảnh sát, có chuyện gấp. Xin móc lại đi.

Ông nhấn chuông liên hồi mà không ai đáp. Ông nghĩ thầm chắc có việc kêu đặc biệt về ty cảnh sát, trên các đường điện thoại thôn quê này. Để xem là chuyện gì. Ông nhấn chuông càng dữ dội hơn nữa.

- Địa phương. Cảnh sát Pietermaritzburg. Việc tối khẩn.

Có tiếng đáp:

- Cho bắt tức thì đây.

Ông nóng ruột đợi, nghe thấy những thanh âm kỳ dị, không hiểu là gì.

Có người nói:

- Cho bắt rồi đấy, với cảnh sát Pietermaritzburg.

Ông bèn cho chỉ thị về vụ máy bay. Tay ông sờ soạng ống nghe thứ nhì, đưa lên tai để khỏi nghe tiếng đàn bà gào khóc.

Chú thích: 1. Tiếng Zulu, đọc gần như: um-num-dan, chữ a cuối cùng gần như âm. Có nghĩa là: ông, ngài.

2. Tức thổ dân Bantu

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 17

Một thanh niên đứng đón họ ở phi trường.

- Thưa, phải ông bà Jarvis đây không?

- Phải.

- Cháu là John Harrison, em của chị Marry. Chắc hai bác không nhớ ra cháu. Lần cuối cùng hai bác gặp cháu thì cháu bé. Để cháu xách đồ tiếp hai bác. Cháu có đem xe lại rước hai bác.

Vừa đi về phía trạm kiểm soát, thanh niên đó vừa hỏi:

- Cháu chẳng cần thưa hai bác cũng biết rằng, gia đình cháu rất đau khổ về chuyện đó. Cháu chưa thấy ai đáng quý như anh Arthur.

Lên xe rồi, chàng nói tiếp:

- Chị Marry và các cháu đều ở nhà ba má cháu, và xin mời hai bác về đó.

- Marry ra sao?

- Chị cháu xúc động ghê gớm, nhưng rất can đảm.

- Thế còn mấy đứa nhỏ.

- Thưa hai bác, hai cháu khóc lóc thảm thiết và chị Marry phải vỗ về, nhờ vậy mà chị tạm quên được nỗi khổ một lát.

Họ không nói thêm gì nữa. Jarvis nắm lấy bàn tay của vợ và mọi người lặng thinh, mỗi người đeo đuổi những ý nghĩ riêng, cho tới khi xe qua cổng rào một ngôi nhà ngoại ô và ngừng lại trước một cái cửa lớn có đèn sáng. Một thiếu phụ nghe tiếng xe, ở trong nhà bước ra, ôm hôn bà Jarvis, rồi hai người cùng khóc với nhau. Rồi nàng qua lại phía ông Jarvis, hai người ôm nhau. Để họ biểu lộ nỗi niềm với nhau rồi, ông bà Harrison mới cùng nhau bước ra, hai bên chào hỏi nhau rồi mọi người cùng vô nhà.

Ông Harrison quay lại hỏi ông Jarvis:

- Anh uống chút gì nhé.

- Vâng.

- Vậy mời anh vô phòng làm việc của tôi.

Vô phòng rồi Harrison bảo:

- Bây giờ xin anh cứ làm theo ý anh. Có việc gì chúng tôi có thể giúp anh được, xin anh cho hay. Nếu anh muốn lại ngay nhà xác thì cháu John sẽ đưa anh đi. Hoặc anh muốn để sáng mai cũng được. Nhân viên cảnh sát muốn được gặp anh, nhưng đêm nay họ không lại làm phiền anh đâu.

- Anh cho tôi hỏi ý nhà tôi đã. Về chuyện đó, chúng tôi chưa bàn tính gì với nhau cả. Anh cứ ngồi đây, để tôi đi kiểm nhà tôi.

- Vâng, tôi ngồi đây đợi anh.

Jarvis thấy vợ và con dâu nắm tay nhau, rón rén từ phòng hai đưa cháu nội bước ra, vì chúng đương ngủ. Ông nói chuyện với bà và bà lại khóc nữa, nép vào mình ông mà nức nở. Bà muốn đi ngay. Ông trở vô với Harrison, uống nốt ly rượu rồi cùng với vợ và con dâu, lên chiếc xe hơi trong đó John đã ngồi chờ sẵn.

Trong khi xe chạy lại phòng Phẫu nghiệm của ty cảnh sát, John Harrison kể cho Jarvis nghe tất cả những gì chàng biết về án mạng đó. Ty cảnh sát đợi người đầy tớ hồi tỉnh và đã cho lùng xét các đồn điền chung quanh Parkwold Ridge. Chàng cũng nói với ông về bài diễn văn, mà Arthur Jarvis đương viết dở khi bị giết, nhan đề là: *“ Sự thật về tình trạng phạm pháp của người bản xứ ”*

Ông Jarvis bảo:

- Bác muốn coi bài đó.

- Sáng mai, cháu sẽ đi lấy đưa bác.

- Cậu John, Arthur với bác không đồng ý kiến với nhau về vấn đề dân bản xứ. Đã mấy lần hai cha con hăng hái thảo luận với nhau. Nhưng bác muốn coi xem nói viết gì.

- Thừa bác, ba cháu và cháu cũng vậy, về vấn đề đó ý kiến mỗi người một khác. Bác ạ, ở Nam Phi này không có người nào suy nghĩ sâu sắc về vấn đề đó, và diễn giải được minh bạch như anh Arthur đâu. Anh thường bảo ở Nam Phi, còn có vấn đề nào đáng suy nghĩ sâu sắc và diễn giải minh bạch bằng vấn đề đó.

Họ tới phòng Phẫu nghiệm, John Harrison ngồi lại trên xe, còn ba người kia vô làm cái việc đau khổ không thể tránh được nọ. Họ lặng lẽ bước ra, hai người đàn bà khóc thút thít và mọi người lặng lẽ trở về nhà. Ông Harrison mở cửa đón họ.

- Anh Jarvis, anh uống thêm ly nữa nhé, hay là muốn đi nghỉ?

Ông Jarvis hỏi vợ:

- Em Margaret, mình muốn anh lên cùng với mình không?

- Không, anh ở lại đây một lát nữa đi.

- Vậy mình lên nhé.

- Dạ.

Bà ôm ông hôn, nín lấy ông một lát.

- Cảm ơn anh đã nâng đỡ em.

Nước mắt bà lại trào ra và mắt ông cũng rung rung. Ông nhìn vợ cùng với con dâu leo cầu thang và khi cửa phòng của bà khép lại rồi, ông cùng Harrison trở về phòng làm việc.

- Người mẹ bao giờ cũng đau khổ nhất, phải không anh Jarvis?

- Vâng.

Jarvis suy nghĩ một chút về điều đó rồi bảo:

- Tôi yêu cháu Arthur lắm. Chưa bao giờ có điều gì ân hận về cháu cả.

Họ lại ngồi xuống uống rượu và Harrison kể cho thông gia nghe, vụ án mạng đó đã làm xúc động mọi người ở Parkwold, và gia đình ông bà nhận được rất nhiều lời chia buồn:

- Từ mọi nơi, mọi hạng người đều gửi lời chia buồn anh ạ. Nhận tiện đây, tôi cho anh hay, chúng tôi tạm định rằng đám tang sẽ cử hành chiều mai, sẽ làm lễ ở giáo đường Parkwold khoảng ba giờ chiều.

Jarvis gật đầu.

- Cảm ơn anh.

- Chúng tôi còn giữ lại tất cả bức thư chia buồn. Có thư của đức Giám mục, của ngài Thủ tướng, của ngài Thị trưởng và mười mấy người khác nữa. Các tổ chức bản xứ cũng gửi thư chia buồn, có một tổ chức tên Con gái Phi Châu và vô số tổ chức khác nữa, tôi nhớ không hết. Rồi còn các người lai, các người Ấn Độ và Do Thái nữa chứ.

Một niềm hân diện buồn thảm dâng lên trong lòng Jarvis.

- Cháu nó thông minh, nhờ di truyền của má nó.

- Quả thực là thông minh. Cháu John vẫn phục cậu ấy. Mà được đủ mọi hạng người yêu quý nhé. Anh biết không, nói tiếng Afrikaans y như người Afrikaaner vậy.

- Tôi nghe nói cháu có học ngôn ngữ đó.

- Tôi chẳng biết chút gì về cái thổ ngữ đó cả, mà tôi cũng chẳng muốn biết. Nhưng cậu ấy bảo cần phải biết mới được, thế là bắt đầu học và vô ở trại ruộng của một người Afrikaaner. Cậu ấy nói được tiếng Zulu, điều đó anh đã rõ, mà còn tính học thêm tiếng Sesuto nữa. Anh biết dân bản xứ có đại biểu ở Quốc hội, nghe đâu như cuộc bầu cử tới, người ta mời cậu ấy ra ứng cử đấy.

- Tôi không hay đấy.

- Ngày nào cậu ấy cũng diễn thuyết, hết chỗ này tới chỗ khác. Anh biết những vấn đề đó chứ: vấn đề phạm pháp của người bản xứ, tình trạng thiếu trường học cho người bản xứ.... Cậu ấy làm rùm beng trên báo chí, về tình trạng trong dưỡng đường cho các bệnh nhân không phải

gốc Âu. Cậu ấy còn bất bình về chính sách giam các phu mỏ bản xứ trong trại lao động. Và đòi toàn thể Quốc hội biểu quyết cho một đạo luật cho vợ con phu mỏ được ở với chồng, cha trong mỏ.

Jarvis vừa chậm rãi nhồi thuốc vào ống điếu, vừa nghe Harrison kể những chuyện đó về con mình mà từ trước ông có biết gì đâu, y như chuyện của một người xa lạ vậy.

Harrison nói:

- Ông Hathaway ở hội mỏ đã kể hết cho tôi nghe, lại yêu cầu tôi khuyên cậu ấy nên có giọng bót hăng đi một chút, vì hăng của cậu ấy thâu nhiều việc cho mỏ lắm. Và tôi đã nói với cậu ấy, tôi bảo rằng tôi biết cậu ấy nhiệt tâm với các vấn đề đó lắm, nhưng nên từ từ một chút, đừng hấp tấp quá. Phải nghĩ tới vợ và con chứ. Tôi không hề nói thay cho Marry, anh hiểu tôi chứ? Tôi không muốn xen vào việc của vợ chồng cậu ấy.

- Tôi hiểu.

- Cậu ấy đáp rằng đã có bàn với Marry rồi, và hai vợ chồng đồng ý với nhau: cái việc vạch thực sự ra còn quan trọng hơn cái việc kiếm tiền.

Harrison kể lại như vậy rồi cười. Sau ông nín bật nhớ lại cảnh buồn thảm trong nhà. Ông bảo:

- Thằng John của tôi cũng có mặt lúc đó, và nó coi Arthur như đức Thượng Đế chí tôn vậy. Như vậy, tôi còn biết nói gì nữa?

Hai người yên lặng hút thuốc một lát. Harrison nói tiếp:

- Tôi có hỏi cậu ấy, các người hùn vốn với cậu ấy nghĩ sao? Vì dù sao, công việc của họ là bán máy móc cho mỏ mà. Cậu ấy đáp: Con đã đem ra bàn với các người hùn vốn, và bảo họ rằng nếu hành động của con gây khó khăn gì cho họ thì con sẽ rút vốn cổ phần ra. Tôi hỏi: Nếu rút vốn cổ phần ra rồi thì làm gì? Cậu ấy đáp: Có việc gì mà con không làm được? Coi nét mặt cậu ấy hăng hái quá. Anh nghĩ coi, tôi còn biết nói thêm gì nữa.

Jarvis không đáp. Vì người con đó của ông như con vẹt xa đàn lới tới những dòng nước xa lạ cha mẹ không hay. Có thể rằng vợ ông biết đấy. Nhưng thực vậy thì ông không thấy gì làm lạ.

Nhưng riêng ông thì chưa khi nào tiến xa như vậy, nên ông không biết nói gì cả.

- Tôi có làm anh chán và mệt không, anh Jarvis? Chắc anh muốn nghe những chuyện khác? Hoặc muốn đi nghỉ?

- Trái lại, xin anh cứ kể.

- Chuyện chỉ có vậy thôi. Cậu ấy và tôi ít khi nói với nhau về những việc đó. Không phải là khu vực sở trường của tôi. Tôi rần rục xử đàng hoàng với dân bản xứ, nhưng nỗi khổ của họ không làm cho tôi mất ăn mất ngủ. Nói thực ra thì những tội ác đó làm cho tôi phần nộ. Anh Jarvis này, anh biết không, lúc này ở Johannesburg làm cho chúng tôi kinh hoàng.

- Vì tội giết người ư?

- Phải, vì tội sát nhân bản xứ. Có quá nhiều vụ ám sát, trộm cướp, hành hung. Tôi nói thực với anh, đêm phải cài cửa thật kỹ rồi mới dám đi ngủ....Cách đây ba nhà, một tội côn đồ đã ủa vô nhà ông Phillipson, đập ông già đó chết ngất rồi hành hung bà vợ nữa. May thay mấy cô con gái, đêm đó đi dự một cuộc khiêu vũ, nếu ở nhà thì có Trời biết được việc gì xảy ra. Tôi có hỏi cậu Arthur nghĩ sao về vụ đó, cậu bảo dù sao chúng ta cũng đáng trách. Tôi không thể nói rằng, tôi luôn luôn hiểu được ý kiến, lý luận của cậu ấy, nhưng cậu ấy có vẻ thành thực. Tôi có cảm tưởng rằng nếu có thời giờ thảo luận, thì có thể thấy cậu ấy có lý ở một điểm nào đó.

Jarvis nói:

- Có một điều tôi không sao hiểu nổi, là tại sao cái đó lại xảy ra chứ?
- Anh muốn nói...sao không xảy ra cho một người nào khác mà lại xảy ra cho chính cậu ấy?
- Vâng.
- Đó chính là một trong những điều chúng tôi tự hỏi trước hết. Cậu ấy ngày này qua ngày khác, chỉ lo thực hiện một thứ sứ mạng nào đó. Mà rồi bị chúng giết.

Jarvis bỗng nghĩ ra, bảo:

- Anh nhận thấy rằng từ hồi nào vẫn xảy ra như vậy. Tôi muốn nói: bao nhiêu nhà truyền giáo đã bị giết rồi đấy.

Harrison không đáp và hai người lặng thinh hút thuốc. Jarvis nghĩ bụng: Một nhà truyền giáo. Gọi con ông là một nhà truyền giáo, ông thấy có vẻ kỳ cục. Từ trước ông vốn không ưa các nhà truyền giáo. Đành rằng Giáo hội trong các nhà đó, tổ chức các cuộc quyên tiền để giúp họ và lần nào ông cũng quyên, nhưng quyên thì quyên, chứ không tin mấy vào công việc truyền giáo. Ở Ndotsheni có một hội Truyền giáo ở gần nhà ông, nhớ lại thấy cảnh thật buồn thảm: một giáo đường nhỏ, cũ kỹ, bẩn thỉu, cất bằng ván và tôn ráp nối, có vẻ như bỏ hoang, có một ông mục sư già nua bẩn thỉu, ở trong một thung lũng hoang tàn lơ thơ mấy ngọn cỏ úa. Có một trường học cũng cũ kỹ, bẩn thỉu, trẻ con lại đó đọc bài như vẹt, đôi khi tình cờ cưỡi ngựa đi ngang qua, ông nghe chúng đọc những câu mà chúng không hiểu nổi.

- Anh Jarvis, anh muốn đi nghỉ chưa? Hay muốn uống thêm một ly nữa?
- Tôi muốn đi nghỉ thôi. Anh bảo sáng mai nhân viên ty cảnh sát sẽ tới hả?
- Vâng, chín giờ sáng.
- Tôi muốn lại coi nhà cháu.
- Tôi cũng nghĩ vậy. Ngày mai chúng tôi sẽ đưa anh đi.
- Vậy, bây giờ tôi đi nghỉ. Anh cho tôi gửi lời chúc chị an giấc nhé.
- Vâng. Anh biết phòng của anh ở đâu không? Và nhớ giờ điếm tâm: tám rưỡi nhé.
- Vâng, tám giờ rưỡi. Chúc anh an giấc. Và cảm ơn anh đã ân cần với chúng tôi.
- Có gì mà ơn với huệ, anh. Có giúp được anh bao nhiêu đi nữa cũng chẳng đáng kể. Chào anh,

tôi mong rằng anh chị sẽ ngủ được.

Jarvis leo cầu thang lên phòng, rón rén bước vô khép cửa lại mà không bật đèn. Ánh trăng chiếu qua cửa sổ, ông đứng lại nhìn ra ngoài trời đất và tất cả những điều ông nghe được buổi tối đó lặng lẽ hiện ra trong óc. Bà vợ trở mình trên giường gọi.

- Anh James.

- Em.

- Anh nghĩ gì đó?

Ông làm thỉnh tìm câu trả lời.

- Nghĩ về tất cả chuyện đó.

- Em cứ tưởng anh không lên đây nữa chứ?

Ông vội vàng lại gần vợ, nắm lấy bàn tay bà.

- Bọn anh nói chuyện về con. Nói về tất cả những chuyện nó đã làm và rán làm. Về tất cả các người buồn rầu về tin đó.

- Anh kể lại cho em nghe đi.

Và ông nói nho nhỏ, kể lại hết những điều ông đã nghe. Bà hơi ngạc nhiên vì tính ông vốn ít nói, chưa bao giờ ông nói nhiều như hôm nay. Đêm nay ông kể hết cho bà nghe, những điều ông Harrison đã nói với ông.

Bà thủ thỉ:

- Em lấy làm hãnh diện về con.

- Nhưng từ trước em vẫn biết rõ nó như vậy mà.

- Vâng em biết.

- Anh cũng biết nó là người đàng hoàng. Nhưng em vẫn gần nó hơn anh.

- Mẹ bao giờ cũng dễ gần con hơn.

- Anh cũng nghĩ vậy. Nhưng bây giờ anh ân hận rằng trước kia không được biết rõ nó hơn. Em thấy đấy, tất cả những vấn đề nó lưu tâm tới đó, có bao giờ anh nghĩ đến đâu.

- Em cũng vậy anh ạ. Đời sống của con khác hẳn với đời sống chúng mình.

- Đời sống đó đẹp về mọi mặt.

Ông ngồi mà bà nằm, hai người lặng thinh, mỗi người có những ý nghĩ riêng, hồi ký riêng, nỗi buồn riêng.

Ông nói tiếp:

- Đời của con khác hẳn đời chúng mình, mà trước kia em cũng hiểu được.

- Vâng.

- Còn anh, anh ân hận rằng trước kia anh không hiểu được.

Rồi ông nói thêm giọng rất nhỏ:

- Trước kia anh không ngờ rằng hiểu đời con là điều quan trọng tới bậc đó.

- Mình ơi, mình...

Bà ôm lấy người ông mà khóc.

Ông vẫn nói rất nhỏ:

- Có một điều anh không hiểu nổi là tại sao, chính nó lại bị như vậy...

Bà nằm suy nghĩ về lời ông mới nói, nỗi đau khổ của bà thật là đứt ruột, không sao chống lại được. Bà ôm lấy ông, chặt hơn nữa, bảo:

- Thôi, rán ngủ đi anh James...

ALAN PATON

KHỐC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Cuốn Hai - Chương 1

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“ Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“ Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“ Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“ Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây

nữ sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai

thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn cang đáng thì cang đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tuỳ ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta

phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điều vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõ nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ủa vô. Thấy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời băng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thấy cảnh sát thở dài, vờn vai.

Chú thích:

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 2

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn càng đáng thì càng đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Tang lễ ở giáo đường Parkwold đã gần chấm dứt. Giáo đường đó nhỏ quá so với số người tới

dự. Có đủ người da trắng, da đen, Ấn Độ. Lần đó là lần đầu tiên ông bà Jarvis ngồi trong một giáo đường lẫn lộn với những người không phải da trắng. Chính đức Giám Mục cất tiếng nói, những lời làm người nghe đau lòng, nhưng cũng làm cho tâm hồn họ cao thượng hẳn lên. Chính ông cũng bảo rằng con người không hiểu được những điều bí ẩn này: “ Tại sao mà một thanh niên tương lai hứa hẹn như vậy lại lìa đời giữa tuổi xuân, để lại vợ goá và con cô. Tại sao xứ này lại bị cướp mất một người con có thể phụng sự đất nước như vậy ”. Khi nói về Nam Phi, giọng ông cất cao lên, lời lẽ cao đẹp, Jarvis ngồi nghe mà say mê, quên được một lát nỗi đau lòng của mình. Đức Giám Mục bảo rằng thế là đã có một cuộc đời hy sinh cho Nam Phi, cuộc đời của một người thông minh, can đảm mà tình nhân ái đã thắng được sợ sệt; Jarvis cảm thấy hãnh diện về người con của ông mà trước kia ông không hiểu.

Cuộc lễ chấm dứt. Những cánh cửa bằng đồng đen lặng lẽ mở ra, chiếc quan tài lặng lẽ đưa vào lò để thiêu thành tro. Có những người mà Jarvis không quen biết lại bắt tay ông, người thì nói vài lời chia buồn theo tục lệ, người thì chỉ nói về con ông thôi. Có cả người da đen - phải, cả người da đen nữa – cũng lại chia buồn với ông, và lần này là lần đầu tiên ông bắt tay người da đen.

Họ trở về nhà ông bà Harrison nghỉ đêm tại đó, cái đêm mà ai cũng cho là đêm đau khổ nhất đây. Đối với Margaret thì chắc chắn là như vậy rồi; ông sẽ không để bà lên phòng ngủ một mình nữa. Nhưng đối với ông thì việc như vậy là xong, ông có thể ngồi trong phòng làm việc của Harrison uống ly huyết-ki, hút còi thuốc và nói về bất kỳ chuyện gì mà Harrison thích, cả về chuyện con ông nữa.

- Anh Jarvis, anh tính ở lại đây bao lâu nữa. Chúng tôi mong anh chỉ ở lại càng lâu càng tốt.
- Cảm ơn anh, tôi đoán rằng nhà tôi muốn ngày mai về với Marry và các cháu, và chúng tôi thu xếp để người con trai một ông láng giềng lại ở với họ. Thanh niên đó dễ thương, mới giải ngũ. Còn tôi thì sẽ ở lại đây ít bữa để thu xếp công việc của Arthur, ít nhất là cho xong mấy việc cần giải quyết ngay.

- Anh thứ lỗi cho nhé, ty cảnh sát nói gì về vụ đó.

Họ còn đòi cho người đầy tớ hồi tỉnh lại. Họ hy vọng rằng nó có thể nhận diện được một đứa. Họ bảo nếu không nhận diện được thì sẽ khó tìm được thủ phạm lắm. Việc xảy ra mau quá. Họ cũng hy vọng rằng có một người nào đó thấy chúng từ trong chạy ra. Vì người ta nghĩ rằng lúc đó chúng tất hoảng hốt, xúc động mạnh, đáng đi chắc không bình thường.

- Tôi cầu trời cho bắt được chúng. Rồi treo cổ cả bọn chúng lên. Xin lỗi anh nhé.

- Tôi hiểu anh lắm.

- Chúng tôi ở đây không được yên ổn, anh ạ. Tôi cũng không biết, treo cổ chúng hết rồi chúng tôi sẽ có được yên ổn hay không nữa. Đôi khi tôi có cảm tưởng rằng điều đó làm cho chúng tôi chùng hững, không sao hiểu nổi.

- Tôi hiểu anh muốn nói gì. Còn tôi thì....tôi cho rằng còn sớm quá, chưa nghĩ tới điều đó được.

- Tôi hiểu ý anh. Tôi hiểu - ngờ rằng hiểu. Khía cạnh đó không phải là khía cạnh làm anh xúc động hơn hết. Ở vào địa vị anh có lẽ tôi cũng như anh. Tôi thực không biết.

- Chính tôi cũng không biết nữa. Anh có lý, quả thực tôi cũng không cho khía cạnh đó là quan trọng, ít nhất là lúc này. Nhưng tôi thấy là rõ ràng vấn đề đó hiện có một khía cạnh khác.

- Chúng tôi đương vận động đòi chính phủ tăng cường lực lượng cảnh sát. Tối mai sẽ có một cuộc mít tinh lớn ở Parkwold. Dân chúng khu này sôi nổi bất bình. Anh biết không, anh Jarvis, không có một chủ nhà nào trong khu ngoại ô này biết rõ được có những ai ở trong nhà dưới của mình. Tôi không chịu như vậy. Tôi bảo bọn đầy tớ của tôi rằng tôi không muốn thấy người lạ lảng vảng quanh nhà tôi, nhất là không cho họ ngủ trong nhà tôi. Chồng chị bếp thỉnh thoảng về đây thăm vợ, anh ta làm ở Benoni, hay Springs hay một nơi nào khác, chị ta tiếp đón chồng đàn ông hoàng và tôi cho phép vô. Nhưng kẻ nào khác thì nhất định là không được với tôi. Nếu tôi không coi chừng thì nhà tôi sẽ đầy anh em chú bác của họ, mà hầu hết là bọn vô lại.

- Vâng, tôi cũng nghĩ rằng ở Johannesburg chắc phải như vậy.

- Rồi còn những đường mương xưa dùng làm cống ở sau nhà nữa. Chúng tôi đã yêu cầu cho lấp lại, vì bây giờ đã có hệ thống ống cống đàn ông hoàng rồi. Những đường mương đó sâu tối, nguy hiểm, làm chỗ ẩn náu cho bọn du đảng. Có Trời mới biết được xứ này sẽ ra sao. Anh Jarvis, tôi không phải là người căm thù tội da đen. Tôi rán cư xử tử tế với họ, trả công họ xứng đáng, cho họ một căn phòng sạch sẽ, thời giờ nghỉ ngơi vừa phải. Bọn gia nhân của chúng tôi làm cả mấy năm với chúng tôi. Nhưng bọn bản xứ nói chung đương thoát ly chúng ta. Anh có biết không, họ bắt đầu thành lập nghiệp đoàn rồi đấy.

- Tôi không hay đấy.

- Nó vậy đấy. Chúng dọa đình công trong mỏ ở đây này, đòi tăng tiền công lên mười si-linh. Hiện nay họ lãnh khoảng ba si-linh một phiên (1) và vài mỏ sắp phải đóng cửa. Họ sống trong những trại rất đàn ông hoàng, có vài trại rất tân thời mà chính tôi đây cũng chịu ở nữa. Họ được ăn uống đủ bổ hơn ở nhà họ nhiều, đau ốm thì được săn sóc khỏi phải trả tiền, rồi còn nhiều tiện nghi nữa sao mà biết hết được. Tôi nói thực với anh này, nếu phí tổn cứ tăng lên nữa thì sẽ phải đóng cửa hết các mỏ và lúc đó xứ Nam Phi này mới ra sao? Chính tại bản xứ mới ra sao? Sẽ có cả ngàn đứa sẽ chết đói cho mà coi.

John Harrison bước vô, hỏi:

- Con vô được không ba, con không quấy rầy ba chứ?

Harrison đáp:

- Ngồi xuống đó John.

Thanh niên đó ngồi xuống và cha của cậu đương hăng hái nhiệt liệt, tiếp tục trình bày thuyết của mình.

- Và bọn nông dân mới ra sao, anh Jarvis? Thực phẩm đem bán ở đâu, ai có tiền đâu mà mua? Chính phủ lấy tiền đâu mà trợ cấp cho họ? Cũng sẽ không còn kỹ nghệ nữa; kỹ nghệ tùy thuộc vào mỏ, vì có mỏ thì người dân mới có tiền mua sản phẩm của kỹ nghệ. Mà cái chính quyền của chúng ta này cứ bóp nặn của mỏ, mỗi năm lạnh lùng rút tĩa bảy chục phần trăm số lời của mỏ. Nhưng nếu không có mỏ thì sẽ ra sao? Một nửa số dân Afrikaaner này thất nghiệp. Sẽ không còn công sở, công chức gì nữa. Một nửa này cũng sẽ thất nghiệp nữa.

Ông ta rút thêm huýt ki cho ông thông gia, và cho mình rồi nói tiếp:

- Tôi nói thực với anh, không có mỏ thì không có Nam Phi. Chỉ còn cách cuốn gói và trả xứ này cho dân bản xứ. Cái đó làm cho tôi nổi giận lên mỗi khi có ai mạt sát mỏ. Nhất là tụi Afrikaaner. Họ điên khùng nghĩ rằng chủ mỏ là người xứ lạ tới hút mủ hút máu rồi tới khi rút tĩa hết rồi, con gà không còn đẻ trứng vàng nữa thì sẵn sàng rút lui. Tôi, tôi nói thẳng với anh rằng phần lớn các cổ phần mỏ ở trong tay những người ở tại đây; mỏ là mỏ của chúng tôi. Nghe những lời vu cáo như vậy tôi bức mình muốn phát đau lên anh ời. Một chính phủ Cộng Hòa! Nếu thành chính phủ Cộng Hòa thì chúng ta sẽ ra sao?

- Anh Harrison ạ, tôi đi nghỉ đây. Tối nay tôi không muốn để nhà tôi trên lầu một mình.

- Xin lỗi anh nhé. Tôi nói hăng quá không tự ngăn lại được.

- Có gì mà anh phải xin lỗi. Nghe anh nói tôi thấy thích chứ. Tôi ít nói, chứ không phải là vì tôi không thích. Tôi tin chắc rằng anh hiểu rõ.

Harrison nói nhỏ nhẹ, khiêm tốn:

- Bậy quá, bậy quá. Tôi đã hăng quá, không tự chủ được.

Jarvis bảo:

- Anh ạ, tôi thành thực đấy khi tôi bảo rằng nghe anh nói, tôi thấy thích. Tôi thích thật mà.

Ông nhìn hai cha con Harrison:

- Tôi đâu có chịu được cái việc ngồi nói chuyện cả giờ về tang tóc, chết chóc.

Harrison nhìn ông ta mà có vẻ ngượng:

- Thực là anh làm cho tôi yên lòng.

Jarvis bảo:

- Giá có cháu ở đây tối nay để được nghe cháu thảo luận với anh.

John Harrison hăng hái nói xen vào:

- Vâng, nghe anh ấy thảo luận, bác sẽ thích lắm. Cháu chưa thấy người nào bàn về vấn đề đó mà

hay như ảnh.

Harrison hết ngượng bảo:

- Tôi không đồng ý với cậu ấy, nhưng tôi rất chú ý tới lời cậu ấy nói.
- Vâng, cháu là một người đàn ông hoàng, tốt. Tôi không ân hận gì về cháu cả. Chúc anh ngon giấc, anh Harrison.
- Vâng, chúc anh ngon giấc. Đêm qua anh chị ngủ được không?
- Hai đứa chúng tôi chợp mắt được một chút.
- Tôi mong rằng đêm nay, anh chị ngủ được nhiều hơn. Xin anh chị nhớ cho nhà này cũng như nhà của anh chị nhé.
- Cảm ơn anh. Này, cháu John?
- Thừa bác hỏi chi?
- Cháu biết cái Câu lạc bộ Thanh niên, đường Gladiolus, ở Claremont không?
- Cháu biết rõ lắm. Hội của chúng cháu, của anh Arthur và cháu đấy.
- Bác muốn lại chơi. Lúc nào tiện cho cháu....
- Cháu rất sung sướng được đưa bác đi. Vội lại...
- Vội lại cái gì?
- Vội lại cháu muốn thưa với bác rằng khi ba cháu nói về các người Afrikaaner là muốn nói về phái Quốc Gia (2) đấy. Anh Arthur hồi trước luôn luôn nói với ba cháu vậy. Và ba cháu cũng nhận vậy, nhưng cơ hồ như đã quên rồi.

Jarvis mỉm cười nhìn cậu ta rồi nhìn cha cậu. Ông bảo:

- Được một điểm tốt rồi đấy. Chúc anh và cháu yên giấc.

Sáng hôm sau, Harrison đứng đợi khách ở chân cầu thang bảo:

- Mời anh vô phòng làm việc của tôi.

Khi họ vô phòng rồi, Harrison khép cửa lại:

- Ty cảnh sát mới kêu điện thoại cho hay, người đầy tớ đó sáng nay đã hồi tỉnh. Anh ta bảo đúng là có ba đứa. Chúng cột khăn che từ mũi trở xuống để khỏi bị nhận diện, nhưng anh ta biết chắc rằng cái thằng đập anh ta té bất tỉnh là một tên làm vườn cũ của Marry. Marry đã đuổi nó đi vì một chuyện gì đó. Anh ta nhận ra được nó, vì nó vì nó có tật giật giật ở mắt. Khi thằng đó thôi làm ở chỗ Marry, nó kiếm một việc trong một hãng dệt ở Doorfontein. Rồi nó lại bỏ hãng dệt, không biết đi đâu. Nhưng người ta biết được nhiều chi tiết về một đứa bản xứ khác chơi thân với nó. Hiện người ta đang lùng kiếm thằng này, mong rằng nó có thể chỉ chỗ bắt tên làm vườn kia. Chắc là chúng đang bôn tẩu.
- Vâng.
- Đêm qua anh chị ngủ được không?

- Nhà tôi ngủ rất say. Giấc ngủ cần thiết cho nhà tôi lắm.

- Vâng. Thôi mời anh đi ăn sáng.

Ăn sáng xong, Jarvis trở vào phòng làm việc đọc bản thảo của con. Trước hết ông lật tới trang cuối, đau lòng đọc đoạn viết dở. Có thể nói đó là việc cuối cùng con ông đã làm. Khi viết những dòng đó thì con ông còn sống. Rồi đúng cái lúc đó, đúng cái lúc viết cái chữ như lơ lửng trong không trung đó, thì con ông đứng dậy đi xuống cầu thang để đón cái chết. Nếu lúc đó có ai la lên: “Đừng xuống”. Nếu có ai la lên được rằng: “ Ngừng lại, nguy tới tánh mạng đấy...”. Nhưng không có ai ở đó để la lên cả. Lúc đó không ai có thể biết được cái điều mà bây giờ mọi người đều biết.

Nhưng những ý nghĩ đó chẳng có ích lợi gì cả, ông không có thói quen nghĩ ngợi triền miên về cái điều đã có thể xảy ra, nhưng lại không xảy ra. Không có lợi ích gì cả, mà tưởng tượng rằng nếu lúc đó có một người nào ở đấy thì người này đã có thể ngăn không cho việc đó xảy ra, vì việc đó sở dĩ xảy ra được chỉ vì không ai ngăn lại. Vì đau khổ nên người ta hoá ra lẩn thẩn, nghĩ ngợi vớ vẩn như vậy. Ông lúc này muốn tìm hiểu con ông, chứ không ước ao một điều viển vông. Vì vậy ông rón đọc chậm chậm đoạn cuối cùng, đọc bằng trí óc chứ không bằng con tim, để hiểu cho được kỹ.

“ Sự thực nền văn minh Ki Tô giáo của chúng ta đầy những mâu thuẫn nan giải. Chúng ta tin ở tình huynh đệ của con người, mà ở Nam Phi này chúng ta lại không muốn có tình đó. Chúng ta tin rằng Thượng Đế ban cho loài người nhiều thiên tư, mà đời sống con người có phong phú hay không là nhờ cách dùng và hưởng những thiên tư đó. Nhưng chúng ta lại sợ không dám nghiên cứu sâu sắc lòng tin đó. Chúng ta tin rằng phải giúp đỡ các huynh đệ hạ đẳng mà chúng ta lại muốn họ ở hoài cái tình trạng hạ đẳng. Như vậy, để nuôi ảo tưởng rằng mình là những người theo Ki Tô giáo, chúng ta quy cho Thượng Đế toàn năng, đáng tạo ra vũ trụ, những ý phạm nhân của chúng ta, và bảo rằng vì người sanh ra giống người da trắng và giống người da đen, thì dĩ nhiên Ngài tán thành những hành động nào của con người có mục đích ngăn cản bước tiến của người da đen. Thậm chí chúng ta còn quy cho ngài cái ý tạo ra người da đen để cưa cuỉ xách nước cho người da trắng nữa. Thậm chí chúng ta còn tưởng tượng rằng Ngài ban phước cho những hành động nào nhằm mục đích ngăn cản các người da đen phát triển đầy đủ những thiên tư Ngài đã ban cho họ. Chúng ta dùng những luận điệu như vậy và những luận điệu khác hoàn toàn vô lý để biện hộ cho những hành động đàn áp của mình. Chúng ta bảo rằng sở dĩ chúng ta từ khước sự giáo dục các trẻ em da đen, vì chúng không đủ thông minh để hưởng cái lợi của sự giáo dục; chúng ta không cho họ có cơ hội phát triển thiên tư vì lẽ họ không có

thiên tư; chúng ta biện hộ cho hành vi của mình, mà bảo rằng chúng ta đã mất mấy ngàn năm mới tiến tới trình độ văn minh như ngày nay, có diên khùng mới nghĩ rằng người da đen có thể tiến mau hơn được, mà như vậy thì việc gì phải gấp. Rồi tới khi thấy một người da đen là được một điều gì đáng phục thì chúng ta lại đổi luận điệu, làm bộ thương hại số phận cô độc của những người xuất chúng và chúng ta tuyên bố rằng, ngăn cản người da đen đừng để cho họ thành những người siêu việt tức là có lòng nhân từ Ki Tô giáo đối với họ đấy. Thành thử Thượng Đế của chúng ta chỉ là một đấng hàm hồ, mâu thuẫn, cho người da đen có thiên tư rồi lại cấm họ dùng những thiên tư đó. Như vậy nền văn minh của chúng ta có đầy những mâu thuẫn nan giải, thì có gì là lạ? Sự thực là nền văn minh của chúng ta chẳng có gì là Ki Tô giáo cả, nó là một sự hỗn hợp bi đát, gồm một lý tưởng cao cả lẫn lộn với một sự thực hành nhút nhát, một niềm xác tín cao cả lẫn lộn với một niềm ưu lự tuyệt vọng, một tình nhân ái bao la lẫn lộn với lòng tham lam chụp giật mà sợ sệt. Xin cho tôi một phút...”

Jarvis xúc động mạnh mẽ, mà không biết có phải là di bút của con ông, gần như là hành động cuối cùng của con ông không. Hay là vì lời văn có cái gì hay chẳng, ông cũng không biết nữa. Trong đời ông, có mấy khi thưởng thức, phê phán văn chương đâu. Hay là vì ý tưởng có gì đẹp chẳng, ông đâu có thường nghiên cứu những vấn đề đặc biệt đó mà biết được. Ông đứng dậy, leo cầu thang lên phòng riêng, mừng rằng không có vợ ông ở trong phòng vì ông không muốn dòng suy tư của ông bị đứt quãng. Ông cầm lấy cuốn Abraham Lincoln rồi lại trở xuống phòng làm việc, mở ra đọc bài diễn văn khai mạc thứ nhì của vị Tổng thống siêu việt đó. Ông đọc trọn bài, tâm hồn bỗng cao thượng lên, ông thấy trong đó có một cái gì bí mật hé mở ra như một con đường mòn đã đứt quãng nay lại thấy khúc nối. Ông lại được hiểu biết thêm một người xa lạ, tức con ông. Ông bắt đầu hiểu tại sao con ông lại treo tấm hình của vĩ nhân đó, tại sao có nhiều sách viết về vĩ nhân đó như vậy.

Ông cầm trang bản thảo lên để nghĩ tới con, chứ không phải để cân nhắc lời văn cùng tư tưởng. Ông ngó hàng cuối cùng:

“ Xin cho tôi một phút....”

Thế rồi hết. Những ngón tay đó không còn viết thêm gì nữa. Xin cho tôi một phút, tôi nghe thấy tiếng động trong bếp. Cho tôi một phút để tôi đi đón cái chết. Cho tôi cả ngàn phút đi, tôi không bao giờ trở lại nữa đâu.

Jarvis gạt bỏ ý nghĩ đó đi, đánh quẹt đốt thuốc rồi sau khi đọc hết bản thảo, vừa hút thuốc vừa miên man suy nghĩ.

- Anh à.

Ông giật mình.

- Cái gì đó, mình?

- Anh không nên ngồi một mình như vậy.

Ông mỉm cười với vợ:

- Anh đâu có tính hay lo nghĩ phiền muộn mà mình ngại.

- Thế anh ngồi làm gì đó?

- Anh suy tư, chứ không lo nghĩ. Anh đọc, đọc cái này.

Bà vợ cầm lấy mấy trang bản thảo, ngó qua rồi ép vào ngực.

Ông nhỏ nhẹ bảo:

- Em nên đọc đi, đáng đọc đấy.

Bà ngồi xuống để đọc, còn ông thì nhìn bà, biết vợ sắp làm cái gì đây. Bà ngó trang cuối cùng, đọc hàng cuối cùng: “ Xin cho tôi một phút...” Bà nhìn kỹ hàng chữ đó. Rồi bà quay lại ngó ông, muốn nói gì đó; ông nghe bà nói:

- Đau khổ dễ gì mà quên được.

Chú thích:

1. Thợ mỏ thay phiên nhau làm suốt ngày đêm, mỗi phiên tám giờ, kể như một ngày công. Ba si-ling một phiên tức là tiền công một ngày.

2. Đảng phái kỳ thị chủng tộc, chủ trương đàn áp người da đen.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 3

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn càng đáng thì càng đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thảo nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Ở phía đầu phòng xử án, kê một cái ghế bành cao để quan Chánh thẩm ngồi. Ở dưới chân bục,

có một cái bàn để cho các ông lục sư, bên phải và bên trái bàn đó kê nhiều chiếc ghế nữa. Một số những ghế này gom lại thành một nhóm riêng và được rào lại: chỗ đó dành cho đoàn phụ thẩm nhân dân khi nào cần. Đối diện bàn đó có mấy cái ghế và bàn cong theo hình bán nguyệt để cho các luật sư ngồi. Sau hình bán nguyệt đó, là cái ghế dài cho các bị cáo ngồi, với một lối đi đưa tới một cầu thang xuống hầm. Từ dưới hầm người ta dẫn những người bị xử lên. Phía cuối phòng xử có mấy dãy ghế, dãy sau cao hơn dãy trước để công chúng ngồi, người Âu ngồi các dãy bên mặt, người không phải gốc Âu thì ngồi các dãy bên trái đúng theo tục lệ.

Trong phòng xử không được hút thuốc, không được nói lớn hoặc thì thầm hay cười. Ăn bận phải đàng hoàng; đàn ông phải bỏ nón ra, trừ khi theo một tôn giáo không cho phép bỏ nón. Như vậy để tỏ thái độ tôn trọng quan Chánh thẩm, tôn trọng Anh Hoàng đã trao quyền cho quan Chánh thẩm, tôn trọng Luật pháp mà quan Chánh thẩm thi hành và tôn trọng Quốc dân đã đặt ra Luật pháp. Khi quan Chánh thẩm bước vô thì mọi người phải đứng dậy, đợi ông ngồi xuống thì mới được ngồi. Khi quan Chánh thẩm bước ra, mọi người cũng đứng dậy đợi ông ra khỏi rồi mới được ra. Như vậy để tỏ thái độ tôn trọng quan Chánh thẩm và Luật pháp mà ông thi hành.

Vì quan Chánh thẩm có một nhiệm vụ rất quan trọng: phán quyết và tuyên án, cả những án tử hình. Vì quyền cao chức trọng đó mà người ta gọi các vị Chánh thẩm đó là Ngài và trong các buổi lễ lớn, được đứng trước ngồi trên các người khác. Các vị đó được mọi người cả da trắng lẫn da đen tôn kính. Trong cái xứ có không khí sợ hãi này, một vị Chánh thẩm phải là một người vô úy, thì việc xử án mới được chính trực, đúng Pháp Luật được. Một vị Chánh thẩm phải rất mực thanh liêm.

Các vị Chánh thẩm không làm Luật, Quốc dân mới làm Luật. Có khi một đạo Luật có thể bất công, nhưng bốn phận của các vị Chánh thẩm là phán quyết đúng theo Luật, áp dụng Luật pháp dù nó bất công.

Bốn phận của vị Chánh thẩm là phán quyết theo Luật, chỉ có Quốc dân làm Luật mới có bốn phận phải công bằng. Do đó, nếu một vụ án xử đúng Luật mà không công bằng thì trách nhiệm không về Chánh thẩm mà về Quốc dân, nghĩa là về người da trắng, vì chính người da trắng làm ra Luật, chứ không phải người da đen.

Ở Nam Phi người ta rất hãnh diện về các vị Thẩm phán, vì người ta tin rằng các vị đó thanh liêm. Ngay những người da đen cũng tin ở sự công tâm của các vị đó mặc dầu không tin vào sự công bằng của Pháp luật. Trong một xứ có cái không khí sợ hãi thì đức liêm khiết như một ngọn đèn đặt trên một cái bệ cao chiếu sáng chung cho mọi người trong nhà.

Có lời yêu cầu yên lặng và mọi người đứng cả dậy. Dù trong phòng này có bị nào chức lớn hơn

ông Chánh thẩm thì vị đó cũng đứng dậy, vì sau ông Chánh thẩm còn có Luật pháp đáng tôn trọng hơn bất kỳ người nào. Ông Chánh thẩm bước vô với hai ông Phụ thẩm: họ ngồi xuống và công chúng ngồi xuống theo. Phiên toà bắt đầu.

Từ dưới hầm người ta dẫn lên ba người bị đem ra xử trong phiên toà đó và mọi người chăm chú nhìn họ....Có người thấy rằng họ có bộ mặt sát nhân, lại còn thì thầm với nhau như vậy nữa, mặc dù ở đây cấm thì thầm. Có người không thấy họ có bộ mặt sát nhân chút nào. Có người lại thấy tên này có vẻ sát nhân, tên kia không.

Một người da trắng đứng dậy, tuyên bố rằng ba người đó bị buộc tội cố sát Arthur Trevelyan Jarvis, trong nhà ông này ở đường Planlation, Parkwold, Johannesburg, ngày thứ ba mùng tám tháng mười, năm 1946, vào lúc xế trưa. Bị cáo thứ nhất tên là Absalom Kumalo, bị cáo thứ nhì là Matthew Kumalo, bị cáo thứ ba là Johannes Pafuri. Người ta hỏi họ nhận tội hay không nhận tội. Bị cáo thứ nhất nhận có giết nhưng không cố ý giết. Bị cáo thứ nhì bảo mình không có tội và bị cáo thứ ba cũng vậy. Mỗi lời tuyên bố và câu hỏi đều dùng bằng tiếng Anh và tiếng Zulu để cho ba bị cáo hiểu. Vì tuy Pafuri không phải là người Zulu nhưng bảo rằng hiểu tiếng Zulu. Vị luật sư, người da trắng vì Chúa mà biện hộ cho chuyện này, bảo rằng Absalom Kumalo sẽ nhận tội sát nhân chứ không cố sát vì không có ý muốn giết người. Nhưng ông Chương lý bảo không thể như vậy được: đây không phải là vụ xử tội sát nhân vì bị can bị buộc tội là cố sát. Như vậy thì Absalom Kumalo cũng bảo rằng không có tội, như hai bị can kia.

- Rồi khi đã lập chương trình hành động rồi, anh quyết định ngày mùng tám tháng mười sẽ thi hành hả?

- Dạ.

- Tại sao anh lựa ngày đó?

- Johannes bảo ngày đó trong nhà không có ai.

- Johannes nào? Phải, Johannes Pafuri không?

- Dạ phải, Johannes Pafuri bị cáo cùng với tôi đây.

- Và lựa giờ đó: một giờ rưỡi trưa hả?

- Dạ.

- Lựa giờ đó không bậy sao? Giờ đó người da trắng thường về nhà dùng bữa trưa mà?

Bị cáo làm thỉnh.

- Tại sao anh lại lựa giờ đó?

- Chính Johannes lựa giờ. Nó bảo rằng có một tiếng nói xúi nó lựa giờ đó.

- Tiếng nói nào?

- Cái đó, tôi không biết.

- Tiếng nói của tội ác hả?

Bị cáo lại làm thinh không đáp.

- Rồi cả ba người đi lại phía cửa sau của ngôi nhà hả?

- Dạ.

- Anh và cả hai người bị cáo kia nữa, phải không?

- Dạ, tôi với chính hai người đó.

- Rồi sao nữa?

- Rồi chúng tôi buộc khăn mùi xoa để che phía miệng.

- Rồi sao nữa?

- Rồi chúng tôi vô nhà bếp.

- Lúc đó có ai trong nhà bếp?

- Có người bồi trong đó.

- Phải Richard Mpiring không?

- Tôi không biết tên anh ta.

- Phải người này không?

- Dạ, chính người đó.

- Rồi sao nữa? Kể hết cho toà nghe đi.

- Người đó sợ. Chú ta thấy cây súng sáu của tôi. Chú ấy đứng dựa vào chỗ rửa chén, chú ấy đương rửa chén thì chúng tôi vô. Chú ấy hỏi: “ Các người muốn gì? ”. Johannes bảo: “ Muốn tiền bạc quần áo ”. Chú ấy bảo: “ Không được làm cái trò đó ”. Johannes bảo: “ Mà muốn chết không? ”. Chú đó sợ rồi bỗng la lớn lên: “ Ông chủ, ông chủ! ”. Rồi Johannes vung cây gậy sắt thu thu ở sau lưng đập lên đầu chú ta.

- Đập mấy cái?

- Một cái thôi.

- Rồi người đó có la lên nữa không?

- Không la một tiếng nào nữa.

- Rồi các anh làm gì?

- Chúng tôi làm thinh, Johannes bảo phải im.

- Các anh làm gì nữa? Nghe ngóng chứ?

- Chúng tôi nghe ngóng.

- Nghe thấy gì không?

- Thừa không.

- Cây súng lục của anh lúc đó ở đâu?

- Ở trong tay tôi.

- Rồi thì sao?
- Rồi thì một người da trắng tới hành lang.
- Rồi sao nữa?
- Tôi sợ, tôi nổ súng.
- Rồi sao nữa?

Tên bị cáo ngó xuống sàn nói:

- Người da trắng gục xuống.
- Rồi sao nữa?
- Johannes vội vàng bảo: “ Phải đông đi thôi ”, và chúng tôi hấp tấp rút lui.
- Ra cửa sau.
- Dạ.
- Rồi băng qua con đường, vô sở trờng cây?
- Dạ.
- Lúc đó cùng chạy với nhau không?
- Không, tôi chạy theo phía tôi.
- Anh gặp lại người kia hồi nào?
- Ở nhà Baby Mkize.

Nhưng viên Chánh Thẩm ngắt lời

- Ông Chương Lý, xin ông cho tôi hỏi bị cáo thứ nhất một vài câu đã, rồi ông sẽ tiếp tục lấy khẩu cung.

- Xin vâng ý ngài.
- Tại sao anh mang theo khẩu súng lục đó?
- Để dọa người bồi trong nhà.
- Nhưng tại sao anh lại có được súng lục?

Làm thỉnh.

- Phải trả lời câu hỏi của tôi chứ.
- Người ta bảo tôi nên có súng lục.
- Ai bảo anh?
- Không, người ta bảo tôi rằng Johannesburg là nơi nguy hiểm.
- Người ta là ai?

Lại làm thỉnh.

- Phải người ta đó là hạng người chuyên làm cái việc ăn trộm ăn cướp đó không?
- Thừa không phải.
- Thế thì là ai?

- Tôi không nhớ rõ. Có lần ở một chỗ nào đó tôi nghe thấy nói vậy.
- Có phải muốn nói rằng trong một cuộc hội họp đông đảo nào đó có người bảo: Johannesburg là một nơi nguy hiểm, phải có súng lục mới được, phải anh muốn nói vậy không?
- Dạ thưa phải, tôi muốn nói vậy.
- Và anh biết rằng súng của anh nạp đạn sẵn rồi chứ?
- Dạ tôi biết.
- Nếu anh mang súng chỉ để dọa người ta thôi thì tại sao lại nạp đạn sẵn.

Thanh niên đó làm thinh.

- Vậy là anh sẵn sàng để bóp cò hả?
- Thưa không, tôi không có ý định muốn bắn một người đảng hoàng. Tôi định chỉ khi nào người ta bắn tôi, tôi mới bắn lại.
- Một cảnh sát trong khi thi hành phận sự mà bắn anh thì anh có bắn lại không?
- Không, tôi không bắn cảnh sát.

Viên Chánh Thẩm làm thinh. Mọi người im lặng. Rồi ông nghiêm nghị hỏi:

- Thế người da trắng mà anh bắn đó không phải là một người đảng hoàng sao?

Bị cáo lại ngó xuống sàn, rồi đáp nho nhỏ:

- Lúc đó tôi sợ quá, tôi sợ quá. Tôi không bao giờ có ý muốn giết ông ấy cả.
- Anh kiểm cây súng lục đó ở đâu?
- Tôi mua của người ta.
- Ở đâu?
- Ở Alexandra.
- Người đó là ai? Tên là gì?
- Tôi không biết tên người đó.
- Nhà người đó ở đâu?
- Tôi không biết.
- Anh có thể tìm lại người đó được không?
- Tôi có thể rán tìm xem.
- Khi mua, súng có nạp đạn sẵn không?
- Có nạp sẵn hai viên.
- Khi anh lại ngôi nhà đó thì trong súng có mấy viên?
- Còn một viên.
- Thế còn viên kia đi đâu?
- Tôi đem súng lại một sở cây, trên đồi phía sau Alexandra và tôi bắn một phát.
- Bắn vào cái gì?

- Bắn vào một thân cây.
- Có trúng không?
- Thừa trúng.
- Và anh nghĩ bụng: “ Bây giờ mình biết dùng súng lục rồi ”, có phải vậy không?
- Thừa phải.
- Ai cầm cây gậy sắt?
- Thừa, Johannes cầm.
- Anh biết rằng y cầm không?
- Thừa biết.
- Anh biết rằng khí giới đó nguy hiểm, có thể giết người được chứ?

Thanh niên đó cấm tiếng lớn:

- Không phải giết ai, đập ai. Chỉ để dọa thôi.
- Nhưng anh đã có một khẩu súng để dọa rồi mà?
- Dạ, nhưng Johannes bảo sẽ cầm theo cây gậy. Hắn bảo gậy đó đã được ban phước lành.
- Gậy đã được ban phước lành?
- Hắn bảo vậy.
- Johannes nói, vậy là nghĩa làm sao?
- Thừa tôi không biết.
- Có nghĩa là một mục sư đã cầu phước cho cây gậy, phải vậy không?
- Tôi không biết.
- Anh không hỏi ư?
- Thừa tôi không hỏi.
- Thân phụ anh là một mục sư phải không?

Thanh niên đó lại nhìn xuống sàn, đáp nho nhỏ:

- Dạ.
- Thân phụ anh có cầu phước cho một cây gậy như vậy không?
- Thừa không.
- Anh không bảo Johannes: “ Đừng mang cây gậy đó đi ” ư?
- Thừa không.
- Anh cũng không hỏi hắn: “ Làm sao một vật như vậy có thể được ban phước được hả ”.
- Thừa không.
- Xin ông Chứng lý tiếp tục lấy khẩu cung.
- Và khi hai người đó khai rằng ở trong nhà Baby Mkize, không có bàn bạc gì về vụ giết người

đó, là họ nói dối hả?

- Họ nói dối.

- Và khi họ bảo rằng sau khi gặp họ ở nhà Mkize, anh mới bịa ra chuyện đó, thì họ cũng nói dối nữa hả?

- Họ nói dối.

- Và khi Baby Mkize bảo họ không nói chuyện giết người đó ở trước mặt y thị, thì là thị nói dối.

- Thím ấy nói dối. Thím ấy sợ, bảo chúng tôi đi ra khỏi nhà thím ấy đi, đừng trở lại nữa.

- Rồi cả ba người cùng đi ra một lượt?

- Không, tôi đi trước.

- Đi đâu?

- Lại một sở cây.

- Làm gì ở đó?

- Lại chôn khẩu súng lục.

- Phải khẩu súng lục đặt ở kia không?

Người ta chìa cho bị cáo một khẩu súng lục. Bị cáo xem xét nó, rồi đáp:

- Chính khẩu súng này.

- Làm sao người ta kiếm được nó?

- Không, chính tôi chỉ chỗ cho Cảnh sát kiếm.

- Chôn xong khẩu súng anh làm gì?

- Tôi cầu nguyện ở đó.

Viên Chương lý có vẻ hơi sững sờ; viên Chánh thẩm hỏi:

- Anh cầu nguyện điều gì?

- Cầu nguyện được tha tội.

- Rồi gì nữa?

- Thế thôi, tôi không cầu nguyện gì khác.

- Rồi hôm sau anh trở lại Johannesburg hả?

- Dạ.

- Và anh đi lẫn trong đám người tấy chạy xe buýt?

- Dạ.

- Anh có nghe thấy họ còn bàn tán về tên sát nhân không?

Thưa, họ có bàn tán. Có người bảo rằng thế nào nó cũng bị bắt.

- Rồi sao?

- Tôi sợ hãi.

- Sợ thì anh làm gì?
 - Tối đó tôi lại ngủ ở Garmiston.
 - Trong ngày hôm đó anh làm gì? Có lẩn trốn nữa không?
 - Không, tôi mua một chiếc áo sơ-mi, ôm gói áo đi lang thang.
 - Tại sao làm vậy?
 - Để người ta cho tôi là một người đi giao hàng.
 - Còn làm gì khác nữa không?
 - Thừa không.
 - Rồi anh trở lại Germiston? Tới chỗ nào?
 - Tới nhà Joseph Bhengu, số 12 đường Maseru khu đất chia lô cho mướn.
 - Rồi sao nữa?
 - Trong khi tôi đang ở đó thì cảnh sát tới.
 - Rồi xảy ra chuyện gì?
 - Cảnh sát hỏi tôi có phải là Absalom Kumalo không. Tôi đáp phải, và tôi sợ hãi, hôm đó tôi đã có ý muốn lại thú tội với Ty cảnh sát và lúc đó tôi thấy rằng tôi ngu dại mà chần chừ.
 - Cảnh sát bắt anh tức thì chứ?
 - Thừa không. Họ hỏi tôi có biết Johannes ở đâu không, tôi bảo không, tôi không biết, nhưng không phải Johannes giết ông da trắng mà chính tôi đã giết. Con Johannes đập người bồi té bất tỉnh. Và tôi bảo rằng Matthew cũng có ở đó. Và tôi bảo họ rằng tôi sẽ chỉ chỗ tôi chôn cây súng lục. Và tôi bảo rằng hôm đó tôi đã có ý lại ty cảnh sát thú tội, nhưng tôi đã ngu dại chần chừ, vì tôi sợ.
 - Rồi anh làm tờ khai trước mặt ông Andries Coetzee Phó hành chánh ở Johannesburg?
 - Tôi không biết tên ông ấy.
 - Phải đây là tờ khai của anh không?
- Người ta đưa tờ khai cho hắn, hắn coi rồi đáp:
- Phải đây chính là tờ khai của tôi.
 - Lời khai nào cũng đúng cả chứ?
 - Thừa lời nào cũng đúng hết.
 - Không có lời nào khai man chứ?
 - Không có lời nào khai man vì tôi nghĩ bụng: “ Từ nay mình không nói dối nữa, suốt đời không nói dối nữa, không làm cái gì ác nữa ”.
 - Tóm lại là anh đã hối hận hả?
 - Dạ, tôi đã hối hận.
 - Vì anh đang ở trong cảnh nguy hiểm?

- Dạ, vì tôi đang ở trong cảnh nguy.
- Anh hối hận còn vì lý do nào khác không?
- Thừa, không có lý do nào khác.

Khi phiên thẩm vấn dời lại, viên Chánh thẩm và các viên Phụ thẩm bước ra thì mọi người đứng cả lên, rồi đi ra cửa ở sau các dãy ghế dài kê thành từng cấp, người Âu đi một cửa riêng, người không phải gốc Âu đi một cửa riêng, theo tục lệ.

Kumalo và Msimangu, Gertrude và bà Lithebe cùng ra với nhau và họ nghe có người bảo:

- Thân phụ của người da trắng bị giết kia kìa.

Kumalo đưa mắt kiếm và thấy đúng ông đó là thân phụ người bị giết, ông chủ điền có cái trại ở trên các đồi cao, phía trên Ndotsheni, người mà ông ta thấy đã có lần cưỡi ngựa đi ngang qua giáo đường. Và Kumalo run lên, quay mặt đi. Vì làm sao nhìn một người như vậy.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 4

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy cớ là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn cang đáng thì cang đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Ít ai chú ý tới vụ xử ba tên bị cáo phạm tội giết ông Arthur Jarvis ở Parkwold vì lúc đó người ta

mới tìm thêm được mỏ vàng, mỏ vàng rất phong phú. Có một cái làng nhỏ tên là Odendaalsrust ở tiểu bang Orange Free State (1). Mới trước làng đó còn vô danh, thì hôm sau đã được khắp thế giới biết tên.

Vàng ở đó không kém thứ vàng tốt nhất mà từ trước người ta đã tìm được ở Nam Phi, không kém thứ vàng hạng nhất tìm được ở Johannesburg. Nhiều người dự đoán rằng một Johannesburg nữa sẽ mọc lên ở đó một châu thành lớn, nhà cao ngất trời và đường phố đông nghẹt người. Những kẻ trước kia rầu rĩ lo rằng các mỏ vàng ở Johannesburg một ngày kia sẽ cạn, bây giờ đây mừng rỡ hơn hởi. Họ bảo là được hưởng thêm một kỳ hạn sinh hoạt nữa. Ở Johannesburg không khí thật phấn khởi. Ở thị trường Chứng khoán, người ta như phát điên, la, hét, tung nón lên trời, vì những cổ phần người ta mua chỉ để cầu may, tức những cổ phần về các mỏ chưa tìm ra, những cổ phần đó bây giờ giá tăng lên vùn vụt, ngoài sự mơ ước của họ. Trước kia, ở Orange Free State chỉ có những đồng cỏ bằng phẳng, gợn sóng, chỉ có những bầy bò và cừu, với những kẻ bản xứ chăn bò, chăn cừu; chỉ có cỏ và phượng vĩ và xa xa mới có một ruộng bắp. Không có gì ra vẻ là một cái mỏ, trừ mấy cái máy khoan, mấy kỹ sư kiên nhẫn dò xét những bí mật trong lòng đất; không ai lại coi họ làm gì, trừ một bộ hành bản xứ, một trẻ chăn bò, một chủ trại gà nói tiếng Afrikaans cười ngửa đi ngang, ngó họ mà tỏ vẻ khinh miệt hoặc sợ sệt hoặc hy vọng tùy tính tình mỗi người.

Này, ông coi này, giá cổ phần Tweede Vlei lên kinh khủng không này. Trước kia có hai mươi si-ling rồi lên bốn mươi, rồi sáu mươi và bây giờ - ông có thể tin được không? - lên tới tám mươi si-ling rồi!

Biết bao người đã khóc vì đã bán cổ phần lúc mười hai giờ trưa, chứ không phải lúc hai giờ; hoặc vì họ đã mua lúc hai giờ chứ không phải lúc mười hai giờ trưa. Và người bán sáng mai mới tiếc hơn nữa vì giá cổ phần sẽ lên tới một trăm si-ling.

Thật lạ lùng! Nam Phi là một xứ lạ lùng. Khi nào chúng ta đi ngoại quốc sẽ tha hồ vênh mặt và thiên hạ sẽ bảo: “ A! Các ông ở Nam Phi thì giàu quá xá mà ”.

Odendaalsrust, cái tên có ma lực, thích quá. Ấy vậy mà ở thị trường Chứng khoán đã có kẻ bảo rằng - những kẻ này nói tiếng Afrikaans chẳng lấy gì làm hay lắm - có kẻ bảo rằng phải kiếm một tên giản dị hơn, chẳng hạn Smuts hay Smutsville; một tên dễ đọc hơn, chẳng hạn Hofmeyr - nhưng đã có một nơi khác mang tên Hofmeyr rồi - với lại, cái tên này nó cũng làm sao ấy, nghe không thú.

Thật là tai hại, sao mà tên những cái mỏ ấy không sao phát âm nổi. Đáng tiếc rằng một kỹ nghệ lớn do những bộ óc như vậy điều khiển, được một kế hoạch như vậy thúc đẩy, mà bị những tên kỳ quái như vậy làm trở ngại: nào là Blyvooruitzicht, Welgedacht, Langlaagte, bây giờ lại thêm Odendaalsrust nữa. Nhưng những cái đó chúng ta nên nói nhỏ với nhau thôi, nói trong câu lạc

bộ, nói riêng với nhau thôi, vì hầu hết chúng ta đều ở trong đảng Đại đoàn kết chủ trương hợp tác với nhau, hiểu biết lẫn nhau, coi nhau như bạn bè, anh em. Nhưng nếu những người Afrikaaner chịu hiểu rằng chính sách dùng hai ngôn ngữ chính thức là điên khùng, thì có phải tiết kiệm được vô số tiền bạc không?

Vàng, vàng, vàng! Xứ này lại sắp phong phú trở lại. Giá cổ phần từ hai mươi si-linh lên một trăm si-linh, bạn thử tưởng tượng rồi cảm ơn Thượng Đế đi. Nói thực ra, cũng có một số không biết cảm ơn Thượng Đế. Nhưng phải nhận rằng họ không có nhiều cổ phần, có kẻ lại chẳng có một cổ phần nào cả. Vài kẻ trong đó hô hào, diễn thuyết; quả thực là lý thú, hào hứng mà nhận thấy rằng về điểm đó, nhiều khi những kẻ không có cổ phần lại là những kẻ nói năng rất hùng hồn, cơ hồ như có số phận, bản tính hoặc sinh lực, hoặc cái năng lực gì đó điều khiển, cho họ có tài ăn nói để đền bù họ. Tôi nói như vậy chẳng phải vì mến họ hay mỉa mai họ đâu, chỉ là khách quan nhận xét vậy thôi, bạn hiểu cho chứ. Nhưng đó chẳng qua chỉ là một ý ngông, ngược đời, đừng nói ra thì hơn. Những kẻ đó hùng hồ nhưng lại thiếu thể lực về tài chánh đó, hầu hết diễn thuyết trong những tổ chức nhỏ như các câu lạc bộ thiên tả, các đoàn thể tôn giáo và các hội đề cao tình thân ái, tình huynh đệ. Họ cũng viết bài đăng báo nữa, hầu hết là những tờ báo nhỏ như tờ *Xã hội mới* hoặc là tờ *Nhân loại đang tiến tới*, hoặc trên cái tờ kỳ cục *Thánh giá ở ngã tư đường*, một tờ báo tám trang nhỏ, chẳng ai biết tới, mỗi tuần ra một số, chủ nhiệm là cha Beresford, một con người kỳ dị, lúc nào cũng như nhịn đói đã mấy tuần. Ông ta nói tiếng Anh sao mà hay thế, đúng là cái giọng Oxford chứ không phải cái giọng mà người ta nghe được ở Rhodes, ở Stellenbosch; chính nhờ cái giọng đó mà ông được tiếp đón, mặc dầu đầu tóc ông lúc nào cũng bù xù, quần thì nhăn nhoe không bao giờ ủi. Ông có vẻ là một người cải tà theo đạo Ki Tô, mắt long lanh tia lửa; mà sự thực là trong cánh rừng của đêm tối lòng ông bùng lên khi viết tờ báo kỳ cục của ông. Ông là nhà truyền giáo và nhiệt liệt tin ở Thượng Đế; nhưng trên đời có người thế này thì phải có người thế khác chứ.

Vậy có những kẻ cho rằng nếu giữ giá cổ phần hai mươi si-linh còn tám chục si-linh kia thì chẳng hạn để dùng vào công việc đại quy mô chống sự xói mòn của nước mà cứu đất đai trong xứ. Cũng nên trợ cấp các hội thanh niên, các hội thiếu nữ, các cơ quan cứu tế xã hội, cất thêm đường, cũng nên tăng tiền lương cho thợ mỏ nữa.

Ai cũng thấy rằng những ý kiến đó thật lộn xộn vì giá cổ phần mà liên quan gì tới vấn đề tiền công; giá đó chỉ đơn thuần tùy thuộc về những phí tổn khai mỏ và giá vàng trên thị trường. Nhân đây mới sức nhớ tới, người ta bảo rằng hiện trong mỏ có vài ông lớn không có một cổ phần nào cả thì có đang phục không chứ, vì sự quyến rũ chắc phải mạnh lắm mà sao họ chống

lại nổi nhĩ?

Dù sao, chúng ta cũng không nên rầu rĩ quá, khi nghĩ rằng tám chục si-ling đó sẽ không làm cho tình trạng thay đổi là bao nhiêu. Ta thử đứng vào một khía cạnh khác mà xét. Này nhé, khi giá cổ phần tăng từ hai mươi si-ling lên một trăm si-ling thì tất có một số người nào đó được hưởng tám mươi si-ling lời. Nhưng không nhất định là một người duy nhất được hưởng trọn số đó, vì nếu như vậy chẳng hoá ra đẹp đẽ quá ư, mà một người như vậy tất có phép thần thông về tài chánh, chánh quyền còn đợi gì mà không mời làm cố vấn. Vậy có phần chắc chắn rằng tám chục si-ling đó sẽ chia cho nhiều người, vì người có cổ phần thấy giá mới lên, ham quá, mất bình tĩnh, vội đem bán ngay. Dĩ nhiên là những người đó chẳng thực sự làm lụng gì nghĩa là không phải đổ mồ hôi, làm chai tay ra, mà cũng được hưởng số lời. Nhưng cái đức làm liều, cái tài tiên đoán của người ta cũng đáng được thưởng chứ, và cũng không nên quên rằng tinh thần người ta căng thẳng, cũng mệt lắm chứ. Cái số tám chục si-ling đó, họ đem ra tiêu dùng và nhờ vậy mới có thêm công việc cho người khác, rốt cục là cái xứ này được giàu thêm tám chục si-ling nữa. Và có nhiều người trong bọn họ rộng rãi quyên cho các hội Thanh niên, hội Thiếu nữ, các cơ quan cứu tế xã hội, các đường đường. Các nơi xa xôi như Bloemfontein, Grahamstown và Beaufort West, người ta chê trách rằng Johannesburg chỉ nghĩ tới tiền, là nói bậy. Ở đây tôi cũng thấy có nhiều người chồng, người cha tốt như ở các châu thành khác, và một thân hào của chúng ta sưu tập rất nhiều tác phẩm nghệ thuật, nhờ vậy mà các nghệ sĩ mới có công việc mà nghệ thuật mới khỏi chết; lại có vài ông có những đồn điền lớn ở phía Bắc để tới nơi đó săn bắn, hoà mình với thiên nhiên.

Khi đã có thêm các công việc cho người khác thì người ta sẽ tiêu một phần trong số tám chục si-ling đó đi. Dĩ nhiên là không tiêu hết. Vì những người bán cổ phần theo giá mua một trăm si-ling phải giữ lại một số tiền để mua lại cổ phần khi nó hơi xuống giá. Nhưng các chủ điền có thể sản xuất thêm thực phẩm, các nhà kỹ nghệ có thể sản xuất thêm hoá phẩm, và chính phủ có thể tuyển thêm nhân viên, mặc dầu chúng ta có thể tự hỏi có cần tăng thêm các công chức nữa không, nhưng đó là vấn đề khác không thể bàn ở đây được. Và tụi bản xứ sẽ không phải chết đói trong khu đất riêng dành cho họ nữa. Họ có thể lại mở kiếm việc, người ta sẽ cất cho họ những trại rộng lớn hơn, nhiều tiện nghi hơn, thức ăn của họ sẽ có đủ sinh tố hơn. Nhưng phải coi chừng đấy, một nhà chuyên môn mới thấy rằng thợ thuyền có thể bị cái bệnh quá dư sinh tố. Đó là một trường hợp của cái luật Giảm năng xuất.

Và có lẽ một châu thành lớn sẽ dựng lên, một Johannesburg thứ nhì với một Parktown thứ nhì, một Houghton thứ nhì, một Parkwold thứ nhì, một Kensington thứ nhì, một Jeppe thứ nhì, một Vrededorp thứ nhì, một Pimville thứ nhì và một Shanty Town thứ nhì, tóm lại là một châu thành lớn làm hãnh diện cho tất cả Odendaalsrust. Nhưng cái tên đầu mà kỳ cục.

Nhưng có người bảo rằng không nên như vậy. Tất cả các người lo việc cứu tế xã hội, cha Beresford đó và bọn Kafferboetie khác bảo rằng không nên như vậy, nhưng phải nhận rằng hầu hết họ chẳng có một tấm cổ phần nào cả. Và họ hoá ra bạo dạn lên khi thấy ngài Ernest Oppenheimer, một nhân vật ở mỏ cũng nghĩ rằng chẳng nên như vậy. Ông Oppenheimer bảo rằng đây là một cơ hội cho chúng ta thí nghiệm chính sách cho thợ mỏ sống trong gia đình, làng xóm với vợ con, chứ không sống tách biệt trong trại nữa. Và người ta cũng nói rằng Chính phủ đương tính thành lập một cơ quan gì như ở thung lũng Tennessee để kiểm soát sự phát triển của khu mỏ tại Free State.

Nói cho họ nghe đi, ngài Ernest Oppenheimer. Có người vỗ tay khen ngài đấy, lại có người cảm ơn Thượng Đế vì ngài đã nói, cảm ơn trong thâm tâm họ và cả trong lúc họ cầu nguyện ở đầu giường của họ nữa. Vì mỏ là để phụng sự người dân chứ không phải để làm ra tiền. Mà tiền không đáng cho người ta vì nó mà phát điên, tung nón lên trời. Tiền là để mua thức ăn, quần áo, để có thêm tiện nghi, để đi coi hát bóng. Tiền là để làm cho đời sống trẻ em được sung sướng. Tiền là gây sự an lạc, mơ mộng, hy vọng, và dự trù kế hoạch. Tiền là để mua những sản phẩm của đất đai trên quê hương xứ sở của mình.

Không, không cần có một Johannesburg thứ nhì nữa trên trái đất. Một Johannesburg thôi cũng đủ rồi.

Chú thích: 1. Orange Free State, tiểu bang ở trong Liên bang Nam Phi, thành lập từ 1836 ở phía bắc sông Orange, được tự trị từ năm 1854.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 5

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn cang đáng thì cang đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Jarvis muốn trở lại thăm ngôi nhà của con trai một lần nữa. Đi cửa sau, qua bếp, qua chỗ có vết

trên sàn rồi leo lên cầu thang lên phòng ngủ của con như vậy kỳ cục thật, nhưng ông cũng theo lối đó. Ông không vô phòng ngủ của con mà vô phòng làm việc đầy sách vở. Và ông lại đi một vòng coi các sách, qua cái tủ đầy sách về Abraham Lincoln, cái tủ đầy sách về Nam Phi, cái tủ đầy sách viết bằng tiếng Afrikaans, cái tủ đầy sách về tôn giáo, xã hội học, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, và cái tủ đầy thơ, tiểu thuyết và Shakespeare. Ông ngó hình chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và bức tranh vẽ rừng liễu mùa đông. Ông ngồi ở chiếc bàn viết la liệt những thư mời làm việc này việc khác, hoặc dự mời buổi họp này buổi họp khác, và những bản thảo nói về điều gì có thể chấp nhận được và điều gì không thể chấp nhận được ở Nam Phi.

Ông kéo các học ở bàn giấy con ông ra và thấy ngăn thì chứa các chi phiếu, ngăn thì chứa giấy và bao thư, viết mực viết chì, lại có ngăn chứa những chi phiếu đã đóng dấu rồi, ngân hàng gửi trả lại. Sau cùng có một ngăn sâu chứa những bài văn đã đánh máy, ghim lại gọn ghẽ với nhau đặt chồng lên nhau. Có một bài nhan đề là “ *Cần có những cơ quan cứu tế xã hội* ”, một bài nữa về “ *Các loài chim trong một công viên Parkwold* ”, một bài nữa về “ *Ấn Độ và Nam Phi* ”. Đây là một bài nữa nhan đề là “ *Tâm sự của một người Nam Phi* ”. Ông lấy ra đọc:

“ Sanh ra ở Nam Phi thật là đau khổ. Có thể sanh ra là người Afrikaaner, hay người Nam Phi nói tiếng Anh, hay là người da màu (1), hay là người Zulu. Người ta có thể cỡi ngựa, như tôi hồi nhỏ, đi khắp các miền đồi xanh và các thung lũng lớn. Cũng như tôi hồi nhỏ, người ta có thể thăm các khu dành riêng cho người Bantu ở, mà không thấy được những gì xảy ra ở đó cả. Người ta có thể nghe nói như tôi hồi nhỏ, rằng ở Nam Phi có rất nhiều người Afrikaaner hơn là người nói tiếng Anh, vậy mà chẳng biết chút gì hết, chẳng thấy cái gì hết. Người ta có thể như tôi hồi nhỏ, đọc những sách về Nam Phi đẹp đẽ, cái xứ có mặt trời chói lọi, có nhiều thắng cảnh không bị các cơn dông tố trên thế giới tàn phá (2), mà cảm thấy vinh hãnh, yêu mến non sông của mình, vậy mà vẫn chẳng biết gì về xứ đó cả. Mãi đến sau này lớn lên, người ta mới biết rằng ở xứ này còn có nhiều cái khác nữa, ngoài ánh nắng mặt trời, mỏ vàng và vườn cam. Lúc đó người ta mới thấy những niềm oán ghét, những nỗi sợ hãi của xứ này. Tới lúc đó, lòng yêu quê hương của ta mới sâu sắc, nồng nhiệt như một người đàn ông yêu một người đàn bà vừa thành thực vừa gian xảo, vừa lạnh lùng vừa âu yếm, vừa tàn ác vừa sợ sệt.

“ Tôi sinh ra trong một trại ruộng trong một gia đình nền nếp, được cha mẹ chiều chuộng, cung cấp cho đủ, không thiếu thốn thèm khát thứ gì cả. Cha mẹ tôi là người ngay thẳng, hiền từ, trọng pháp luật; các người dạy tôi đọc kinh cầu nguyện, và dắt tôi tới giáo đường, không bỏ buổi nào; các người không bao giờ làm mất lòng gia nhân, và ba tôi không bao giờ thiếu thợ. Các người đã dạy cho tôi tất cả những điều cần biết về danh dự, nhân ái, bao dung. Nhưng về Nam Phi thì tôi chẳng học được chút gì cả...”

Jarvis đặt xấp giấy xuống, trong lòng bức tức, thấy bị xúc phạm. Trong một lúc ông gần như phát giận, rồi ông dụi mắt, nén được giận. Nhưng ông vẫn còn run run không đọc tiếp được nữa. Ông đứng dậy, cầm lấy chiếc nón, xuống cầu thang, đi tới chỗ cái vết trên sàn. Thầy cảnh sát sắp chào ông thì ông quay trở lại, trở lên cầu thang, lại ngồi xuống bàn. Ông cầm xấp giấy lên, đọc cho hết. Có lẽ ông thưởng được cái đẹp của lời văn, vì đoạn cuối làm cho ông cảm động. Có lẽ ông cũng thưởng được cái đẹp của ý tưởng nữa.

“ Cho nên tôi sẽ hy sinh đời tôi, thời giờ của tôi, sức lực của tôi, tài năng của tôi để phụng sự Nam Phi. Tôi sẽ không tự hỏi việc nay việc nọ có tiện lợi hay không nữa mà chỉ tự hỏi nó có công bằng hay không. Tôi sẽ hành động như vậy không phải vì tôi cao thượng, không vì lợi, mà vì đời sống trôi đi và trong quãng đường còn lại tôi cần có một ngôi sao dẫn đúng đường cho tôi, một la bàn dẫn đúng hướng cho tôi. Tôi sẽ làm như vậy không phải vì tôi yêu người da đen và ghét người đồng chủng với tôi, mà vì tôi tự xét lòng, thấy không thể làm gì khác được. Nếu tôi còn cân nhắc cái nay với cái kia thì tôi là con người bỏ đi, nếu tôi còn tự hỏi việc mà tôi làm có nguy hiểm không thì tôi là con người bỏ đi; nếu tôi còn tự hỏi những người khác, da trắng hay da đen, Anh hay Afrikaaner, người dị giáo hay Do Thái giáo có tán thành tôi không, thì tôi là con người bỏ đi. Vậy tôi sẽ rán làm cái gì công bằng và nói cái gì đúng sự thực.

“ Tôi hành động như vậy vì tôi không phải can đảm và thành thực, mà vì chỉ có cách đó mới dẹp tan xung đột mạnh mẽ trong tâm hồn tôi. Tôi làm như vậy bởi vì tôi không có thể tiếp tục để cho một phần bản ngã của tôi hướng tới cái gì cao thượng nhất còn phần kia thì phản đối lại nó. Thà chết chứ tôi không muốn như vậy. Bây giờ tôi hiểu được những người chịu chết vì tín ngưỡng mà cho chết như vậy là đẹp đẽ, can đảm hoặc cao thượng. Họ chết như vậy còn hơn là sống, thể thôi.

“ Nhưng tôi sẽ không thành thực nếu bảo rằng tôi hành động như vậy chỉ vì một lòng phản tự kỷ. Có cái gì không tùy thuộc tôi thúc đẩy tôi làm việc công bằng, bất kỳ là phải trả giá thể nào. Về điểm đó tôi sung sướng được người vợ đồng tâm đồng ý rán tự chế ngự được nỗi sợ hãi oán ghét của nàng. Nhờ nàng mà nguyện vọng của tôi thực hiện rõ ràng. Các con tôi còn nhỏ quá không thể hiểu được. Tôi sẽ khổ tâm lắm nếu lớn lên chúng sinh ra oán ghét tôi, hoặc sợ tôi, hoặc cho tôi là phản quyền lợi của chúng tôi. Nếu trái lại lớn lên, chúng suy nghĩ như vợ chồng tôi thì tôi sẽ vui mừng vô hạn. Nỗi vui mừng đó mới thật là kích thích, phấn khởi đáng cho tôi cảm ơn Thượng Đế. Nhưng cái đó không thể trả giá được. Thượng Đế cho thì được hưởng hay không được hưởng thì chúng ta cũng phải giữ đạo công bằng ”

Jarvis ngồi hút thuốc một hồi lâu. Ông không đọc thêm nữa, xếp tập giấy trả lại vô chỗ cũ và khép hộc lại. Ông ngồi đó cho tới khi hút xong còi thuốc rồi cầm nón xuống cầu thang. Tới chân cầu thang, ông quẹo mà đi ra phía cửa trước, không phải vì sợ bước ra cái vết trên sàn, chỉ vì

không muốn đi ngã sau, thế thôi.

Cửa trước chỉ khép chứ không khoá, ông bước ra ngoài. Do thói quen của một lão nông ông ngừng lên ngó trời, nhưng vòm trời nơi xa lạ này không tỏ ra một dấu hiệu gì cả. Ông bước xuống sân ra cửa rào. Thầy cảnh sát đứng cạnh ở cửa sau nghe thấy tiếng cửa trước khép lại, gật gật đầu tỏ ý hiểu. Thầy nghĩ bụng: “Ông ấy không thể nhìn cái đó được nữa, tội nghiệp ông già, ông ấy không thể nhìn cái đó được nữa”

Chú thích: 1. *Lai da trắng và da đen.*
2. *Tức không bị hai cuộc chiến tranh Thế giới.*

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 6

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn cang đáng thì cang đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Bà Margaret Jarvis có một người cháu gái mà bà rất mến tên Barbara Smith, có chồng ở

Springs. Một hôm không có phiên toà, hai ông bà lại chơi suốt ngày với người cháu đó. Ông nghĩ rằng như vậy đầu óc bà sẽ được khuấy khỏa vì cái tang đó làm cho bà đau khổ hơn là ông ngại. Trong khi Margaret và Barbara nói chuyện với nhau về dân chúng ở Ixopo, Lufafa, Highflats và Umzimkulu, ông đi dạo ngoài vườn vì ông là nhà nông. Được một lát, họ gọi ông, hỏi ông có muốn đi cùng với họ ra thành phố không. Ông đáp thích ở nhà coi báo hơn, và ông ở nhà coi báo.

Báo đăng đầy tin tức về mỏ vàng mới kiếm được ở Odenlaalsrust và về sự phấn khởi quá độ vẫn chưa hề giảm ở thị trường chứng khoán. Một nhà có kinh nghiệm, uy tín về vấn đề đó khuyên người ta coi chừng, đừng mua với giá mỗi ngày một cao lên nữa, vì không có gì chứng tỏ rằng giá hiện thời không quá đáng rồi, có thể rằng ít ngày nữa giá sẽ hạ, gây ra nhiều vụ bại sản. Báo cũng đăng nhiều vụ phạm pháp mới nữa, hầu hết là những người da đen hành hung người da trắng, nhưng không có vụ nào khủng khiếp làm cho người ta không dám mở báo ra đọc.

Được đọc thì ông nghe tiếng ai gõ cửa sau, ông lại mở cửa và thấy một mục sư bản xứ đứng trên phiến đá lát đằng sau nhà, dưới chân ba bậc thềm đưa lên nhà bếp. Mục sư đó già, bộ đồ đen đã bạc thành màu xanh, cổ còng đã vàng vì cũ quá hoặc vì dơ bẩn. Ông mục sư dõn dặt, để lộ mái tóc bạc. Có vẻ hoang hốt sợ sệt. Ông ta lóng ngóng.

Ông Jarvis nói thạo tiếng Zulu nên chào bằng tiếng đó:

- Chào Umfundisi.

Ông mục sư giọng run chào lại:

- Kính chào Umnumzana.

Và Jarvis ngạc nhiên thấy ông ta ngồi bệt ngay xuống dưới bậc thềm thấp nhất, như thể đương đau hay đói lắm vậy. Jarvis biết rằng thái độ đó không phải là vô lễ, vì ông già đó có vẻ khúm núm, lễ phép, vì vậy ông bước xuống, hỏi:

- Umfundisi có đau không?

Ông lão làm thinh, vẫn run lẩy bẩy, ngó xuống đất thành thử Jarvis không thể nhìn thấy mặt ông ta. Muốn nhìn thì phải đưa tay nâng cằm ông ta lên, mà việc đó không thể làm một cách khinh xuất được.

- Umfundisi có đau không?

- Thưa Umnumzana, một lát rồi sẽ hết.

- Có muốn uống nước không? Có muốn ăn cái gì không? Có đói không?

- Thưa không, Umnumzana, một lát rồi sẽ hết.

Jarvis đứng ở phiến đá lát, dưới bậc thềm thấp nhất, nhưng ông lão vẫn chưa thấy dễ chịu hơn, vẫn còn run, vẫn nhìn xuống đất. Rất ít khi một người da trắng mà lại đứng đợi như vậy trước

một người da đen, nhưng Jarvis kiên nhẫn đợi vì thấy ông lão rõ ràng là đau yếu, suy nhược lắm. Ông lão rón sức chống gậy đứng lên, chiếc gậy tuột ra, rớt trên phiến đá, vang lên một tiếng. Jarvis lượm lên trả ông lão, nhưng ông lão đặt nó xuống như thể nó chỉ làm bận mình, đặt cả chiếc nón xuống nữa, rồi hai bàn tay chống vào bực thềm, rón đứng dậy. Gắng sức mà không được, ông ta lại ngồi xuống, lại run lẩy bẩy. Jarvis muốn đỡ ông ta nhưng lại ngại có vẻ khinh xuất (1); lượm cây gậy thì được. Ông lão lại chống tay lên bực thềm và lần này đứng dậy được. Lúc đó ông ta mới ngừng mặt lên nhìn Jarvis, và Jarvis thấy nét mặt ông ta khổ sở vô cùng chứ không phải đau hay đói. Jarvis bèn cúi xuống lượm chiếc nón và cái gậy, gión tay cầm chiếc nón vì nó cũ và dơ quá, đưa trả hai vật đó cho mục sư.

- Tôi xin đa tạ Umnumzana.

- Umfundisi có thật không đau không?

- Thưa Umnumzana, tôi đã khá rồi.

- Umfundisi có chuyện gì đây?

Ông lão lại đặt chiếc nón và cây gậy xuống bực thềm, tay run run móc một cái bao nhỏ trong túi chiếc áo bạc phếch ra; giấy má rớt cả xuống đất vì tay ông ta vẫn còn lẩy bẩy.

- Tôi xin lỗi Umnumzana.

Ông ta cúi xuống lượm giấy má lên, và vì già nên ông phải quỳ xuống, mà giấy má lại cũ kỹ, bẩn thỉu, lượm được mấy tờ giấy này rồi thì trong khi lượm các tờ khác, mấy tờ trước lại rớt xuống, và hai bàn tay ông run bần bật lên. Jarvis nửa thương hại nửa bực mình, ngượng ngùng đứng ngó ông già.

- Tôi xin lỗi Umnumzana, đã làm mất thì giờ Ngài đứng chờ.

- Có sao đâu Umfundisi.

Sau cùng ông lão lượm xong các tờ giấy, cất lại trong cái túi nhỏ, trờ ra một tờ ông chìa cho Jarvis. Tờ đó ghi địa chỉ và tên người chủ ngôi nhà hiện họ đương đứng ở cửa.

- Đúng là nhà này, Umfundisi.

- Thưa Umnumzana người ta nhờ tôi lại đây. Có một người tên là Sibeko ở Ndotsheni.

- Ndotsheni tôi biết. Chính tôi cũng ở Ndotsheni.

- Thưa Umnumzana, người đó có một đứa con gái đi ở cho một người da trắng tên là uSmith ở Ixopo.

- Phải.

- Và sau cô con gái ông uSmith đó có chồng da trắng tên người chồng ghi trên miếng giấy này đây.

- Đúng.

- Cặp vợ chồng đó lại Springs này ở, và đứa con gái của Sibeko cũng lại đây giúp việc nhà cho

họ. Đã mười hai tháng nay Sibeko không được tin tức gì của con gái, cho nên đã nhờ - đã cậy tôi - hỏi thăm giùm xem đứa con gái đó ra sao.

Jarvis quay vô nhà rồi trở ra với một người đầy tớ trai còn trẻ, bảo:

- Đây, hỏi thăm anh này.

Rồi lại quay vô nhà. Nhưng khi vô rồi, ông bỗng nhớ ra người lạ đó chính là ông mục sư già ở Ndotsheni, nên lại trở ra.

- Umfundisi hỏi được tin tức không?

- Thưa Umnumzana, anh này không biết nó, vì khi lại đây thì nó đã đi làm nơi khác rồi.

- Cô chủ nhà, người con gái ông uSmith đi khỏi, nhưng cũng sắp về, ông muốn đợi một chút thì đợi.

Jarvis bảo người bồi thôi, không có việc gì cả và đợi cho anh ta vô rồi mới hỏi ông lão:

- Tôi biết ông, Umfundisi.

Vẻ đau khổ trên nét mặt ông lão làm cho Jarvis động lòng, bảo ông ta ngồi xuống. Như vậy ông lão có thể nhìn xuống đất mà khỏi phải nhìn mặt Jarvis, và Jarvis cũng khỏi phải nhìn ông ta, mà thấy khó chịu trong lòng. Ông lão ngồi xuống, Jarvis nói mà không nhìn ông ta:

- Ông và tôi như có cái gì với nhau mà tôi nghĩ không ra.

- Thưa Umfundisi.

- Ông sợ tôi mà tôi không hiểu tại sao. Ông đừng sợ tôi.

- Thưa Umnumzana đúng vậy. Ngài không biết được đâu.

- Tôi không biết nhưng tôi muốn biết.

- Tôi ngại không thể nói được quá, thưa Umnumzana.

- Ông phải nói cho tôi biết chứ. Có nghiêm trọng không?

- Rất nghiêm trọng thưa Umnumzana. Nghiêm trọng nhất trong đời tôi.

Ông lão ngừng mặt lên và Jarvis chưa bao giờ thấy một vẻ mặt đau khổ nhường ấy.

- Ông lão hãy nói đi, nói cho vui lòng đi.

- Tôi sợ quá, Umnumzana.

- Tôi biết, và tôi không hiểu tại sao lại như vậy. Nhưng tôi đã nói rồi, ông đừng nên sợ, tôi không nổi giận đâu. Tôi không có gì giận ông lão đâu.

- Vậy, cái điều nghiêm trọng nhất trong đời tôi đó cũng chính là cái điều nghiêm trọng nhất trong đời ngài.

Jarvis ngó ông lão, mới đầu ngờ ngác rồi bỗng nảy ra một ý nghĩ, bảo:

- Chỉ có thể là điều đó thôi, chỉ có thể là điều đó thôi, nhưng tôi vẫn chưa hiểu.

Ông lão nói:

- Con trai tôi đã giết con trai ngài.

Cả hai đều im lặng. Jarvis bỏ đi, bước vô vườn cây, ngừng lại ở bức tường và nhìn ra cánh đồng cỏ ở xa và những đồng khoáng chất ở mỏ, cao như những ngọn đồi dưới ánh nắng. Khi ông ta quay trở lại thì thấy ông lão đã đứng dậy, một tay cầm nón, một tay cầm gậy, đầu cúi xuống, mắt nhìn xuống đất. Jarvis trở lại bên ông lão bảo:

- Đã nghe ông nói, đã hiểu điều lúc này tôi không hiểu. Lòng tôi không phần nộ.

- Thưa Umnumzana.

- Cô chủ nhà đã về, cô con gái ông uSmith. Ông muốn gặp cô ấy không? Ông đã dễ chịu chưa?

- Thưa Umnumzana, chính vì việc đó mà tôi mới lại đây.

- Tôi hiểu. Và ông đã xúc động mạnh khi thấy tôi, ông không ngờ gặp tôi ở đây. Mà làm sao ông biết tôi?

- Tôi đã thấy Ngài cưỡi ngựa đi ngang qua Ndotsheni, trước giáo đường tôi.

Jarvis lắng tai nghe tiếng trong nhà, rồi hạ giọng hỏi:

- Vậy chắc ông cũng thấy con tôi chứ? Nó cũng thường cưỡi ngựa đi ngang qua Ndotsheni, cưỡi con ngựa mình hồng mà mặt trắng. Nó thường đeo những cây súng gỗ, ở dây lưng này, như mọi đứa trẻ khác.

Mặt ông lão nhăn nhó. Ông ta vẫn nhìn xuống đất và Jarvis thấy mấy giọt nước mắt rơi xuống đất. Chính Jarvis cũng xúc động, muốn cho cảnh đó phải chấm dứt, nhưng chưa biết nên nói sao.

- Thưa tôi nhớ, Umnumzana. Trông cậu ấy có cái gì rục rĩ.

Jarvis nói:

- Đúng, đúng, trông nó có cái gì rục rĩ.

- Thưa Umnumzana, thực khó nói quá. Nhưng lòng tôi thực đau xót cho ngài, cho Inkosikazi (2) và thiếu Inkosikazi (3) và cho các cô cậu.

Jarvis bảo:

- Được, được - giọng mạnh bạo - để tôi vô gọi cô chủ nhà ra.

Ông ta trở vô dắt nữ chủ nhân ra, nói tiếng Anh với cô này:

- Ông già này lại hỏi thăm người con gái một người bản xứ tên là Sibeko, trước có giúp việc nhà cho cháu ở Ixopo, vì gia đình bất tin từ lâu rồi.

Cô con gái của Smith đáp:

- Cháu đã đuổi nó đi rồi. Mới đầu nó rất ngoan ngoãn và cháu hứa với ba nó là sẽ coi chừng nó cho. Nhưng rồi nó đồ đốn, nấu rượu lậu trong phòng nó. Nó bị bắt giam một tháng. Dĩ nhiên, sau đó cháu không thể cho nó trở lại làm được nữa.

Jarvis hỏi:

- Cháu có biết nó đi đâu không?

Cô ta trả lời bằng tiếng Anh:

- Làm sao biết được, mà cũng chẳng cần biết làm gì.

Jarvis nói bằng tiếng Zulu:

- Cô ấy không biết.

Nhưng không nói thêm rằng cô ấy không cần biết làm gì.

Ông lão đáp lại bằng tiếng Zulu:

- Xin đa tạ, xin chúc Umnumzana ở lại mạnh giỏi.

Ông ta cúi đầu chào thiếu phụ, nàng khẽ gật đầu đáp lại.

Ông ta đội nón lại, đi xuống con đường ra cửa sau theo tục lệ (4), người con gái của Smith trở vô nhà còn Jarvis đứng nhìn theo ông lão. Ông lão mở cửa bước ra khi quay lại để khép cửa, thấy Jarvis nhìn theo mình, ông ta cúi đầu chào.

Jarvis bảo:

- Umfundisi đi mạnh giỏi.

- Umnumzana ở lại mạnh giỏi.

Ông lão cất nón lên chào rồi lại đội xuống. Rồi ông chậm chạp bước đi, tiến lại phía con đường ra ga. Jarvis nhìn theo cho tới khi ông ta khuất bóng. Ông vừa quay lại trở vô nhà thì thấy bà vợ đi ra đón ông, và lo lắng nhận thấy rằng vợ mình đi lòm khòm như người già rồi.

Ông tiến về phía vợ, và bà đưa cánh tay ra khoác tay chồng.

- Có cái gì mà anh xúc động như vậy? Hồi nãy lúc anh trở vô nhà, anh xúc động mạnh lắm là làm sao?

Ông chồng đáp:

- Một chuyện đã qua bây giờ hiện lên. Nó hiện lên thành hình quá em à.

Bà không hỏi là chuyện gì mà đáp:

- Em biết.

Rồi ghì chặt cánh tay chồng hơn nữa bảo:

- Barbara mời chúng mình vô nhà ăn trưa đấy.

Chú thích: 1. Vì sự cách biệt giữa người da trắng và da đen.

2. Nghĩa tựa như phu nhân của ta.

3. Tức là quả phụ nàng dâu của Jarvis.

4. Người da đen vô nhà người da trắng thì phải do cửa sau

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 7

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn cang đáng thì cang đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Giọng bò mộng vang lên trong công viên. Có nhiều cảnh sát cả da trắng lẫn da đen. Nhìn thấy

họ đứng đó, hô hào một đám đông như vậy, thì dĩ nhiên là thấy mình có uy lực lắm, vì giọng bò mọng gầm thét, lên cao rồi hạ xuống.

Có người chỉ nghe cái giọng đó thôi cũng đủ xúc động. Có người nhớ lại lần đầu tiên nghe giọng đó, tưởng đâu như mới hôm qua, nhớ lại sự kích động của mình, nhớ lại cảm giác kỳ dị chạy khắp thân thể như bị điện giật. Vì giọng đó có một ma lực, có cái gì hăm dọa như chính châu Phi dồn chứa trong đó. Có tiếng sư tử gầm trong đó, trên những ngọn núi u ám.

Dubula và Tomlinson đứng nghe, nửa khinh bỉ, nửa ganh tị. Vì giọng đó có thể kích động hàng ngàn người, nhưng thiếu đầu óc ở phía sau nên không biết nên nói cái gì, mà dù có biết nên nói gì thì không đủ can đảm để nói.

Bọn cảnh sát đứng nghe, một người bảo bạn:

- Thăng cha này nguy hiểm.

Người kia đáp:

- Công việc của mình không phải là suy nghĩ về chuyện đó.

John Kumalo hô hào:

“ Chúng ta không đòi hỏi cái gì quá lỗ không chấp nhận được. Chúng ta chỉ đòi được cái phần xứng với công khó nhọc sản xuất của chúng ta thôi. Người ta mới tìm thấy thêm được mỏ vàng và Nam Phi lại phong phú lên. Chúng ta chỉ đòi cái phần của chúng ta thôi. Vàng đó sẽ nằm nguyên trong lòng đất nếu chúng ta không đào nó lên. Tôi không bảo rằng đó là vàng của chúng ta, tôi chỉ bảo rằng chúng ta phải được hưởng cái phần của chúng ta. Đó là vàng của mọi người, da trắng, da đen, da màu và Ấn Độ. Nhưng ai sẽ được hưởng cái phần lớn nhất đây, ai? ”

Tới đây cái giọng bò mọng gầm lên trong họng. Một làn sóng lao xao nổi lên trong lòng quần chúng. Cảnh sát ngừng lên canh gác cẩn thận hơn, trừ nhưng nhân viên đã nghe quen rồi, và biết rằng gã Kumalo này chỉ hăng tới mức đó thôi chứ không dám tiến xa hơn nữa. Sẽ xảy ra sao nhỉ nếu giọng đó gào lên những lời nó vẫn gào trong nhà riêng của nó, cứ gào lớn lên hoài, lớn lên nữa mà không hạ xuống, và nếu quần chúng cũng nổi lên theo, bị giọng đó làm cho như điên, như cuồng, mà có những tư tưởng phản loạn, chế ngự, biểu lộ uy lực và đòi chiếm hữu? Sẽ ra sao nhỉ nếu giọng đó miêu tả hình ảnh một châu Phi thức tỉnh, một châu Phi phục sinh, một châu Phi hắc ám và man rợ? Có khó gì đâu, chẳng cần có một bộ óc khác thường cũng nghĩ ra được những ý đó. Nhưng con người đó nhút nhát, nên tiếng sấm gầm lên rồi tắt dần, và quần chúng rùng mình, trở lại bình tĩnh.

John Kumalo cất tiếng hỏi:

“Đòi thêm tiền có phải là một cái tội không? Chúng ta được lãnh ít quá. Chúng ta chỉ đòi cái phần của chúng ta thôi, đủ để nuôi vợ con khỏi chết đói. Vì chúng ta được trả công ít quá. Ủy ban Landsown bảo rằng chúng ta được lãnh ít quá. Ủy ban Smith bảo rằng chúng ta được lãnh

ít quá ”

Tới đây giọng lại gầm lên và quần chúng lại bị kích động, Kumalo nói tiếp:

“ Chúng ta biết rằng chúng ta được lãnh ít quá. Chúng ta chỉ đòi được những cái mà thợ thuyền trên khắp thế giới chiến đấu cho được, tức là cái quyền được bán sức lao động của chúng ta cho đúng giá, được nuôi vợ con một cách đàng hoàng.

Người ta bảo rằng tăng tiền công lên thì sở mỏ phải đóng cửa. Nếu vậy thì kỹ nghệ khai mỏ ích lợi gì đâu? Nếu nó chỉ sống được trên sự khốn cùng của chúng ta thì duy trì cho nó sống làm gì? Người ta bảo nó làm cho xứ này giàu có lên, nhưng chúng ta thấy sự giàu có đó ở đâu? Chúng ta phải chịu nghèo khổ để cho người khác được giàu có ư? ”

Đám đông lao xao lên như có một cuồng phong thổi vào. Đây, John Kumalo, đã tới lúc cái giọng bò mòng đó nên vang lên, bay vút lên tới chín tầng mây đấy. Đã tới lúc nên dùng những tiếng phần nộ, những tiếng man rợ, quá khích để thức tỉnh quần chúng, làm cho họ nổi xung, khởi loạn lên rồi đấy. Nhưng Kumalo biết rồi. Hắn biết rằng hắn có một năng lực rất lớn, một năng lực mà hắn sợ. Và giọng hắn hạ xuống; tiếng tan dần trên núi và âm hưởng mỗi lúc một nhỏ đi. Người cảnh sát lúc này lặp lại:

- Tôi cho rằng thằng cha này nguy hiểm.

Người cảnh sát kia đáp:

- Bây giờ nghe hắn nói tôi mới thấy anh nói có lý. Còn đợi gì mà không tóm cổ thằng chó ghẻ này hả?

Người thứ nhất nói:

- Còn đợi gì mà không cho nó ăn đạn?

- Ừ, cho nó ăn vài viên đạn đi.

Người thứ nhất nói:

- Chính quyền chỉ giỡn với lửa.

- Đúng đấy.

Kumalo lại nói:

“ Chúng ta chỉ đòi hỏi sự công bằng thôi. Ở đây chúng ta không đòi được bình đẳng, tự do, không đòi bỏ chính sách phân biệt màu da. Chúng ta chỉ đòi hỏi cái kỹ nghệ phong phú nhất thế giới này trả thêm tiền công cho chúng ta thôi. Kỹ nghệ đó không có sức lao động của chúng ta. Chúng ta thôi không làm việc nữa thì kỹ nghệ đó sẽ chết. Và tôi bảo này, thà thôi làm còn hơn là làm với số tiền công như vậy.”

Các cảnh sát bản xứ lạnh lẽo hơn, canh gác cẩn thận hơn. Họ đứng ở chỗ của họ như lính chiến. Ai mà biết được họ nghĩ gì về lời kêu gọi quần chúng đó: họ có suy nghĩ gì không ai mà biết được. Cuộc mít-tinh này yên lặng có trật tự. Và nếu nó cứ yên lặng có trật tự như vậy thì để mặc

nó. Nhưng hề hơi thấy có dấu hiệu hỗn loạn là họ sẽ tóm cổ John Kumalo, thấy hắn lên xe cây, đem hắn đi. Và tiệm thợ mộc mỗi tuần lời được tám, mười hai bảng sẽ ra sao? Còn những cuộc thảo luận trong tiệm với những người từ mọi nơi tới nghe hắn thuyết nữa không? Có những người mong được tuần đạo, có những người biết rằng vô khám thì uy thế của mình tăng lên, có những người sẵn sàng vô khám chẳng hề nghĩ rằng uy thế của mình tăng hay giảm. Nhưng Kumalo thuộc những hạng người đó. Trong khám có ai mà vỗ tay khen mình.

.... (1)

John Kumalo nói:

“ Tôi không giữ anh chị em lại lâu hơn nữa đâu. Đã trễ rồi và còn một diễn giả nữa đã ghi tên, và phải để anh chị em về nhà chứ nếu không thì sẽ có nhiều người bị chuyện lôi thôi với cảnh sát. Tôi thì không sao nhưng có những bạn buộc phải có giấy thông hành thì điều đó quan trọng đấy. Và chúng ta không muốn làm phiền ty cảnh sát. Tôi nhắc lại: chúng ta bán sức lao động và con người có quyền bán sức lao động cho đúng giá. Chiến tranh vừa rồi sở dĩ phát sinh là để bình vực quyền tự do đó. Nhiều lính Phi châu của chúng ta đã chiến đấu cho quyền tự do đó.”

Giọng nói lại như gầm lên. Sắp có cái gì đây.

“ Không phải chỉ riêng ở đây mà ở khắp cả Phi châu, cái lục địa mệnh mông mà hiện người Phi chúng ta đương sống đây ”

Quần chúng cũng gầm lên. Câu đó có hai ý nghĩa, vô hại, một ý nghĩa nguy hiểm. John Kumalo nói theo cái nghĩa kia mà nghĩ qua cái nghĩa này.

“ Vậy chúng ta phải bán sức lao động của chúng ta cho đúng giá. Nếu một kỹ nghệ không thể mua sức lao động của chúng ta đúng giá được thì cho nó dẹp đi, chứ chúng ta đừng nên bán rẻ sức lao động để cho kỹ nghệ sống bất kỳ là kỹ nghệ nào ”

John Kumalo ngồi xuống và quần chúng hò hét vỗ tay hoan hô, như một làn sóng vĩ đại. Họ là những người chất phác, không biết rằng con người hô hào họ đó có thể trở thành một nhà hùng biện bậc nhất trong xứ nếu có thêm được một điều kiện nữa, điều kiện duy nhất mà hắn thiếu. Họ chỉ nghe cái giọng bò mòng, hăng tiết lên một lúc rồi thì xẹp, nhưng con người đó sau khi làm cho họ xẹp rồi lại có thể kích thích cho họ hăng lên được nữa.

Msimangu bảo:

- Bây giờ huynh đã nghe ông ta hô hào rồi chứ?

Stephen Kumalo gật đầu:

- Tôi chưa bao giờ được nghe thấy như vậy. Ngay như tôi đây – là anh chú ấy – mà chú ấy cũng đã bắt tôi theo ý muốn của chú ấy.

- Quả là một sức mạnh. Tại sao Thượng Đế lại cho một người có sức lôi cuốn mạnh như vậy,

điều đó chúng ta không thể hiểu được. Nhưng nếu người đó là một nhà thuyết giáo thì cả thế giới sẽ theo ông ta.

Kumalo lập lại:

- Tôi chưa bao giờ được nghe thấy như vậy.

Msimangu có giọng nghiêm nghị:

- Có lẽ chúng ta nên cảm ơn Thượng Đế rằng ông ta đòi bại, vì nếu không vậy ông ta có thể làm cho xứ này ngập máu. Ông ta đòi bại vì ông ta giàu, sợ mất của cải của mình, và sợ mất cái uy thế của mình. Chúng ta không bao giờ hiểu được cái đó. Huynh muốn về chưa hay muốn nghe diễn giả Tomlinson này?

- Tôi muốn ở lại nghe.

- Vậy thì chúng ta lại gần nữa đi, ông này nói khó nghe.

- Thưa bác, đã muốn về chưa, bác Jarvis?

- Ừ về thôi cháu John.

- Thưa bác nghĩ sao?

Jarvis đáp cụt ngủn:

- Không ưa cái trò đó.

- Cháu không muốn hỏi vậy. Cháu muốn nói rằng chúng ta đã chứng kiến một biến cố, phải vậy không bác?

Jarvis càu nhàu:

- Bác không ưa cái đó. Thôi về câu lạc bộ của cháu đi.

John Harrison nghĩ bụng:

- Bác ấy già quá rồi để đương đầu với cái đó. Chẳng nên trách làm chi. Mà ba mình cũng vậy.

Cậu lên xe, cho xe chạy. Và cậu điềm tĩnh nghĩ thầm: “ Nhưng mình thì mình phải đương đầu ”.

Viên đại úy chào thượng cấp.

- Tôi xin báo cáo, đại tá.

- Sao việc xảy ra sao, đại úy.

- Thưa không có chuyện lộn xộn. Nhưng tên Kumalo đó nguy hiểm. Hắn lôi cuốn quần chúng tới một mức nào đó, rồi thì lùi lại. Nếu không có bọn chúng ta ở đó thì chắc có lắm chuyện.

- Vậy chúng ta phải có mặt ở đó, thế thôi. Thật lạ lùng, lời báo cáo nào cũng giống nhau: nó tiến tới một mức nào đó rồi thì ngừng. Tại sao ông bảo rằng nó nguy hiểm?

- Thừa đại tá, tại cái giọng của nó. Tôi chưa nghe thấy cái giọng nào như vậy, như một đại phong cầm. Người ta thấy cả một đám đông dao động lên. Chính tôi cũng cảm thấy vậy. Cơ hồ như lúc đó hẳn thấy cái gì xảy ra rồi và hẳn tự ghì lại.

Viên đại tá chỉ đáp:

- Nhất gan. Tôi đã nghe người ta nói như ông. Để hôm nào tôi phải đi nghe cái giọng nó mới được.

- Thừa đại tá, sẽ có đình công không?

- Tôi cũng tự hỏi vậy. Có thể gây chuyện bực mình đấy. Mà chúng mình lúc này bù đầu rồi. Thôi khuya rồi đại uý về nghỉ đi.

- Kính chào đại tá.

- Chào ông. À, ông Harry!

- Dạ.

- Nghe nói ông sắp được thăng chức?

- Cảm ơn đại tá.

- Như vậy một ngày kia ông sẽ thay tôi. Lương cao chức lớn, uy danh này. Và đủ các nỗi lo lắng trên đời nữa. Người ta có cảm giác ngồi trên một hoả diệm sơn. Không biết có bỏ không? Thôi chào ông.

- Kính chào đại tá.

Viên đại tá thở dài, kéo xấp giấy lại gần, cau mày ra vẻ suy tư. Ông ta nói:

- Lương cao, chức lớn, uy danh này.

Rồi cúi xuống làm việc.

Nếu có cuộc đình công thì tình thế sẽ nghiêm trọng. Vì có ba trăm ngàn thợ mỏ da đen ở Witwatersrand. Họ tới đây từ các miền Transkei, Batusoland, Zuzuland, Bechuanaland, Seukuniland và từ cả những xứ ở ngoài Nam Phi nữa. Họ là những người chất phác, thất học, những dân quen sống trong bộ lạc, dễ bị bọn dẫn đạo lôi cuốn. Mà khi họ đình công thì họ nổi điên lên, nhốt nhân viên trong phòng giấy, liệng ve chai, gạch đá, và nổi lửa đốt hăng. Đành rằng có tới cả trăm mỏ cất trại cho họ ở, và như vậy dễ kiểm soát họ. Nhưng họ có thể phá phách dữ dội, làm nguy tánh mạng nhiều người và làm tê liệt kỹ nghệ lớn nhất của Nam Phi, kỹ nghệ làm cơ sở cho Nam Phi, định đoạt sự sinh tồn của Nam Phi.

Có tiếng đồn đáng ngại rằng cuộc đình công sẽ không hạn chế trong các mỏ mà lan ra mọi kỹ nghệ, tới sở hoả xa, sở hàng hải. Người ta còn đồn rằng, mọi người da đen, đàn ông cũng như

đàn bà sẽ đình công hết ráo; trường học, giáo đường sẽ đóng cửa. Họ sẽ ở không, cau có, lang thang trên mọi đường phố trên mọi châu thành, mọi làng xóm, trên mọi đường cái, và trong mọi trại ruộng. Tám triệu người da đen. Nhưng cái đó vô lý không tin được. Họ đâu được tổ chức để đình công như vậy, họ sẽ phải khốn khổ ghê gớm, sẽ chết đói. Tuy nhiên chỉ nghĩ tới cái điều vô lý đó cũng đủ đâm hoảng rồi, và bây giờ người da trắng mới nhận thức được đời sống của mình tùy thuộc sức lao động của người da đen tới mức nào.

Thời này, thật toàn những ưu tư, ai cũng nhận vậy. Có những biến cố kỳ dị xảy ra trên thế giới, thế giới không bao giờ để cho Nam Phi được yên.

Cuộc đình công phát ra và đã chấm dứt. Nó không lan ra ngoài các mỏ. Nó phát mạnh nhất ở Driefontein; người ta phải kêu lực lượng cảnh sát tới dùng áp lực buộc thợ mỏ da đen trở vào mỏ làm việc. Có cuộc ẩu đả và ba thợ mỏ da đen bị giết. Nhưng theo báo cáo thì bây giờ mọi sự đều yên rồi.

Hội nghị hằng năm giáo khu Johannesburg trước kia có biết chuyện mỏ miếc gì đâu. Nhưng thời đại đã thay đổi và hình như bây giờ họ không còn hạn chế hoạt động trong vấn đề tôn giáo nữa và một vị mục sư đã diễn thuyết về cái chuyện mỏ đó. Ông ta bảo rằng tới lúc phải thừa nhận Nghiệp đoàn thợ mỏ châu Phi, và còn báo trước rằng nếu không thừa nhận thì sẽ có cuộc đổ máu đấy. Có lẽ ông ta muốn nói rằng phải coi nghiệp đoàn là một tổ chức có trách nhiệm, được quyền thương lượng với chủ nhân về điều kiện làm việc và tiền công. Nhưng một người gọi là phát ngôn viên vạch ra rằng tội thợ mỏ da đen vốn chất phác, biết quái gì về thương với lương, chỉ để cho bọn khuấy rối vô lương tâm xỏ mũi thôi. Dù sao thì ai cũng biết rằng hễ tăng phí tổn khai mỏ lên thì sẽ nguy cho sự sinh tồn của mỏ, mà nguy cho cả sự sinh tồn của Nam Phi nữa.

Vấn đề rắc rối đó có nhiều khía cạnh quá. Người ta cứ ương ngạnh bàn về tình trạng xói mòn đất đai, về sự suy tàn của bộ lạc, về cái tội thiếu trường, số phạm pháp tăng lên, như thế tất cả những cái đó đều liên quan tới vấn đề mỏ cả. Cứ suy luận thêm chút nữa đi rồi sẽ đưa cả vấn đề Cộng Hoà vô, rồi vấn đề hai sinh ngữ chính thức, vấn đề kiều dân ngoại quốc, cả vấn đề Palestine nữa, có mà Trời mới biết cho hết được. Cho nên, tốt hơn là đừng suy nghĩ tới nó nữa. Trong khi chờ đợi, cứ biết rằng cuộc đình công chấm dứt rồi, số người thiệt mạng ít một cách không ngờ. Mọi sự yên cả rồi, người ta báo cáo vậy, yên hết rồi.

Ở ngoài cảng vắng tanh, nước vẫn vỗ vào bờ đá. Trong khu rừng âm u và tịch mịch, một chiếc lá rụng. Sau những tấm ván đánh bóng, mỗi vẫn đục gỗ. Có cái gì yên đâu, trừ phi đối với bọn diên.

Chú thích:

1. Trong bản dịch tiếng Pháp của nhà Albin Michel năm 1950, ở đây còn một đoạn độ 15 hàng nữa, mà bản tiếng Anh của nhà Charles Scirbners Sons – 1959 không có, chắc là tác giả đã cắt bỏ.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 8

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn cang đáng thì cang đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Bà Lithebe và Gertrude vô nhà rồi, bà Lithebe bèn khép cửa lại.

- Tôi rán hiểu cháu, mà hiểu không nổi.
 - Con có làm gì bậy đâu?
 - Tôi không bảo rằng cháu làm bậy. Nhưng cháu không hiểu cái nhà này, không hiểu những người ở trong nhà này.
- Gertrude đứng, mặt bí xí:
- Con hiểu chứ.
 - Hiểu thì tại sao cháu lại chuyện trò với hạng người như vậy.
 - Con đâu có biết rằng họ không phải là hạng người đàng hoàng.
 - Thế cháu không nghe cái cách họ nói, họ cười đấy ư? Không nghe họ cười một cách tầm phào, vô ý vô tứ đấy ư?
 - Con không biết rằng như vậy là bậy.
 - Tôi không bảo rằng như vậy là bậy. Tôi chỉ bảo họ cười một cách tầm phào vô ý vô tứ. Cháu không rán thành một người đàn bà lương thiện hay sao?
 - Con rán.
 - Hạng người đó không giúp được con sửa tính đâu.
 - Dạ.
 - Tôi không muốn rầy cháu đâu. Nhưng Umfundisi, anh cháu, chịu đau khổ như vậy đã là nhiều rồi.
 - Dạ.
 - Vậy thì đừng làm cho anh cháu đau khổ thêm nữa, nghe cháu.
- Gertrude nước mắt rưng rưng nói:
- Tôi chỉ mong ra khỏi nhà này thôi. Ở đây cái gì làm cũng không được.
 - Nay cháu, không phải chỉ ở đây mà thôi đâu, ngay ở Ndotsheni nữa, cháu cũng sẽ gặp những người cười một cách tầm phào, vô ý vô tứ.
 - Chính là ở đây. Chỉ ở Johannesburg này tôi mới gặp đủ chuyện phiền muộn. Tôi mong được về quê nhà cho sớm.
 - Sắp được về rồi đấy vì vụ đó ngày mai sẽ xử xong. Nhưng tôi lo ngại cho cháu mà cũng cho Umfundisi nữa.
 - Có gì đâu mà lo ngại.
 - Cháu nói vậy tôi mừng đấy. Tôi không có gì ngại cho con bé đó, nó có thiện ý, nó biết nghe lời. Nó muốn làm vui lòng Umfundisi. Mà ít nhất cũng phải vậy, vì Umfundisi săn sóc cho nó còn hơn cả cha đẻ ra nó nữa mà.
 - Nó cũng có lúc ăn nói vô ý vô tứ vậy.
 - Già này đâu có điếc, cháu. Nhưng nó chịu sửa đổi và mau có kết quả. Thôi, bỏ qua chuyện đó

đi, không nói nữa. Nghe như có ai vô kia.

Có tiếng gõ cửa và một bà to lớn đẩy đà đứng ở cửa, thở hổn hển vì đi mệt. Người đó bảo:

- Báo lại đăng nhiều tin dữ nữa.

Nói xong đặt tờ báo lên bàn, chỉ hàng tit chạy chữ lớn cho hai người đàn bà kia coi: **LẠI THÊM MỘT VỤ SÁT NHÂN NỮ Ở JOHANNESBURG - MỘT CHỦ NHÀ GỐC ÂU BỊ MỘT TÊN TRỘM BẢN XỨ BẮN CHẾT.**

Họ kinh hoàng. Hồi này những tit như vậy làm cho mọi người sợ. Tất cả những người da đen tôn trọng pháp luật cũng sợ. Có người yêu cầu các nhà báo bỏ chữ “ bản xứ ” trên các tit lớn đi, nhưng có người lại bảo che giấu sự thực bi thảm đó là điều vô ích.

Người đàn bà đẩy đà đó bảo:

- Vụ đó xảy ra đúng lúc này, lúc sắp tuyên án, thì thực là điều không may.

Vì thím ta biết rõ vụ Absalom và lần nào cũng theo bà Lithebe lại nghe toà xử.

Bà Lithebe bảo:

- Quả là điều không may như thím nói.

Bà nghe có tiếng lạch cạch ở cửa rào, vội liệng tờ báo xuống dưới một chiếc ghế bành. Kumalo và thiếu nữ bước vô. Hồi này ông lão yếu ớt, lẩy bẩy nên thiếu nữ phải cặp tay ông dắt đi. Họ vừa vô tới phòng thì lại có tiếng ai mở cửa rào, Msimangu bước vào, nhìn thấy tờ báo ở dưới chiếc ghế bành, lượm lên hỏi:

- Ông ấy đã đọc chưa?

Người đàn bà đẩy đà đáp:

- Thừa Umfundisi, chưa. Đúng lúc này mà xảy ra cái vụ đó thì thật tai hại, phải vậy không?

Msimangu đáp:

- Quan Chánh thẩm này là một vị công minh. Nhưng quả là một điều không may. Ông ấy thích đọc báo, làm cách nào bây giờ?

Bà Lithebe đáp:

- Trong nhà chỉ có số báo này mà thím đây mới mang lại. Nhưng tối nay ông ấy qua Hội Truyền giáo dùng bữa, bên ấy có báo thì thế nào ông ấy chẳng coi.

Msimangu bảo:

- Chính vì vậy mà tôi qua đây. Thím dọn cho chúng tôi ăn bữa tối ở đây được không?

- Chuyện đó dễ mà. Thức ăn không thiếu, nhưng thanh đạm lắm.

- Thím tốt bụng quá, luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi.

- Ở đời thì phải giúp đỡ lẫn nhau chứ có gì đâu.

- Và ăn xong chúng ta đi dự ngay buổi họp. Qua được tối nay, ngày mai thì khỏi lo, vì những ngày đi coi toà xử, ông ấy không có thì giờ coi báo. Xử xong rồi, ông ấy có đọc tin đó thì cũng

chẳng sao.

Vậy giấu tờ báo đi và mọi người ở lại ăn tối tại nhà bà Lithebe, xong rồi cùng qua giáo đường nghe một người đàn bà da đen nói về các khuynh hướng không màng thế tục của mình mà nguyện thành nữ tu sĩ, và được Thượng Đế giải thoát cho khỏi cái thị dục trong bản tính của mọi phụ nữ ra sao.

Sau buổi họp, khi Msimangu đã ra về và Kumalo đã vô phòng riêng rồi, còn thiếu nữ thì đương sắp đặt chỗ ngủ trong phòng ăn, Gertrude theo bà Lithebe vô phòng của bà.

- Con muốn thừa chuyện với má.

- Cứ nói đi cháu.

Bà khép cửa lại, đợi Gertrude nói

- Má ạ, con nghe nữ tu sĩ da đen và con nghĩ có lẽ con cũng nên đi tu.

Bà Lithebe sung sướng vỗ tay, rồi tỏ vẻ nghiêm trọng:

- Tôi vỗ tay không phải vì tôi nghĩ rằng cháu phải đi tu, mà vì cháu có ý đó. Vì còn đứa con của cháu nữa, bỏ nó sao được.

Gertrude rưng rưng nước mắt:

- Chị dâu cháu có thể săn sóc nó hơn là chính cháu săn sóc cho nó nữa. Má biết, tính con nhu nhược, con cười nói vô ý vô tứ. Có thể cái đó giúp con thành nữ tu sĩ được.

- Cháu muốn nói cái thị dục ấy ư?

Gertrude cúi đầu đáp:

- Dạ, chính cái đó.

Bà Lithebe đưa hai tay ra nắm bàn tay của Gertrude.

- Nếu vậy thì quý lắm. Nhưng người ta bảo không nên khinh xuất mà quyết định vội vàng.

Chính cô ấy chẳng đã khuyên như vậy đấy ư?

- Dạ, cô ấy có khuyên như vậy.

- Thôi, chuyện đó chúng ta hãy giữ kín với nhau. Tôi sẽ cầu nguyện cho cháu và cháu cũng cầu nguyện nữa. Đợi ít lâu nữa, chúng ta sẽ bàn lại. Như vậy hơn phải không cháu?

- Dạ, phải.

- Thôi chúc cháu ngủ ngon giấc. Không biết việc đó sẽ thành không. Nhưng nếu thành thì ông lão sẽ được an ủi nhiều lắm.

- Con chúc má an giấc.

Gertrude bước ra khép cửa lại, tính đi về phòng mình thì bỗng nảy ra một ý, ngồi sụp xuống sàn, bên cạnh chỗ thiếu nữ nằm.

Nàng bảo:

- Cô muốn đi tu, cháu ạ

Thiếu nữ đang nằm trong mền, ngồi nhòm dậy hỏi:

- Cực khổ lắm cô ạ.
- Cực khổ lắm. Cô còn do dự. Nhưng nếu cô quyết tâm rồi, thì cháu sẵn sóc thẳng bé giùm cô nhé?

Thiếu nữ đáp, nét mặt hăng hái, nghiêm trang:

- Chắc chắn rồi, chắc chắn cháu sẽ sẵn sóc cho em.
- Sẵn sóc nó như con của cháu nhé?
- Chắc chắn vậy, cháu sẽ coi nó như con.
- Vậy trước mặt nó, cháu đừng ăn nói vô ý vô tứ nhé.

Thiếu nữ rất nghiêm trang đáp lại:

- Từ nay cháu sẽ không bao giờ, ăn nói vô ý vô tứ nữa.

Gertrude nói:

- Cô cũng vậy, sẽ không bao giờ ăn nói vô ý vô tứ nữa. Nhưng này, cháu nhớ rằng cô chưa quyết định đâu nhé.
- Cháu xin nhớ.
- Đừng nói với ai hết nhé. Nếu cô nói một đường làm một nẻo thì anh của cô sẽ rầu lắm đấy.
- Cháu hiểu.
- Thôi, chúc cháu an giấc.
- Chúc cô an giấc.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 9

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn cang đáng thì cang đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điếu vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Mọi người đứng dậy khi ông Chánh thẩm bước vô phòng xử, người ta đứng dậy một cách

ng nghiêm trang hơn vì hôm nay là ngày tuyên án. Ông Chánh thẩm ngồi xuống trước, rồi tới hai ông phụ thẩm, sau cùng tới công chúng; và người ta dẫn ba bị cáo lên.

Ông Chánh thẩm tuyên bố:

“ Tôi đã suy nghĩ, xem xét kỹ vụ này, hai ông phụ thẩm của tôi cũng vậy. Tôi đã chăm chú nghe tất cả các lời cung khai, chứng ngôn mà người ta đưa ra, chúng tôi đã xem xét, phân tích từng điều một ”.

Thầy thông ngôn dịch lời của ông chánh thẩm ra tiếng Zulu:

“ Bị cáo Kumalo không kiếm cách chối tội. Luật sư đã lựa cách đặt bị cáo vào địa vị chứng nhân và bị cáo đã thành thực kể lại đầu đuôi việc bắn chết Arthur Jarvis trong ngôi nhà của ông ở Parkwold. Bị cáo lại còn chống đỡ rằng không có ý giết, cũng không có ý nổ súng. Sở dĩ đem theo khẩu súng chỉ là để dọa người bồi Richard Mpiring, và nghĩ rằng giờ đó nạn nhân không có nhà. Lát nữa chúng ta sẽ xét lời khai đó, nhưng chúng ta nên nhớ rằng lời khai đó có vài điểm cực kỳ quan trọng quyết đoán tội lỗi của bị can thứ nhì và thứ ba. Bị can thứ nhất khai rằng bị can thứ ba tức Johannes Pafuri đã vạch kế hoạch hành động và chính Pafuri đã đập lên đầu người bồi Mpiring làm cho người này té xỉu. Lời khai đó được chính Mpiring xác nhận, vì Mpiring bảo đã nhận mặt được Pafuri nhờ cái tật mắt y giật giật ở phía trên cái khăn che kín nửa dưới mặt. Lại có điều này nữa là Mpiring đã chỉ được đúng Pafuri trong số mười người khác cũng che nửa mặt như Pafuri và vài người cũng có tật giật giật như Pafuri. Nhưng luật sư biện hộ viện lẽ rằng những tật giật giật đó giống nhau chứ không giống y hệt nhau, và nội cái việc gom được nhiều người vóc dáng như nhau thôi đã khó rồi, đừng nói là có cùng một tật giật giật như nhau nữa, mà Pafuri thì Mpiring biết rõ lắm. Luật sư biện hộ bảo rằng sự nhận diện chỉ có giá trị nếu cả mười người vóc dáng đều như nhau và đều có cái tật giật giật y hệt nhau. Chúng ta không thể chấp nhận hoàn toàn luận điệu đó được vì nó sẽ đưa tới kết luận rằng sự nhận diện chỉ có giá trị khi mọi người đưa ra nhận diện phải y hệt nhau. Nhưng luận điệu đó có một phần đúng: một đặc trưng rõ rệt như tật giật giật có thể làm cho ta nhận diện lầm nhất là khi nửa dưới mặt bị che kín. Chúng ta nhận rằng: nói tới nhận biết là nhận biết một khuôn gương, một toàn thể và khi cái khuôn gương đó bị che đi một phần thì sự nhận biết sẽ không được chắc chắn. Sự thực thì nó có phần nguy hiểm nữa vì có thể che giấu những nét khác nhau đi mà chỉ để lộ những vết giống nhau thôi. Chẳng hạn hai người có một nét theo giống nhau, nếu ta che những chỗ khác đi chỉ để lộ những chỗ có theo thôi thì rất dễ lầm người này với người kia. Vậy thì có thể là sự Mpiring nhận diện kẻ đã hành hung mình chưa đủ chứng tỏ rằng Pafuri là kẻ đó.

“ Vả lại, chúng ta nên nhớ điểm này là bị cáo thứ nhất Absalom Kumalo đã khai rằng Pafuri có mặt ở đó và đập lên đầu Mpiring, và khai như vậy sau khi cảnh sát hỏi về chỗ ở của Pafuri. Phải

lúc đó y nảy ra cái ý làm cho Pafuri bị liên lụy không? Hay là trước kia kẻ sát nhân và Pafuri đã đồng loã với nhau rồi? Luật sư của bị cáo thứ nhất chứng tỏ rằng Absalom Kumalo đã có tâm trạng sợ sệt liên tiếp trong mấy ngày và khi bị bắt thì y đã sẵn sàng thú tội cho nhẹ nổi lòng đi rồi, như vậy thì chính tâm trạng đó đã thúc y khai hết ra, chứ không phải là vì cảnh sát hỏi y về Pafuri, dù hỏi về tên khác thì y cũng khai hết từ đầu đến cuối. Chính lời y tự tả tâm trạng của y làm cho lời giả thiết trên, có thể tin được. Nhưng chúng ta cũng không thể gạt bỏ giả thiết này là y níu lấy tên Pafuri, bảo Pafuri có dục vào vụ đó để khỏi chịu một mình tất cả trọng tội đó.

Nhưng nếu vậy thì y giấu tên của kẻ thực sự đồng loã với y làm chi, vì không có lý gì mà không tin lời Mpiring khai rằng có ba người vô nhà bếp. Bị cáo thứ nhất đã khai đúng những hành vi của chính y. Thế thì có lý gì y lại khai bậy cho hai kẻ vô tội mà giấu tên hai kẻ phạm tội?

“ Chúng ta cũng nên nhớ sự trùng hợp kỳ dị này nữa, là cái điều người ta viện ra là nhận diện sai lại làm cho một kẻ đồng loã lo ngại và thú liên (1)

“ Còn thêm một nỗi khó khăn trong vụ rắc rối này nữa. Trong số hai bị cáo khác, không có bị cáo nào – ngay cả đến Babu Mkize cũng vậy - chối rằng cả bốn người đều có mặt ở số nhà 79, đại lộ Hai mươi ba ở Alexandra, cái đêm sau khi xảy ra án mạng đó. Cũng do một sự tình cờ gặp nhau nữa chẳng mà bị cáo thứ nhất nảy ra ý tố cáo bị cáo thứ nhì và thứ ba là đồng loã với mình? Hay là chính y đã muốn có cuộc hội họp đó? Trong cuộc họp đó họ có bàn về án mạng đó không. Baby Mkize là một chứng nhân rất đáng ngờ, nhưng cả ông biện lý lẫn luật sư của bị cáo thứ nhất dù đã chứng minh được điều đó một cách rõ ràng, mà vẫn không đưa ra được chứng cứ một cách chắc chắn rằng họ có nói tới án mạng trước mặt y thị. Y thị mới đầu khai man với cảnh sát rằng đã một năm rồi không gặp bị cáo thứ nhất. Y thị đã tỏ ra lúng túng, mâu thuẫn, sợ sệt, nhưng sự sợ sệt rồi sinh ra lúng túng đó có phải chỉ vì y thị nhớ rõ tối hôm đó có bàn về án mạng trước mặt mình? Điều đó chúng ta chưa thể quyết đoán được.

“ Công tố trạng cho rằng ba bị cáo liên kết với nhau từ lâu và nhấn mạnh rằng đã ra lệnh cho điều tra thêm về tính cách của sự hợp tác của họ. Nhưng dù họ trước kia có hợp tác với nhau, dù sự hợp tác đó có tính cách phạm pháp nữa, thì nó cũng chưa đủ chứng thực rằng lần này cả ba bị cáo đó đồng loã với nhau trong vụ án mạng này.

“ Sau khi xem xét vụ này rất lâu và kỹ lưỡng, hai ông phụ thẩm và tôi cho rằng sự phạm pháp của bị cáo thứ nhì và thứ ba chưa được hiển nhiên và chúng tôi kết luận rằng nên miễn tố cho họ. Nhưng tôi chắc rằng người ta sẽ điều tra rất kỹ xem sự hợp tác trước kia của họ có tính cách phạm pháp không? ”

Cả phòng thở ra nhẹ nhàng. Thế là một màn của bi kịch đã hạ. Bị cáo Asalom Kumalo không hề nhúc nhích, cũng không nhìn hai bị cáo mới được tha kia. Còn Pafuri thì nhìn khắp chung quanh, như muốn nói: “ Xử như vậy là đúng, là công bằng, như vậy mới là xử ”

“ Còn lại trường hợp của bị cáo thứ nhất. Lời khai của y đã được xem xét tỉ mỉ, và những điều nào có thể kiểm soát được thì cũng thấy đúng hết. Không có lý gì để nghĩ rằng một kẻ tự xưng khai rằng mình là thủ phạm một tội mà mình không nhúng vào. Vị luật sư đáng kính của y biện hộ rằng y không đáng bị xử tử, viện lẽ rằng y rất xúc động, đau khổ vì hối hận đã hành động như vậy, và khen y đã thành thực, thẳng thắn thú tội, rồi nhấn mạnh vào điểm y còn trẻ tuổi, vào sự ảnh hưởng tai hại của một châu thành lớn truy lục với tính tình một thanh niên chất phác mới rời khỏi bộ lạc. Ông đã sâu sắc xét những tai họa gây sự tàn phá trong xã hội dân bản xứ của chúng ta và đưa ra những bằng chứng vững chắc rằng chúng ta chịu trách nhiệm về sự tàn phá đó. Nhưng dẫu có đúng rằng chúng ta vì sợ sệt hoặc ích kỷ hoặc vô tâm gây sự tàn phá đó, rồi chẳng chịu làm gì hoặc làm rất ít để sửa chữa lại, dù có đúng rằng chúng ta phải lấy điều đó làm xấu hổ, và có thái độ can đảm hơn thẳng thắn hơn thái độ từ trước tới nay của chúng ta, thì cũng còn điều này là chúng ta ít nhất cũng có một luật pháp và một trong những thành công đáng khen nhất của cái xã hội còn khiếm khuyết này là xã hội chúng ta đã tạo ra luật pháp, giao phó cho các vị thẩm phán điều hành luật pháp đó, và cho các vị ấy được thoát khỏi mọi sự bó buộc khác trừ cái nhiệm vụ điều hành luật pháp.

“ Một vị thẩm phán không thể đùa giỡn với luật pháp vì cái lẽ xã hội còn khuyết điểm. Nếu luật pháp là luật pháp của một xã hội mà một số người cho là bất công thì phải thay đổi luật pháp và xã hội đó. Trong khi chờ đợi, vẫn có một luật pháp hiện hành, luật pháp đó phải được áp dụng và bốn phận thiêng liêng của vị thẩm phán là phải làm người ta tôn trọng nó. Và cái điều các vị thẩm phán được toàn quyền xét xử, cái điều đó phải được coi là một điều công bằng trong một xã hội, mà ở vài điểm khác, có thể bị coi là ít công bằng. Dĩ nhiên là tôi không muốn nói rằng vị luật sư đáng kính biện hộ cho bị cáo trong một phút nào đó có cái ý nghĩ không nên áp dụng luật pháp. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng một vị thẩm phán không thể và cũng không nên để cho những khuyết điểm của xã hội ảnh hưởng tới phán quyết của mình, mà chỉ nên áp dụng đúng luật pháp thôi.

“ Theo pháp luật thì mỗi người chịu trách nhiệm về hành động của mình trừ vài hoàn cảnh trong vụ này không ai dẫn chứng ra được. Ngoài những hoàn cảnh đó ra một vị thẩm phán không có nhiệm vụ quyết đoán rằng con người thực sự chịu trách nhiệm tới mức nào, cứ theo luật thì họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Mà thẩm phán cũng không được tỏ lòng thương người. Một chức quyền cao hơn, như trong trường hợp này là quan Toàn quyền hội đồng chính phủ có thể ban lệnh ân xá, nhưng đó là việc của ngài.

“ Tóm lại sự kiện ra sao? Thanh niên đó có ý xông vô một ngôi nhà để ăn cắp. Y mang theo khẩu súng nạp đạn sẵn. Y bảo là mang theo khí giới đó chỉ để dọa thôi. Nhưng nếu vậy thì tại sao lại nạp đạn sẵn. Y bảo không có ý giết người. Nhưng một tên đồng loã của y đã tàn nhẫn

đập một gia nhân bản xứ tới bất tỉnh có thể chết được lắm. Chính y khai rằng khi giới đó là một thanh sắt, không có cách nào đánh người mà tàn nhẫn, nguy hiểm hơn cách đó. Y dựa vào âm mưu đó và khi toà hỏi thì y nhận đã không phản kháng cái ý định dùng khí giới nguy hiểm giết người đó. Đành rằng nạn nhân là một người da đen và có một số người cho rằng khi nạn nhân là da đen thì một tội ác như vậy không đáng coi là nặng lắm. Nhưng không một toà án nào có thể chấp nhận một quan niệm như vậy.

“Điểm quan trọng nhất là xét trong vụ này là bị cáo xác nhận mấy lần rằng y không có ý giết người, và người da trắng xuất hiện bất ngờ quá, y hoảng hốt sợ sệt nên nổ súng. Nếu toà nhận lời đó là đúng thì cũng phải nhận rằng bị cáo không có tội cố sát.

“ Nhưng một lần nữa, chúng ta lại xét xem sự kiện ra sao. Người ta có thể coi ba thanh niên đó không phải là những kẻ nguy hiểm, giết người không? Phải, họ không vô nhà đó để cố ý giết người. Nhưng rõ ràng là họ mang theo những khí giới có thể làm mất sinh mạng của bất kỳ người nào làm trở ngại dự tính của họ.

“ Về điểm đó, một nhà pháp luật học trứ danh Nam Phi đã nói như vậy: “Ý muốn giết người là một yếu tố căn bản của sự cố sát; nhưng ý muốn đó có thể ám tàng trong hoàn cảnh. Vấn đề là xét những sự kiện đã được chứng thực ở đây xem có thực là ý muốn đó có ám tàng hay không. Vì không phải chỉ trong trường hợp rõ ràng có sự quyết tâm giết người thì mới là có ý muốn đó, cả trong những trường hợp mục tiêu chỉ nhằm đả thương nặng có thể gây ra sự chết mà không cần biết sẽ chết hay không, cả trong những trường hợp đó, cũng phải coi là cố ý sát nhân.

“ Chúng ta có thể nào cho rằng trong cái phòng nhỏ đó, trong thời gian rất ngắn ngủi rất bí hiểm đó, một người da đen bị đập tới bất tỉnh một cách tàn nhẫn và một người da trắng vô tội bị bắn chết, mà những kẻ kia lại không có ý đả thương nặng nếu chúng thấy cần đả thương để thực hiện cho được ý muốn tội lỗi của chúng? Riêng tôi, tôi không thể chấp nhận một giả thiết như vậy được ”

Phòng xử im phăng phắc. Viên Chánh thẩm cũng im. Không nghe thấy một tiếng động. Không một người nào ho, nhúc nhích hoặc thở dài. Viên Chánh thẩm tiếp tục:

“ Absalom Kumalo, toà tuyên bố rằng anh phạm tội giết Arthur.T. Jarvis tại nhà ông ta ở Parkwold, xế trưa ngày mùng 8 tháng 10 năm 1946. Và toà tuyên bố rằng Matthew Kumalo và Johannes Pafuri vô tội, được tha bổng ”

Hai tên sau bèn lại cầu thang xuống hầm, còn lại một mình tên thứ nhất đứng nhìn theo họ. Có lẽ hắn nghĩ: “ Bây giờ mình hoá ra cô độc ”

Viên Chánh thẩm tiếp tục:

“ Toà có thể dựa vào những khoản nào để khoan hồng? Tôi đã suy nghĩ lâu và kỹ về điểm đó mà

không thấy được một hoàn cảnh giảm khinh nào cả. Bị cáo trẻ người thật nhưng đã tới tuổi thành nhân. Y vô một nhà với hai tên đồng lõa, đem theo khí giới đều có thể giết người được cả. Chúng đã sử dụng hai khí giới đó, một khí giới gây hậu quả nghiêm trọng, còn khí giới kia làm chết một người. Toà án này có bốn phận trang nghiêm bảo vệ xã hội khỏi bị những kẻ nguy hiểm bất kỳ ở tuổi nào, hành hung tàn sát, và tỏ ra cho mọi người thấy toà sẽ trừng phạt một cách đích đáng những tội như vậy. Cho nên tôi không thể khoan hồng được ”

Viên Chánh thẩm hỏi thanh niên bị cáo:

- Anh có điều gì muốn nói nữa trước khi tôi tuyên án không?
- Tôi chỉ xin nói điều này, là tôi đã giết người đó thật, nhưng tôi chỉ vì sợ mà giết chứ không cố ý giết.

Cả phòng im lặng. Mặc dầu vậy một người da trắng cũng lớn tiếng yêu cầu yên lặng. Kumalo đưa tay lên bụng mặt, hiểu như vậy nghĩa là gì rồi. Jarvis ngồi rất ngay ngắn, vẻ mặt nghiêm nghị. Người trẻ tuổi da trắng ngó phía trước và cau mày. Thiếu nữ ngồi như em bé mắt đăm đăm nhìn ông Chánh thẩm, chứ không nhìn người yêu của mình.

- Absalom Kumalo, tôi xử anh phải trở về khám và sẽ bị xử giáo. Cầu Chúa cứu độ linh hồn anh. Ông ta đứng dậy và mọi người đứng dậy theo. Nhưng không phải mọi người đều im lặng. Tội nhân té xuống sàn, kêu gào, khóc nức nở. Có một người đàn bà thút thít và một ông già kêu lên *Tixo, Tixo*. Không ai ra lệnh phải im lặng mặc dầu viên Chánh thẩm chưa ra khỏi phòng. Vì ai có thể cấm được lòng người tan nát.

Người ta ra về, người da trắng đi một phía, người da đen đi một phía, theo tục lệ. Nhưng người da trắng trẻ tuổi đã phá tục lệ đó. Ông ta và Msimangu đỡ ông già đau khổ, mỗi người cặp tay một bên. Rất ít khi tục lệ đó bị phá. Chỉ khi nào có người tan nát cõi lòng nó mới bị phá. Người trẻ tuổi cau mày giận dữ ngó phía trước. Một phần vì đây là một sự tan nát cõi lòng, một phần vì ông ta đã phá tục lệ. Vì một việc như vậy đâu có thể làm một cách khinh xuất được.

Chú thích: 1. Bản tiếng Pháp không có câu tối nghĩa này.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 10

1.

Jarvis ngồi trên chiếc ghế bành của con, còn bà vợ và nàng dâu trở về nhà ông bà Harrison. Sách, sách, và sách nữa, chưa thấy nhà nào có nhiều sách như vậy. Trên bàn la liệt giấy tờ, thư từ và sách nữa.

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông lại diễn thuyết tại Giám lý hội (1) Parkwold”

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi lấy làm hân hạnh được ông lại diễn thuyết ở câu lạc bộ Thanh niên Anglican Sophiatown”

“Thưa ông Jarvis, xin mời ông quá bộ lại tham dự cuộc thảo luận ở Đại học....”

Không ông Jarvis không thể lại diễn thuyết ở một nơi nào cả.

“Thưa ông Jarvis, chúng tôi hân hạnh mời ông lại dự buổi họp hàng năm của hội Ki Tô và Do Thái...”.

“Ông bà H.B. Singh hân hạnh mời ông bà Jarvis lại dự tiệc cưới con gái đầu lòng của chúng tôi, cô Sarajini”

“Xin mời ông bà Jarvis quá bộ lại dự dạ hội Toc. H ở thung lũng Van Wyk, cho buổi dạ hội được thêm long trọng...”

Không ông Jarvis không thể nhận những lời nhã nhặn đó được.

Trên tường bên cạnh các tủ sách, treo ba tấm hình: hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà trắng ở Vergelegen và bức tranh vẽ một phong cảnh đồng cỏ mùa đông, lơ thơ mấy gốc liễu trụi lá bên dòng nước.

Ông Jarvis đứng dậy bước lại nhìn các tủ sách. Riêng về Abraham Lincoln đã có mấy trăm cuốn. Một người mà sao có thể làm đề tài cho bấy nhiêu tác phẩm, chứa đầy một tủ sách. Một tủ nữa chứa các sách về Nam Phi: cuốn Tiểu sử Rhodes của Sarah Gertrude Millin, cuốn về Smuts cũng của nữ văn sĩ đó, cuốn Tiểu sử Louis Botha của Engelenburg, rồi các sách nghiên cứu về các vấn đề chủng tộc, về loài chim Nam Phi, về Kruger Park và vô số các sách khác nữa. Một tủ thứ

ba đầy những sách viết bằng tiếng Afrikaans, nhưng đọc nhan đề ông chẳng hiểu gì cả. Rồi đây nữa sách về tôn giáo, về Nga Sô, về vấn đề phạm pháp, về tội nhân, có cả những tập thi tuyển nữa. Ông kiểm Shakespeare. Có cả Shakespeare.

Ông trở về ngồi ở chiếc ghế bành, ngắm nghía hồi lâu bức hình Chúa Ki Tô trên thánh giá, hình Abraham Lincoln, hình ngôi nhà Vergelegen và tấm tranh vẽ cảnh liễu bên dòng nước. Rồi ông kéo mấy tờ giấy lại gần.

Tờ thứ nhất là một bức thư của người thư ký câu lạc bộ Thanh niên Phi ở Claremont, đường Gladiolus gửi cho con ông, tỏ ý tiếc rằng con ông không lại dự buổi hội họp hằng năm được, và báo tin rằng con ông lại được bầu làm Hội trưởng một khoá nữa. Cuối thư có đoạn cú pháp kỳ cục này:

“ Cuộc họp hằng năm giao cho tôi cái việc mừng ông về điều đó, và đa tạ ông rất nhiều về tất cả thời gian ông đã hội họp với chúng tôi, về các vật mà ông đã tặng cho Hội. Nếu không có ông dự thì Hội này làm sao mà tổ chức được, đó là điều bí mật mà đa số chúng tôi không hiểu. Vì vậy chúng tôi nhất định bầu ông làm Hội trưởng một khoá nữa.

Tôi xin lỗi ông vì dùng tờ giấy này, nhưng xấp giấy viết thư của Hội chúng ta đã bị mất rồi do những hoàn cảnh bất ngờ.

Tôi xin trân trọng chào ông.

Washington Lefifi ” (2)

Còn tờ giấy kia có nét chữ của con ông. Chắc là những đoạn trong một bài hoặc một cuốn nào đó, vì hàng đầu là cuối một câu và hàng cuối là một câu còn dở dang chưa hết. Ông tìm không thấy những trang còn thiếu, bèn đọc những trang đó vậy:

“ Có thể chấp nhận được. Việc mà chúng ta đã làm khi tới Nam Phi có thể chấp nhận được. Phát triển những nguồn lợi lao của ta nhờ nhân công tại đó, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Dùng những người không chuyên môn vào một công việc không chuyên môn là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng lấy có là những việc không chuyên môn, mà không đào tạo những thợ chuyên môn thì là điều không chấp nhận được.

“ Khi chúng ta tìm thấy mỏ vàng, phải kiếm nhân công cho mỏ, đó là điều chấp nhận được. Lúc đó lập trại cho thợ mỏ, bắt vợ con họ phải ở xa châu thành, là điều có thể chấp nhận được. Chấp nhận được vì hồi đó chúng ta chưa biết gì cả và chúng ta còn thí nghiệm. Nhưng ngày nay chúng ta đã hiểu biết rồi thì điều đó không thể chấp nhận được nữa. Khi chúng ta biết rằng như vậy, là làm gia đình họ tan tành, mà chúng ta vẫn tiếp tục làm thì điều đó không sao chấp nhận được.

“ Nếu có sự thoả thuận của thợ thuyền, thì sự khai thác tài nguyên là điều chấp nhận được. Nhưng khai thác mà làm hại cho thợ thuyền, thì là điều không thể chấp nhận được. Không thể

chấp nhận được cái việc đào vàng, chế tạo sản phẩm, hoặc cấy cày ruộng đất, nếu việc khai thác, chế tạo, trồng trọt đó cần có một chính sách duy trì cảnh khốn khổ của thợ thuyền. Không thể chấp nhận được sự gia tăng tài sản của một số người, nếu họ chỉ có thể làm giàu trên lưng người khác. Sự thực chỉ có một danh từ để gọi các hành động ấy, danh từ “ bóc lột ”. Cái đó có thể chấp nhận được hồi chúng ta mới tới xứ này, vì lúc đó chúng ta không thể lường được, sự bóc lột đó đã làm cho đời sống cộng đồng của dân bản xứ tan nát ra sao, đời sống gia đình của dân bản xứ truy lạc ra sao, họ hoá ra nghèo khổ, hà tiện ra sao, gây tội lỗi ra sao. Nhưng bây giờ chúng ta đã thấy những tai hại đó rồi, thì việc đó không thể chấp nhận được nữa.

“ Hồi xưa có thể chấp nhận được cái việc bỏ thí sự giáo dục cho dân bản xứ, cho ai muốn càng đáng thì càng đáng. Nghi ngờ sự ích lợi của việc giáo dục dân bản xứ, là điều hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay đã có kinh nghiệm rồi thì điều đó không chấp nhận được nữa. Một phần do sự phát triển kỹ nghệ của ta, một phần do những nguyên nhân ngoài ý muốn của ta, hiện nay số dân bản xứ ở các thành thị đã rất đông. Xã hội thời nào cũng vì cái lợi của xã hội, nếu không phải vì những lý do khác. Lo việc giáo dục con em để dạy cho chúng biết trọng pháp luật, có những mục đích hợp với đời sống xã hội. Phải dùng cách đó chứ không cách nào khác. Vậy mà chúng ta vẫn để mặc, vài người Âu lưu tâm tới vấn đề muốn dạy dỗ dân bản xứ ở thành thị ra sao tùy ý, mà không giúp họ tiền và phương tiện để họ phát triển công việc của họ, cái đó không thể chấp nhận được. Vả lại, chỉ xét riêng về cái lợi của xã hội thì chính sách đó còn nguy hại là khác.

“ Hồi xưa, việc tiêu diệt một bộ lạc, nó làm cản trở sự phát triển của xứ này, là điều có thể chấp nhận được, tin rằng sự tiêu diệt đó không sao tránh được là điều lúc đó có thể chấp nhận được. Nhưng ngày nay, thân nhiên nhìn một sự tiêu diệt như vậy, mà không kiếm cách thay thế nó bằng một cái gì khác, hoặc chỉ thay thế một chút thôi, để đến nỗi cả một dân tộc bị hủy hoại về thể chất và tinh thần, là một điều không thể chấp nhận được.

“ Chế độ bộ lạc cổ truyền mặc dầu tàn nhẫn, dã man, mặc dầu có nhiều mê tín dị đoan, pháp thuật, cũng vẫn là một chế độ luân lý. Dân bản xứ chúng ta thời nay thành những kẻ phạm pháp, mãi dâm, nghiện rượu, không phải vì bản tính của họ như vậy, mà vì các chế độ trật tự chất phác, cái hệ thống tập tục, truyền thống của họ đã bị hủy hoại. Vậy xã hội văn minh của chúng ta, không thể trốn tránh được cái bốn phận thành lập cho họ một chế độ trật tự với những tập tục, truyền thống khác.

“Đành rằng thời trước chúng ta hy vọng rằng dùng một chính sách chia cách chủng tộc, thì điều đó có thể duy trì chế độ bộ lạc. Điều đó hồi xưa có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta chưa bao giờ theo chính sách đó một cách đúng đắn hoặc thành tâm. Chúng ta để ra một phần mười đất đai cho bốn phần năm dân số. Như vậy chúng ta làm cho – có người bảo rằng chúng

ta cố ý làm cho – nhân công bản xứ nhất định phải đổ dồn về các châu thành. Thế là chúng ta phải chịu hậu quả của tính ích kỷ của chúng ta.

“ Không nên làm cho vấn đề có vẻ kém quan trọng đi. Không nên gây cảm tưởng rằng giải quyết vấn đề đó là việc dễ. Không nên coi thường những nỗi lo lắng, sợ sệt nó bao vây chúng ta. Nhưng dù chúng ta lo lắng, sợ sệt hay không thì chúng ta cũng không được trốn tránh vấn đề luân lý, vì chúng ta những người theo Ki Tô giáo.

“Đã tới lúc....”

Tới đó hết trang, Jarvis đương say mê đọc, kiểm đoạn tiếp nhưng coi hết các tờ giấy bừa bãi trên bàn, mà không thấy được thêm trang nào nữa. Ông đốt thuốc, kéo mấy tờ giấy lại gần mình và đọc lại.

Khi đã đọc xong lần thứ nhì, ông vẫn tiếp tục hút thuốc, trầm ngâm suy tư. Rồi ông đứng dậy, lại đứng trước tủ chứa sách về Lincoln, ngó lên bức hình của bậc vĩ nhân đã ảnh hưởng lớn tới con ông như vậy. Ông nhìn qua nhan đề mấy trăm cuốn sách, đẩy miếng kính qua một bên, lấy ra một cuốn. Rồi ông trở về ngồi ở ghế bành, lật trang sách. Tới một chương nhan đề: Bài diễn văn nổi tiếng ở Gettysburg, một diễn văn mới đầu không ai để ý tới, rồi sau được coi là một trong những diễn văn quan trọng nhất của thế giới. Ông lật mấy trang mở đầu, tới bài diễn văn, rồi chăm chú đọc từ hàng đầu tới hàng cuối. Đọc xong ông lại hút thuốc, suy nghĩ miên man. Được một lát ông đứng dậy, đặt trả cuốn sách vào chỗ cũ, khép tủ lại. Nghĩ sao ông lại mở tủ ra, lấy cuốn sách bỏ vào túi, rồi đẩy tấm kính khép lại. Ông ngó đồng hồ đeo tay, gõ ống điều vào lò sưởi để trút hết tàn thuốc, đội nón, cầm lấy chiếc can.

Ông chậm rãi xuống cầu thang mở cái cửa đưa tới hành lang bí hiểm đó. Ông dõn nón ngó vết sẫm ở trên sàn. Ông không cố ý gọi lại mà tự nhiên hình ảnh em bé ở High Place hiện lên trong óc ông, một em bé chơi mấy cây súng bằng gỗ. Ông đi dọc theo hành lang, lơ đãng không nhìn thấy gì cả bước qua cái cửa mà mấy hôm trước thành linh thần chết đã ulla vô. Thầy cảnh sát chào ông, ông đáp lại bằng mấy lời bâng quơ chẳng có ý nghĩa gì cả. Ông lại đội nón lên, bước ra cửa rào. Ông do dự ngó hai phía đầu và cuối con đường cái. Rồi gắng sức bước đi. Thầy cảnh sát thở dài, vươn vai.

1. Một giáo phái của Anh: Methodist.
2. Giọng thư ngây ngô, vì người viết là một người da đen ít học.

Cha Vincent với Kumalo; Gertrude; thiếu nữ với Msimangu lại bước qua cửa sắt lớn đục trong

bức tường cao u ám. Người ta dắt thanh niên ra cho gặp họ và trong một lát, mắt gã sáng lên, tràn trề hy vọng, trong khi gã run bần bật đứng trước mặt họ. Kumalo âu yếm bảo con:

- Chúng ta tới đây để làm phép cưới.

Niềm hy vọng của gã tiêu tan.

- Đây, vợ chưa cưới của con đây.

Thanh niên và thiếu nữ chào nhau như những người lạ, đưa những bàn tay không có sinh khí ra nắm tay nhau chứ không xiết, rồi bỏ thông cánh tay xuống. Họ không ôm nhau hôn như người

Âu mà đứng đó làm thỉnh ngó nhau, vẻ rất ngượng nghịu. Sau cùng nàng hỏi:

- Anh mạnh giỏi không?

Gã đáp:

- Rất mạnh giỏi - Rồi hỏi lại - Em mạnh giỏi không?

- Em cũng rất mạnh giỏi.

Họ không nói gì thêm với nhau nữa.

Cha Vincent bước ra ngoài và mấy người còn lại vẫn đứng lúng túng như trước, Msimangu thấy Gertrude sắp khóc lóc, rên rỉ, gọi nàng lại một chỗ, nghiêm khắc bảo:

- Chuyện xảy ra đó đau lòng thật, nhưng bây giờ sắp làm phép cưới. Nếu khóc lóc rên rỉ, thì nên đi ngay chỗ khác đi.

Nàng không đáp, ông nghiêm khắc lạnh lùng nói thêm:

- Có nghe ra không?

Nàng ầm ức đáp:

- Thừa nghe.

Ông bỏ nàng đứng đó, lại gần một cửa sổ đục trong bức tường cao u ám, và nàng làm thỉnh mặt bí xị; ông biết rằng nàng muốn khóc lắm, nhưng không dám.

Kumalo thất vọng hỏi con:

- Con mạnh giỏi không?

Nó đáp:

- Thừa mạnh giỏi. Còn ba mạnh giỏi không?

- Ba cũng mạnh giỏi.

Họ muốn nói thêm nữa, nhưng không biết nói gì. Và họ thấy nhẹ người khi người da trắng vô kiểm họ, để dắt họ lại tiêu giáo đường trong khám.

Cha Vincent bận y phục giáo phẩm đợi họ ở đó và đọc cho họ nghe một đoạn trong cuốn sách ông cầm tay. Rồi ông hỏi thanh niên có nhận người đàn bà này làm vợ không, hỏi thiếu nữ có nhận người đàn ông này làm chồng không. Và sau khi họ trả lời đúng như câu trong sách: “ Cam khổ cùng chịu, trong cảnh giàu có cũng như trong cảnh nghèo khổ, trong lúc đau ốm cũng như

trong lúc khoẻ mạnh, cho tới lúc tử biệt ”. Khi họ trả lời như vậy rồi, ông phối hợp họ với nhau. Rồi ông thuyết giáo cho họ một chút, khuyên họ trung thành với nhau, có con thì dạy con cho chúng sợ Chúa. Thế là họ kết hôn với nhau và ký tên trong cuốn sổ.

Làm lễ rồi, hai vị mục sư và thiếu nữ đi ra, để hai cha con ở lại với nhau. Kumalo bảo con:

- Ba mừng rằng con đã có vợ.
- Con cũng mừng, thưa ba.
- Ba sẽ săn sóc con của con, cũng như thể nó là con của ba.

Nhưng khi nhận thấy ý nghĩa lời mình mới thốt, môi ông run run và nếu con ông không cố nén đau khổ để ông hỏi câu dưới đây thì ông đã bật ra tiếng khóc rồi, dù ông đã quyết tâm không khóc. Con ông hỏi:

- Bao giờ ba về Ndotsheni?
- Ngày mai con ạ.
- Mai ư?
- Ừ, ngày mai.
- Ba nói với má rằng con nhớ má nhé.
- Ừ, ba sẽ nói, dĩ nhiên rồi. Ừ, nhất định là ba sẽ lặp lại lời con cho má con nghe. Ừ, dĩ nhiên rồi.
- Nhưng ông không nói lớn lên như vậy, mà chỉ khẽ gật đầu.
- Và, thưa ba....
- Cái gì, con...
- Con có một số tiền trong trương mục bưu điện. Gần được bốn bảng, để lo cho đứa cháu. Ba ra phòng giấy họ sẽ giao lại cho. Con đã nói với họ rồi.
- Ừ, ba sẽ ra lấy. Ừ, như con đã nói với họ. Ừ, dĩ nhiên...
- Và, thưa ba...
- Cái gì con?
- Nếu cháu là con trai, xin ba đặt tên cho nó là Peter.

Kumalo nghẹn ngào lặp lại:

- Peter.
- Vâng, con muốn đặt tên nó là Peter.
- Thế con nếu là con gái?
- Không, nếu nó là con gái, con chưa nghĩ đặt tên cho nó. Và, thưa ba...
- Cái gì con?
- Con có một gói để ở Germiston, trong nhà Joseph Bhengu, số nhà 12 đường Maseru. Bán đi lấy tiền cho con trai của con, thì con mừng lắm.
- Ừ, ba hiểu rồi.

- Còn mấy món khác nữa ở nhà Pafuri. Nhưng ngờ rằng nó sẽ bảo là không phải của con.
- Pafuri nào? Chính thằng Pafuri đó ư?
- Thừa ba, chính nó.
- Thôi nên quên những món đó đi.
- Xin tùy ý ba.
- Con ạ, còn cái gói ở Germiston đó ba không biết làm sao lấy được, vì ngày mai ba đã về.
- Nếu vậy thì thôi không sao.

Kumalo thấy con ông tuy nói vậy chứ có vẻ buồn. ông bảo:

- Để ba nói với mục sư Msimangu.
- Như vậy hơn ba ạ.

Kumalo có giọng chua chát:

- Còn thằng Pafuri đó, thằng em con chú con nữa. Ba khó mà tha thứ cho chúng được.

Gã thanh niên nhún vai, tỏ vẻ thất vọng:

- Chúng chối, chúng nói dối, ba ạ. Chúng có mặt ở đó, đúng như con nói.
- Nhất định là chúng có mặt ở đó. Nhưng bây giờ chúng không có mặt ở đây.
- Chúng còn ở đây, thưa ba. Chúng còn bị tố cáo về một vụ khác nữa.
- Ba không muốn nói vậy, con. Ba muốn nói rằng chúng không...chúng không...

Nhưng ông không diễn tả được ý nghĩ của mình.

Người con vẫn không hiểu, lặp lại:

- Chúng còn ở đây, trong khám này. Mà con thì phải đi, ba ơi.
- Đi ư?
- Dạ, con phải đi lại...lại...

Kumalo thì thầm:

- Lại Pretoria?

Nghe cái tên rùng rợn đó, gã té quì xuống sàn, phủ phục như những người Ấn Độ khi cầu nguyện, nó gào khóc, rên xiết thê thảm, co quắp người lại. Vì nó sợ chết quá. Ông già thương con đến đứt ruột, quì xuống xoa xoa đầu nó.

- Can đảm lên con.

Nó hét lên:

- Con sợ quá. Con sợ quá.
- Can đảm lên con.

Đưa con ngồi xổm lên, không giấu nổi tuyệt vọng của mình, mặt mày nhăn nhó, khóc lóc:

- Ôi chao! Ôi chao! Con sợ bị treo cổ quá, con sợ bị treo cổ quá.

Người cha vẫn còn quì, nắm hai bàn tay của con; bàn tay nó không còn chút sinh khí mà cũng

bám lấy tay cha, tìm một chút an ủi, một chút vững bụng. Ông xiết chặt tay con hơn nữa, lặp lại:

- Can đảm lên con.

Người coi khám da trắng nghe thấy tiếng la khóc, bước vô bảo, giọng có chút thương hại:

- Ông già, tới lúc ông phải ra rồi.

- Tôi sắp ra đây, thưa ngài, tôi sắp ra đây. Xin cho chúng tôi một chút nữa thôi.

- Một phút thôi thì được.

Người coi khám nói xong, thì bước ra.

- Đây, khăn đây con chùi nước mắt đi con.

Người con đỡ lấy chiếc khăn, chùi nước mắt. Nó quì xuống sàn, nín khóc, nhưng mắt lơ lơ ngó ra xa.

- Ba phải đi đây, con. Con ở lại mạnh giỏi nhé. Ba sẽ săn sóc cho vợ và con của con.

- Dạ.

Mặc dầu nó đáp: “ Dạ ”, nhưng nó không còn nghĩ tới vợ, tới con nữa. Cái nơi mà nó đương nghĩ tới không có vợ con gì cả, cái chỗ mà nó lơ lơ nhìn vào, không có hôn nhân, gia đình gì cả.

- Ba phải đi đây, con.

Ông đứng dậy, nhưng con ông ôm lấy đầu gối ông la lên:

- Ba đừng bỏ con ở lại đây, ba đừng bỏ con ở lại.

Rồi nó lại gào khóc rùng rợn, la lớn:

- Không, không, ba đừng đi.

Người da trắng coi khám trở vô, giọng nghiêm nghị:

- Ông già, ông phải đi ra thôi.

Kumalo muốn đi ra, nhưng đứa con ôm cứng đầu gối ông kêu gào khóc lóc. Người coi khám rán gỡ tay nó ra mà không được, gọi một người khác vô tiếp sức. Và hai người lôi thanh niên đó đi.

Kumalo tuyệt vọng, nói với con:

- Ở lại mạnh giỏi, con.

Con ông đâu có nghe ông nói nữa.

Thế là hai cha con cách xa nhau.

Rầu rĩ, nát lòng, ông rời con bước ra khỏi cái cửa sắt đục trong tường, nơi đó có mấy người khác đương đợi ông. Thiếu nữ lại gần ông, hơi mỉm cười e lệ thưa:

- Umfundisi.

- Ủ, con.

- Bây giờ con là con của cha rồi.

Ông rán mỉm cười đáp lại:

- Ủ.

Nàng muốn nói thêm về chuyện đó, nhưng nhìn ông thì thấy ông đang nghĩ chuyện khác, nên nàng thôi.

Ở nhà khám về, Kumalo lên cái dốc đưa lại tiệm thợ mộc của em. May mắn làm sao, trong cửa hàng không có ai cà, ngoài người em cố như cố bò mộng. Em ông chào ông vẻ hơi ngượng ngùng.

- Tôi lại chào chú đây.

- Vậy là anh về Ndotsheni hả? Anh vắng nhà đã lâu, anh về chắc chị mừng lắm. Bao giờ anh về?

- Về chuyển xe lửa chín giờ sáng mai.

- Vậy cô Gertrude cũng về với anh hả? Và đứa con của cô ấy nữa. Việc anh làm đó tốt đấy, Johannesburg không phải là nơi cho một người đàn bà cô độc ở. Để tôi bảo pha trà.

Ông ta đứng dậy gọi người vợ ở phía sau cửa tiệm, nhưng Kumalo ngăn lại.

- Thôi chú, tôi không khát.

John Kumalo bảo:

- Anh không muốn uống thì thôi. Tôi có thói quen khách tới thì bảo pha trà.

Ông ta ngồi xuống, làm bộ muốn châm một ống điếu bự hình đầu bò mộng, tìm hộp quẹt trong đồng báo, mà không nhìn anh. Hai hàm răng cắn ống điếu, ông ta nói tiếp:

- Việc anh làm đó tốt đấy, Johannesburg không phải là nơi cho một người đàn bà cô độc ở. Mà đứa nhỏ về quê ở cũng hơn.

Kumalo bảo:

- Tôi còn dắt về một đứa con gái nữa. Vợ của con tôi, nó đang có mang.

John Kumalo chăm chú nhìn cây quẹt gí vào miệng ống điếu, bảo:

- Tôi có nghe chuyện đó. Anh làm thêm một việc tốt đó nữa.

Thuốc đốt cháy rồi, ông ta thật chăm chú đưa ngón tay cái nén thuốc xuống. Sau cùng, không còn việc gì làm nữa, ông ta mới nhìn anh qua làn khói.

- Nhiều người lại nói bảo tôi: Ông anh của ông làm những việc đó tốt đấy. Vậy, anh về cho tôi gửi lời thăm chị và bà con họ hàng nhé. Sáng sớm ngày mốt anh sẽ tới Pietermaritzburg, và anh sẽ lên chuyển xe lửa đi Donnybrook, và chiều tối hôm đó anh sẽ tới Ndotsheni. Ờ, ờ, cuộc hành trình dài thật.

- Này chú, có một điều chúng ta phải nói với nhau.

- Anh cứ nói.

- Tôi đã suy nghĩ lung về điều đó. Tôi lại đây không phải để trách chú đâu.

John Kumalo như đã chờ sẵn lời đó, vội vàng phản kháng:

- Trách ư? Tại sao anh lại trách tôi? Có xử án, có quan toà mà. Cái đó có tùy thuộc anh hay tôi hay một người nào khác đâu.

Mấy đường gân nổi lên ở cổ bò mộng, nhưng Kumalo nói tiếp ngay:

- Tôi không bảo rằng tôi có thể trách chú. Như chú mới nói, có xử án, có quan toà. Và cũng có một vị Chánh thẩm tiếng tăm, và chú và tôi, chúng ta không nên nói tới ngài. Nhưng còn một điều khác, chúng ta phải nói với nhau.

- Ừ, ừ, tôi hiểu. Điều gì vậy?

- Trước hết tôi muốn lại chào chú trước khi về quê nhà. Nhưng không thể lại chào mà không nói gì cả. Chú đã thấy việc xảy ra cho con tôi đấy chứ. Nó đã bỏ nhà và bị hư hỏng. Cho nên tôi nghĩ nên cho chú hay và cảnh cáo chú: còn con của chú đấy nữa, nó cũng bỏ nhà ra đi đấy.

John Kumalo đáp:

- Tôi cũng đã nghĩ tới điều đó. Khi xong cái chuyện lôi thôi này rồi, tôi sẽ dắt nó về đây.

- Chú đã quyết tâm rồi ư?

- Quyết tâm rồi, tôi hứa chắc với anh như vậy – Ông ta cười vang lên như bò mộng – Không lẽ bao nhiêu việc tốt, tôi để anh làm hết. Tôi sẽ làm thật một con bê mập.

- Chuyện đó nên nhớ đấy.

- Vâng, vâng, chuyện đó phải chứ. Tôi đâu có coi thường những lời phải đâu, vin có rằng... rằng...anh hiểu tôi chứ?

- Và đây còn điều cuối cùng này nữa.

- Anh là anh. Muốn nói gì xin anh cứ nói.

- Hoạt động chính trị của chú. Nó sẽ đưa chú tới đâu?

Những đường gân ở cổ bò mộng lại nổi lên.

- Hoạt động chính trị của tôi là chuyện riêng của tôi, mà anh. Tôi có nói gì về tôn giáo của anh không?

- Chú mới bảo tôi muốn nói gì thì cứ nói.

- Vâng, vâng, tôi có nói vậy. Vâng, vậy anh cứ nói đi, tôi xin nghe.

- Những hoạt động đó đưa chú tới đâu?

- Tôi biết tôi chiến đấu cho cái gì mà. Xin anh thứ lỗi cho – Ông ta cười oang oang - Mục sư Msimangu không có ở đây, nên anh cho phép tôi nói tiếng Anh nhé.

- Tùy ý chú.

- Anh đã đọc sử. Anh biết sử dạy chúng ta rằng giới lao động không thể bị áp bức hoài được. Nếu họ biết đoàn kết với nhau thì ai chống nổi họ? Dân chúng của mình càng ngày càng hiểu điều đó. Nếu họ quyết tâm thì không có công việc gì thực hiện nổi ở Nam Phi này.

- Chú muốn nói nếu họ đình công hết?

- Phải, tôi muốn nói vậy.

- Nhưng cuộc đình công mới rồi thất bại đấy thôi.

John Kumalo đứng dậy, thẳng người lên, găm lên trong họng.

- Anh thấy họ đàn áp chúng ta ra sao không? Họ dùng sức mạnh bắt chúng ta phải trở vô mỗ làm việc như một bọn nô lệ. Chúng ta không có quyền ngưng làm việc ư?

- Chú có căm thù người da trắng không?

John Kumalo nhìn anh, có vẻ nghi ngờ:

- Tôi không căm thù ai hết. Tôi chỉ căm thù sự bất công.

- Nhưng tôi đã nghe được vài điều chú đã nói.

- Những điều gì?

- Tôi nghe rằng có vài điều nguy hại. Tôi nghe nói rằng họ để ý tới chú và tới lúc thì họ sẽ bắt giam chú. Tôi phải cho chú hay điều đó, vì chú là em tôi.

Rõ ràng là cặp mắt John Kumalo lộ vẻ sợ sệt. Con người to lớn đó, có vẻ một em bé bị rầy. Ông ta nói:

- Tôi không biết người ta nói với anh những điều gì?

- Người ta bảo là một vài điều đã nói trong cửa tiệm này.

- Trong cửa tiệm này? Ai mà biết được những điều đã nói trong cửa tiệm này?

Mặc dầu Kumalo đã bao nhiêu lần cầu nguyện Chúa cho mình đủ nghị lực để tha thứ, mà bây giờ ông vẫn muốn làm cho em ông đau khổ.

- Chú biết rõ tất cả những người vô cửa tiệm này không? Biết đâu chẳng có kẻ được sai tới để phản chú?

Con người to lớn như bò mộng đó chùi mồ hôi trên trán. Kumalo biết rằng em mình đương tự hỏi một chuyện như vậy có thể xảy ra được không. Và mặc dầu ông đã cầu nguyện bao nhiêu lần mà ý muốn làm cho em ông đau khổ vẫn mạnh hơn, mạnh tới nỗi ông muốn nói dối, tự tìm không được, và nói dối.

- Tôi nghe nói có thể người ta đã sai một người tới đây để dò la, phản chú. Một bạn thân của chú.

- Anh nghe nói vậy?

Kumalo xấu hổ, đành phải đáp:

- Tôi nghe nói vậy.

Con người to lớn như bò mộng nói:

- Bạn thân nào kia? Bạn thân nào kia?

Kumalo đau xót trong lòng thốt ra:

- Con trai tôi có hai đứa bạn thân như vậy.

Con người to lớn ngó ông:

- Con trai anh?

Rồi bỗng hiểu ý nghĩa tất cả của câu chuyện này, John Kumalo nổi giận đùng đùng, quát lớn:

- Anh cút ngay đi, cút ngay đi.

Ông ta lật đổ chiếc bàn ở trước mặt, sầm sầm tiến lại phía Kumalo, Kumalo phải rút lui ra cửa rồi bước ra đường. Phía sau ông, cánh cửa sập lại đánh rầm một cái, có tiếng chìa khoá kêu “cách”, và tiếng chốt cửa bật mạnh vào ổ trong cơn giận dữ của người em.

Ra tới đường, ông lão vừa nhục nhã vừa xấu hổ. Nhục nhã vì người qua đường ngạc nhiên ngó ông; xấu hổ vì ông lại thăm em không phải để làm cái việc đó. Ông định lại nói với em rằng quyền uy làm hư hỏng con người, rằng một con người chiến đấu cho sự công bằng thì bản thân phải trong sạch, thanh liêm, rằng tình thương đó còn lớn hơn là sức mạnh. Nhưng mấy lời đó, ông chẳng nói ra được lời nào cả.

- Xin Thượng Đế thương con với. Xin Chúa Ki tô thương con với.

Ông quay trở lại cửa tiệm, nhưng cửa đã khoá chặt và cài chốt. Ôi, anh em ruột thịt với nhau, mà người nọ đuổi người kia đi.

Thiên hạ ngó ông. Ông đau xót cúi đầu bước đi.

Jarvis nói:

- Tôi mang ơn anh chị nhiều quá.

- Có gì đâu anh. Chúng tôi còn muốn giúp anh chị được nhiều hơn nữa.

John Harrison đã đánh xe lại, mà Jarvis và Harrison còn đứng nói chuyện với nhau một lát nữa.

- Anh cho tôi gởi lời thăm chị, thăm Mary và các cháu nhé. Một ngày nào đó chúng tôi sẽ lên thăm anh chị.

- Vậy thì vui cho chúng tôi lắm, anh Harrison.

Harrison hạ giọng xuống:

- Có việc này tôi muốn nói với anh, về vụ xử án đó. Chết rồi thì không cứu sống lại được nữa, nhưng xử như vậy là công bằng, cực kỳ công bằng. Tôi nghĩ không có cách nào xử khác được. Nếu xử khác thì tôi sẽ có cảm tưởng rằng trên thế giới này không có công lý nữa, tôi chỉ hận rằng hai đứa kia được tha. Ông Chương lý đã làm cho vụ đó hoá ra rối ren, đáng lẽ phải bắt mụ Mkize khai ra chứ.

- Vâng tôi cũng nghĩ như anh. Thôi xin chào anh và cảm ơn anh lần nữa.

- Giúp anh tôi vui lắm chứ, có gì đâu mà cảm ơn.

Tới nhà ga, Jarvis đưa cho John Harrison một bao thư, bảo:

- Khi nào xe chạy rồi cháu hãy mở ra.

Đợi xe chạy rồi, John mới mở ra đọc mấy hàng chữ này: “ Để tặng câu lạc bộ của cháu. Cháu nên làm tất cả những việc của Arthur và cháu muốn làm đi. Muốn lấy tên Arthur Jarvis đặt cho hội cũng được, nhưng bác nghĩ điều đó không cần thiết ”.

John lật thư coi tấm chi phiếu đính hậu. Cậu ngược mắt nhìn về phía chiếc xe lửa như muốn chạy đuổi theo nó. Cậu thốt lên:

- Một ngàn bảng! Trời đất thánh thần ơi! Một ngàn bảng!

Nhà bà Lithebe có dạ hội và Msimangu chủ tọa. Buổi dạ hội đó không vui, điều đó ai cũng đoán được. Thức ăn nhiều đấy, nhưng không khí vẫn đượm buồn, Msimangu chủ tọa theo lối châu Âu, đọc diễn từ khen những đức tính quý hóa của vị mục sư, đạo huynh của mình, và khen bà Lithebe săn sóc hết thảy những người ở trọ trong nhà như mẹ săn sóc con. Kumalo cũng nói ít lời nhưng ông lấp bắp, ngập ngừng vì còn bận trí về tội nói dối và cuộc gây gổ của mình ban sáng. Ông cảm ơn lòng tử tế của Msimangu và bà Lithebe. Bà Lithebe không chịu đứng dậy nói, chỉ ngượng ngịu cười cười như một thiếu nữ, lấp bắp rằng ở đời thì phải giúp đỡ lẫn nhau. Những thím đầy đà, bạn của bà, đỡ lời bà, đọc một diễn từ tràng giang gần như bất tuyệt để ca tụng lòng tốt của hai vị mục sư và bà Lithebe; rồi lại thẳng thắn nhắc nhở Gertrude và thiếu nữ phải sống một đời kiểu mẫu để đền đáp công ơn của ba người đó. Nhân cái đà đó, bà thuyết luận một hồi, kể những nguy hại của châu thành Johannesburg, mạt sát những tội lỗi của những người ở Sophiatown, Claremont, Alexandra và Pimville, riết rồi Msimangu phải đứng dậy bảo thím ta:

- Thím ạ, sáng mai chúng tôi còn phải dậy sớm, nếu không thì sẽ vui vẻ xin được thím nói suốt đêm nay.

Và thím ta ngồi xuống, tươi cười, hoan hỉ. Rồi Msimangu bảo rằng ông có một tin báo với họ, một tin giữ kín cho tới bây giờ và họ sẽ là những người đầu tiên được biết. Ông sẽ vô một nhà tu kín, không màng thế tục nữa, bỏ hết của cải, và ở Nam Phi ông là người da đen đầu tiên có quyết định như vậy. Mọi người vỗ tay khen ông, cảm ơn Chúa đã dẫn dắt ông, Gertrude thích thú ngồi nghe các diễn từ, trong khi đứa nhỏ nằm ép vào ngực nàng mà ngủ. Thiếu nữ cũng mỉm cười, chăm chú nghe vì từ trước chưa bao giờ được thấy một cuộc hội họp như vậy.

Rồi Msimangu bảo:

- Sáng mai chúng ta còn phải dậy sớm ra ga, vậy chúng ta phải đi nghỉ thôi, bảy giờ sáng xe tắc

xi sẽ tới đây rước.

Họ cùng hát một bài thánh ca, rồi cầu nguyện để kết thúc buổi tiệc, và thím đẩy đà ra về sau khi cảm ơn một lần nữa bà Lithebe đã tử tế với tất cả mọi người.

Kumalo tiễn bạn ra tới cửa rào, Msimangu bảo:

- Tôi không màng tới thế tục nữa, đã từ bỏ hết của cải, nhưng tôi để dành một số tiền nhỏ. Tôi không còn cha mẹ để cung dưỡng, và tôi đã xin phép Giáo hội tặng huynh số tiền đó để bù vào tất cả những chi phí của huynh ở Johannesburg, và giúp đỡ huynh trong những nhiệm vụ mới của huynh.

Ông ta đặt cuốn sổ vào tay Kumalo, và Kumalo đoán ngay được là một cuốn sổ trương mục gửi tiền ở Bru điện. Kumalo đặt bàn tay cầm cuốn sổ lên cửa rào, gục đầu trên bàn tay mà khóc.

Msimangu bảo:

- Huynh đừng làm tôi mất vui, vì chưa bao giờ tôi được vui như vậy.

Những lời đó, lại càng cho ông xúc động, ông khóc nức lên, Msimangu lại phải nói:

- Có người tới kìa, nín đi.

Họ nín thinh, đợi người kia đi qua rồi, Kumalo mới nói:

- Trong đời tôi, tôi chưa gặp một ai như huynh.

Msimangu vội nói:

- Tôi vốn là con người nhu nhược, tội lỗi, nhờ Thượng Đế ra tay cứu vớt, chỉ thế thôi. Về việc của cháu, ngài Toàn quyền họp Hội đồng Chính phủ sẽ quyết định có nên ân xá hay không. Khi nào cha Vincent được tin sẽ cho huynh hay liền.

- Và nếu không được ân xá?

Msimangu nghiêm trang:

- Nếu không được ân xá thì tới ngày đó một người trong nhóm chúng tôi sẽ lại Pretoria rồi sẽ cho huynh hay...Khi mọi việc xong cả. Thôi bây giờ tôi phải về, chúng ta còn phải dậy sớm.

Nhưng tôi cũng phải nhờ huynh một việc.

- Việc gì tôi cũng xin hết lòng.

- Xin huynh cầu nguyện cho tôi thực hiện được quyết định mới về cuộc đời của tôi.

- Tôi còn sống ngày nào thì ngày ấy tôi sẽ cầu nguyện sáng và tối cho huynh.

- Chúc huynh an giấc.

- Chúc huynh an giấc, Msimangu, người bạn thân nhất của tôi. Cầu xin Thượng Đế luôn luôn phù hộ cho huynh.

- Cũng phù hộ cho huynh nữa.

Kumalo nhìn theo bạn đi xuống con đường queo vô hội truyền giáo. Rồi ông trở vô phòng, đốt cây nến, mở cuốn sổ ra coi. Số ký ngân là ba mươi ba bảng, bốn si-ling và năm pen-ni. Ông quỳ

sụp xuống, than thở, hối hận rằng mình đã nói dối và gây chuyện với em. Ông muốn lại nhà em tức thì, như thể lương tâm ông thúc đẩy, ban lệnh cho ông vậy, nhưng lúc đó đã khuya quá. Ông định bụng thế nào cũng viết thư cho em. Ông cảm ơn Thượng Đế về lòng tốt của con người và thấy trong lòng phần khởi lên. Xong ông cầu nguyện cho con ông, sáng mai mọi người đều trở lại quê hương, trừ con ông. Con ông sẽ phải ở lại, người ta sẽ đưa tới khám lớn Pretoria, nhốt nó một mình trong một phòng giam có chấn song sắt; và nếu nó không được ân xá, thì phải ở đó cho tới ngày người ta treo cổ nó. Hỡi ơi! Bàn tay sát nhân kia đã có lần nắm chặt vú mẹ kề cái miệng xinh xinh hau háu vào bú, và đã có lần len lén nắm bàn tay cha khi hai cha con đi ở ngoài trời trong đêm tối. Hỡi ơi! Tên sát nhân sợ chết kia đã có một hồi là một em bé sợ bóng tối.

Khi ông thức dậy thì trời còn mù mù. Ông đốt cây nến, sực nhớ tới lời hứa với bạn, bèn quỳ xuống cầu nguyện cho bạn. Rồi ông lặng lẽ mở cửa, khẽ lay thiếu nữ:

- Dậy đi con.

Nàng vội vàng tung mền ra, ngồi dậy đáp:

- Con sửa soạn xong ngay bây giờ đây.

Thấy nó hấp tấp, ông mỉm cười, bảo:

- Ndotsheni, ngày mai chúng ta sẽ về tới Ndotsheni.

Ông mở cửa phòng Gertrude, đưa cao cây nến lên. Nhưng Gertrude đã đi rồi. Đứa cháu nhỏ còn nằm đó, chiếc áo đỏ, chiếc khăn trắng ở đó, mà Gertrude thì đi rồi.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIẾN LÊ

CUỐN BA - Chương 1

Đầu máy xe lửa tuôn khói và tiếng còi vang lên trong cánh đồng cỏ miền Transvaal. Những đồi trắng bèn bẹt của khu mỏ lùi lại phía sau và cánh đồng trải ra tít mù. Họ ngồi gom lại với nhau, Kumalo ôm đứa cháu trên đùi, còn thiếu nữ thì ôm cái xách chứa tất cả các đồ đạc của nàng, thứ xách bằng giấy mà các tiệm thường tặng khách hàng. Đứa nhỏ đòi mẹ, nhưng Kumalo bảo mẹ nó đi có việc và nó không đòi nữa.

Tới Volksrust, đầu máy xe lửa bỏ các toa lại và người ta móc toa vào một cái đầu máy khác có một cái lồng trên mũi tiếp nhận điện lực từ hai sợi dây cáp trên cao truyền xuống. Rồi chuyển xe lượn quanh co những sườn đồi dốc của miền Natal và Kumalo bảo thiếu nữ rằng đã tới Natal. Nàng tò mò thích thú vì chưa bao giờ đi miền này.

Bóng tối đổ xuống, đêm đó chuyển xe âm âm chạy qua những bãi chiến trường thời xưa. Họ đi ngang qua nhưng không nhìn thấy những đồi Mooi, Rosetta, Balgowan. Khi mặt trời mọc thì xe lại lượn quanh những đồi cao nhất, xuống châu thành xinh đẹp Pietermaritzburg.

Tới đây, họ lên một chuyến xe khác chạy theo thung lũng Umsindusi, ngang qua những chòi đen, băng ngang Edendale, Elandskop rồi xuống thung lũng lớn Umkomaas, tại đó có các bộ lạc ở trên một khu đất cằn cỗi, không sao cứu vãn được nữa. Người ta bảo Kumalo rằng trời không chịu mưa xuống, dân chúng không thể cày bừa trồng trọt gì cả, thế nào thung lũng này cũng bị nạn đói kém.

Tới Donnbrook, họ lại sang xe một lần nữa chiếc xe lửa lần này như một đồ chơi chạy về Ixopo, ngang qua những đồi xanh mướt, nhấp nhô ở Eastwolds và Lufafa. Tới Ixopo, họ xuống xe, nhiều người vây chào họ mừng rỡ reo: “Chà! Đi chuyến này lâu dữ”.

Ở đây, họ lên chiếc xe lửa cuối cùng, và đường xe lửa chạy theo con đường cái đẹp đẽ vô miền đồi. Trong xe nhiều người biết Kumalo và ông sợ những câu hỏi của họ lắm. Họ ngây thơ như con nít, hỏi một cách rất tự nhiên, chẳng có ý tứ gì cả: “Người này là ai đây?”, “Cô này là ai đây?”, “Em bé này của ai đây?”, “Họ ở đâu tới đây?”. Họ rất có thể hỏi: “Cô em của ông mạnh

không? ”, “ Con trai ông mạnh không? ”. Để tránh những câu hỏi đó, ông lấy cuốn Thánh kinh ra đọc, thấy vậy họ quay đi tìm người khác để bắt chuyện hơn.

Mặt trời sắp lặn trên thung lũng lớn Umzikulu, sau dãy núi Đông Griqualand. Bà vợ đứng đó đón ông với người thân tín để xách giùm tay nải cho ông. Ông bước vội lại phía bà, ôm bà hôn theo lối Âu tây. Về tới quê nhà ông mừng quá.

Bà nhìn ông có vẻ dò hỏi, ông bảo:

- Con nó sẽ bị xử tử, có thể sẽ được ân xá, nhưng để lúc khác sẽ nói.

Bà bảo:

- Em hiểu.

- Còn cô Gertrude đã thu xếp xong xuôi để cùng về. Ở ngoài đó hai anh em cùng ở trọ một nhà. Rồi tới lúc anh vô đánh thức cô ấy để ra xe thì cô ấy đã bỏ đi rồi. Để lúc khác sẽ nói.

Bà cúi đầu xuống. Ông nói tiếp:

- Đây đứa cháu, con cô ấy đây. Và đây là con dâu của chúng mình.

Bà Kumalo bồng đứa nhỏ lên, ôm nó hôn theo lối Âu tây, bảo nó:

- Bác sẽ coi con như con bác.

Bà đặt nó xuống đất, lại gần thiếu nữ khép nép đứng một bên, tay cầm cái xác giấy. Bà quàng tay ôm thiếu nữ theo lối Âu tây, bảo:

- Mà sẽ coi con như con gái má.

Thiếu nữ oà lên khóc. Bà phải bảo:

- Ý, đừng khóc chứ con.

Rồi lại bảo:

- Nhà ba má đơn sơ và yên tĩnh, không có gì sang trọng đâu.

Thiếu nữ mắt nhoà lệ, ngừng lên nhìn bà và đáp:

- Thừa má con chỉ cầu có vậy.

Nàng xúc động từ đáy lòng, cảm xúc đó vui thích mà thâm trầm. Mặc dầu nàng ứa lệ mà thấy được an ủi trong cảnh đau xót.

Kumalo bắt tay người thân tín, rồi họ tiến vô con đường mòn chật hẹp đi về hướng tây trong thung lũng Ndotsheni.

Có tiếng đàn ông gọi Kumalo:

- Umfundisi mới về mừng quá.

Rồi một người đàn bà nói với người đàn bà khác:

- Kìa, Umfundisi về kìa.

Một người đàn bà bạn theo lối Âu, vắt tấm tạp dề trên đầu, chạy vô chòi, cười cười khóc khóc, bộ điệu giống một em bé hơn một thiếu phụ, reo lên:

- Umfundisi về kìa!

Chị ta dắt mất đứa con ra cửa, và chúng đứng nép sau váy mẹ nhìn Umfundisi về.

Một em gái chạy ra giữa đường, chặn Kumalo, ông phải ngừng lại. Nó bảo:

- Umfundisi về chúng con mừng quá.

- Nhưng các cháu đã có một Umfundisi mới rồi mà?

Ông muốn nói tới người trẻ tuổi mà đức Giám mục phái lại thay ông.

Đứa nhỏ đáp:

- Chúng con không hiểu Umfundisi đó, chúng con chỉ hiểu Umfundisi của chúng con thôi.

Umfundisi về, chúng con mừng quá.

Con đường mòn tới đây bắt đầu xuống dốc, bỏ lại miền ngọn đồi xanh những cỏ cùng phượng vĩ, nhờ có sương mù; phải thận trọng bước, vì ngọn đồi dựng đứng lởm chởm. Nhất là đàn bà có mang phải coi chừng, nên bà Kumalo đi trước bà nhắc nàng dâu:

- Có phiến đá đây, coi chừng trượt chân đấy.

Đêm đã xuống và những ngọn đồi Đông Griqualand tím đậm nổi bật trên nền trời.

Con đường đưa xuống miền đất đỏ Ndotsheni. Nơi này hoang tàn, chỉ có ông già bà cả, đàn bà và con nít, nhưng là xứ sở của họ. Bắp cao không tới đầu người, nhưng là quê hương của họ.

- Thưa Umfundisi, quê nhà bị hạn hán. Mọi người đều cầu mưa.

- Ừ, tôi có nghe nói.

- Thực phẩm dự trữ gần hết rồi, thưa Umfundisi. Rồi đây không biết lấy gì mà ăn.

Con đường bớt dốc, nó đi theo bờ một con suối nhỏ ở bên cạnh khu đất của giáo đường, Kumalo ngừng lại để nghe tiếng suối, nhưng chẳng nghe thấy gì cả.

- Suối không chảy ư?

- Thưa Umfundisi, nó đã cạn khô một tháng nay rồi.

- Thế thì kiếm nước ở đâu?

- Đàn bà phải lại mức nước ở con sông trên đồn điền của uJarvis, thưa Umfundisi.

Nghe tên Jarvis, Kumalo lại thấy sợ sệt, đau khổ, nhưng ông cũng rón hỏi:

- Ông Jarvis ra sao?

- Ông ấy về hôm qua, thưa Umfundisi. Tôi không biết ông ấy ra sao. Còn Inkosikazi (1) đã về từ trước mấy tuần, bà ta có vẻ gầy và đau. Tôi hiện làm ở trên đó.

Kumalo làm thình, không nói được nữa. Người kia bảo:

- Ở đây ai cũng biết rồi.

- À, ai cũng biết rồi.

- Thưa Umfundisi, người ta biết cả rồi.

Họ không nói gì nữa, và con đường bây giờ bằng phẳng, đi ngang qua các chòi các thửa ruộng

đất đỏ, trụi khô. Nghe có tiếng gọi trong đêm tối, có tiếng một người hỏi cái gì đó và tiếng một người ở xa đáp lại. Nếu là người Zulu thì hiểu được họ nói gì, nhưng không phải là người Zulu thì dù biết tiếng Zulu, cũng khó mà nghe ra được. Một số người da trắng bảo đó là ma thuật, nhưng không phải là ma thuật, chỉ là một nghệ thuật đạt tới mức hoàn hảo thôi. Đây là châu Phi, quê hương yêu dấu.

- Thưa Umfundisi, họ la với nhau rằng Umfundisi đã về đó.

- Tôi có nghe, em.

- Họ mừng lắm Umfundisi.

Phải, họ mừng thật. Từ những căn chòi ở hai bên đường họ bước ra, chạy xuống đồi trong đêm tối. Bọn con trai gọi nhau, phát lên một tiếng kêu run run kì dị rất quen tai ở miền này.

- Thưa Umfundisi, đã về.

- Thưa Umfundisi, chúng con cảm ơn Umfundisi đã về.

- Thưa Umfundisi, Umfundisi đi vắng lâu quá.

Một em gái la lớn:

- A, có một cô giáo mới.

Một đứa khác ngắt lời:

- Đồ ngu, cô ở đây lâu rồi mà.

Một em trai la: “ Umfundisi ” và chào theo kiểu thầy dạy ở trường....Em không đợi Kumalo đáp, quay đi và phát lên tiếng kêu run kì dị, như để gọi trời cao chứ không để gọi ai cả. Nó bước đi, chân chậm chậm nhún nhảy như một bước vũ, vui mà làm vậy, chứ chẳng vì ai cả.

Một ngọn đèn treo trước giáo đường, ngọn đèn người ta đốt mỗi khi làm lễ. Có nhiều người đàn bà trong giáo khu ngồi trên mặt đất đỏ dưới ngọn đèn; họ bận áo dài trắng và cột quanh cổ một chiếc khăn mùi xoa xanh lá cây. Khi nhóm người tới gần, họ đứng cả dậy và một người hát lên một bài Thánh ca, giọng trong và cao vút, không sao ngân dài ra được; còn những người kia hát theo, giọng thấp hơn để nâng đỡ cho giọng ngân ra; vài người đàn ông cũng hợp xướng giọng trầm hơn và như vậy mới đúng. Kumalo lộ nón ra, và cùng với bà vợ và người thân tín hát theo, trong khi thiếu nữ đứng ngậy người ra nghe, và nhìn. Đó là bài Tạ ơn Thượng Đế: con người nhớ tới Thượng Đế, quỳ trước Thượng Đế và cảm ơn lòng nhân từ vô biên của Ngài. Nó vang lên trong miền đồi đỏ và trụi, trên những cánh đồng đỏ và trụi của bộ lạc đã tan tác. Giọng hát đầy tình thương, lòng khiêm cung, lòng mang ơn và những con người chất phác khiêm cung đó trút tất cả tâm hồn của họ trong tiếng hát.

Và Kumalo cần phải cầu nguyện, ông cầu nguyện:

“ Thưa *Tixo*, chúng con cảm ơn lòng nhân từ vô biên của Ngài. Chúng con cảm ơn Ngài vì đã được yên ổn về đây. Chúng con cảm ơn Ngài vì được bạn bè, họ hàng quý mến. Chúng con cảm

on lòng nhân từ của Ngài.

“ Thừa *Tixo*, chúng con van xin *Tixo* mưa xuống ”

Mọi người đều khẩn *Amen*, vì họ đông quá, ông phải đợi cho họ khẩn xong.

“ Xin *Tixo* mưa xuống. Chúng con van xin *Tixo* mưa xuống để chúng con cày ruộng, chúng con gieo lúa. Và nếu không có mưa thì xin *Tixo* che chở cho chúng con khỏi đói, khỏi chết, chúng con van lạy *Tixo* ”.

Tới đây mọi người lại khẩn *Amen*, và ông lại phải đợi cho họ khẩn xong. Được họ tiếp đón niềm nở, lòng ông phần khởi, hết lo sợ và thành tâm cầu nguyện.

“ Xin *Tixo* phù hộ cho đứa nhỏ này sống vui vẻ ở Ndotsheni, mỗi ngày mỗi khôn lớn. Còn má nó....”

Giọng ông ngừng lại như không cầu nguyện thêm được nữa, nhưng ông rón khiêm cung mà khẩn nho nhỏ:

“ Còn má nó...thì xin *Tixo* tha thứ cho tất cả các lỗi xưa ”

Một người đàn bà rên rỉ, ông nhận ra là một mục lăm điều nhất nơi đó nên ông vội vàng cầu nguyện thêm:

“ Xin *Tixo* tha thứ cho hết thảy chúng con, vì chúng con đều có lỗi hết. Và xin *Tixo* phù hộ cho thiếu phụ này sống vui vẻ ở Ndotsheni, sanh đẻ ở đây, mọi sự như ý ”

Ông ngừng lại rồi dịu dàng khẩn thêm:

“ Xin *Tixo* cho nó tìm được ở đây điều nó tìm, được như sở nguyện của nó ”.

Và đây là lời cầu nguyện khó khăn nhất, nhưng ông rón khiêm cung hơn nữa:

“ Và thưa *Tixo*, đứa con trai của con....”

Không ai rên rỉ cả. Mọi người đều im lặng, cả mục lăm điều kia cũng im, trong khi ông tiếp tục cầu nguyện thì thầm:

“ Xin *Tixo* tha thứ cho tội lỗi của nó...”

Thế là xong, lời mà ông ngại nhất đã thốt ra được rồi. Ông biết rằng không phải ông, mà tất cả những người ở đây đã thốt lời đó ra. Ông bảo:

- Các con quỳ cả xuống.

Và họ quỳ xuống nền đất đỏ, trần. Ông đưa tay lên, cất cao giọng lên và một sức mạnh dâng lên trong con người già nua đau khổ đến đứt ruột đó, vì ông là một mục sư mà:

“ Xin Chúa phù hộ che chở các con, cho hào quang trên mặt Ngài toả lên các con, mà các con sẽ được an ổn từ nay cho tới mãi mãi. Ta cầu nguyện cho các con và người thân của các con được hưởng ân sủng của Chúa Ki Tô, tình thương của Thượng Đế, và sự dìu dắt của Thánh Linh từ nay cho tới mãi mãi, không lúc nào tuyệt. *Amen* ”

Họ đứng dậy và cô giáo mới cất tiếng hỏi:

- Chúng ta có nên hát bài *Nkosi Sikelel' iAfrika* (2) không?

Cô giáo cũ nói:

- Bà con ở đây chưa biết điệu hát đó.

Cô giáo mới nói:

- Chúng tôi thường hát ở Pietermaritzburg. Ở đó ai cũng biết. Tại sao ở đây không dạy?

Cô giáo cũ nói:

- Đây không phải là Pietermaritzburg. Ở Trường bận nhiều việc quá.

Vì cô không ưa cô giáo mới, mà cũng vì cô xấu hổ rằng không biết bài hát *Nkosi Sikelel' iAfrika*.

Xin Thượng Đế che chở châu Phi.

Vâng, xin Thượng Đế phù hộ châu Phi, quê hương yêu dấu, xin Thượng Đế phù hộ chúng con khỏi sa xuống cái vực thăm thẳm của tội lỗi, xin Thượng Đế phù hộ chúng con khỏi sợ hãi mà dám cứu giúp mọi người. Xin Thượng Đế cứu hết thầy chúng con với.

Ôi, em trai kia, cất tiếng gọi đi, cái tiếng kêu kéo dài run run, nó vang lên trong miền đời đó. Ôi, em trai kia, bước một bước vũ chậm chậm, bước vũ em thích nhảy đó. Cất tiếng gọi đi, vũ đi, trong khi em có thể gọi và vũ được, hồi tuổi ngây thơ. Vì đây mới chỉ là khúc dạo, mới chỉ là bước đầu. Còn nhiều chuyện kỳ dị rắc rối xen vào nữa do người lạ gây ra, những người em chưa hề nghe nói tới, sống ở những nơi em chưa được biết tới. Em sắp vào cuộc đời, em không sợ vì em chưa biết gì cả. Cất tiếng gọi đi, vũ đi. Ngay bây giờ đi, trong khi em còn có thể gọi và vũ được.

Mọi người ra về rồi, Kumalo quay lại nói với người thân tín đi đón ông lúc nãy:

- Có nhiều điều tôi phải nói với em. Ngay bây giờ tôi phải nói điều này trước đã, còn những điều khác sẽ nói sau. Cô em gái tôi, cô Gertrude đáng lẽ cùng về với bọn tôi. Chúng tôi ở chung một nhà, mọi sự sắp đặt xong rồi. Nhưng khi tôi vô đánh thức cô ấy dậy ra xe, thì cô ấy đã bỏ đi rồi.

- Tội nghiệp, Umfundisi!

- Và con trai tôi bị xử giáo. May ra nó có thể được ân xá. Khi quyết định xong, người ta sẽ cho tôi hay ngay.

- Tội nghiệp, Umfundisi!

- Em có thể báo tin cho các bà con hay, người này lại báo tin cho người khác. Chuyện đó không thể dấu ai được. Vậy nên cho mọi người hay đi.

- Thưa Umfundis, tôi sẽ cho bà con hay.
- Tôi không biết tôi có nên ở lại đây không?
- Tại sao vậy, Umfundis?

Kumalo chưa chát đáp:

- Có gì đâu. Em gái tôi thì bỏ con, con trai tôi thì giết người. Mặt mũi nào mà ở lại đây?
 - Thưa Umfundis. Việc đó thì tùy ý Umfundisi. Nhưng tôi xin thưa rằng ở đây không có một người đàn ông, một người đàn bà nào muốn như vậy đâu. Không có một người đàn ông, một người đàn bà nào mà không buồn cho Umfundisi, không mừng rỡ khi thấy Umfundisi về. Làm sao Umfundisi không thấy được điều đó? Làm sao Umfundisi không thấy xúc động?
 - Có, tôi đã thấy và đã xúc động. Sau khi chịu bao nhiêu nỗi đau khổ, điều đó an ủi tôi được đôi phần. Em ạ, tôi không muốn đi nơi khác đâu. Nhà cửa tôi ở đây. Tôi đã sống ở đây bao lâu rồi, lẽ nào tôi lại muốn đi nơi khác.
 - Thưa phải, Umfundisi. Còn tôi, tôi không muốn xa Umfundisi. Vì xưa kia tôi ở trong cảnh tối tăm....
 - Em làm cho tôi cảm động.
 - Umfundisi có biết tin tức gì về đứa con gái của Sibeko không? Umfundisi còn nhớ chứ?
 - Nhớ. Nó cũng bỏ đi mất nữa. Đi đâu, không ai biết. Họ bảo tôi họ không biết nó ở đâu.
- Lòng ông bỗng lại chưa chát, ông nói thêm:
- Họ còn bảo nó đi đâu thì cũng chẳng cần biết.
 - Tội nghiệp, Umfundisi!
 - Tôi cũng rầu lắm.
 - Thế giới này toàn là những chuyện ưu tư khổ não.
 - Đúng vậy.
 - Nhưng Umfundisi tin tưởng được chứ?

- Tôi tin tưởng, và tôi đã được biết rằng đó là một bí mật. Đau đớn, khổ não là một bí mật. Lòng nhân từ và tình thương là một bí mật. Nhưng tôi biết rằng đau đớn khổ não có thể bù đắp bằng tình thương. Nhờ có nhà tôi, có em, có tất cả những bà con tiếp đón tôi ở đây, có đứa con dâu tôi, nó được ở Ndotsheni này với chúng ta, nhờ những người đó mà trong khi đau khổ tôi vẫn còn tin tưởng được.
- Thưa Umfundisi, tôi nghĩ rằng một người theo đạo Ki Tô không bao giờ được thoát cảnh đau khổ. Vì đức Chúa của chúng ta đã đau khổ. Và tôi bắt đầu tin rằng Ngài đau khổ không phải để cứu chúng ta khỏi bị đau khổ mà để dạy chúng ta chịu đựng sự đau khổ. Vì Ngài biết rằng hề sống thì phải đau khổ.

Kumalo vui vẻ nhìn người thân tín đó, bảo:

- Em có tài thuyết giáo.

Người đó đưa hai bàn tay chai cứng ra:

- Tôi mà có vẻ là nhà thuyết giáo ư?

Kumalo cười:

- Tôi nhìn tấm lòng của em chứ đâu có nhìn bàn tay em. Xin cảm ơn em đã giúp đỡ tôi.

- Có việc gì giúp đỡ Umfundisi được, tôi xin tận tâm. Umfundisi ở lại mạnh giỏi.

- Em về mạnh giỏi. Nhưng em về lối nào đây?

- Tôi sẽ ghé nhà Sibeko. Tôi hứa với anh ấy hễ được tin thì cho hay liền.

Kumalo trầm ngâm bước về căn nhà nhỏ của ông. Bỗng ông quay lại, gọi:

- Tôi cần phải giảng thêm cho em nghe. Chính cô em gái ông uSmith bảo rằng không biết nó đi đâu và nó đi đâu cũng chẳng cần biết. Nói bằng tiếng Anh. Và khi ông Jarvis dịch ra tiếng Zulu cho tôi nghe thì ông ấy bảo: “ Cô ấy không biết ” chứ không bảo rằng cô ấy không cần biết nó đi đâu. Lờn sau đó, ông ta không nói ra.

- Tôi hiểu Umfundisi.

- Em đi mạnh giỏi.

- Umfundisi ở lại mạnh giỏi.

Kumalo quay lại nhìn lần nữa rồi mới vô nhà. Bà vợ và nàng dâu đương ngồi ăn.

Ông hỏi:

- Đứa cháu đâu?

- Nó ngủ rồi mình. Mình ở lại nói chuyện lâu quá nhỉ.

- Ừ, có nhiều chuyện cần nói.

- Mình có tắt đèn đi đấy không?

- Để cho nó cháy thêm một lát nữa.

- Giáo đường có nhiều tiền như vậy ư?

Ông mỉm cười với bà đáp:

- Đêm nay là một đêm đặc biệt mà.

Ông đau khổ cau mày lại, hiểu vợ đương lo nghĩ gì, rồi bảo:

- Anh đi tắt nó ngay bây giờ đây.

- Mình để nó cháy thêm một lát nữa. Mình ăn xong rồi hãy tắt.

- Phải đấy. Để cho nó cháy vì những chuyện xui xẩy ra ở đây, rồi sẽ cho nó tắt cùng với những chuyện buồn xẩy ra ở chỗ khác.

Ông đặt bàn tay lên đầu thiếu nữ:

- Con ăn no chưa?

Nàng mỉm cười ngó ông:

- Thừa, con ăn no rồi.

- Vậy thì đi nghỉ đi.

- Thừa ba vâng.

Nàng đứng dậy:

- Con chúc ba an giấc, chúc má an giấc.

- Để má chỉ phòng cho con.

Khi bà trở ra thì Kumalo đương ngó cuốn sổ trương mục ở bưu điện. Ông chìa cuốn sổ cho vợ, bảo:

- Có tiền đây nè, còn nhiều hơn số tiền mà vợ chồng mình trước kia dành dụm được nữa.

Bà mở sổ ra, thấy số tiền, reo lên:

- Của chúng mình đấy à?

- Phải, của chúng mình đấy. Một người nhân từ nhất đời, anh chưa thấy, đã tặng anh đấy.

- Vậy mình may áo mới đi, áo đen mới, cổ cồn mới, và mua một cái nón mới.

- Còn mình nữa, cũng phải may thêm áo. À, lại còn cái lò nữa. Ngồi xuống đây, anh kể cho mình nghe về ông Msimangu và nhiều chuyện khác nữa.

Bà run rẩy ngồi xuống:

- Em nghe đây.

Chú thích: 1. Có nghĩa là Phu nhân.

2. Bài Thánh ca này nguyên ở trong một cuốn sách mà nhan đề có nghĩa là: Xin Thượng Đế cứu Châu Phi. Sau thanh Quốc ca của dân da đen.

ALAN PATON

KHỐC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 2

Kumalo bắt đầu cầu nguyện đều đều trong giáo đường cho sự phục sinh của Ndotsheni. Nhưng ông biết rằng chỉ cầu nguyện thôi thì chưa đủ. Ở một nơi nào đấy trên trái đất này, con người phải đoàn kết với nhau, mưu tính cái gì, làm cái gì đó. Nhìn miền đồi chung quanh, ông chỉ thấy hai người có thể giúp ông được: vị Tù trưởng và ông Hiệu trưởng. Vị Tù trưởng là một người cao lớn đầy đà, bận quần cụt, đội một cái mũ nồi bằng da lông y như người ở xứ lạnh vậy, và cùng với một số cố vấn cuỡi ngựa đi thăm khắp trong miền mà chẳng ai biết các cố vấn ấy giúp ông ta được những ý kiến gì. Ông Hiệu trưởng là một người nhỏ bé tươi cười, đeo một cặp kính tròn to, ngồi trong một phòng giấy đầy những thông cáo xanh dương, đỏ, xanh lá cây. Kumalo đi thăm vị Tù trưởng trước cho phải phép.

Hôm đó, mới ban sáng mà đã nóng chịu không nổi, trời không gợn một đám mây, không có một dấu hiệu nào là sắp mưa. Chưa bao giờ miền này bị hạn hán như vậy. Các ông già bà cả lớn tuổi nhất chưa bao giờ thấy năm nào mà lá rụng như bây giờ, chẳng bao lâu cây cối sẽ rụng hết như giữa mùa đông; trẻ con mặc dầu chân đã chai mà cũng phải chạy vội từ bóng mát này qua bóng mát khác vì đất nóng như lửa. Dẫm lên cỏ thì cỏ gãy kêu rảng rặc như sau một cơn đốt đồng, và khắp trong thung lũng, dòng suối nào cũng cạn khô. Ngay trên đỉnh đồi, cỏ cũng vàng úa; trên cao cũng như dưới thấp, không cây cối gì được cả. Ánh nắng từ trên trời tàn khốc đổ xuống, và các đàn bò gầy gơ xương, uể oải lang thang khắp cánh đồng tới các dòng suối cạn, gặm hết những cọng cỏ đã trụi hết bên dòng suối.

Kumalo leo ngọn đồi lên nhà viên Tù trưởng. Người ta bảo ông ngồi đợi một chút. Điều đó có chi lạ: một viên Tù trưởng muốn bắt ai đợi thì cũng được, vì là Tù trưởng mà. Nếu ông ta muốn thì có thể bắt người ta đợi để ông xỉa răng hoặc ngồi mơ mộng, nhìn bông lông xuống thung lũng. Kumalo mừng rằng như vậy được nghỉ ngơi một chút. Ông cởi áo ngoài ra, ngồi dưới bóng một căn chòi mà suy nghĩ về thói cư xử của các Tù trưởng. Nhưng ai mà muốn là Tù trưởng một miền hoang tàn như miền này? Đây là chính sách của người da trắng: diệt hết các

Tù trưởng đi rồi phục hồi họ lại để kết hợp các manh mối của cộng đồng lại với nhau, sau khi đã chiếm miếng tốt nhất. Và người ta thấy một số Tù trưởng ngạo nghễ, mắt đỏ rần, cai trị những tiểu bang chẳng ra cái quái gì cả. Không phải hết thấy họ đều như vậy; một vài vị cũng rón giúp đỡ dân chúng, cho con đi học. Chính phủ cũng giúp đỡ những vị đó, nhưng chẳng qua cũng như cho một ông lão uống sữa, mà mong rằng ông ta sẽ trẻ lại như hồi bé.

Kumalo bỗng giật mình thấy quãng đường mình đã qua từ hồi ra Johannesburg. Châu thành lớn đó đã mở mắt cho ông và ông đã hiểu rằng có cái gì đó đã bắt đầu, bây giờ cần phải tiếp tục. Vì ở ngoài Johannesburg kia nhiều biến cố đã xảy ra, có tùy thuộc vào Tù trưởng nào đâu. Có người ra bảo ông vua của bộ lạc cho gọi ông vô và ông đứng dậy.

Ông xá dài, tỏ vẻ hết sức cung kính vì ông lạ gì, các Tù trưởng rất để ý tới cái đó.

- Umfundisi muốn gì đây?

- Bẩm Inkosi (1), tôi có ra Johannesburg.

- Phải, tôi có nghe nói.

- Bẩm Ikosi, có nhiều người trong bộ lạc mình ra ngoài đó làm ăn.

- Phải.

- Bẩm Inkosi, tôi trộm nghĩ phải rón giữ một số bọn đó lại cho thung lũng này.

- A, làm sao giữ họ được?

- Bằng cách chăm nom săn sóc đất đai cho kịp, kéo trễ quá. Dạy họ cách chăm sóc đất đai. Như vậy ít nhất cũng có được một số người ở lại Ndotsheni.

Viên Tù trưởng làm thỉnh, suy tư và trong lúc đó không ai được phép quấy rầy ông ta. Kumalo thấy rõ ràng ông ta không biết nói sao. Ông ta bắt đầu thốt vài tiếng rồi hoặc ông ta tự ý ngưng lại, hoặc ông ta không biết nói sao cho hết câu, Kumalo không hiểu được là nguyên do nào. Sự thực đó là thái độ tự nhiên của một người có ai hỏi mình một vấn đề nghiêm trọng, chính mình đã nhiều lần suy nghĩ mà không kiếm được giải pháp.

Rốt cuộc ông ta cũng bảo rằng:

- Tôi cũng đã thường nghĩ tới những vấn đề quan trọng đó.

- Dạ.

- Và tôi cũng đã nghĩ cách phải làm sao.

- Dạ.

- Cho nên tôi mừng rằng Umfundisi cũng đã nghĩ đến như tôi.

Viên Tù trưởng lại làm thỉnh và Kumalo thấy rằng ông ta đương tìm tiếng.

- Umfundisi biết chứ, từ lâu chúng ta đã dạy những điều đó ở trường học. Quan thanh tra da trắng và bản chức đã nhiều lần bàn về vấn đề đó.

- Bẩm Inkosi, tôi được biết vậy.

- Quan thanh tra sắp trở lại đây, chúng tôi sẽ bàn lại.

Viên Tù trưởng có giọng hy vọng và lạc quan như thể chính câu cuối đó đưa ra một giải pháp thỏa mãn. Kumalo biết rằng cuộc hội kiến tới đây sắp chấm dứt, và mặc dầu biết rằng như vậy là không phải, ông cũng gom hết can đảm lại, cất giọng lên thưa.

- Bẩm Inkosi.

Để tỏ ý rằng muốn nói gì thêm nữa.

- Chi vậy?

- Bẩm Inkosi, quả thực trường đã dạy những điều đó từ mấy năm nay. Nhưng chỗ người ta dạy đó, coi mà thấy buồn. Không có cỏ, cũng không có nước. Và ngay khi trời mưa thì bắp cũng không cao tới đầu người. Bò chết lần chết mòn ngay trên đồng và người ta không có sữa uống. Đứa con của Malusi đã chết, đứa con của Kuluse cũng sắp chết. Còn bao nhiêu kẻ sẽ phải chết nữa, chỉ Tixo mới biết được.

Kumalo nhận thấy rằng mình mới thốt những lời tàn nhẫn, chua chát làm tiêu tan cả hy vọng và lạc quan, như vậy hậu quả không thể tốt đẹp được. Viên Tù trưởng có thể nổi giận được lắm không phải vì lời của Kumalo đúng, mà vì Kumalo không muốn cho câu chuyện chấm dứt ở đó.

- Umfundis, trời hạn hán mà. Đừng quên rằng trời hạn hán chứ.

Kumalo cung kính đáp:

- Bẩm, tôi không quên rằng trời hạn hán. Nhưng hạn hán hay không thì năm nào cũng vậy.

Viên Tù trưởng lại làm thinh vì không biết nói gì cả. Có lẽ ông ta cũng tính nổi dóa cắt ngang câu chuyện cho xong đi, nhưng trước mặt một mục sư, thái độ đó không tiện.

Sau cùng ông ta miễn cưỡng nói:

- Tôi sẽ bàn với quan Tỉnh trưởng.

Rồi ông ta buồn rầu nói thêm:

- Vì chính mắt tôi cũng thấy những cái đó.

Ông ta ngồi trầm ngâm một lúc rồi miễn cưỡng nói, vì điều đó khó nói quá:

- Tôi đã có lần nói với quan Tỉnh trưởng.

Ông ta cau mày bối rối. Kumalo biết rằng cuộc hội kiến chẳng đưa tới đâu nữa, nên cựa cậy để viên Tù trưởng biết rằng ông sẵn sàng ra về. Trong khi chờ đợi, ông nhìn mấy người cố vấn đứng phía sau viên Tù trưởng và thấy họ cũng bối rối cau mày, và trong vấn đề này, họ chẳng có ý kiến nào cả. Vì các vị cố vấn của một bộ lạc tan rã có thể góp ý về mọi vấn đề, trừ vấn đề nào liên quan tới sự tan rã của bộ lạc.

Viên Tù trưởng nặng nề đứng dậy, chìa tay cho vị mục sư bắt:

- Tôi sẽ lại thăm quan Tỉnh trưởng. Umfundisi về mạnh giỏi.

- Inkosi ở lại mạnh giỏi.

Kumalo xuống đồi, đi một mạch về giáo đường. Tới nơi, ông cầu nguyện cho viên Tù trưởng và cho sự phục sinh của Ndotsheni. Ngôi giáo đường cất bằng gỗ và tôn nóng như một cái lò, mà tinh thần ông mệt mỏi, hy vọng ông tiêu tan trong hơi nóng ngọt ngào đó. Cho nên ông chỉ cầu nguyện rất vắn tắt: “ Ôi Thượng Đế, con xin giao phó xứ Ndotsheni này vào tay Ngài ”. Rồi ông trở ra lại đi dưới ánh nắng đến thăm ông Hiệu trưởng.

Lần này ông không thành công gì hơn. Đeo cặp kính lớn, ông Hiệu trưởng tỏ vẻ ân cần nhã nhặn, đưa cho mục sư coi những giấy má, mà ông ta gọi là kế hoạch của ông, có hình vẽ các loại hoa, các hạt giống và có các mẫu đất đựng trong ống. Ông ta giảng rằng là trường học rán làm cho đời sống của trẻ liên lạc với đời sống của cộng đồng, và đưa ông coi các thông tư của chính quyền ở Pietermaritzburg về vấn đề đó. Ông ta dắt Kumalo ra ngoài nắng chang chang chỉ cho coi khu vườn của trường, nhưng đó chỉ là một thứ bài giảng suông ở trường vì làm gì có nước, mà cây cối chết khô hết rồi. Nhưng có lẽ chẳng tới nỗi suông như vậy đâu vì mọi vật trong thung lũng này đều chết, ngay trẻ con cũng đương chết đây nữa.

Kumalo hỏi ông Hiệu trưởng làm sao giữ được một số trẻ ở lại Ndotsheni. Và ông Hiệu trưởng lắc đầu, kể ra những nguyên nhân kinh tế và bảo rằng trường học chẳng có quyền hành gì cả. Thế là Kumalo trở về giáo đường ngồi thừ ra, mất tinh thần. Còn đâu cái mộng lớn lao mà ông đã có ở Ezenzeleni, còn đâu cái mộng phát sinh sau nỗi đau khổ vô cùng đó? Có cách nào đâu để làm cho giáo khu của ông thành một nơi tin đồn ông sống đàng hoàng, con cái được giáo dục, đào tạo nên người? Tại ông già rồi, đời như bỏ đi rồi chẳng? Hay tại mộng của ông chỉ là một ảo vọng và những việc đó vô phương cứu chữa? Không có một sức mạnh nào, trừ sức vạn năng của Thượng Đế, có thể tạo một phép màu như vậy. Ông lại cầu nguyện vắn tắt: “Ôi, Thượng Đế, con giáo phó xứ Ndotsheni này vào tay Ngài ”.

Ông vô nhà trong hơi nóng ngột thở, ông gắng sức tính toán sổ sách của giáo đường cho tới khi nghe thấy tiếng vó ngựa, trước giáo đường. Ông rời cái ghế dựa, đứng dậy bước ra coi xem dưới ánh nắng ghê gớm như vậy ai mà cỡi ngựa đi chơi đây. Và trong vài giây, ông ngạc nhiên tới nín thở vì thấy một em trai da trắng giống hệt một em khác hồi xưa cũng thường cỡi ngựa qua đây.

Em đó mỉm cười với Kumalo, cất nón lưỡi trai chào ông.

Kumalo nửa hãnh diện kỳ dị, nửa xấu hổ kỳ dị rằng em ấy chào mình như vậy; ông ngạc nhiên, em không biết tục lệ ở đây (2). Ông đáp:

- Chào Inkosana (3), trời nóng như vậy mà cỡi ngựa đi chơi.

- Tôi không thấy nóng lắm. Giáo đường của ông đây hả?

- Phải, giáo đường của tôi đây.

- Trường tôi học cũng thuộc về một giáo đường, giáo đường Thánh Mark.

- Tiểu giáo đường của Inkosana chắc đẹp hơn giáo đường này nhiều?

Em đó mỉm cười:

- Phải, đẹp hơn nhiều. Dĩ nhiên rồi vì ở châu thành mà. Phải nhà ông đây không?

- Phải, nhà tôi đấy.

- Tôi vô coi một chút được chứ? Tôi chưa bao giờ vô nhà một mục sư, tôi muốn nói một mục sư bản xứ.

- Xin mời Inkosana vô.

Em đó từ trên lưng ngựa tuột xuống, cột ngựa vào một cái cọc đã cắm sẵn cho ngựa những người tới giáo đường. Em chùi chân vào tấm thảm đã cũ sòn ở trước cửa nhà Kumalo, rồi tay cầm chiếc nón lười trai, em bước vô nhà.

- Nhà đẹp đấy. Tôi không ngờ nhà đẹp như vậy.

Kumalo nhẹ nhàng đáp:

- Không phải nhà nào của chúng tôi cũng được như vậy. Nhưng nhà một mục sư thì phải sạch sẽ, coi được. Inkosana đã coi các nhà của các người bản xứ khác chưa?

- Có, thiếu gì. Chung quanh trại của ông nội tôi đó. Không đẹp như nhà này đâu. Ông đương làm việc đấy hả?

- Phải, Inkosana.

- Y như là sổ học đấy nhỉ?

- Chính là sổ học. Sổ sách của giáo đường đấy.

- Tôi không biết rằng giáo đường cũng làm sổ sách đấy. Tôi cứ tưởng các cửa hàng mới làm sổ sách.

Kumalo cười. Rồi lại cười nữa, làm cho em đó phải hỏi:

- Tại sao ông lại cười?

Nhưng chính em cũng cười, không thấy phật ý chút nào cả.

- Chẳng có gì cả, buồn cười vậy thôi, Inkosana.

- Inkosana? Có phải nghĩa là Inkosi nhỏ không?

- Nghĩa là Inkosi nhỏ. Nghĩa là cậu chủ.

- Tôi biết rồi. Còn ông thì người ta gọi ra sao? Như tôi phải gọi ông ra sao?

- Gọi là Umfundisi.

- Tôi biết, Umfundisi.

- Không, Umfundisi, chứ không phải là Imfundisi

- Umfundisi, nghĩa là gì?

- Nghĩa là mục sư.

- Tôi ngồi được không Umfundisi? – Em rán phát âm cho đúng tiếng này – Như vậy có phải

phép không?

Kumalo cố nhin cười.

- Phải lắm chứ. Inkosana có muốn uống nước không? Thấy Inkosana nực nội quá.
- Tôi muốn được một ly sữa. Thật lạnh, ở tủ lạnh ra.
- Inkosana, ở Ndotsheni này làm gì có tủ lạnh.
- Vậy thì sữa thường cũng được, Umfundisi.
- Inkosana, ở Ndotsheni này không có sữa.

Em đó đỏ mặt lên.

- Xin Umfundisi một ly nước lạnh vậy.

Kumalo đem nước lạnh tới; trong khi em đó uống, Kumalo hỏi:

- Inkosana, còn ở đây bao lâu?
- Không lâu nữa đâu, Umfundisi.

Em uống tiếp rồi nói:

- Lúc này trường học không nghỉ. Chúng tôi về đây vì có lý do riêng.

Kumalo nhìn em, nghĩ bụng:

- Tôi biết lý do của em, em có tang cha.
- Nước thì gọi là amanzi, phải không Umfundisi?

Không thấy Kumalo đáp, em hỏi lại:

- Phải không, Umfundisi?

Rồi lập lại nữa:

- Umfundisi!
- Cái gì em?
- Nước thì gọi là amanzi, phải không Umfundisi?

Kumalo bưng tỉnh, nhìn nét mặt nghiêm trang của em, rồi mỉm cười đáp:

- Đúng, Inkosana.
- Và ngựa gọi là ihashi?
- Cũng đúng nữa.
- Còn nhà gọi là ikaya?
- Đúng nữa.
- Tiền gọi là imali?
- Đúng nữa.
- Em trai Umfana?
- Đúng.
- Bò cái là inkomo?

Kumalo bật cười:

- Thủng thẳng, thủng thẳng chứ, tôi theo không kịp, hết hơi rồi.

Ông làm bộ hỗn hển, ngồi xuống chiếc ghế dựa, lấy khăn chùi trán, bảo:

- Chẳng bao lâu nữa, Inkosana sẽ nói được tiếng Zulu.

- Tiếng Zulu dễ mà. Mấy giờ rồi Umfundisi?

- Mười hai giờ, Inkosana.

- Trềng ời, tôi phải về thôi. Cảm ơn Umfundisi đã cho uống nước.

Em trở ra chỗ cột ngựa, la lớn:

- Đỡ giùm tôi leo lên yên với.

Kumalo đỡ em leo lên yên, em bảo:

- Tôi sẽ trở lại thăm Umfundisi, tôi sẽ nói tiếng Zulu nữa với Umfundisi.

Kumalo cười:

- Inkosana cứ tới, tôi mừng lắm.

- Umfundisi nè?

- Gì vậy, Inkosana?

- Tại sao Ndotsheni không có sữa? Có phải vì mọi người đều nghèo không?

- Phải, Inkosana.

- Thế rồi em bé làm sao?

- Chúng chết lần mòn cậu ạ. Hiện bây giờ có em sắp chết.

- Ai sắp chết?

- Em bé gia đình Kuluse.

- Bác sĩ không tới ư?

- Có, bác sĩ có tới.

- Bác sĩ nói sao?

- Bác sĩ bảo phải cho em bé uống sữa.

- Và cha mẹ em nói sao?

- Cha mẹ em đó nói: Thừa bác sĩ chúng tôi đã nghe người ta bảo như vậy rồi.

Cậu bé hạ giọng xuống, bảo:

- Tôi hiểu rồi.

Cậu cất nón ra vẻ long trọng:

- Chào, Umfundisi.

Mới đầu còn cho ngựa đi bước một, sau thấy nhiều người đứng ở lề đường ngó mình, cậu cho ngựa phi trong đám bụi nóng hổi.

Tối tối, trời mát mẻ, dễ chịu được một chút. Trong khi ông bà Kumalo, con dâu và đứa nhỏ đang ăn, thì có tiếng xe bò ngừng ở trước cửa. Có ai gõ cửa, rồi người thân tín đã xách giùm tay nải cho Kumalo hôm trước bước vô.

- Kính chào Umfundisi. Kính chào thím.

- Em đây ư? Ngồi xuống ăn với chúng tôi.

- Cảm ơn Umfundisi. Tôi phải về nhà. Ghé đây vì có người nhắn Umfundisi chút việc.

- Nhắn tôi ư?

- Dạ, ông Jarvis nhờ. Phải cậu em da trắng hôm nay đã tới đây?

Kumalo có cảm giác sợ sệt, bây giờ mới nhận thấy cuộc gặp mặt ban sáng có thể sinh chuyện.

Ông đáp:

- Phải, cậu ấy có tới đây.

Người kia nói tiếp:

- Chúng tôi đang làm vườn, thì cậu ấy cỡi ngựa về. Tôi không hiểu tiếng Anh, chỉ đoán cậu ấy nói với cha mẹ về em bé gia đình Kusule. Và Umfundisi ra coi tôi mang gì tới cho Umfundisi này.

Trước cửa có một chiếc xe bò, và trên xe bò, lấp lánh mấy thùng sữa.

Người đó nói, ra vẻ quan trọng lắm:

- Sữa này chỉ phát cho trẻ em thôi, cho những trẻ chưa đi học. Và Umfundisi phải đích thân phát. Và những bao này dùng để phủ lên những thùng sữa, các em nhỏ phải lấy nước tưới lên bao. Và mỗi buổi sáng tôi sẽ lại đây lấy thùng không về. Như vậy cho tới khi nào cỏ mọc và chúng ta lại có sữa uống.

Người đó xách mấy thùng từ trên xe xuống hỏi:

- Umfundisi, tôi đặt đâu bây giờ?

Kumalo đứng ngẩn người ra, không thốt được lời nào. Bà vợ bảo:

- Đem vô phòng của Umfundisi trong giáo đường ấy.

Họ đem vô rồi, khi trở ra, người đó hỏi:

- Umfundisi có muốn nhắn gì ông Jarvis không?

Kumalo lấp bắp, ấp úng, chỉ ngón tay lên trời. Người đó bảo:

- Tixo sẽ phù hộ ông ta.

Kumalo gật đầu. Người đó nói tiếp:

- Tôi mới lại làm ở đó được một tuần. Nhưng ngày nào ông ấy bảo tôi chết thì tôi sẽ chết.

Người đó lại trèo lên xe, cầm dây cương. Có vẻ kích thích, hân hoan, thích thú nói:

- Thấy tôi ngồi xe này trở về nhà, nhà tôi sẽ tưởng rằng tôi đã được phong chức Tỉnh trưởng. Mọi người đều cười. Kumalo lúc này mới hết sững sờ, cũng cười nữa; con người tầm thường này mà làm Tỉnh trưởng; Tỉnh trưởng gì mà ngồi xe bò như vậy. Ông lại cười nữa: người lớn mà sao nói đùa như vậy nhỉ; ông lại cười nữa vì nghĩ rằng em bé gia đình Kuluse đã sống được; ông lại cười nữa khi nghĩ tới con người nghiêm khắc ít nói ở High Place. Ông quay vô nhà, cười đến thắt ruột lại, làm cho bà vợ trở mặt ra nhìn.

Chú thích: 1. Nghĩa là: chú.

2. Người da trắng dù là nhỏ tuổi cũng không lễ phép chào người da đen dù là già cả, có chức tước.

3. Có nghĩa là cậu chủ.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIẾN LÊ

Chương 3

Một em đem bốn thư ở Thương điểm lại trường học và viên Hiệu trưởng cho mang lại nhà Umfundisi. Cả bốn bức thư đều gửi từ Johannesburg. Một bức của Absalom gửi cho vợ, một bức thì gửi cho cha mẹ; cả hai đều mang tiêu đề: Công vụ của Hoàng Đế (1) và địa chỉ khám lớn Pretoria. Bức thứ ba của Msimangu và bức thư tư của ông Carmichael. Kumalo mở bao thư cuối này mà lòng phập phồng lo ngại vì chính là bức thư của viên luật sư vì Thương Đế mà lãnh biện hộ vụ đó, chắc là nói về việc được ân xá. Trong thư, viên luật sư dùng những lời rất nhã nhặn, thương xót cho hay rằng không được ân xá, và Absalom sẽ bị xử giáo ngày 15 tháng đó, Kumalo không đọc tiếp nữa và ngồi trơ trơ ra, cho tới một giờ, hai giờ không biết chừng. Ông không trông thấy gì, không nghe thấy gì nữa, cho tới khi bà vợ hỏi:

- Anh Stephen, phải tin đó không?

Ông gật đầu, bà nói:

- Đưa em coi.

Tay ông run run chìa bức thư ra, bà đọc xong rồi cũng ngồi ngó dăm dăm phía trước, cặp mắt đờ đẫn, coi ghê sợ, vì nó là đứa con bà mang nặng đẻ đau, cho bú cho mớm. Nhưng bà không ngồi lâu như ông; bà đứng dậy bảo:

- Ngồi không thế này không nên. Mình đọc hết mấy bức thư đi, rồi đi thăm em bé ở nhà Kusule và em gái Elizabeth đau ốm gì đó. Còn em, em phải làm việc nhà.

Ông bảo:

- Còn bức thư này nữa?

- Của nó?

- Của nó.

Ông chìa bức thư, bà ngồi xuống, kỹ lưỡng bóc ra đọc. Khoé mắt, nét mặt, cả trên bàn tay bà đều hiện lên nỗi đau khổ, ông không nhìn bà mà gục đầu xuống đất, nhưng mắt ông không nhìn đất, chẳng nhìn gì cả, và mặt ông thở ra, cũng có những nét đau khổ như trước kia, những nét

mà ông trút được từ hồi về thung lũng này.

Thình lình bà gọi ông:

- Mình.

Ông ngừng lên nhìn.

- Đọc đi này, đọc cho xong đi. Rồi chúng mình đi làm công việc.

Ông cầm lấy bức thư để đọc. Bức thư ngắn đơn sơ, theo tục lệ viết bằng tiếng Zulu, trừ hàng đầu:

“ Thưa ba má.

“ Con mong rằng ba má cũng mạnh giỏi như con. Sáng nay người ta cho con hay rằng con không được ân xá. Thế là con không được gặp ba má nữa, không được thấy Ndotsheni nữa.

“ Chỗ này dễ chịu. Con bị giam, không ai được phép vô thăm con cả. Nhưng con được hút thuốc, đọc sách, viết thư; các người da trắng khi nói với con không có vẻ gì ác.

“ Có một vị mục sư da đen ở Pretoria lại chuẩn bị tinh thần cho con và âu yếm nói với con.

“ Không có tin gì khác nữa, nên con ngừng bút. Con nhớ tất cả bà con ở Ndotsheni và nếu con được trở về đó thì không bao giờ con rời nó nữa.

Con của ba má.

Absalom.

“ Cháu đã sanh chưa? Nếu nó là con trai, con muốn đặt tên nó là Peter. Có tin tức gì về vụ của Matthew và Johannes không? Con có ra toà làm chứng trong vụ xử đó, nhưng người ta không cho con ở lại xem kết thúc ra sao.

“ Thưa ba, ba đã lãnh số tiền trong sổ trương mục bưu điện của con chưa? ”.

- Thôi anh Stephen, chúng ta đi làm việc đi.

- Ừ, như vậy hơn. Nhưng còn bức thư của Msimangu anh chưa đọc. Và đây bức thư cho con dâu chúng mình nè.

- Em sẽ đưa cho nó. Mình đọc thư của mình đi đã. Và lát nữa mình có lại nhà Kusule không?

- Anh sẽ lại.

- Nhân tiện mình ghé Thương điểm được không? Có một cho mình quá không?

Ông nhìn qua cửa sổ, bảo:

- Coi kìa, có mây kìa.

Bà tiến lại đứng gần chồng, nhìn những đám mây nặng tụ lại ở phía bên kia thung lũng Umzikulu.

- Trời sắp mưa. Tại sao em lại muốn anh lại Thương điểm? Có việc gì cần lắm không?

- Không em có cần gì đâu. Nhưng em nghĩ nên lại Thương điểm nói với người da trắng ở đó rằng có thư từ thuộc về Công vụ Hoàng Đế gửi từ khám trung ương tới cho mình thì xin cứ giữ

lại, mình sẽ tới lấy. Như vậy cũng nhọc lắm rồi, còn cho thiên hạ biết làm chi nữa.

- Ủ, ừ, thế nào anh cũng lại dặn ông ta như vậy.

- Thôi, mình đọc thư đi.

Kumalo mở bức thư của Msimangu ra, đọc hết các tin tức về Johannesburg và ngạc nhiên thấy mình hơi nhớ nhớ châu thành cuồng loạn đó. Đọc xong ông bước ra ngoài nhìn mây, sau mấy tuần nắng chang chang, thấy mây thật là thích thú. Một vài đám mây đã trôi trên đầu ông, chiếu những bóng râm lớn xuống thung lũng; nó chậm chậm di chuyển đều đều lên sườn đồi, rồi tới đỉnh đồi, rồi thình lình trôi nhanh qua và biến mất. Không khí oi ả, ngột thở: thế nào rồi sớm cũng sắp vang dội ở bên kia sông Umzikulu và hôm nay sẽ hết hạn hán, chắc chắn vậy. Trong khi ông đứng đó thì thấy một chiếc xe hơi chạy từ Carisbrooke xuống thung lũng. Cảnh đó thật hiếm; chiếc xe chạy chậm vì con đường không phải dành cho xe hơi đi, mà cho xe bò, xe ngựa, và bò đi. Rồi ông thấy ở cách giáo đường không xa có một người da trắng ngồi yên trên lưng ngựa, có vẻ đợi chiếc xe hơi tới. Khi nhận ra người đó là Jarvis, lòng ông xúc động. Một người da trắng bước ra khỏi xe hơi, và ông ngạc nhiên hơn nữa, nhận ra ông này là viên Tỉnh trưởng, tức thì ông nhớ lại lời nói đùa đêm trước.

Jarvis xuống ngựa, bắt tay viên Tỉnh trưởng; mấy người da trắng nữa cũng ở trong xe bước ra, người thì cầm gậy, người thì cầm cò. Ừa, ở từ phía kia, viên Tù trưởng đẩy đà, bận quần cụt, đội mũ nồi bằng da lông dương phi ngựa lại, chung quanh có nhóm cố vấn. Viên Tù trưởng chào viên Tỉnh trưởng, viên Tỉnh trưởng đáp lễ; viên Tù trưởng và mấy người kia cũng chào nhau nữa. Rồi họ dừng nói chuyện với nhau; rõ ràng là có chuyện gì nên họ hẹn nhau lại đó.

Họ đưa tay chỉ chỗ xa chỗ gần. Rồi một người cố vấn của Tù trưởng đưa một cây nhỏ có cành thẳng, chặt những cành này thành từng khúc đều nhau, vạt nhọn đầu, làm cho Kumalo càng chẳng hiểu gì cả. Mấy người da trắng lấy trên xe xuống nhiều gậy và nhiều cò nữa, rồi một người dựng một cái hộp đặt trên một cái giá ba chân, như để chụp hình vậy. Jarvis cầm một bó gậy và một bó cò; viên Tỉnh trưởng cởi áo ngoài ra vì nực quá, cũng lấy mỗi thứ một bó. Họ cũng chỉ trỏ mấy đám mây và Kumalo nghe Jarvis nói:

- Có mòi sắp mưa rồi đấy.

Viên Tù trưởng không chịu thua mấy người da trắng, cũng xuống ngựa, cũng cầm lấy mấy cây gậy, nhưng Kumalo thấy ông ta không hiểu rõ phải làm gì. Jarvis có vẻ là người điều khiển công việc, cầm một cây gậy xuống đất và viên Tù trưởng đưa một cây gậy cho một người cố vấn, nói với người này câu gì đó. Người này cũng cầm cây gậy xuống đất, nhưng người da trắng có cái thùng đặt trên giá ba chân, la lên:

- Không cầm ở đó, không cầm ở đó. Nhỏ đi.

Viên cố vấn lưỡng lự không biết sao, rụt rè nhìn viên Tù trưởng; viên Tù trưởng quát:

- Không cấm ở đó, không cấm ở đó. Nhổ đi.

Rồi viên Tù trưởng lúng túng, lại càng không hiểu phải làm gì, lại leo lên lưng ngựa, ngồi trên đó, để các người da trắng cấm gậy.

Sau một giờ như vậy, cả một hàng gậy và cò dựng lên. Kumalo vẫn đứng nhìn, mỗi lúc một thêm ngạc nhiên. Jarvis và viên Tỉnh trưởng đứng với nhau, vẫn đưa tay chỉ trỏ hết các ngọn đồi rồi tới thung lũng. Rồi họ nói gì với viên Tù trưởng và các cố vấn đứng bên cạnh nghiêm trang chăm chú nghe. Kumalo nghe thấy Jarvis nói với viên tỉnh trưởng:

- Lâu quá.

Viên Tỉnh trưởng nhún vai đáp:

- Như vậy đó.

Jarvis bảo:

- Tôi sẽ đi Pretoria, nếu không có gì trái ý ông?

Viên Tỉnh trưởng đáp:

- Không có gì trái ý tôi cả; có lẽ cách đó là cách tốt nhất để cho mau được việc.

Jarvis bảo:

- Tôi muốn hầu chuyện ông lâu nữa, nhưng nếu ông không sợ ướt thì nên về thôi. Con sông này không phải thường đâu.

Nhưng chính Jarvis lại không về vội. Ông chào viên Tỉnh trưởng, đi ngang qua các thửa ruộng trụi, vừa đi vừa đếm bước. Kumalo nghe thấy viên Tỉnh trưởng nói với một người da trắng:

- Người ta bảo rằng ông ấy hơi khùng khùng rồi; theo tôi thì chẳng bao lâu nữa gia tài ông ấy sẽ khánh tận.

Rồi viên Tỉnh trưởng bảo viên Tù trưởng:

- Ông coi chừng đừng cho ai động tới hoặc dời cây gậy nào đi.

Ông ta chào viên Tù trưởng rồi cùng leo lên xe với mấy người da trắng khác. Xe chạy trở lại lên đồi. Viên Tù trưởng bảo các cố vấn:

- Các thầy ra lệnh cấm không cho ai được động tới hoặc dời một cây gậy nào đi nhé.

Các cố vấn bèn leo lên ngựa mỗi người đi về một ngả, còn viên Tù trưởng đi ngang qua giáo đường. Kumalo chào, ông ta đáp lễ nhưng không ngừng lại để giảng về cái việc cấm gậy đó.

Jarvis đã nói đúng; con sông này không phải là cơn dông thường. Vòm trời trên thung lũng đã u ám, ghê sợ. Không còn những bóng mây trôi trên cánh đồng nữa vì trời đất đã tối sầm rồi. Ở phía bên kia sông Umzikulu, sấm gầm liên hồi và thỉnh thoảng chớp loé ra trên những ngọn đồi xa. Mọi người đều chờ đợi cảnh đó, cảnh mưa trút xuống. Đàn bà bước vội vã trên đường, và bỗng như ong vỡ tổ, trẻ em từ trong trường ủa ra; viên Hiệu trưởng và các cô giáo thúc chúng:

- Mau lên các con, mau lên, đừng thơ thẩn dọc đường nhé.

Cơn dông như vậy thật là một cảnh đáng coi. Một đám mây lớn, đen, nặng bay qua trên sông Umzikulu và Kumalo đứng nhìn nó một hồi. Từ đám mây đó sấm nổ, chớp loé làm sáng cả mặt đất. Gió bỗng nổi lên trong thung lũng Ndotsheni và bụi cát cuốn xoáy tít lên trên đồng ruộng và dọc theo các đường cái. Trời tối mù mịt và lát sau, các đồi bên kia sông Umzikulu bị che khuất sau một màn mưa. Kumalo thấy Jarvis chạy vội về phía con ngựa cột ở hàng rào, con vật dương hí, tỏ vẻ lo sợ không yên. Lanh tay và khéo léo ông gỡ yên cương, nói với nó một câu gì đó rồi thả nó ra. Rồi ông chạy về phía Kumalo, vừa chạy vừa gọi:

- Umfundisi.

- Umnumzana.

- Umfundisi, tôi để mấy cái này ở dưới cổng rồi vô đụt trong giáo đường được không?

- Dĩ nhiên là được. Tôi xin dắt Umnumzana vô.

Họ vô giáo đường, thật vừa đúng lúc, vì tiếng sấm vừa vang trên đầu họ và tiếng mưa rào rào đổ xuống cánh đồng. Chỉ vài giây sau, nó rút lộp độp trên mái tôn, nghe điếc tai, không còn nói chuyện gì được nữa. Kumalo đốt một cây nến trong giáo đường, Jarvis ngồi xuống một chiếc ghế dài, không nhúc nhích.

Chẳng bao lâu nước mưa chảy qua những lỗ sét trên mái tôn quá cũ, và Jarvis phải ngồi tránh qua chỗ khác.

Kumalo hơi bức bối, hét lớn như để xin lỗi:

- Dột!

Jarvis cũng la lớn, đáp lại:

- Tôi thấy rồi.

Chỗ Jarvis mới ngồi cũng lại dột nữa, ông ta phải kiếm chỗ khác. Ông ta đứng dậy, sờ soạng chiếc ghế dài trong bóng tối mờ mờ, nhưng khó kiếm được chỗ nào để ngồi, vì chỗ nào ghế khô thì dưới sàn lại ướt, chỗ nào sàn khô thì trên ghế lại ướt.

Kumalo la lớn:

- Dột nhiều chỗ quá.

Jarvis cũng la lớn, đáp lại:

- Tôi thấy rồi.

Sau cùng Jarvis kiếm được một chỗ ngồi tạm được, Kumalo cũng vậy và hai người cùng ngồi yên, im lặng. Nhưng cảnh ở ngoài không được yên lặng, sấm nổ ầm ầm mà mưa trút xuống ào ào trên mái, nghe điếc cả tai.

Họ ngồi một lúc lâu như vậy cho tới khi nghe thấy tiếng suối chảy, nghe tiếng những dòng sông khô cạn hồi sinh lại, họ mới biết rằng cơn dông bắt đầu ngớt. Quả vậy, tiếng sấm đã xa dần, một ánh sáng mờ mờ chiếu vô giáo đường và tiếng mưa độp độp, trên mái đã giảm đi.

Mưa đã gần tạnh khi Jarvis đứng dậy, bước lại đứng gần Kumalo tại gian bên giáo đường, rồi không nhìn ông lão, cất tiếng hỏi:

- Có được ân xá không?

Kumalo lấy bức thư trong cái túi nhỏ ra, tay run run một phần vì đau khổ, một phần vì hể đứng gần Jarvis thì ông luôn như vậy. Jarvis cầm lấy bức thư, đưa ra một chỗ có ánh sáng mờ mờ.

Đọc xong, bỏ lại vào bao thư trả Kumalo, mà bảo:

- Tôi chẳng rõ chuyện đó ra sao, nhưng về phương diện khác thì tôi hiểu lắm.

- Tôi hiểu, Umnumzana.

Jarvis làm thình một lát, nhìn lên bàn thờ và cây thánh giá trên đó. Ông ta bảo:

- Tới ngày mười lăm đó, tôi sẽ nhớ. Thôi, Umfundisi ở lại mạnh giỏi.

Nhưng Kumalo không chào lại: “ Umnumzan về mạnh giỏi ”. Ông cũng không nói để xách giùm yên và cương cho, cũng chẳng cảm ơn Jarvis đã cho sữa. Ông lại càng không nghĩ tới chuyện hỏi cắm nẩy cây gậy đó để làm gì. Và khi ông đứng dậy bước ra thì Jarvis đã đi rồi. Trời vẫn còn mưa nhỏ, và thung lũng vang lên tiếng ào ào của nước sông, nước suối đỏ ngầu như máu của đất.

Buổi chiều đó mọi người đều ra ngoài đường trong ánh hoàng hôn hồng hồng, ngắm nghía mấy cây gậy mà chẳng ai hiểu cắm xuống để làm gì. Bọn em trai làm bộ nhổ những cây đó lên, nắm lấy chân gậy, trợn mắt ngó lên trời, giả vờ gặng hết sức. Bọn em gái ngó bọn em trai, nửa vui vui, nửa lo ngại. Chúng chơi cái trò đó cho tới khi một đứa con trai út của Dazuma vô ý nhổ một cây lên, rồi đứng ngây người ra vì việc nó mới làm. Mọi đứa làm thình, đứa nhỏ hoảng hốt ngó đứa lớn. Còn các em gái chạy về phía mẹ, đứa thì khóc lóc, đứa thì mếu máo sợ sệt, đứa thì nói:

- Tội tôi đã bảo trước mà, tội tôi đã bảo trước mà.

Đứa em trai có tội kia bị mẹ lại lôi đi, đập cho mấy cái, rầy la:

- Tao xấu hổ vì mày, tao xấu hổ vì mày.

Vài người đàn ông còn ở lại trong thung lũng, ngó đất chung quanh chỗ đó và một người bảo:

- Lỗ nó đây này.

Và họ cẩn thận cắm cây gậy vào lỗ cũ, một người quỳ xuống nén nén đất chung quanh cây gậy, để không cho ai nhận được vết nhổ.

Nhưng một người khác bảo:

- Cào cào đất lên đi, vì đất ướt như vậy người ta không thấy có vết nén.

Họ bèn cào cào đất lên, kiếm ít cỏ và đá cuội, rải ở chung quanh, và quả thực, không ai có thể biết được đất ở đó đã bị nén xuống.

Chiếc xe chở sữa tới; mẹ mấy em nhỏ đích thân tới hoặc nhờ người tới giao đường lãnh phần sữa.

Kumalo hỏi người đem sữa thân tín của ông:

- Cầm mấy cây gậy đó làm chi vậy hả?
- Thưa Umfundisi, tôi không rõ. Nhưng sáng mai tôi rán tìm hiểu xem sao.

Chú thích:

- 1. Vì Nam Phi là thuộc địa của Anh.*

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 4

Mấy ngày sau, các cây gậy vẫn còn nguyên ở chỗ cũ, nhưng không thấy một người da trắng nào trở lại. Có tiếng đồn rằng sẽ xây một cái đập ở đó, nhưng không hiểu được nước đâu để chứa cho đầy đập vì những dòng suối nhỏ chảy qua khu đất của giáo đường nhiều khi cạn khô và không có mùa nào thành một dòng suối lớn được. Người thân tín của Kumalo bảo ông ta rằng: ông Jarvis đi Pretoria chắc là để lo công việc về mấy cây gậy đó, tức công việc xây đập. Thời gian trôi qua, mặt trời mỗi ngày vẫn mọc và lặn đều đều, Kumalo vẫn cầu nguyện đều đều cho sự phục sinh của Ndotsheni.

Đứa con bé nhà Kuluse đã bình phục, và Kumalo lo công việc mục sư của mình. Trường vẫn dạy học, các em vẫn học về các hạt giống, các loài cây, về loại cỏ nào tốt nhất cho đồng cỏ, về loại phân bón nào tốt nhất, về thức ăn nào tốt nhất cho bò. Ông ngạc nhiên thấy rằng mình mỗi ngày thêm nóng ruột đợi Jarvis về để biết kế hoạch đã dự tính ra sao, và càng ngày ông càng có cảm tưởng rằng chính ông là Jarvis, một mình ông Jarvis là có thể thực hiện được phép màu đó thôi.

Con dâu ông sung sướng được ở với ông bà, vì tính tình nàng nhu thuận, dịu dàng, âu yếm. Đứa cháu nhỏ chơi với các trẻ khác, có đòi mẹ một hai lần nhưng chẳng bao lâu nữa nó cũng sẽ quên mẹ đi. Không ai hỏi thăm về Absalom cả, và nếu thiên hạ có thì thầm bàn tán với nhau trong nhà, thì họ vẫn quý trọng ông Umfundisi già như xưa, không giảm chút nào. Một hôm em trai da trắng phi ngựa tới và khi Kumalo thấy vui mừng gặp lại cậu khách bé con này.

Em bảo:

- Tôi lại để nói tiếng Zulu đây.

Em từ lưng ngựa tụt xuống, quấn dây cương vào cái cọc. Em bước vô nhà chừng chặc như người lớn, chùi chân, cất nón rồi mới vô. Em ngồi ở bàn nhìn chung quanh trong lòng khoan khoái, và Kumalo có cảm tưởng rằng có cái gì rục rở đã vô nhà mình.

- Umfundisi đã làm xong sổ sách chưa?

- Xong rồi, Inkosana.

- Có đúng không?

Kumalo không thể nhịn được cười.

- Đúng, nhưng không khả quan lắm.

- Không khả quan lắm ư? Umfundisi có sẵn sàng không để nói tiếng Zulu nào.

Kumalo lại cười nữa, ngồi xuống chiếc ghế dựa ở phía bên kia bàn bảo:

- Sẵn sàng nói tiếng Zulu đây. Bao giờ ông nội Inkosana về?

- Tôi cũng không biết. Tôi mong nội về lắm, tôi yêu nội lắm.

Kumalo muốn cười nữa, nhưng có lẽ nghĩ rằng điều đó có gì đâu mà cười. Nhưng chính em cười lên và ông cũng cười theo. Nói chuyện với em nhỏ này, người ta dễ cười lắm, cơ hồ trong lòng em tràn trề cái vui cười.

- Bao giờ Inkosana trở về Johannesburg?

Em đáp:

- Khi nào nội về nhà.

Rồi Kumalo nói bằng tiếng Zulu:

- Khi Inkosana đi rồi thì Ndotsheni sẽ mất một cái gì rục rĩ.

- Umfundisi nói gì đó?

Nhưng khi Kumalo bắt đầu dịch ra tiếng Anh thì em lại la lên:

- Không, đừng giảng. Nói lại bằng tiếng Zulu đi.

Kumalo lặp lại:

Em bảo:

- Nghĩa là khi Inkosana đi rồi, rồi làm sao nữa, Umfundisi nói lại đi.

Kumalo lặp lại bằng tiếng Zulu:

- Ndotsheni sẽ mất một cái gì rục rĩ.

- Cái gì về Ndotsheni. Khó quá tôi không hiểu. Thôi Umfundisi nói bằng tiếng Anh đi.

Kumalo nói bằng tiếng Anh:

- Ndotsheni sẽ mất một cái gì rục rĩ.

- À, tôi hiểu. Khi tôi đi rồi thì Ndotsheni sẽ mất một cái gì rục rĩ.

Em cười một cách thích thú, rồi nói bằng tiếng Zulu:

- Tôi hiểu, Umfundisi.

Kumalo vỗ tay ngạc nhiên bảo:

- À, Inkosana nói được tiếng Zulu rồi!

Em lại cười thích thú hơn nữa. Kumalo lại vỗ tay khen lấy khen để.

Cánh cửa mở ra, bà Kumalo bước vào. Ông nói với cậu bé:

- Cậu này là con ông đó.

Cậu bé đứng dậy cúi đầu chào bà Kumalo, bà ngó cậu, vừa sợ vừa buồn. Cậu bảo:

- Ngôi nhà của bà đẹp quá.

Rồi cậu cười. Bà nói với chồng bằng tiếng Zulu:

- Em ngạc nhiên quá không biết nói sao.

Cậu bé nói bằng tiếng Zulu:

- Tôi nghe ra rồi.

Bà đâm hoảng, lùi lại một bước.

Kumalo vội vàng bảo vợ:

- Cậu ấy không hiểu mình nói gì đâu, biết được mấy tiếng thì lập lại thế thôi.

Rồi quay lại phía cậu bé, vỗ tay, tỏ vẻ ngạc nhiên khen:

- A, a, Inkosana nói được tiếng Zulu.

Bà vợ quay trở lại phía cửa, mở cửa bước ra ngoài rồi khép cửa lại. Trong phòng chỉ còn lại có hai người.

- Umfundisi đã sẵn sàng nói tiếng Zulu chưa?

- Sẵn sàng.

- Cây là umuti, phải không Umfundisi?

- Phải, Inkosana.

- Nhưng được phẩm cũng gọi là umuti, Umfundisi.

Cậu nói câu đó, có vẻ vừa đắc thắng vừa làm bộ ngạc nhiên, và cả hai cùng cười.

Kumalo nghiêm trang đáp:

- Inkosana thấy chứ, hầu hết được phẩm của chúng tôi đều lấy ở cây ra. Vì vậy tiếng cây cũng chỉ được phẩm nữa.

Lời giải đó làm thoả mãn cậu bé, cậu bảo:

- Tôi hiểu rồi. Còn cái hộp là ibokisi.

- Đúng Inkosana. Chúng tôi không có hộp, nên mượn tiếng của người Anh.

- Tôi hiểu, còn xe máy dầu là isitututu.

- Đúng. Đó là tiếng xe máy dầu nổ: isi-tu-tu-tu. Này, Inkosana thử làm một câu xem nào. Vì biết được tiếng nào, nói hết ra với tôi như vậy thì có học thêm được gì nữa đâu. Nào: “ Tôi thấy một con ngựa ” thì Inkosana nói sao?

Bài học tiếp tục như vậy cho tới khi, Kumalo bảo:

- Gần mười hai giờ rồi, có lẽ Inkosana tới lúc phải về thôi.

- Phải, tôi phải về. Nhưng tôi sẽ trở lại nói tiếng Zulu nữa.

- Inkosana cứ trở lại, chẳng bao lâu sẽ nói tiếng Zulu thạo hơn nhiều người Zulu. Và có thể nói trong bóng tối mà người ta tưởng lầm là người Zulu.

Cậu bé mừng lắm và khi họ bước ra ngoài rồi, cậu bảo:

- Umfundisi đỡ giúp tôi leo lên yên.

Kumalo đỡ cậu lên, cậu cất nón chào rồi phi ngựa về phía đường cái. Một chiếc xe hơi đương lên con đường đó, cậu kìm ngựa lại, la lớn:

- Ông nội tôi về kìa.

Cậu đập con ngựa, phi tới, rán đuổi theo chiếc xe.

Một người trẻ tuổi đứng trước giáo đường, mặt mũi vui vẻ, trạc hai mươi lăm tuổi. Chàng đặt mấy cái xác xuống đất, cất nón, hỏi bằng tiếng Anh:

- Ông phải là Umfundisi không?

- Phải.

- Tôi là cán sự canh nông mới tới. Tôi có giấy tờ đây, Umfundisi.

Kumalo hân hoan bảo:

- Mời thầy vô nhà.

Họ vô nhà và thanh niên đó, lấy giấy tờ ra đưa cho Kumalo coi. Đó là những bức thư của các mục sư, thanh tra học đường và vài người khác nữa, đại ý nói rằng người giới thiệu trong thư, Napoleon Letsitsi là một thanh niên nghiêm trang, hạnh kiểm tốt; lại có một tấm chứng nhận rằng chàng tốt nghiệp trường Transkei, cấp bậc cán sự canh nông.

Kumalo bảo:

- Tôi thấy rồi. Nhưng xin thầy cho biết thầy tới đây làm gì? Ai phái thầy lại đây?

- Chính người da trắng đã đưa tôi lại đây.

- Có phải tên ông ta là Jarvis?

- Thưa Umfundisi, tôi không biết tên ông ấy, nhưng chính ông da trắng mới đi khỏi đó.

- Phải rồi, ông Jarvis đấy. Kể đầu đuôi cho tôi nghe nào.

- Thưa Umfundisi, tôi lại đây để dạy dân làm ruộng.

- Dạy cho chúng tôi ở Ndotsheni này ư?

- Thưa phải.

Mặt Kumalo tươi rói, mắt ông long lanh ngó người đó, ông bảo:

- Thầy là thiên sứ Trời sai xuống giúp chúng tôi.

Ông đứng dậy, vừa đi đi lại lại trong phòng vừa vỗ tay nọ vào tay kia, trong khi thanh niên đó kinh ngạc đưa mắt nhìn theo. Kumalo thấy vậy cười, lặp lại:

- Thầy là thiên sứ Trời sai xuống giúp chúng tôi.

Ông lại ngồi xuống hỏi chàng thanh niên:

- Ông da trắng gặp được thầy ở đâu?

- Ông ấy lại nhà tôi ở Krugersdorp. Tôi dạy tại một trường học ở đó. Ông ấy hỏi tôi có muốn làm một việc quan trọng không, rồi mời tôi về miền Ndotsheni này. Thế là tôi có ý muốn tới đây.

- Thế còn việc dạy học.

- Tôi không phải là một giáo sư thực thụ, lương không được bao nhiêu. Ông da trắng bảo tôi lại đây sẽ lãnh được mười bảng mỗi tháng, tôi bằng lòng. Nhưng không phải chỉ vì tiền mà tôi lại. Tại trường học công việc chẳng có gì cả.

Kumalo thấy xót xa vì ghen tị; suốt sáu mươi năm từ thuở cha sinh mẹ đẻ, ông chưa bao giờ lãnh được mười bảng mỗi tháng. Nhưng gạt bỏ ý nghĩ đó đi.

- Ông da trắng hỏi tôi có biết nói tiếng Zulu không, tôi đáp không. Nhưng tôi nói tiếng Xosa gần thạo như tiếng của tôi, vì má tôi là người Xosa. Ông ấy bảo được, vì tiếng Xosa với tiếng Zulu cũng gần như nhau.

Bà Kumalo mở cửa vô cho hay tới giờ ăn. Kumalo giới thiệu bằng tiếng Zulu:

- Nhà tôi đây. Và đây thấy Letsitsi lại dạy dân chúng làm ruộng.

Rồi ông bảo Letsitsi:

- Thầy ở lại dùng bữa với chúng tôi.

Ông giới thiệu Letsitsi với con dâu và cháu ông. Khi ông đọc kinh Tạ Ân rồi, mọi người ngồi xuống và ông hỏi bằng tiếng Zulu:

- Thầy tới Pietermaritzburg hồi nào?

- Sáng nay, thưa Umfundisi. Và từ đó, chúng tôi lên xe hơi về đây.

- Thầy thấy ông da trắng ra sao?

- Ông ấy ít nói lắm, thưa Umfundisi. Chỉ nói với tôi có vài lời.

- Tính ông ấy vậy đấy.

- Chúng tôi ngừng lại ở giữa đường để nhìn một thung lũng. Ông ấy bảo: “Thầy tính làm gì trong một thung lũng như vậy?”. Đó là những lời đầu tiên ông ấy nói với tôi trong khi đi đường.

- Và thầy có nói thầy làm gì không?

- Thưa Umfundisi có.

- Ông ấy nói sao?

- Ông ấy không nói gì hết, Umfundisi. Chỉ “hừ, hừ” trong cuống họng, thế thôi.

- Rồi sao nữa?

- Ông ấy không nói thêm một lời nào nữa cho tới khi tới đây. Tới đây rồi ông ấy bảo tôi: “Thầy

lại thăm Umfundisi, nhờ ông ấy kiểm cho chỗ ở trọ. Nói với ông ấy rằng, tôi ân hận không ghé được vì tôi nóng lòng về nhà ”.

Ông bà Kumalo đưa mắt nhìn nhau. Kumalo bảo:

- Phòng thì nhỏ mà nhà này là nhà mục sư, nhưng thầy muốn ở lại đây cũng được.
- Thừa Umfundisi, tôi cũng ở trong một gia đình mục sư. Tôi được ở đây thì còn gì bằng.
- Và thầy tính làm gì trong thung lũng này?

Viên cán sự trẻ tuổi cười:

- Trước hết tôi phải đi coi thung lũng đã.
- Thế còn cái thung lũng kia, thầy tính làm gì?

Thanh niên đó trình bày tất cả những việc chàng dự tính làm cho thung lũng kia. Chàng bảo phải ngưng dừng đốt phân (1) nữa, mà chôn phân xuống đất; phải cắt cỏ, gom lại thành đống rồi dùng làm phân, chứ đừng để nó khô héo dưới ánh nắng; phải bỏ cái lối cày xuôi theo đường dốc ở sườn đồi; phải trồng cây để làm củi, loại cây mau lớn như miên liễu, ở những nơi nào không thể cày bừa được, ở trên bờ dốc của các dòng suối để giữ nước mưa lại, cho nó khỏi chảy ào ào thành thác. Nhưng những việc đó khó thực hành vì trước hết phải giảng cho dân chúng hiểu rằng, mọi người cứ lo cày bừa khoảng đất nho nhỏ của mình để sống lây lất, thì sẽ có hại. Phải có một số người chịu bỏ đất ruộng để trồng cây hoặc làm đồng cỏ. Khó khăn nhất là làm sao bỏ được cái tục lobola, tục dẫn cưới bằng bò, tức là mua vợ bằng bao nhiêu con bò đó; tục lệ đó làm cho người ta nuôi quá nhiều bò, đếm số bò để xem gia sản giàu hay nghèo, thành thử cỏ không sao mọc được nữa.

Kumalo hỏi:

- Có tính xây đập ở đây không?

Thanh niên đó đáp:

- Thừa có, người ta sẽ xây một cái đập để cho bò luôn luôn có nước uống. Nước ngăn lại ở phía trên cái đập, sẽ chảy ra một cửa rào vô ruộng lúa và đồng cỏ.
- Nhưng nước từ đâu tới?
- Nước từ một dòng sông sẽ dẫn lại đây bằng một cái ống. Ông da trắng bảo tôi vậy.

Kumalo nói:

- Chắc là từ con sông của ông ấy rồi. Nhưng tất cả những điều thầy nói đó, có thể thực hành ở Ndotsheni này ư?

Viên cán sự cười, đáp:

- Thừa Umfundisi, tôi phải đi coi thung lũng đã, rồi mới biết được.

Kumalo có vẻ nóng lòng:

- Nhưng trên đường lại đây, thầy đã đi ngang qua nó rồi mà?

- Thưa, đi ngang qua tôi đã thấy dĩ nhiên. Nhưng tôi cần phải coi cho kỹ hơn nữa. Vâng, tôi nghĩ rằng tất cả những cái đó có thể thực hành ở đây được.

Họ ngồi cả ở chung quanh bàn, người nào nét mặt cũng hào hứng, phấn khởi vì thanh niên khéo diễn tả cho họ thấy mọi vật như ở trước mắt. Kumalo nhìn vợ con, bảo:

- Tôi đã nói với thầy ấy rằng, thầy ấy là thiên sứ Trời sai xuống đây.

Tâm hồn kích thích quá, ông ngồi không yên, đứng dậy đi đi lại lại trong phòng. Ông hỏi:

-Thầy có nóng lòng muốn khởi sự ngay không?

Thanh niên cười, hơi ngượng nghịu:

- Thưa có.

- Thầy sẽ làm cái gì trước hết.

- Thưa Umfundisi, trước hết tôi phải lại chào ông Tù trưởng đã.

- À, phải, việc đó phải làm trước hết.

Lúc đó, ở ngoài nghe có tiếng vó ngựa, Kumalo bước ra xem, lấy làm lạ. không biết có phải cậu bé không, mà sao mà trở lại đây mau vậy. Quả nhiên là cậu ta thật, nhưng cậu không tuột xuống mà ngồi trên lưng ngựa nói với Kumalo, nhanh nhẩu, hoan hỉ, như thể là một việc rất quan trọng. Cậu bảo:

- Thật là sát nút.

Kumalo hỏi:

- Sát nút? Cái gì mà sát nút?

- Đó là tiếng lóng – Nhưng cậu không cười mà rất nghiêm trang – Có nghĩa là vừa kịp. Nếu ông nội tôi không về sớm như vậy, thì tôi không có thì giờ lại chào Umfundisi.

- Inkosana đi ngay bây giờ sao?

Cậu bé không trả lời thẳng câu đó; vì thấy Kumalo ngạc nhiên nên cậu muốn giảng giải:

- Nếu ông nội tôi về trễ chút nữa thì có lẽ tôi không kịp trở lại đây. Nhưng may quá, ông nội tôi về hơi sớm.

- Nghĩa là sáng mai Inkosana đi hả?

- Vâng, sáng mai, đi chuyển xe lửa đường rầy hẹp đó, chuyển xe lửa nhỏ đó, Umfundisi biết chứ?

- Biết, Inkosana.

- Nhưng nghĩ lễ tôi sẽ về, và chúng ta lại nói tiếng Zulu nữa.

Kumalo chỉ đáp:

- Vậy thì vui lắm.

- Thôi chào Umfundisi.

- Chào Inkosana.

Rồi ông nói bằng tiếng Zulu:

- Inkosana đi mạnh giỏi.

Cậu bé cau mày suy nghĩ một chút, rồi nói bằng tiếng Zulu:

- Umfundisi ở lại mạnh giỏi.

Kumalo ngạc nhiên thốt lên: “ A, a! ”; cậu bé cười, cất nón chào rồi phi ngựa đi trong đám bụi mù. Ra tới đường cái, cậu ngừng lại, quay lại chào một lần nữa rồi lại tiếp tục đi. Kumalo còn đứng ở cửa, viên cán sự trẻ tuổi bước ra đứng cạnh ông, hai người cùng nhìn theo cậu bé.

Kumalo bảo, giọng nghiêm trang:

- Còn cậu đó là một thiên thần nhỏ Trời sai xuống.

Họ trở vô nhà, Kumalo hỏi:

- Vậy thầy nghĩ rằng ở đây có thể làm được nhiều việc ư?

- Thưa Umfundisi, làm được nhiều ạ.

- Thực không?

Thanh niên đáp nét mặt có vẻ rất hăng hái:

- Thưa Umfundisi, không có lý gì thung lũng lại không tươi tốt lại như hồi xưa. Nhưng không thể làm mau được, không thể một ngày mà xong được.

Kumalo kính cẩn nói:

- Nếu Thượng Đế phù hộ, thì xin cho tôi được thấy trước khi tôi nhắm mắt. Vì tôi đã sống suốt cuộc đời trong cảnh điêu tàn này.

Chú thích: 1. Xứ đó nuôi nhiều bò mà ít củi, dân phơi khô phân bò để đốt thay củi, như ở Ấn Độ.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 5

Lễ Kiến Tín đã sửa soạn xong rồi. Các phụ nữ trong giáo khu đã tới, mình bận áo dài trắng, cổ quàng một chiếc khăn màu xanh lá cây. Những người đàn ông thuộc về giáo khu mà không bỏ đi nơi khác làm ăn, cũng lại dự lễ, bận quần áo tề, nghĩa là những bộ quần áo ngày thường nhưng đã giặt vá và chải kỹ lưỡng. Những trẻ em làm lễ hôm đó đã tới đủ, gái thì bận áo dài, mũ nôi trắng, trai thì bận những bộ đồ đi học nhưng đã giặt vá, và chải kỹ lưỡng. Bọn phụ nữ lảng vảng trong nhà tiếp tay bà vợ Umfundisi, vì làm lễ xong sẽ có một bữa ăn xoàng gồm món bánh ngọt chắc dạ làm bằng bột bắp, giải khát thì có nước trà nấu cho tới khi cánh trà không còn chút hương vị nào nữa. Bữa ăn đạm bạc nhưng vui vì mọi người sẽ cùng ăn với nhau.

Ở trên trời mây đen tụ lại, trong không khí oi ả, và người ta không biết vui mừng hay nên lo. Những đám mây lớn trôi trên mặt đất đỏ, leo lên đỉnh cái đồi đỏ và trọi. Người ta nhìn lên trời rồi nhìn con đường đức Giám mục sắp tới, tự hỏi không biết nên mừng hay nên lo. Vì chắc chắn rằng trước khi mặt trời lặn, chớp sẽ loé ra, sấm sẽ gầm vang lên trên các ngọn đồi.

Kumalo lo lắng nhìn lên trời và con đường mà đức Giám mục sắp tới; và ngạc nhiên thấy người thân tín của ông đương đánh xe sữa tiến lại. Sao sữa hôm nay tới sớm như vậy?

- Hôm nay em tới sớm nhỉ?

Người đó rầu rầu đáp:

- Thưa Umfundisi, tới sớm vì hôm nay nghỉ, Inkosikazi (1) mất rồi.

Kumalo thốt lên:

- Mất rồi? Có lý nào.

- Thưa Umfundisi, mất rồi. Khi mặt trời ở kia – người đó đưa ngón tay chỉ lên trời, ngay trên đầu – thì Inkosikazi tắt thở.

- Ôi! Bi thảm quá.

- Bi thảm thật Umfundisi.

- Thế còn Umnumzana?

- Ông không nói năng gì cả. Umfundisi biết tính ông ấy rồi. Nhưng lần này sự im lặng của ông thật trầm uất. Thưa Umfundisi, tôi về nhà tắm rửa xong, sẽ trở lại dự lễ.

- Ừ, em về đi.

Kumalo trở về nhà cho vợ hay là Inkosikazi đã mất. Bà kêu lên: “ Chao ôi! Chao ôi! ”. Các người đàn bà khác cũng vậy. Có vài người khóc và khai người mất là nhân từ hiền hậu. Kumalo lại ngồi ở bàn viết suy nghĩ nên phải làm gì đây. Làm lễ Kiến Tín xong ông sẽ lên điền trang ở High Place và thay lời dân chúng trong thung lũng và chia buồn với ông Jarvis. Nhưng rồi ông tưởng tượng ngôi nhà có tang, tất cả các xe hơi của người da trắng đậu ở đó, các tá điền bận áo đen họp nhau thành từng nhóm nhỏ, nghiêm trang thì thầm với nhau, vì ông đã từng trông thấy cảnh đó rồi. Ông nghĩ rằng mình không nên tới, như vậy không hợp tục lệ. Có tới thì cũng đứng lẻ loi một mình tại một góc nào đó, trừ phi chính là ông Jarvis lại tiếp ông, còn thì không có ai biết rằng ông thay mặt dân ở trong miền lại chia buồn với tang gia. Ông thở dài, kéo hộc tủ ra lấy một tờ giấy. Ông nghĩ phải viết bằng tiếng Anh mới được, vì mặc dầu hầu hết các người da trắng ở đây nói được tiếng Zulu, nhưng ít ai đọc được, viết được tiếng đó. Và ông bắt đầu viết. Ông viết nhiều lắm, xé liệng đi, sau cùng mới được bức thư này:

“ Kính thưa Umnumzana.

“Ở trong giáo đường này chúng tôi đau đớn hay tin rằng Inkosikazi đã từ trần, chúng tôi hiểu và xót xa tới rơi lệ. Chúng tôi chắc chắn rằng Inkosikazi biết những việc Umnumzana đã giúp đỡ chúng tôi, và chính Inkosizana cũng dự vào công việc đó nữa. Trong giáo đường này chúng tôi cầu nguyện cho linh hồn người được an lạc ở Thiên Đàng, và cũng cầu nguyện cho Umnumzana trong cái tang lớn này nữa.

Kẻ thuộc hạ trung thành của Umnumzana.

Mục sư S . Kumalo ”

Viết xong rồi ông ngồi suy nghĩ không biết nên gửi thư đó không. Có thể rằng vì con trai bị giết mà bà ấy đau xót trong lòng mà không sống nổi nữa. Nếu quả vậy thì mình là cha kẻ sát nhân kia có nên gửi bức thư như vậy không? Ông đã chẳng nghe nói rằng gần đây bà Jarvis gầy sút đi và đau ốm đấy ư? Thật là khó xử quá, Kumalo bứt đầu bứt tóc, do dự chưa biết tính sao thì nhớ tới việc ông Jarvis cho sữa, mượn viên cán sự trẻ tuổi lại dạy cho dân chúng làm ruộng, nhất là nhớ cái giọng ông Jarvis hỏi ông: “ Có được ân xá không? ”, cái giọng đó như hiện còn văng vẳng trong phòng này vậy. Và ông biết con người đó khi đã quyết tâm theo con đường nào rồi thì không còn ai ngăn cản làm cho đổi ý được nữa. Nghĩ vậy Kumalo bèn dán bao thư lại, bước ra ngoài gọi một em nhỏ lại bảo:

- Con đưa giùm ta bức thư này nhé.

Em nhỏ đáp:

- Thừa vâng.

- Em lại nhà chú Kuluse, mượn con ngựa của chú ấy rồi đem bức thư này tới nhà ông Jarvis. Đừng làm rộn Umnumzana nhé, tới nơi gặp người nào thì cứ đưa thư cho người đó. Và con nhớ này, phải im lặng, kính cẩn, đừng lớn tiếng gọi nhé, đừng cười nói lảng xảng, vì Inkosikazi mất rồi. Con hiểu không?

- Thừa Umfundisi con hiểu rõ rồi.

- Thôi đi đi con. Ta ân hận rằng con không kịp về coi lễ.

Rồi Kumalo báo cho mọi người biết rằng Inkosikazi đã mất. Mọi người im lặng, và một vài người đang la cười hoặc nói lảng nhăng cũng vội vàng ngừng lại.

Sau đó họ nghiêm trang nói nhỏ nhỏ với nhau cho tới khi đức Giám mục tới.

Giáo đường tối om om nên phải đốt đèn lên để làm lễ. Những đám mây lớn bay ngang qua thung lũng, chớp loé lên trên những ngọn đồi đỏ trụi mà đất đã rút ra từng mảng như mảng thịt, còn trơ lại đá. Sấm vang lên trong thung lũng chỉ còn lại ông già bà cả, đàn bà và trẻ con này. Vì đàn ông, thanh niên, thiếu nữ đều đã bỏ đi hết rồi, đất đai không thể nuôi họ được. Mấy đứa em bé hôm nay, lại làm lễ Kiến Tín ở giáo đường này ít năm nữa cũng bỏ đi nơi khác thôi, vì đất đai không thể nuôi được chúng.

Giáo đường tối om om và nóc lại dột. Trên sàn, nước đọng lại từng vũng, người ta phải dời chỗ để tránh nước mưa. Vài ba chiếc áo dài trắng đã bị ướt, một em gái run lên lập cập vì lạnh: em thấy buổi lễ long trọng này nên đứng yên, không dám tìm chỗ khác tránh dột. Và giọng đức Giám mục cất lên:

“ Xin Chúa đem Thánh sủng che chở đứa con của Chúa đây, để cho nó hoài hoài là con chiên của Chúa, mỗi ngày mỗi tiến bộ nhờ Thánh Linh của Chúa, cho tới khi nó được vô cỏi Thiên Đàng vĩnh viễn của Chúa ”.

Đứa trẻ nào đi tới trước mặt ông để nhận lễ Kiến Tín, thì ông cũng lặp lại câu đó.

Tan lễ, họ quây quần trong nhà để dự bữa ăn thanh đạm. Những người hôm đó không dự lễ Kiến Tín hoặc không phải là người thân của những người làm lễ, Kumalo cũng mời ở cả lại giáo đường vì vẫn còn mưa lớn, mặc dầu đã hết sấm chớp. Thành thử nhà ăn chật cứng, trong bếp, trong phòng tính sổ sách của Kumalo, trong phòng ăn, trong các phòng ngủ, và ngay cả trong phòng của viên cán sự trẻ tuổi nữa, phòng nào cũng đầy người.

Sau cùng mưa tạnh, đức Giám mục và Kumalo ngồi một mình trong phòng tính sổ sách. Đức Giám mục đốt ống điếu và nói với Kumalo:

- Tôi có chuyện muốn nói với ông.

Kumalo ngồi xuống, lòng thất lại, sợ phải nghe những lời Giám mục sắp nói.

- Tôi rất buồn rầu vì những điều bất hạnh của ông.

- Bẩm, thực đau đớn quá.
- Tôi không muốn làm cho ông thêm buồn đâu vì ông đã đau khổ nhiều rồi. Vì vậy tôi nghĩ nên đợi đến buổi làm lễ Kiến Tín này.
- Bẩm, vâng.
- Lời tôi nói với ông đây là chí tình, ông nên tin chắc như vậy.
- Bẩm, vâng.
- Theo tôi, ông nên rời Ndotsheni thì hơn, ông Kumalo ạ.

Phải, đức Giám mục muốn nói điều đó và ngài đã nói ra rồi. Phải, chính mình vẫn sợ điều đó. Đưa tôi lại chỗ khác đi, cho tôi chết đi, vì tôi già quá rồi, lập lại cuộc đời sao được. Tôi già cả, yếu ớt. Nhưng tôi đã hết lòng coi dân chúng ở đây như con tôi. Bẩm, đức Giám mục, sao ngài không có mặt ở đây cái buổi tôi về Ndotsheni này, để được thấy dân chúng vẫn yêu quý tôi mặc dầu tôi già cả? Để được nghe em gái đó nói như vậy: “ Umfundisi về, chúng con thích quá; còn Umfundisi kia, chúng con không hiểu được ”. Ngài đưa tôi đi giáo khu khác, đúng vào cái lúc ở đây bắt đầu có nhiều việc mới mẻ xảy ra: có sữa cho trẻ em này, có một cán sự trẻ tuổi lại này, có những cây gậy cắm xuống đất để xây đập này. Nước mắt rung rung, Kumalo nhắm mắt lại, lệ ứa ra rớt xuống chiếc áo đen mới sắm để làm lễ Kiến Tín này, nhờ số tiền của người bạn rất thân: Msimangu. Đầu bạc của ông gục xuống và ngồi im như một em bé không thốt một lời. Đức Giám mục ôn tồn gọi:

- Ông Kumalo - rồi lập lại lớn tiếng hơn – Ông Kumalo.
 - Thừa ông. Bẩm ngài.
 - Làm ông đau khổ tôi rầu lắm. Tôi rầu lắm đã làm ông đau khổ. Nhưng ông nghĩ coi, đi nơi khác có phải hơn không?
 - Bẩm, xin tùy ý ngài.
- Đức Giám mục cúi xuống phía trước, khuỷu tay chống lên đầu gối.
- Ông Kumalo có phải cha nạn nhân là ông Jarvis, người láng giềng của ông tại Ndotsheni này không?
 - Bẩm, phải.
 - Chính vì lẽ đó mà tôi nghĩ ông nên đi nơi khác.

À, thì ra vì lẽ đó. Nhưng chính ông Jarvis đã chẳng cưới ngựa lại đây thăm tôi đấy ư? Và cậu bé chẳng phải vào nhà tôi chơi đấy ư? Chẳng đi đón thầy cán sự trẻ tuổi đó lại dạy dân chúng làm ruộng đấy ư? Và lòng tôi chẳng đau xót cho ông ấy vì bà vợ mất đấy ư? Nhưng làm sao nói những điều ấy với đức Giám mục, một nhân vật rất quan trọng trong miền được? Những điều đó không thể nói ra được.

- Ông hiểu lòng tôi chứ, ông Kumalo?

- Bẩm, tôi hiểu ngài.

- Tôi sẽ đưa ông lại Pietermaritzburg, gần người bạn già Ntombela của ông. Ở đấy ông có thể giúp ông ấy được mà cũng đỡ một gánh nặng cho ông. Ông ấy sẽ lo công việc xây cất, trường học và tiền nong, còn ông thì chuyên về tôn giáo. Đó là tôi tính như vậy.

- Bẩm, tôi hiểu ngài.

- Ông Kumalo ạ, nếu ông ở lại đây thì ông phải đảm đương nhiều gánh nặng lắm. Không riêng cái điều ông Jarvis là người láng giềng của ông, rồi đây sớm muộn gì ông còn phải xây cất lại giáo đường, tốn tiền và phải lo lắng. Ông thấy đấy nó hư nát quá rồi.

- Bẩm vâng.

- Và tôi nghe nói rằng ông đã đưa người con dâu ông về đây ở, và cô đó sắp tới ngày sanh đẻ. Ông nghĩ coi họ ở đây có tiện không? Lại ở nơi nào không ai biết những chuyện đã xảy ra, có phần hơn chứ?

- Bẩm, tôi hiểu ngài.

Lúc đó có tiếng gõ cửa, đứa nhỏ đem bức thư lại nhà ông Jarvis đã trở về đứng đó. Nó chìa một bức thư ra, Kumalo đỡ lấy, thư gửi cho mục sư Kumalo ở Ndotsheni. Ông cảm ơn nó, khép cửa lại rồi trở về ngồi ở ghế để nghe đức Giám mục nói tiếp.

Đức Giám mục bảo:

- Ông cứ đọc thư đi, ông Kumalo.

Kumalo mở thư ra đọc;

“ Umfundisi.

Tôi cảm ơn Umfundisi đã chia buồn với tôi và hứa cầu nguyện ở giáo đường cho chúng tôi. Umfundisi đoán đúng đấy: nhà tôi biết hết những việc đương làm và đã dự một phần lớn vào. Vợ chồng tôi vì nhớ người con trai yêu quý của chúng tôi mà làm mấy việc đó. Một trong những ước vọng cuối cùng của nhà tôi là xây cất một giáo đường mới ở Ndotsheni, để hôm nào tôi sẽ lại cùng bàn với Umfundisi.

Chân thành...

James Jarvis. ”

“ Umfundisi nên biết rằng nhà tôi đã đau từ trước khi đi Johannesburg ”

Kumalo đứng dậy nói bằng một giọng làm cho đức Giám mục ngạc nhiên:

- Thật là Thượng Đế đã sắp đặt cho cả.

Giọng đó là một giọng vui vẻ trút được hết nỗi lo lắng, nửa như cười, nửa như khóc. Ông ngó

các bức vách bốn bề, lập lại:

- Thật là Thượng Đế đã sắp đặt cho cả.

Đức Giám mục lãnh đạm hỏi:

- Cái gì mà Thượng Đế đã sắp đặt đó, đưa tôi coi nào.

Kumalo vội vàng chìa bức thư ra. Đọc xong rồi, đức Giám mục nghiêm trang bảo:

- Tôi đã coi thường, bậy quá.

Ông ta đọc lại lần nữa, xỉ mũi, ngồi xuống, tay vẫn cầm bức thư, hỏi Kumalo:

- Những việc đương làm đó là việc gì vậy?

Kumalo bèn kể cho ông ta nghe việc cho sữa, việc dự tính xây đập, việc phái thầy cán sự trẻ tuổi lại. Đức Giám mục xỉ mũi mấy lần, bảo:

- Thật là chuyện lạ lùng. Tôi chưa bao giờ nghe nói một chuyện lạ lùng như vậy.

Kumalo giảng cho ông ta hiểu câu tái bút: “ Umfundisi nên biết rằng nhà tôi đã đau từ trước khi đi Johannesburg ”. Ông giảng rằng câu đó chứa cái tình thương xót, hiểu biết. Ông lại kể lời Jarvis hỏi ông: “ Có được ân xá không? ”, kể chuyện cậu bé lại thăm ông, cậu bé lòng lúc nào cũng hân hoan, phát ra tiếng cười.

Đức Giám mục bảo:

- Chúng ta qua giáo đường cầu nguyện đi, nếu bên đó còn có được một chỗ khô ráo. Rồi tôi phải đi thôi vì đường còn dài. Nhưng trước hết tôi muốn từ biệt bà Kumalo và người con dâu của ông bà đã. Này, thế còn cái chuyện người con dâu đó với đứa bé sắp sanh?

- Bẩm Ngài, chúng tôi đã thẳng thắn cầu nguyện trước mặt mọi người. Có cách nào khác được đâu?

- Hồi xưa, cổ nhân làm vậy, thời đó các cụ có đức tin. Nhưng hôm nay, hay được những chuyện như vậy, tôi nghĩ chẳng riêng cổ nhân mới vậy.

Kumalo từ biệt các người trong nhà rồi cùng Giám mục qua bên giáo đường. Tới trước cửa giáo đường ông ta đứng lại, nghiêm nghị nói với Kumalo:

- Tôi thấy rằng Thượng Đế không muốn ông rời Ndotsheni.

Đức Giám mục đi rồi, Kumalo đứng trước giáo đường trong bóng hoàng hôn. Mưa đã tạnh, nhưng trời vẫn còn u ám, sẽ còn mưa nữa. Không khí mát mẻ, gió hây hẩy từ dưới sông đưa lên, tâm hồn con người nhẹ nhàng. Trong khi ông đứng đó nhìn xuống thung lũng lớn thì văng vẳng có tiếng từ trên trời đưa xuống: “ Cứ an tâm, cứ an tâm, các con, ta sẽ làm những việc đó cho các con, ta không bỏ các con đâu ”.

Những tiếng nói đó không do một phép màu, như người ta tưởng tượng đâu. Nó không phải là phép màu. Nó là ảo tưởng, hoặc là sự tưởng tượng của những người kiệt sức, hoặc là sự ám thị thần bí.

Khi ông trở vô nhà thì thấy bà vợ, người dâu và vài ba người đàn bà nữa ở giáo đường và người thân tín đã xách tay nải giúp ông, đương lúi húi kết một vòng hoa. Họ kiếm được một cành trắc bá, vì có một cây trắc bá cô độc ở gần chòi người thân tín đó, cây trắc bá duy nhất trong khắp thung lũng Ndotsheni, không ai nhớ do cách nào mà nó mọc ở đó. Họ quấn cành nó lại thành một cái vòng, cột chắc cho vòng khỏi bung ra; rồi họ kết đầy những hoa trong đồng cỏ, những hoa vẫn còn troổ mặc dầu hạn hán.

- Thưa Umfundisi tôi không vừa lòng chút nào cả. Có cái gì coi không được. Không giống vòng hoa của người da trắng.

Cô giáo mới bảo rằng:

- Họ kết hoa trắng. Tôi thường nhận thấy ở Pietermaritzburg họ kết hoa trắng.

Người thân tín của Kumalo nói giọng hăng hái:

- Thưa Umfundisi, tôi biết một chỗ có hoa trắng, hoa ráy và hoa huệ.

Cô giáo mới cũng rất hăng hái:

- Hoa ráy và hoa huệ. Phải, họ kết bằng những hoa đó.

- Nhưng ở xa lắm. Thứ đó mọc ở gần đường xe lửa, phía Carisbrooke, trên bờ một giòng suối nhỏ mà tôi biết.

Kumalo bảo:

- Ừ, xa quá.

Người thân tín của ông bảo:

- Tôi xin đi. Một việc như việc này thì xa mấy cũng không đáng kể. Umfundisi cho tôi mượn cái đèn gió nhé?

- Ừ, thì lấy đi.

Cô giáo mới nói thêm:

- Còn cần một giải lụa trắng nữa.

Một người đàn bà bảo:

- Ở nhà tôi có, tôi về lấy.

- Còn anh, anh Stephen, anh phải viết một tấm thiệp chứ? Anh có một tấm thiệp tốt đấy không?

Cô giáo mới bảo:

- Thiếp phải viền đen mới được.

Kumalo nói:

- Có, tôi có tấm thiệp, tôi sẽ tô mực đen ở chung quanh.

Ông vô căn phòng để tính sổ, kiếm được một tấm thiệp ở trong hộp.

Ông nắn nót viết chữ như chữ in:

Chân thành phân ưu.

Tín đồ của giáo đường Thánh Mark.

Nđotsheni.

Ông còn đương cặm cùi tô mực đen bốn mép, rán cho khỏi lem, thì bà vợ vô mời ông ăn bữa tối.

Chú thích:

1. Có nghĩa là phu nhân.

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIẾN LÊ

Chương 6

Ở Ndotsheni và tất cả các trại chung quanh, mọi nhà đều bắt đầu cày ruộng. Nhưng công việc tiến hành rất chậm, vì thầy cán sự trẻ tuổi có viên Tù trưởng theo sau, đi chỉ cho mọi người không được cày dọc theo sườn đồi nữa. Nông dân lấy đất đắp thành những tường nhỏ và cày vòng vòng như tròn ốc ở chung quanh sườn đồi, thành thửa ruộng coi lạ hẳn đi, không giống trước chút nào cả. Đàn bà và trẻ em đi hốt phân bò, khi trái lên ruộng thấy chẳng được bao nhiêu, nên viên Tù trưởng ra lệnh rào một khoảng đất, gom bò vào trong đó để dễ hốt phân, nhưng việc đó bất tiện lắm vì bò không có gì ăn trong khu rào đó. Thầy cán sự trẻ tuổi lắc đầu nhưng bảo sang năm sẽ khá hơn. Người ta nấu những hột miên liễu, trong thung lũng này chưa ai thấy làm như vậy, nhưng các người làm công trong các trại ruộng của người da trắng bảo là phải vậy, thế là họ nghe lời nấu. Người ta lựa vài chỗ điều tàn để rắc những hột đó, nhưng thầy cán sự trẻ tuổi lại lắc đầu, bảo những chỗ đó đất cằn cỗi, miên liễu mọc làm sao được. Và thầy bảo phải liệng bỏ những hột bắp họ giữ để làm giống đi, vì ở nhà ông Jarvis có nhiều hột giống tốt hơn. Dĩ nhiên họ không liệng đi mà dùng để ăn.

Tất cả những việc đó không phải làm mau lẹ như ảo thuật đầu. Phải mất bao nhiêu buổi hội họp, có bao nhiêu kẻ lằm lì, nhăn nhó. Chỉ vì sợ viên Tù trưởng, nên những cuộc hội họp đó mới không biến thành những cuộc gây lộn, cãi vã. Bất bình nhất là những người bắt buộc phải bỏ ruộng nương của mình.

Người em ông Kusule suốt mấy ngày hờn dỗi, không nói một lời vì cái đập lấn vào đất của chú ta và miếng đất người ta bù lại không làm cho chú vừa lòng. Umfundisi phải nói mãi chú ta mới chịu nghe, chú ta không lẽ từ chối, vì chính nhờ Umfundisi mà đứa con người anh của chú mới có sữa uống mà khỏi chết.

Viên Tù trưởng đã nói bóng nói gió rằng ông sẽ đòi hỏi những điều khó khăn hơn nữa, và thầy cán sự bực mình rằng muốn gì thì sao không nói hết đi. Nhưng khó mà bắt dân chúng chấp nhận mọi sự cải cách luôn một lúc được. Thầy ta bảo rằng ngay năm nay, dân chúng có thể thấy

được vài sự tấn bộ, mặc dầu thầy chán nản lắc đầu vì đất đai cằn cỗi quá.

Có tin đồn chính phủ sẽ tặng viên Tủ trưởng một con bò mộng, và thầy cán sự trẻ tuổi bảo Kumalo rằng dân chúng phải giết những con bò sức sản xuất thấp nhất đi, nhưng trong các buổi họp thầy không tuyên bố ra như vậy, vì dân chúng có tục tính tài sản theo số bò, dù là bò bệnh hoạn, gầy ốm, họ sẽ cho biện pháp đó là tàn khốc quá.

Nhưng làm cho họ kinh ngạc nhất là cái máy lớn mà họ bảo là đã “ tham chiến ” trong chiến tranh vừa rồi, cái máy nó ủi đất của người em ông Kusule lên lấp hàng gậy mà người da trắng đã cắm và đùn đất lên mỗi ngày mỗi cao. Và chính người em ông Kusule cau có nhìn cảnh đó cũng không thể không bật cười lên, rồi sức nhớ lại, làm bộ bí xị như trước. Nhưng chú ta được an ủi đôi phần khi nghĩ rằng sang năm, hồ nước trên đập đầy rồi thì hai anh em nhà Zuma cũng phải bỏ khu ruộng của họ ở phía dưới, vì người ta định trồng cỏ của người da trắng ở dưới đó, tưới cỏ bằng nước ở đập, rồi khi cỏ cao thì cắt, liệng vào khu đất rào cho bò ăn. Hai anh em nhà Zuma đã chế diễu chú ta, khi chú ta cau có về cái đập chiếm đất của chú, thì lúc đó chú sẽ có dịp trả thù mà chế diễu lại họ.

Quả thực đang có cái gì thay đổi trong thung lũng này, một tinh thần mới, một đời sống mới và trong chòi nào người ta cũng bàn tán rất nhiều. Tuy chưa sản xuất được gì cả, nhưng đã bắt đầu có cái gì rồi.

Kumalo bảo:

- Có một người nữa cũng tên là Napoleon. Ông ta làm được rất nhiều việc, nhiều tới nỗi người ta đã viết vô số sách về ông ta.

Thầy cán sự trẻ tuổi cười mà cúi xuống nhìn đất, cà chiếc giày nọ vào chiếc kia.

Kumalo nói tiếp:

- Thầy có thể hãnh diện được vì đã có một đời sống mới trong thung lũng này. Tôi đã sống ở đây già đời rồi mà chưa bao giờ thấy người ta hăng hái cày ruộng như vậy. Ở đây đã có một cái gì mới. Tôi không nói tới mưa đâu, mặc dầu mưa làm mát mẻ tâm hồn con người. Tôi nói tới hy vọng, chưa bao giờ thấy ở đây người ta tràn trề hy vọng như vậy.

Người trẻ tuổi đó có vẻ lo ngại, đáp:

- Không nên nuôi nhiều ảo tưởng quá. Riêng tôi, năm nay tôi không hy vọng gì nhiều. Bắp sẽ cao một chút, thu hoạch sẽ tăng được một chút, thế thôi, vì đất xấu quá.

- Nhưng sang năm, sẽ có khu rào bò đó.

Người trẻ tuổi hăng hái đáp:

- Vâng. Nhờ khu rào đó, sẽ khỏi mất đi nhiều phân. Umfundisi, họ hứa với tôi dù mùa đông này

lạnh nhiều thì họ không đốt phân bò để sưởi nữa.

- Phải mấy năm cây mới lớn nhỉ?

Thầy cán sự rầu rầu, đáp:

- Phải nhiều năm. Thưa Umfundisi, họ có thể chịu được lạnh sáu bảy năm không nhỉ?

- Đừng nản chí. Ông Tù trưởng và tôi sẽ hết sức giúp thầy.

- Vâng. Tôi nóng lòng về việc xây đập quá. Xây xong thì sẽ có nước để tưới các bãi cỏ. Và thưa Umfundisi - giọng chàng hoá hăng hái - lúc đó thung lũng này sẽ có sữa để uống, và chúng ta sẽ không cần tới sữa của người da trắng nữa.

Kumalo ngó thầy ta, hỏi:

- Không có sữa của người da trắng thì chúng ta sẽ ra sao? Người da trắng không giúp chúng ta tất cả những việc đó thì chúng ta sẽ ra sao? Và chính thầy nữa, lúc này thầy sẽ ở đâu? Thầy không đương làm việc cho ông ấy đấy ư?

Thầy ta đáp, giọng hơi sảng:

- Vâng, ông ấy trả lương tôi. Tôi không phải là người vong ân.

Kumalo có giọng lạnh lùng:

- Vậy không nên ăn nói như vậy.

Hai người hơi ngượng với nhau, cho tới khi thầy cán sự ôn tồn nói:

- Thưa Umfundisi, tôi đã tận tâm với công việc ở đây. Umfundisi thấy chứ?

- Thấy.

- Tôi tận tâm như vậy là để phụng sự quê hương tôi, dân tộc tôi. Xin Umfundisi hiểu cho như vậy. Tôi không thể tận tâm như vậy vì bất kỳ ông chủ nào được.

- Nhưng nếu thầy không làm cho ông chủ thì lúc này thầy có ở đây không?

- Tôi hiểu Umfundisi. Con người đó tốt và tôi ca tụng ông ta. Nhưng việc không nên xảy ra cách đó.

- Thế thì việc nên xảy ra cách nào?

Thầy ta bướng bỉnh đáp:

- Không phải cách đó.

- Thế thì cách nào?

- Thưa Umfundisi, bọn da trắng để lại cho chúng ta rất ít đất, họ lôi chúng ta ra khỏi đất đai của chúng ta để bắt chúng ta làm công cho họ. Rồi chúng ta lại đốt nát. Chính vì những nguyên nhân đó mà thung lũng này mới điêu tàn. Vậy những việc thiện của người da trắng đó chỉ là một cách đền bù lại thôi.

- Tôi không ưa cái giọng đó.

- Tôi hiểu Umfundisi, hiểu lắm. Nhưng Umfundisi cho tôi hỏi một điều.

- Cứ hỏi.

- Nếu thung lũng này phục sinh lại được như Umfundisi vẫn luôn cầu nguyện, thì theo Umfundisi, nó có thể nuôi được hết người của bộ lạc này không, nếu những kẻ đi nơi khác đều trở về đây hết?

- Điều đó tôi không biết.

- Nhưng tôi biết thừa Umfundisi. Phục sinh lại được thì thung lũng này đủ nuôi những người hiện ở đây, nhưng khi con cái họ lớn lên thì lại không đủ nuôi nữa, sẽ đông quá, một số lại sẽ phải đi nơi khác kiếm ăn.

Kumalo làm thinh, không biết đáp sao. Ông thở dài:

- Thầy thông minh hơn tôi nhiều.

- Tôi xin lỗi Umfundisi.

- Thầy có lỗi gì đâu. Tôi thấy rằng thầy rất yêu sự thực.

- Thừa Umfundisi, tôi đã được một người dạy cho tôi yêu sự thực, một người da trắng. Ông đó bảo: “ Không yêu sự thực thì ngay việc trồng cây cũng không thể có kết quả tốt được ”.

- Ông đó sáng suốt.

- Chính ông ấy cũng dạy tôi rằng: chúng ta làm việc không phải cho chủ mà cho quốc gia, dân tộc. Ông ấy còn bảo: “ Cũng không làm việc vì tiền nữa ”.

Kumalo cảm động, nói:

- Có nhiều người nghĩ như thầy không?

- Thừa Umfundisi, tôi không biết được. Tôi không biết có nhiều người không, nhưng có.

Thầy ta hăng hái, nói tiếp:

- Chúng ta làm việc cho châu Phi, chứ không phải cho người này, người khác. Không phải cho người da trắng hay da đen, mà cho châu Phi.

- Sao thầy không nói là cho Nam Phi?

Thầy ta vẫn tắt đáp:

- Nếu nói được thì chúng ta sẽ nói như vậy?

Thầy suy nghĩ một lát:

- Chúng ta nói như trong bài chúng ta hát Nkosi Sikelel'i Afrika.

Kumalo bảo:

- Tối rồi, thôi đi tắm rửa thôi.

Thầy cán sự rất nghiêm trang nói thêm:

- Xin Umfundisi hiểu cho tôi. Tôi không phải là người làm chính trị, tôi không phải là người khuấy động thung lũng của Umfundisi. Tôi chỉ muốn phục sinh nó thôi.

Kumalo cũng nghiêm trang đáp:

- Cầu trời phù hộ cho thầy thành công.
- Dạ.
- Tôi không thể ngăn cản cháu có những tư tưởng đó được đâu, một thanh niên nên có những tư tưởng sâu sắc như vậy. Nhưng cháu đừng nên oán thù ai hết nhé, đừng mong có uy quyền đối với ai hết nhé. Vì một ông bạn tôi đã bảo tôi rằng: uy quyền làm hư hỏng con người.
- Thưa Umfundisi, cháu không oán thù ai hết, không muốn có uy quyền đối với ai hết.
- Vậy thì tốt. Vì ở trên quê hương chúng ta đã có nhiều oán thù quá rồi.

Chàng trẻ tuổi vô nhà để tắm rửa. Ông lão còn ngồi nán lại trong bóng tối. tinh tú bắt đầu lấp lánh ở trên vòm trời thung lũng sắp được hồi sinh này. Ông chỉ mong thung lũng được hồi sinh thôi vì đời ông đã sắp tàn. Ông già quá rồi, không quan tâm tới những tư tưởng mới mẻ lộn xộn đó, nó còn làm ông thêm khổ vì nó đả kích nhiều cái quá. Phải, nó đả kích con người ít nói, nghiêm nghị ở High Place, con người chịu cảnh đau lòng như vậy mà vẫn tỏ lòng nhân từ mực đó. Ông già quá rồi, không quan tâm tới những tư tưởng mới mẻ, lộn xộn đó. Người ta gọi ông và hạng người như ông là chó săn của bọn da trắng. Thì từ trước ông vẫn sống như vậy, nay cũng sẽ sống như vậy cho đến tận niên.

Ông quay vào nhà với chàng thanh niên.

ALAN PATON

KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

Dịch giả: NGUYỄN HIỂN LÊ

Chương 7

Ngày mười bốn tháng đó, Kumalo bảo vợ:

- Anh phải vô núi.

Bà vợ đáp:

- Em hiểu mình.

Vì bà thấy ông đã hai lần hành động như vậy rồi; một lần: Absalom còn nhỏ đau xuýt chết, và một lần nữa: ông muốn bỏ chức mục sư mà quản lý một cửa hàng bán xú ở Donnybrook cho một người da trắng tên là Baxter, để kiếm được nhiều tiền hơn ở giáo đường. Còn một lần thứ ba nữa, nhưng lần này bà đi vắng nên không biết: hồi đó ông bị cám dỗ ghê gớm, xuýt mắc tội thông dâm với một cô giáo cô đơn, dễ mềm lòng ở trường Ndotsheni.

Ông nói bà:

- Mình có muốn đi với anh không? Anh không muốn mình phải ở nhà một mình.

Bà cảm động đáp:

- Em không thể đi được, vì con dâu nó sắp tới ngày sanh rồi, không biết bất thần lúc nào.

Nhưng mình cứ đi đi.

Bà nấu cho ông một bình trà, gói vài cái bánh bột bắp chắc dạ cho ông mang theo. Ông lấy một chiếc áo choàng và cây gậy và leo con đường mòn đưa lên nhà viên Tù trưởng. Nhưng tới ngã ba đầu tiên, ông quẹo về phía tay lấy thức ăn, leo một ngọn đồi nữa, tiến tới những cái chòi ngay ở chân núi. Tới đây lại quẹo nữa, đi men theo chân núi về phía đông, tức về phía thung lũng Empayeni ở xa tít mù, một thung lũng đất cũng đỏ và trụi, cũng chỉ có toàn ông già bà cả, đàn bà và con nít.

Nhưng chưa tới thung lũng mới tới con đường phẳng, tới chỗ nó bắt đầu đổ xuống thung lũng thì ông bỏ con đường đó mà leo lên núi. Núi này tên Emoyeni, có nghĩa là: Ở trong gió, nó cao ngất, nhìn xuống Carisbrooke và các ngọn núi khác, nhất là mặt ngó xuống thung lũng Ndotsheni và Empayeni thì nó lại càng cao. Nó quả là bức thành của thung lũng Umzimkulu và

đứng trên núi đó nhìn xuống, người ta thấy được một cảnh đẹp nhất của châu Phi.

Trời đã gần tối và Kumalo đi một mình trong cảnh chạng vạng; như vậy càng tốt vì không nên cho nhiều người biết. Nhưng khi ông bắt đầu leo con đường mòn ở giữa các tảng đá thì thấy bóng một người cỡi ngựa và có tiếng gọi:

- Phải Umfundisi đấy không?

- Thừa phải, Umnumzana.

- May quá, tôi tính lại nhà Umfundisi đây. Trong túi tôi có một bức thư gửi cho các người ở giáo đường.

Ông ta im lặng một lát, rồi nói thêm:

- Vòng hoa hôm đó đẹp quá, Umfundisi.

- Cảm ơn Umnumzana.

- Còn cái chuyện giáo đường? Umfundisi có muốn cất một giáo đường mới không?

Kumalo chỉ mỉm cười lắc đầu chứ không biết đáp ra sao. Và mặc dầu ông ta lắc đầu như thế đáp : “ không ”, Jarvis cũng hiểu ý.

- Bản đồ sắp gửi tới cho Umfundisi coi, và Umfundisi phải cho tôi biết có vừa ý không.

- Thừa Umnumzana, tôi sẽ trình lên đức Giám mục.

- Đó là việc của Umfundisi, tôi không bàn tới. Tôi chỉ muốn rằng đừng lâu lắc quá, vì tôi sắp rời khỏi miền này.

Nghe mấy lời đau buồn đó, Kumalo ngậy người ra, lo sợ. Mặc dầu trời tối, Jarvis cũng đoán được tâm trạng của ông, vội nói thêm:

- Nhưng tôi cũng sẽ thường trở về đây, vì Umfundisi cũng biết, tôi có một công việc dở dang ở Ndotsheni. Nay, chàng thanh niên đó ra sao?

- Làm việc suốt ngày đêm. Không lúc nào nghỉ ngơi cả.

Người da trắng khẽ cười:

- Tốt lắm.

Rồi ông ta rầu rầu nói thêm:

- Nhà tôi bây giờ chỉ còn một mình tôi. Vì vậy tôi ra Johannesburg ở với con dâu và các cháu.

Umfundisi biết thằng cháu nhỏ của tôi đấy chứ?

- Thừa Umfundisi, tôi biết cậu ấy.

- Nó có giống ba nó không?

- Thừa giống, Umnumzana.

Kumalo nói thêm:

- Thực tình tôi chưa thấy em nhỏ nào như cậu ấy.

Ngồi trên lưng ngựa, Jarvis quay mặt đi, và trong bóng tối, con người nghiêm nghị ít nói đó

như bùng lên chút nhiệt tình.

- Umfundisi, muốn nói gì vậy?

- Thưa Umnumzana, ở cậu ấy tôi thấy có cái gì rục rờ.

- Ừ, ừ, đúng đấy. Ba nó cũng vậy.

Rồi Jarvis nói thêm, như một người đang khát khao:

- Umfundisi, còn nhớ không?

Và biết ông ta đang khát khao, nên Kumalo mặc dầu chẳng nhớ rõ, cũng đáp:

- Thưa nhớ.

Họ làm thình một lát rồi Jarvis bảo:

- Tôi phải đi thôi Umfundisi.

Nói vậy mà ông ta vẫn không đi. Trái lại, ông ta còn hỏi thêm:

- Umfundisi, đi đâu vào giờ này?

Kumalo lúng túng, không biết nói sao, nhưng rồi cũng đáp:

- Tôi vô núi.

Thấy Jarvis làm thình, Kumalo tìm lời để giảng giải thêm, nhưng chưa kịp nói thì Jarvis bảo:

- Tôi hiểu, tôi hiểu lắm.

Giọng Jarvis đầy tình thương xót, làm cho ông lão khóc và Jarvis ngồi trên lưng ngựa, thấy ngượng ngượng. Ông ta có thể xuống ngựa an ủi ông lão, nhưng việc đó không nên khinh xuất. Ông ta dang tay trở thung lũng chìm trong bóng tối bảo:

- Có một việc đương sắp xong, nhưng ở đây một công việc khác mới đương bắt đầu. Tôi còn sống ngày nào nó sẽ còn tiếp tục ngày đó. Thôi Umfundisi đi mạnh giỏi

- Thưa Umnumzana.

- Cái gì nữa?

- Umnumzana đừng đi vội, cho tôi cảm ơn đã. Cảm ơn về thanh niên đó, và về sữa. Bây giờ cảm ơn thêm về giáo đường.

Jarvis nói, giọng nửa vui mà nửa buồn:

- Tôi biết một người, người đó ở trong bóng tối cho tới khi Umfundisi tìm ra được. Nếu đó là công việc Umfundisi làm thì tôi sẵn lòng tặng.

Có lẽ câu nói có ý nghĩa gì rất thâm thúy, hoặc giả vì ở trong bóng tối, nên Kumalo hoá bạo dạn và đáp:

- Thú thật, trong số tất cả những người da trắng mà tôi được biết...

Jarvis vội ngắt lời một cách xẵng:

- Tôi đâu phải là một vị thánh.

- Cái đó, tôi không thể biết được. Nhưng Thượng Đế đã đặt bàn tay của Ngài lên Umnumzana

(1)

Jarvis bảo:

- Có thể như vậy, có thể như vậy.

Rồi ông ta thành lĩnh quay lại, chào:

- Umfundisi đi mạnh giỏi. Suốt đêm nay ở lại mạnh giỏi.

Kumalo chào lại, trong khi Jarvis thúc ngựa đi:

- Umnumzana đi mạnh giỏi.

Thực ra còn nhiều điều khác sâu sắc mà ông lão muốn nói thêm, nhưng không để gì mà nói.

Đợi cho tiếng vó ngựa chìm hẳn trong cảnh tịch mịch rồi, ông mới bám vào các phiến đá lớn mà khó nhọc leo lên vì sức đã suy. Lên tới đỉnh, ông đã mệt đừ, hỗn hển, ngồi xuống một phiến đá để nghỉ, nhìn dãy núi Ingeli và Đông – Griqualand đen sẫm ở bên kia thung lũng lớn. Nghỉ khoẻ rồi, ông tiến thêm một quãng ngắn nữa, tìm thấy chỗ mà mấy lần trước ông đã tới.

Chỗ đó là một góc trong đám đá, khuất gió, có thể ngồi bỏ chân thõng xuống được. Ông nhớ nhất là lần đầu tiên lại đó, có lẽ là vì lần đó là lần đầu, mà cũng có lẽ là vì lần đó ông cầu nguyện cho đứa con trai của ông, mà không còn lời cầu nào có thể cứu nổi nữa. Thời đó nó không biết viết, bây giờ thì nó viết ba bức thư và cả ba bức đều bảo: “ Nếu con được về Ndotsheni, thì không bao giờ con rời nơi đó nữa ”. Trong một hai ngày nữa ông bà sẽ nhận được bức thư cuối cùng trong đời nó. Lòng ông xúc động, vô cùng thương xót đứa con sắp chết đó, đứa con đã hứa sẽ không bao giờ phạm tội nữa, nhưng nó đâu có được ân xá. Nếu ông gặp được nó sớm hơn thì có thể....Ông cau mày nhớ lại những câu hỏi tàn nhẫn và vô ích này: “ Tùy ý ba, như ba nói đó. Con không biết ”. Nó trả lời như vậy để làm gì kìa?

Ông gạt bỏ những hồi ức vô ích đó đi, và bắt đầu một đêm không ngủ. Ông xám hối, rán nhớ lại hết các tội lỗi từ lần cuối cùng ông vô núi này. Có những tội ông nhớ dễ dàng như tội nói dối trong chuyến xe lửa, tội nói dối với em ông, làm em ông giận dữ đuổi ông ra khỏi nhà, khép cửa, cài chốt lại; tội mất lòng tin ở Johannesburg; tội dấn vật làm khổ thiếu nữ sa đoạ mà gây thương như em bé nọ. Ông rán ôn lại kỹ tất cả các lần và cầu nguyện để được xá tội.

Rồi ông tạ ân Thượng Đế, nhớ một cách rõ rệt rằng ông có nhiều lý do để tạ ân Thượng Đế về nhiều việc. Ông xét từng việc một, tạ ân về từng việc một và cầu nguyện cho mỗi người mà ông nhớ lại. Trước hết là ông Msimangu rất thân mến đã rộng rãi cứu mạng ông. Rồi tới người da trắng trẻ tuổi ở trại Cải huấn, đã cau mày bảo ông: “ Tôi xin lỗi Umfundisi, đã thốt ra những lời giận dữ đó ”. Rồi tới bà Lithebe từ tâm vẫn thường nói: “ Ở đời thì phải giúp đỡ lẫn nhau ”. Rồi tới cha Vincent chìa hai bàn tay ra bảo: “ Umfundisi muốn gì thì cứ cho tôi hay, bất kỳ là việc gì, giúp được thì tôi sẽ giúp ”. Rồi tới ông luật sư vì Thượng Đế mà lo việc ấy, và đã viết thư nhả nhặn thân mến báo tin không được ân xá.

Rồi tới ngày về Ndotsheni, bà vợ và người thân tín đi đón, còn người đàn bà vất vả tắm rửa lên đầu đó nữa. Rồi bọn phụ nữ đợi ông ở giáo đường. Hôm đó về tới nhà vui quá, ông quên hết nỗi đau khổ của mình.

Ông trầm ngâm một hồi lâu, vì một người khác trở về một thung lũng khác, không phải thung lũng này, có được tiếp đón niềm nở như vậy không? Tại sao riêng ông lại được thấy nỗi đau khổ biến thành nỗi vui mừng như vậy? Tại sao riêng ông giác ngộ về Thượng Đế như vậy? Một người khác không được giác ngộ như vậy, có thể là sẽ phải sống trong cảnh đau khổ bất tuyệt. Tại sao lại có cái gì thúc đẩy, ông cầu nguyện cho Ndotsheni được phục sinh. Và tại sao lại có một người da trắng, ở trên đỉnh đồi kia làm những công tác đó cho cái thung lũng này, những công tác mà người khác không bao giờ làm. Và tại sao lại xui khiến cho người đó chính là người có con bị con trai ông giết? Một người khác không phải là ông có thể nào cũng bị thúc đẩy, cầu nguyện ngày đêm không ngừng, cho sự phục sinh của một thung lũng nào khác, không bao giờ được phục sinh không?

Nhưng óc ông không thể suy nghĩ hơn được nữa. Cái đó đầu óc con người không sao hiểu nổi. Ông gạt bỏ những ý nghĩ đó đi vì nó huyền bí quá.

Rồi lại còn ông da trắng Jarvis, bà vợ mới chết, cậu bé có cái gì rục rở kia. Óc ông cũng không sao hiểu nổi. Nhưng ông thấy những cái đó đủ cho ông tạ ơn Thượng Đế cho tới hết đời. Và ngay bây giờ ông rán tạ ơn vài điều.

Ông giật mình tỉnh dậy. Trời lạnh nhưng không lạnh lắm. Mấy lần trước ông không bao giờ ngủ, nhưng bây giờ ông già nua rồi, đời tuy chưa tàn hẳn, nhưng cũng gần tàn rồi. Ông nghĩ tới tất cả người đau khổ, tới cô Gertrude tâm hồn nhu nhược, điên khùng. Tới những người ở Shanty Town và Alexandra. Tới bà vợ lúc này. Người ông nghĩ tới nhiều hơn cả là Absalom, con trai ông. Lúc này nó thức hay ngủ, cái đêm cuối cùng trong đời nó này, nó thể chợp mắt được không? Ông gào lên: “ Con ơi! Con, con! ”.

Gào thế rồi ông tỉnh hẳn dậy, ngó đồng hồ, thấy một giờ khuya. Quá năm giờ một chút, thì mặt trời sẽ mọc và người ta bảo lúc đó là xong rồi. Nếu con ông còn đương ngủ thì cứ để cho nó ngủ, như vậy là hơn. Nhưng nếu nó đã tỉnh dậy, thì – Ôi! Chúa Ki Tô chí nhân chí từ - xin Chúa ở bên cạnh nó. Ông cầu nguyện như vậy rất thành tâm và rất lâu.

Còn bà vợ ông đã tỉnh chưa? Có nghĩ tới cái đó không? Không vì người con dâu thì bà đã cùng tới đây với ông rồi. Và đứa con dâu đó nữa, ông quên nó chứ? Chắc chắn là nó đương ngủ, không phải vì vô tình với chồng nó, mà vì chồng nó có ân nghĩa gì nhiều với nó đâu, không nhiều gì hơn những người chồng khác của nó.

Ông nghĩ tới Jarvis có tang vợ và tang con, nghĩ tới nàng dâu của ông ta goá bụa, và những đứa nhỏ mồ côi cha, nhất là cậu bé rục rở hay cười đó. Cậu ta đứng trước mặt ông và bảo ông: “ Khi

tôi đi rồi thì Ndotsheni mất một cái gì rục rờ”. Cậu nói: “ Phải, tôi hiểu, tôi hiểu”. Cậu không bẽn lễn, không xấu hổ, mà bảo: “ Phải, tôi hiểu”, rồi cậu cười vui vẻ.

Bây giờ ông nghĩ tới tất cả những người châu Phi, quê hương yêu dấu của ông. Nkosi Sikelel’ i Afrika. Xin Thượng Đế che chở cứu vớt châu Phi. Nhưng ông không được thấy sự cứu vớt đó. Nó còn xa vời quá, vì con người sợ nó. Nói cho đúng, họ sợ ông, sợ vợ ông, sợ Msimangu, sợ thầy cán sự trẻ tuổi.

Mà trong những nguyện vọng, những khao khát của những người này có gì xấu đâu? Đòi được đi đứng hiên ngang trên non sông của tổ tiên mình, nơi chôn nhau cắt rốn của mình, đòi được tự do hưởng huê lợi của đất đai thì có gì xấu? Vậy mà những kẻ kia sợ, sợ ghê gớm tận trong đáy lòng, sợ tới nỗi phải giấu lòng tốt của mình đi, hoặc có biểu lộ ra thì lại biểu lộ một cách tàn bạo, giận dữ, cau mày nhăn mặt. Họ sợ vì họ là thiểu số. Chỉ có tình thương mới diệt được nỗi sợ đó.

Chính Msimangu, con người không thù oán ai hết đó, đã bảo:

- Tôi chỉ có một nỗi sợ trong lòng tôi, sợ một ngày kia khi họ bắt đầu có tình thương yêu, thì thấy chúng mình đã hoá ra thù ghét họ rồi.

Ôi! những lời đó nghiêm trọng và bi thảm làm sao!

Khi ông thức dậy lần nữa thì ở phương Đông trời đã hơi thay đổi; ông hơi hoảng hốt nhìn đồng hồ. Nhưng ông yên tâm lại: mới có bốn giờ. Bây giờ thì cần phải tỉnh hẳn, vì có lẽ người ta đang đánh thức con ông bảo nó sửa soạn rồi đây. Ông đứng lên, nhưng chân lạnh và tê cóng, khó đứng vững được. Ông kiếm một chỗ khác để nhìn về phương Đông, vì nếu lời người ta nói mà đúng, thì khi mặt trời ló ở chân trời là mọi sự đã xong.

Ông nghe nói buổi sáng đó, muốn ăn cái gì người ta cũng cung cấp cho. Lúc đó mà còn có người đòi ăn, thì ông cho là điều kỳ dị. Một sự bí mật thầm kín nào đó không biết rằng sắp phải chết, còn thúc đẩy cơ thể làm cho nó thấy đói chẳng? Con nó có tỉnh tâm không? Có bình tĩnh bận quần áo không? Hiện lúc này có nghĩ tới Ndotsheni không?

Mắt nó rung rung không? Nó có chùi nước mắt không? Nó có bàng hoàng đứng thẳng lên mà ra vẻ con người không? Nó có bảo: “ Không, tôi không muốn ăn, tôi muốn cầu nguyện ” không?

Ông Msimangu có ở đó với nó không? Cha Vincent hoặc một mục sư nào có tới an ủi cho nó mạnh bạo lên không? Vì nó sợ treo cổ quá.

Mà nó có hối hận không hay chỉ còn sợ hãi thôi? Lúc này còn có thể làm gì được nữa không? Có một đấng thiên thần nào xuống bảo: “ Việc phán quyết là việc của Thượng Đế, không phải của

loài người. Lại đây với ta, đi với ta, con ”.

Cặp mắt nhạt nhoà của ông nhìn ánh sáng còn yếu ớt nhưng mỗi lúc một thêm tỏ ở phương Đông. Ông bình tĩnh lại, lấy gói bánh bột bắp và bình trà ra đặt trên phiến đá, đọc lời kinh Tạ Ân, bẻ bánh ăn và uống trà. Rồi ông thành tâm cầu nguyện, cứ cầu nguyện xong một điều lại ngược mặt lên nhìn về phương Đông. Phương Đông mỗi lúc một sáng lên và ông biết sắp tới lúc đó rồi. Khi ông đoán rằng việc đó đương xảy ra thì ông đứng dậy, dõn dẻ, đặt nó xuống đất, chấp tay ở trước ngực. Trong khi ông đứng như vậy, mặt trời ló dạng ở phương Đông.

Phải, trời đã bình minh. Con chim Titihoya bừng tỉnh, cất tiếng hót khắc khoải. Tia sáng bình minh lướt trên đỉnh núi Ingeli và đông – Griqualand. Thung lũng lớn Umzimkulu còn chìm trong bóng tối nhưng ánh sáng sẽ giọi xuống đó. Ndotsheni còn chìm trong bóng tối nhưng ánh sáng cũng sẽ giọi xuống đó. Vì bình minh đã hiện, như nó đã hiện hàng ngàn thế kỷ nay, không hề sai chạy. Nhưng còn cái bình minh kia, cái bình minh của thời giải thoát chúng ta khỏi sự sợ hãi của cảnh nô lệ, khỏi bị nô lệ sự sợ hãi, cái bình minh đó bao giờ mới hiện thì không ai biết được.

Chú thích:

1. Cũng như ta nói: Thượng Đế đã phù hộ Umnumzana.

Hết.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>